ABHIDHAMMAPIṬAKA - AṬṬHAKATHĀ
VÔ TỶ PHÁP TẠNG PĀLI - CHÚ GIẢI

PAṬṬHĀNA - PHÁT THÚ

BHĀGA III – PHẦN III

(Quyển Thứ 42-43/45)

TÔN KÍNH VINH DANH VƯƠNG UY – VƯƠNG THỌ
LỤC THẬP NIÊN LINH ĐỨC VƯƠNG HẬU SIRIKITTI - PHẬT LỊCH 2539
PHIÊN BẢN THUỘC MAHĀ CŪLALONGKORN - ĐẠI HỌC ĐƯỜNG
(12 THÁNG TÁM PHẬT LỊCH 2539 / DƯƠNG LỊCH 1996)



DỊCH GIẢ: ĐẠI TRƯỞNG LÃO TỊNH SỰ
(SANTAKICCO MAHĀ THERA)
BIÊN TẬP: BHIKKHU PASĀDO

P. L. 2566 D.L. 2022

ABHIDHAMMAPIṬAKA - AṬṬHAKATHĀ
VÔ TỶ PHÁP TẠNG PĀLI - CHÚ GIẢI

PAṬṬHĀNA - PHÁT THÚ

BHĀGA III – PHẦN III

(Quyển Thứ 42-43/45)

TÔN KÍNH VINH DANH VƯƠNG UY – VƯƠNG THỌ
LỤC THẬP NIÊN LINH ĐỨC VƯƠNG HẬU SIRIKITTI - PHẬT LỊCH 2539
PHIÊN BẢN THUỘC MAHĀ CŪLALONGKORN - ĐẠI HỌC ĐƯỜNG
(12 THÁNG TÁM PHẬT LỊCH 2539 / DƯƠNG LỊCH 1996)



DỊCH GIẢ: ĐẠI TRƯỞNG LÃO TỊNH SỰ
(SANTAKICCO MAHĀ THERA)
BIÊN TẬP: BHIKKHU PASĀDO

P. L. 2566 D.L. 2022

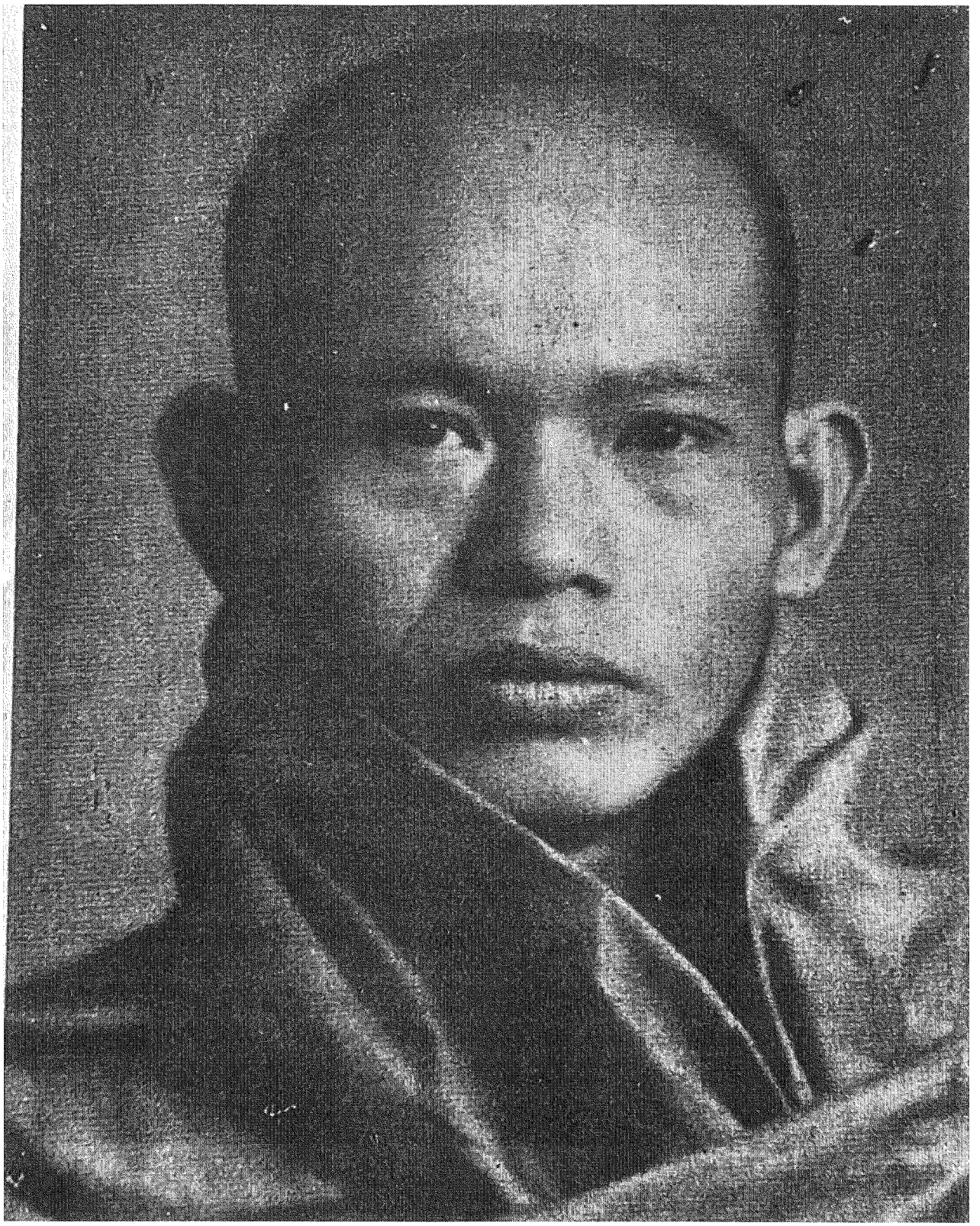
PAṬṬHĀNA – PHÁT THÚ
PHẦN III (Quyển Thứ 42-43/45)

Translated into Vietnamese in first edition
By Bhikkhu PASĀDO

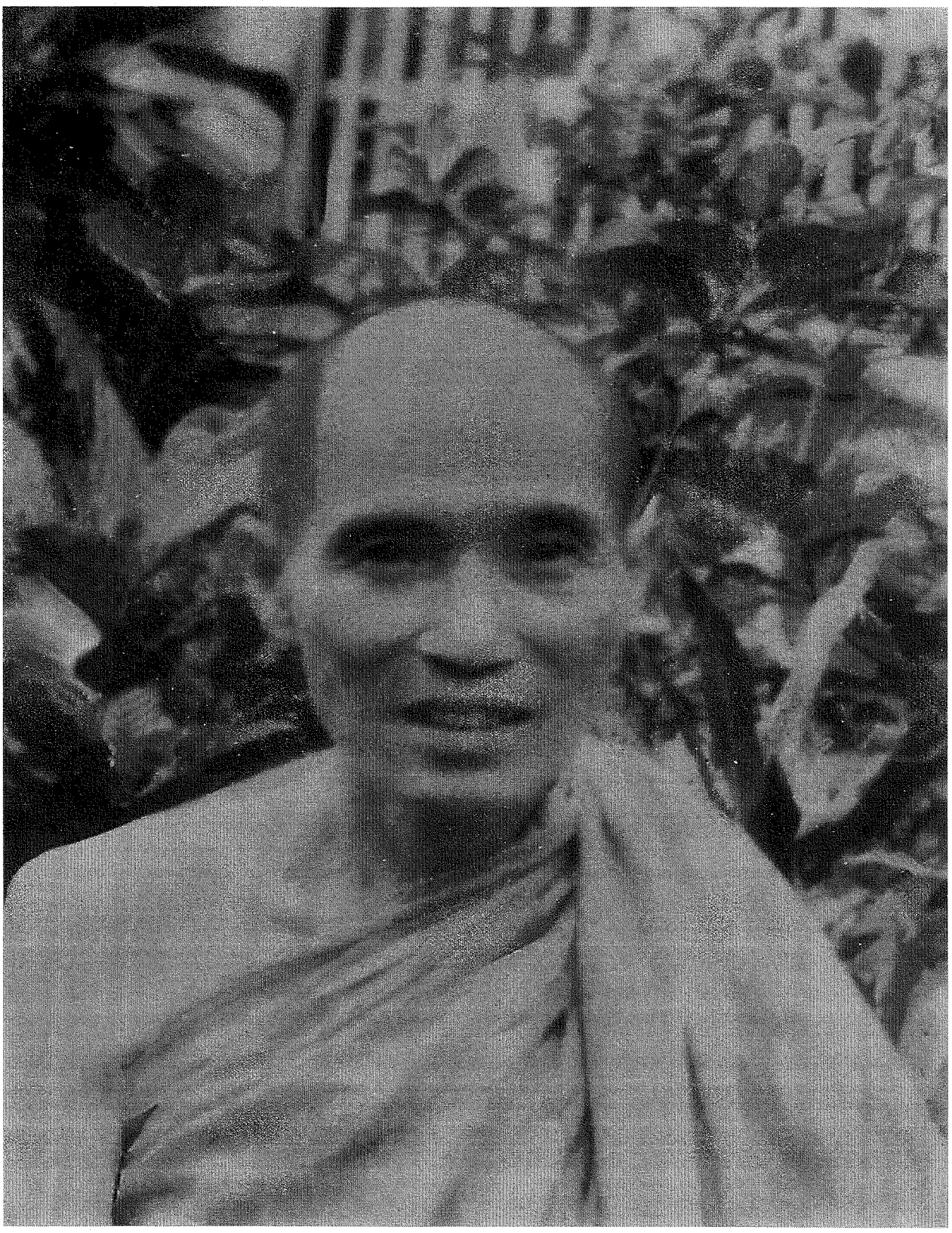
Copyright © 2022 by Bhikkhu PASĀDO
All right reserved.
ISBN 979-888680351-8
December 2022

Published by Library of CATUDDISA SAṄGHA VIHĀRA
5044 Old Shipps Store Road, Bealeton, VA 22712 – USA.

Gorham Printing
3718 Mahoney Drive
Centralia, WA 98531 – USA.



Venerable SADDHAMMA JOTIKA MAHĀ THERA
(1912 – 1966)



SANTAKICCO MAHĀ THERA
Đại Trưởng Lão Tịnh Sự
(1913 – 1984)

TỰ LUẬN

Tam Tạng kinh điển Phật Giáo với những lời giáo đạo Phật Pháp hết sức trọng yếu đối với Chư Tỳ Khưu, Sa Di và các hàng Phật Tử tại gia dụng công nghiên cứu học hỏi để cho được thấu hiểu về Pháp Luật **(DhammaVinaya)** và thực hành theo cho thành tựu viên mãn. Với duyên cớ như vậy, **Tam Tạng** mới được gọi là Pháp Học Giáo Truyền **(Pariyattisaddhamma)** là bởi tác thành Nhân Cận **(Padaṭṭhāna)** cho khởi sinh Pháp Hành Giáo Nghiệm **(Paṭipattisaddhamma)** tức là Giới **(Sīla),** Định **(Samādhi),** Tuệ **(Paññā)** và Pháp Thành Chánh Pháp **(Pativedhasaddhamma)** tức là Đạo **(Magga),** Quả **(Phala)** và Níp Bàn **(Nibbāna)** là tột cùng.

Hàng Tăng Chúng Thinh Văn **(Saṅghasāvaka)** khi đã được nhìn thấy tầm quan trọng của **Tam Tạng** kinh điển cần phải tiếp nối lưu truyền để cho thọ mạng Phật Giáo được lâu dài, chẳng hạn như Ngài Chí Thượng Thinh Văn bên phải **(Aggasāvaka) Sāriputta** được nhắc đến trùng tụng **Pháp Luật** như đã hiện bày ở trong bài Kinh Phúng Tụng **(Saṅgīti Sutta, # 33** – Trường Bộ Kinh**).** Khởi nguyên, khi mà Đức Phật vẫn chưa có Viên Tịch Níp Bàn **(Parinibbāna)** thì tất cả **Pháp Luật** đã được đề khởi ở trong đường lối của việc trùng tụng theo khẩu truyền trong thời gian lâu dài. Tiếp đến, sau khi Đức Phật Viên Tịch Níp Bàn **(Parinibbāna)** thì hàng Tăng Chúng Thinh Văn đã thực hiện việc trùng tụng lần đầu tiên với sự kiết tập những lời giáo huấn của Đức Chánh Đẳng Giác sắp thành **Tam Tạng** kinh điển, đó là Tạng Luật **(Vinayapiṭaka),** Tạng Kinh **(Suttantapiṭaka)** và Tạng Vô Tỷ Pháp **(Abhidhammapiṭaka).** Các hàng Tăng Chúng Thinh Văn tiếp nối theo sau đã bắt chước miệng truyền miệng gọi là Khẩu Truyền **(Mukhapāṭha)** trong việc trùng tụng **Pháp Luật** tức là **Tam Tạng,** và mãi cho đến việc trùng tụng ở lần thứ năm vào khoảng Phật Lịch 433 tại Đảo Quốc **Sri Lanka** trong triều đại của Đức Vua **Vaṭṭagāmaṇī Abhaya** qua việc khắc ghi làm thành văn bản.

Tam Tạng ấy bằng văn tự **Magadha (Magadhabhāsā)** hoàn hảo với nội dung và phụ âm mẫu tự. Và từ pháp của văn tự **Magadha** được làm theo đường lối cho thấu hiểu được nội dung tức là ý nghĩa nội dung của văn tự **Magadha** thật là tốt đẹp. Người học sẽ thông hiểu **Tam Tạng** ấy cần phải học cho thông hiểu được từ pháp của văn tự **Magadha (Magadhabhāsā).** Phương thức cầu học **Tam Tạng** với việc khẩn khít ở trong tâm thì trước tiên người học viên cần phải làm cho thấu hiểu chính xác ý nghĩa của văn tự **Magadha.** Và việc học sẽ thông hiểu **Tam Tạng** cho được uyên bác và tinh thông thì cần phải học thông hiểu được Bộ Chú Giải **(Atthakathā),** là bộ kinh sách giải thích nội dung của **Tam Tạng** ấy, và nắm lấy Bộ Chú Giải cho làm thành nhà chỉ đạo mẫu mực. Kế tiếp theo sau là đến việc kiểm tra sự hiểu biết của các Chư Tỳ Khưu, Sa Di học viên **Tam Tạng** nhằm để khen ngợi các Chư Tỳ Khưu, Sa Di có tri thức Phật Pháp uyên bác ở trong **Tam Tạng** ấy. Sự việc như vừa đề cập ở đây xem như là trách nhiệm đạo hành hết sức trọng yếu của Phật Giáo và của Vương Quốc. Bởi vì Quốc Vương là Bậc Tôn Giáo Tài Trợ Đệ Nhất, là một Phật Tử và đã phụng hiến sự tài trợ đến Chư Tỳ Khưu, Sa Di cho có sự nghiên cứu học hỏi kể cả việc khảo thí sự hiểu biết ở trong **Tam Tạng** ấy, nơi được gọi là **"Khảo Thí Giáo Pháp Phật**

Học Đường Pāḷī" luôn giữ vững truyền thống ở trong Quốc Giáo Thái Lan mãi cho đến ngày nay.

Trong việc nghiên cứu học hỏi tri thức Phật Pháp ở trong **Tam Tạng** như đã vừa đề cập tại đây thì kể từ thời cổ đại đã có việc dịch thuật **Tam Tạng** từ văn tự **Magadha** sang thành Thái Ngữ; đặc biệt khởi điểm từ thời Đức Đệ Tam Thế Vương của Vương Triều **Bangkok** Phật Lịch 2325 (Dương Lịch 1781), với lòng thương tưởng đã đề nghị cho việc dịch thuật **Tam Tạng** và đã cung thỉnh các Bậc Đại Trưởng Lão Cao Tăng vào Đại Vương Cung để được kính hiến Giáo Truyền Phật Pháp với việc biên soạn **Giáo Truyền Phật Pháp (Dhammadesanā)** này cho thành việc dịch thuật Tam Tạng **(Tipiṭaka),** Chú Giải **(Atthakathā)** và Phụ Chú Giải **(Ṭīkā)** với hình thức phiên dịch từ **Pāli** Ngữ ra Thái Ngữ theo ý nghĩa nội dung và có xen lẫn nguyên văn của từ ngữ **Pāli** tức là rút lấy từ ngữ **Pāli** lên cho đặt ở phần Tổng Kết **(Nikkheppada)** rồi lấy phần Chú Giải **(Atthakathā)** để giải thích làm cho nội dung chính bản được thêm phần hoàn hảo. Và do được thông qua việc kiểm duyệt của Ban Quản Trị mà có Đức Ngài Tăng Vương làm vị chủ quản đã làm cho việc kính hiến **Giáo Truyền Phật Pháp (Dhammadesanā)** được chuẩn xác.

Thế nhưng, đặc biệt là phần lớn rặt chỉ có mỗi việc dịch thuật Tạng Kinh **(Suttantapiṭaka)**, còn việc dịch thuật Tạng Luật **(Vinayapiṭaka)** và Tạng Vô Tỷ Pháp **(Abhidhammapiṭaka)** thì ít oi; luôn cả về mục đích và văn pháp ngôn từ trong việc dịch thuật cũng có sự sai biệt và lệch lạc với nhau rất nhiều, không có khả năng trông coi cho được tiếp nối hoàn mãn một cách mạch lạc suốt trọn cả ba Tạng.

Tiếp đến khi Phật Lịch 2483 (Dương Lịch 1939), Đức Ngài Tăng Vương xứng vị **Ariyavaṅsāgata Ñāṇa (Tissadeva Mahā Thera)** đã đề cập đến tầm vóc quan trọng của việc dịch thuật **Tam Tạng** trong Hội Chúng Các Bậc Đại Trưởng Lão Cao Tăng rằng nên tiến hành công việc dịch thuật **Tam Tạng** tròn đủ hết cả ba Tạng một cách hoàn mãn để làm thành Lễ Vật tôn kính vinh danh Vương Uy của Đức Quốc Vương và làm thành chỗ vinh danh chính phủ của chế độ dân chủ cho được hiện bày quãng đại đến khắp cả các quốc gia. Và đề nghị cho Ủy Ban Chủ Nhiệm, Ban Lãnh Đạo thay thế của Đức Ngài Tăng Vương cho có được sự bảo trợ từ nơi Chính Phủ, có Ngài Nguyên Soái **Vipūlasoṅgharām** là vị Thủ Tướng trong thời lúc này, nhằm để cho tiến hành công việc dịch thuật và sắp đặt việc xuất bản **Tam Tạng** qua việc thành lập Ủy Ban Phiên Dịch Tạng Luật **(Vinayapiṭaka),** Tạng Kinh **(Suttantapiṭaka)** và Tạng Vô Tỷ Pháp **(Abhidhammapiṭaka).** Công viêc dịch thuật được thực hiện tiếp nối với nhau trong sự bảo trợ của Đức Quốc Vương A Nam Đệ Bát Thế Vương.

Việc dịch thuật và sắp đặt việc xuất bản **Tam Tạng** trong lần thứ nhứt đã lấy Phiên Bản văn tự **Magadha** làm thành Phiên Bản đầu tiên của Xứ Xiêm La. Phân chia viêc dịch thuật ra làm hai thể loại ngôn ngữ; với một thể loại ngôn ngữ là theo ý nghĩa nội dung ở trong Phiên Bản **Pāli** làm thành quyển sách, gọi là **Tam Tạng Pāli - Thái Ngữ** có số lượng 2,500 bộ, mỗi bộ 80 quyển để cho bằng với tuổi thọ của Đức Chánh Đẳng Giác có tuổi thọ là bát thập niên linh **(80 Vassā).** Một thể loại ngôn ngữ khác đã dịch thuật Phiên Bản Ngôn Ngữ Giáo Pháp ra Thái Ngữ để trong bối diệp thư gọi là Tam Tạng Giáo Truyền Phiên Bản

Của Nhà Nước chia thành 1,250 Chương **(Kaṇḍa)** để cho bằng với số lượng của hàng **Tăng Chúng Thinh Văn (Saṅghasāvaka)** đến cưu hợp lắng nghe Đức Chánh Đẳng Giác **Giáo Giới Biệt Biệt Giải Thoát Giới (Ovāda Pātimokkha)** lần đầu tiên. Trong số lượng ấy, chia 182 Chương **(Kaṇḍa)** là Tạng Luật, 1,054 Chương là Tạng Kinh và 14 Chương là Tạng Vô Tỷ Pháp. Sắp xếp Phiên Bản là để tưởng niệm nhân dịp Phật Giáo đã được thọ mạng niên trường đến 25 thế kỷ Phật Lịch.

Trong Phật Lịch 2514 (Dương Lịch 1970) đã có Phiên Bản **Tam Tạng** Thái Ngữ. Phiên Bản này là ấn bản lần thứ hai cực kỳ quý giá hữu quan đến triều đại của Đức Quốc Vương **Adulyadej Bhumibol,** Đệ Cửu Thế Vương đã trị vì vừa tròn đủ 25 năm, được gọi là Tam Tạng Thái Ngữ Phiên Bản Của Nhà Nước với 2,000 bộ, mỗi bộ 45 quyển bằng với số lượng Phiên Bản **Tam Tạng** văn tự **Magadha** của Xứ Xiêm La.

Trong Phật Lịch 2521 (Dương Lịch 1977) lại có việc xuất bản **Tam Tạng** một lần nữa. Phiên Bản này là ấn bản lần thứ ba, số lượng 2,000 bộ thể theo sự kỳ vọng cần phải kiến tạo từ nơi tầng lớp Tăng Đoàn và dân chúng. Và trong Phật Lịch 2525 (Dương Lịch 1981) lại có việc xuất bản **Tam Tạng** thêm một lần nữa. Phiên Bản này là ấn bản lần thứ tư, số lượng 3,000 bộ hữu quan đến dịp Khánh Chúc Nhị Bách Chu Niên Kinh Đô **Bangkok** (được tròn 200 năm).

Trong Phật Lịch 2527 (Dương Lịch 1983), Đức Ngài Tăng Vương xứng vị **Ariya Vaṅsāgata Ñāṇa (Vāsana Mahā Thera)** đã đề khởi rằng Đức Quốc Vương **Adulyadej Bhumibol** Đệ Cửu Thế Vương, là một Đấng Quốc Vương, là một Phật Tử, là Bậc phong công vĩ tích đối với Phật Giáo vô lượng công đức, sẽ có tuổi thọ lục thập niên linh **(60 Vassā)** vào trong Phật Lịch 2530 (Dương Lịch 1986), mới đem trình báo sự việc này cho Hội Chúng Các Bậc Đại Trưởng Lão Cao Tăng được tường tri và xin sự bảo trợ từ nơi Chính Phủ, có Ngài Thủ Tướng Nội Các Uy Quyền Đệ Nhất **Prem Tiṇsūlānon**, Tổng Lý Quốc Vụ Viện để kính hiến việc trùng tụng, kiểm duyệt hiệu đính và sắp đặt việc xuất bản **Tam Tạng.**

Việc trùng tụng **Tam Tạng** trong ngày Vương Gia Điển Lễ Ngũ Giáp Chu Niên đã được thiết lập tại Chùa **Sarīratanasāsadāram** cho Đức Quốc Vương. Và đã tiến hành việc thành lập **Ủy Ban Hiệu Đính Tam Tạng Pālī (Pālīvisothaka)** và **Ủy Ban Chấp Hành Đặc Biệt Tam Tạng** để cho thực hiện việc kiểm duyệt hiệu đính Phiên Bản **Tam Tạng** văn tự **Magadha (Magadhabhāsā)** Xứ Xiêm La vẫn còn có sự thiếu sót sai lạc cho được viên mãn hoàn hảo. Việc kiểm duyệt hiệu đính Phiên Bản **Tam Tạng** này đươc thực hiện tại Phủ Tự Ngài Tăng Vương **Maha That (Chùa "Hoàng Thái Tử Mahādhātu Thiết Lập" – Wat Mahādhātuyuvarājaraṅsod)** xem như là việc làm ở đẳng cấp Quốc Gia và Phật Giáo. Và rồi đã có việc xuất bản **Tam Tạng** văn tự **Magadha,** với 1,000 bộ cho Phiên Bản "Tam Tạng Kiết Tập **Pālī** – Thái Ngữ" **(Saṅgīti Tepiṭaka)**, và 3,000 bộ cho Phiên Bản "Tam Tạng Dịch Thuật và Hiệu Đính" cho kịp với Vương Gia Điển Lễ Ngũ Giáp Chu Niên của Đức Quốc Vương **Adulyadej Bhumibol** (tròn 60 tuổi vào năm 1986).

Mahā Cūlalongkorn Đại Học Đường Trong Sự Bảo Trợ Của Đức Quốc Vương

Phật Học Viện **Mahā Cūlalongkorn** với Huân Chương cao quý của Đức Quốc Vương Chí Tôn Đệ Ngũ Thế Vương, đã được thành lập ở tại **Chùa Maha That (Chùa**

"Hoàng Thái Tử Mahādhātu Thiết Lập" – Wat Mahādhātuyuvarājaraṅsod) kể từ Phật Lịch 2432 (Dương Lịch 1888) đã được Đức Quốc Vương ban tặng tên gọi là **Maha That Đại Học Đường (Mahādhātu Vidhayalay)** đặng cho làm chỗ nghiên cứu học hỏi **Tam Tạng** và các môn Khoa Học Cao Cấp của Tăng Đoàn Hệ Phái **Mahā Nikāya (Đại Chúng Bộ).** Và bảy năm sau với lòng thương tưởng, Đức Quốc Vương khâm tứ cho việc đổi mới tên gọi là **Mahā Cūlalongkorn Đại Học Đường Hoàng Gia (Mahā Cūlalongkorn Rājavidhayalay)** khi đó Phật Lịch 2439 (Dương Lịch 1895) nhằm để tiếp tục làm cho tăng thêm sự tôn kính vinh danh Vương Uy của Đức Quốc Vương. Tiếp đến, **Đức Ngài Buthācāriya (Āsabha Mahā Thera)** vị Trụ Trì Chùa **Maha That** và Chủ Tịch Hội Nghị **Mahā Cūlalongkorn Đại Học Đường Hoàng Gia** đang khi ấy thọ trì chức danh **"Bậc Khiết Tịnh Pháp" (Vimaladhamma)** đã được đề cập đến và đáp ứng nguyện vọng của Đức Quốc Vương, Ngài đã thành lập và kiến tạo nội dung chính cho thành điều lợi ích lớn nhỏ sẽ cần có đối với Phật Giáo. Và để tưởng nhớ đến Phật Giáo đã được duy trì miên trường đến 2500 năm Phật Lịch, đã có việc kiểm duyệt hiệu đính, thẩm tra đối chiếu và sắp bày việc in ấn Phiên Bản **Tam Tạng** văn tự **Magadha** với **Phiên Bản Tam Tạng Mahā Cūlalongkorn** cho được hoàn hảo viên mãn, bằng cách nêu lên từng điều, từng đoạn văn của bài Kinh cho rõ ràng. Bài kinh và chủ đề của các Chi Pháp đã được nêu lên, vốn dĩ từ xưa không có trong **Tam Tạng** và cũng không có sự phối hợp trong việc phân tích văn phạm **Pāli** ở thể loại **"Bất Phân Tích Xiển Minh" (Avibhattika Niddesa).**

Mục đích trọng yếu là để cho làm thành kinh thư trong việc nghiên cứu học hỏi của các Sinh Viên **Mahā Cūlalongkorn Đại Học Đường.** Nội dung của câu chuyện này, Đức Quốc Vương tài trí vô song **Adulyadej Bhumibol** Đệ Cửu Thế Vương, Đức Vương Hậu **Sirikitti** cùng với Đức Vương Mẫu Hậu và Đức Ngài Đô Trưởng đã được rõ biết. Thế nhưng từng mỗi Vị lại có niềm Tín Thí **(Rājasaddhā)** và đã Phóng Khí **(Pariccāga)** Vương Sản theo riêng của mỗi vị nhằm để kiến tạo Phiên Bản **Tam Tạng** văn tự **Magadha, Phiên Bản Tam Tạng Mahā Cūlalongkorn,** với từng mỗi vị là 70,000 Bath; tổng kết lại thành 210,000 Bath, đó là tiền vốn khởi phát đầu tiên trong việc xuất bản Phiên Bản **Tam Tạng** này. Tiếp đến, đã có người tiến hóa hạng Lưỡng Túc **(Yugalapāda)** với Đức Tin, bằng cách đã làm cho Phiên Bản **Tam Tạng** Hoàng Gia này cho được tròn đủ 45 quyển. Và tiếp đến, Ông **Ratanasuvaṇṇa,** Giám Đốc Trung Tâm Phát Triển Tôn Giáo **Mahā Cūlalongkorn Đại Học Đường,** trong sự bảo trợ của Đức Quốc Vương và qua sự tán đồng của Hội Đồng Đại Học Đường, đã tập hợp các Bậc Hiền Trí hàng Tôn Giáo Phẩm kiểm duyệt hiệu đính và sắp đặt việc xuất bản Bộ Chú Giải **(Atthakathā)** và Bộ Phụ Chú Giải **(Ṭīkā)** văn tự **Magadha,** Phiên Bản **Mahā Cūlalongkorn Đại Học Đường,** một cách hoàn hảo viên mãn. Và **Mahā Cūlalongkorn Đại Học Đường** cũng trong sự bảo trợ của Đức Quốc Vương đã có Đại Lễ Khánh Chúc **Tam Tạng** cùng với cả Bộ Chú Giải **(Aṭṭhakathā)** trong Phật Lịch 2535 (Dương Lịch 1991)

Hiện nay, trong sự bảo trợ của Đức Quốc Vương, **Mahā Cūlalongkorn Đại Học Đường** đã đề khởi việc dịch thuật Phiên Bản **Tam Tạng Mahā Cūlalongkorn** văn tự **Magadha** cho thành Thái Ngữ; với mục đích của việc dịch thuật **Tam Tạng** Thái Ngữ là để

cho Chư Tỳ Khưu, Sa Di, và hàng Phật Tử tại gia đọc được một cách dễ dàng. Và cũng trong sự bảo trợ của Đức Quốc Vương, nhằm để cho khắp cả mọi người quan tâm đến việc liễu tri được nội dung **Tam Tạng** và cho làm thành Giáo Khoa Thư đối với các Sinh Viên thuộc **Mahā Cūlalongkorn Đại Học Đường** trong việc nghiên cứu học hỏi Phiên Bản **Tam Tạng Mahā Cūlalongkorn** văn tự **Magadha,** sẽ nắm bắt một cách chuẩn xác đường lối trong việc liễu tri **Tam Tạng** văn tự **Magadha** cho thật rõ ràng, mới thành lập ra Ban Điều Hành, Ban Dịch Thuật, Ban Kiểm Duyệt Văn Phong Ngôn Từ, Ban Cố Vấn, Ban Chủ Biên và Ban Biên Soạn phối hợp với các Bậc Đại Trưởng Lão Cao Tăng và các Bậc Hiền Trí hàng Tôn Giáo Phẩm, là các Bậc có nhiều Ân Đức và Trình Độ Học Vấn đến chủ trì việc dịch thuật. Tất cả đều được kính hiến trong sự bảo trợ của Đức Quốc Vương bởi do thượng tấu của **Đức Thiên Bảo Nữ Vương Tử (Devaratanakumārī). Xiêm La Nữ Vương Tử** Ngài là vị chủ trì việc bảo trợ.

Lại nữa, trong việc dịch thuật và sắp đặt việc in ấn **Tam Tạng** lần này, **Mahā Cūlalongkorn Đại Học Đường** trong sự bảo trợ của Đức Quốc Vương có mục đích một cách đặc biệt là để **tôn kính vinh danh Vương Uy của Đức Vương Hậu Sirikitti hữu quan đến thời điểm tiến hóa kiết tường Vương Thọ Lục Thập (60) niên linh trong Phật Lịch 2535** (Dương Lịch 1991). Và có Ngài Thủ Tướng Nội Các **Chuan Lekphai** là Tổng Lý Quốc Vụ Viện đã nhìn thấy tầm quan trọng trong sự kiện này mới kính hiến sự tài trợ bằng cách cung cấp ngân sách, đất đai đặng cho tiến hành việc dịch thuật và sắp đặt việc in ấn **Tam Tạng** cho được trọn vẹn, và được coi như là phong công vũ tích hết sức to lớn đối với Phật Giáo. Và **Tam Tạng** Thái Ngữ này, Phiên Bản **Mahā Cūlalongkorn Đại Học Đường** đã được hoàn thành viên mãn một cách tốt đẹp.

Xin cho mãnh lực từ ở nơi Ân Đức Tam Bảo, mãnh lực từ ở nơi Tư Tác Ý Thiện **(Kusalacetanā)** trong việc dịch thuật và sắp đặt việc in ấn **Tam Tạng** hãy là Cường Lực Duyên **(Balavapaccaya)** cầu xin cho các đấng thần linh thiêng liêng phù hộ cho Đức Quốc Vương **Adulyadej Bhumibol**, Đức Vương Hậu **Sirikitti,** Đức Vương Mẫu Hậu, Đức Nam Vương Tử, Đức Nữ Vương Tử, luôn cả các Vương Thân Quốc Thích cho được tiến hóa miên trường. Xin cho Chính Phủ ở trong triều đại của Đức Quốc Vương hãy cho đạt được sự thành tựu trong việc quản trị quốc sự. Xin cho tất cả chúng hữu tình, tất cả mọi loài chúng sinh có được sự an vui, xa lìa đau khổ, xả ly sầu muộn, xa lìa tất cả tai ương tật ách. Hãy cho có sự hân hoan duyệt ý trong mọi thời mọi lúc luôn mãi được miên trường.

CIRAṂ TIṬṬHATU LOKASMIṂ SAMMĀSAMBUDDHASĀSANAṂ

Xin cho Giáo Pháp của Đức Chánh Đẳng Giác

hãy luôn được duy trì ở trong thế gian suốt thời gian lâu dài.

MAHĀ CŪLALONGKORN ĐẠI HỌC ĐƯỜNG

TRONG SỰ BẢO TRỢ CỦA ĐỨC QUỐC VƯƠNG

MỤC LỤC

TỰ LUẬN----------1
I. QUẦN ĐOÀN NHÂN (HETUGOCCHAKA)----------9
1. Nhị Đề Nhân (Hetuduka) ----------9
2. Nhị Đề Hữu Nhân (Sahetukaduka)----------28
3. Nhị Đề Tương Ưng Nhân (Hetusampayuttaduka)----------57
4. Nhị Đề Nhân Hữu Nhân (Hetusahetukaduka)----------58
5. Nhị Đề Nhân Tương Ưng Nhân (Hetuhetusampayuttaduka)----------69
6. Nhị Đề Phi Nhân Hữu Nhân (Nahetusahetukaduka)----------70
II. NHỊ ĐỀ TIỂU LÝ DIỆN (CŪḶANTARADUKA)----------86
7. Nhị Đề Hữu Duyên (Sappacayaduka)----------86
8. Nhị Đề Hữu Vi (Saṅkhataduka)----------91
9. Nhị Đề Hữu Kiến Giải (Sanidassanaduka)----------91
10. Nhị Đề Hữu Đối Chiếu (Sappaṭighaduka)----------105
11. Nhị Đề Sắc Pháp (Rūpīduka)----------120
12. Nhị Đề Hiệp Thế (Lokiyaduka)----------134
13. Nhị Đề Hữu Ta Thanh Sở (Kenaciviññeyyaduka)----------148
III. QUẦN ĐOÀN LẬU HOẶC (ĀSAVAGOCCHAKA)----------151
14. Nhị Đề Lậu Hoặc (Āsavaduka)----------151
15. Nhị Đề Hữu Cảnh Lậu Hoặc (Sāsavaduka)----------167
16. Nhị Đề Tương Ưng Lậu Hoặc (Āsavasampayuttaduka)----------168
17. Nhị Đề Lậu Hoặc Hữu Cảnh Lậu Hoặc (Āsavasāsavaduka)----------191
18. Nhị Đề Lậu Hoặc Tương Ưng Lậu Hặc (Āsavaāsavasampayuttaduka)----------194
19. Nhị Đề Cảnh Lậu Hoặc Bất Tương Ưng Lậu Hoặc (Āsavavippayuttasāsa vaduka)----------199
IV. QUẦN ĐOÀN KIẾT SỬ (SAÑÑOJANAGOCCHAKA)----------199
20. Nhị Đề Kiết Sử (Saññojanaduka)----------199
21. Nhị Đề Cảnh Kiết Sử (Saññojaniyaduka)----------211
22. Nhị Đề Tương Ưng Kiết Sử (Saññojanasampayuttaduka)----------211
23. Nhị Đề Kiết Sử Cảnh Kiết Sử (Saññojanasaññojaniyaduka)----------230
24. Nhị Đề Kiết Sử Tương Ưng Kiết Sử (Saññojanasaññojanasampayuttaduka)-----231
25. Nhị Đề Bất Tương Ưng Kiết Sử Cảnh Kiết Sử (Saññojanavippayutta saññojaniyaduka)----------236
V. QUẦN ĐOÀN HỆ PHƯỢC (GANTHAGOCCHAKA)----------237
26. Nhị Đề Hệ Phược (Ganthaduka)----------237
27. Nhị Đề Cảnh Hệ Phược (Ganthaniyaduka)----------251
28. Nhị Đề Tương Ưng Hệ Phược (Ganthasampayuttaduka)----------252
29. Nhị Đề Hệ Phược Cảnh Hệ Phược (Ganthaganthaniyaduka)----------272
30. Nhị Đề Hệ Phược Tương Ưng Hệ Phược (Ganthaganthasampayuttaduka)-------274

31. Nhị Đề Bất Tương Ưng Cảnh Hệ Phược (Ganthavippayuttaganthaduka)--------278
VI - VII. QUẦN ĐOÀN BỘC LƯU – ÁCH PHƯỢC
(OGHA - YOGAGOCCHAKA)----------278
32 - 43. Nhị Đề Bộc Lưu (Oghaduka) v.v.----------278
VIII. QUẦN ĐOÀN TRIỀN CÁI (NĪVARAṆAGOCCHAKA)----------279
44. Nhị Đề Triền Cái (Nīvaraṇaduka)----------279
45. Nhị Đề Cảnh Triền Cái (Nīvaraṇiyaduka)----------294
46. Nhị Đề Tương Ưng Triền Cái (Nīvaraṇasampayuttaduka)----------294
47. Nhị Đề Triền Cái Cảnh Triền Cái (Nīvaraṇasampayuttaduka)----------306
48. Nhị Đề Triền Cái Tương Ưng Triền Cái (Nīvaraṇanīvaraṇasampayuttaduka)---308
49. Nhị Đề Bất Tương Ưng Triền Cái Cảnh Triền Cái (Nīvaraṇavippayuttanī varaṇiyaduka)----------314
IX. QUẦN ĐOÀN KHINH THỊ (PARĀMĀSAGOCCHAKA)----------314
50. Nhị Đề Khinh Thị (Parāmāsaduka)----------314
51. Nhị Đề Cảnh Khinh Thị (Parāmaṭṭhaduka)----------328
52. Nhị Đề Tương Ưng Khinh Thị (Parāmāsasampayuttaduaka)----------328
53. Nhị Đề Cảnh Khinh Thị (Parāmāsaparāmaṭṭhaduka)----------342
54. Nhị Đề Bất Tương Ưng Khinh Thị Cảnh Khinh Thị (Parāmāsavippayutta parāmaṭṭhaduka)----------344
X. NHỊ ĐỀ CỰC KỲ NGHIÊM TRỌNG (MAHANTARADUKA)----------344
55. Nhị Đề Hữu Tri Cảnh (Sārammaṇaduka)----------344
56. Nhị Đề Tâm (Cittaduka)----------359
57. Nhị Đề Tâm Sở (Cetasikaduka)----------377
58. Nhị Đề Tương Ưng Tâm (Cittasampayuttaduka)----------396
59. Nhị Đề Hỗn Tạp Tâm (Cittasaṅsaṭṭhaduka)----------409
60. Nhị Đề Tâm Xuất Sinh Xứ (Cittasamuṭṭhānaduka)----------410
61. Nhị Đề Đồng Sinh Tâm (Cittasahabhūduka)----------431
62. Nhị Đề Tùng Tâm Luân Chuyển (Cittānuparivattiduka)----------444
63. Nhị Đề Hỗn Tạp Tâm Xuất Sinh Xứ (Cittasaṅsaṭṭhasamuṭṭhānaduka)----------445
64. Nhị Đề Đồng Sinh Hỗn Tạp Tâm Xuất Sinh Xứ (Cittasaṅsaṭṭhasamuṭṭhāna sahabhūduka)----------460
65. Nhị Đề Tùng Hành Hỗn Tạp Tâm Luân Chuyển (Cittasaṅsaṭṭhānānupari vattiduka)----------460
66. Nhị Đề Nội Bộ (Ajjhattikaduka)----------460
67. Nhị Đề Y Sinh (Upādāduka)----------482
68. Nhị Đề Y Luyến Thủ (Upādinnaduka)----------503
XI. QUẦN ĐOÀN CHẤP THỦ (UPĀDĀNAGOCCHAKA)----------530
69. Nhị Đề Chấp Thủ (Upādānaduka)----------530
70. Nhị Đề Cảnh Chấp Thủ (Upādāniyaduka)----------545
71. Nhị Đề Tương Ưng Chấp Thủ (Upādānasampayuttaduka)----------545

72. Nhị Đề Chấp Thủ Cảnh Chấp Thủ (Upādānaupādāniyaduka)----------564
73. Nhị Đề Chấp Thủ Tương Ưng Chấp Thủ (Upādānaupāsampayuttaduka)-------566
74. Nhị Đề Bất Tương Ưng Chấp Thủ Cảnh Chấp Thủ (Upādānavippayuttaupādā niyaduka)----------570
XII. QUẦN ĐOÀN PHIỀN NÃO (KILESAGOCCHAKA)----------571
75. Nhị Đề Phiền Não (Kilesaduka)----------571
76. Nhị Đề Cảnh Phiền Não (Saṅkilesakaduka))----------586
77. Nhị Đề Sầu Muộn Âm Trầm (Saṅkiliṭṭhaduka)----------586
78. Nhị Đề Tương Ưng Phiền Não (Kilesasampayuttaduka)----------599
79. Nhị Đề Phiền Não Cảnh Phiền Não (Kilesasaṅkilesikaduka)----------599
80. Nhị Đề Phiền Não Sầu Muộn Âm Trầm (Kilesasaṅkiliṭṭhaduka)----------602
81. Nhị Đề Phiền Não Tương Ưng Phiền Não (Kilesakilesasampayuttaduka)---------607
82. Nhị Đề Bất Tương Ưng Phiền Não Cảnh Phiền Não (Kilesavippayuttasaṅkile sikaduka)----------607
XIII. NHỊ ĐỀ TINH PHẨN (PIṬṬHADUKA)----------608
83. Nhị Đề Kiến Giải Đoạn Trừ (Dassanenapahātabbaduka)----------608
84. Nhị Đề Tu Tập Đoạn Trừ (Bhāvanāyapahātabbaduka)----------621
85. Nhị Đề Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân (Dassanenapahātabbahetukaduka)-------627
86. Nhị Đề Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân (Bhāvanāyapahātabbahetukaduka)---------644
87. Nhị Đề Hữu Tầm (Savitakkaduka)----------649
88. Nhị Đề Hữu Tứ (Savicāraduka)----------665
89. Nhị Đề Hữu Hỷ (Sappītikaduka)----------665
90. Nhị Đề Đồng Hành Hỷ (Pītisahagataduka)----------677
91. Nhị Đề Đồng Hành Lạc (Sukhasahagataduka)----------677
92. Nhị Đề Đồng Hành Xả (Upekkhāsahagataduka) ----------682
93. Nhị Đề Dục Giới (Kāmāvacaraduka)----------690
94. Nhị Đề Sắc Giới (Rūpāvacaraduka)----------705
95. Nhị Đề Vô Sắc Giới (Arūpāvacaraduka)----------720
96. Nhị Đề Tương Quan Liên Luân Hồi (Pariyāpannaduka)----------733
97. Nhị Đề Phổ Độ Xuất Ly (Niyyānikaduka)----------733
98. Nhị Đề Khẳng Định (Niyataduka)----------745
99. Nhị Đề Hữu Pháp Cao Thượng (Sauttaraduka)----------752
100. Nhị Đề Y Thác Hoài Niệm (Saraṇaduka)----------752
Lời Phục Nguyện Của Biên Tập Viên----------763
Phương Danh Thí Chủ Cúng Dường----------767

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDDHASSA
CUNG KÍNH ĐỨC THẾ TÔN - ỨNG CÚNG – CHÁNH ĐẲNG GIÁC

I. QUẦN ĐOÀN NHÂN (HETUGOCCHAKA)
1. NHỊ ĐỀ NHÂN (HETUDUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[1] Pháp Thực Tính Nhân **(Hetudhamma)** nương vào Pháp Thực Tính Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Vô Sân, Vô Si nương vào Vô Tham sinh khởi, Vô Tham Vô Si nương vào Vô Sân sinh khởi, Vô Tham Vô Sân nương vào Vô Si sinh khởi, Si nương vào Tham sinh khởi, Tham nương vào Si sinh khởi, Si nương vào Tham sinh khởi, Sân nương vào Si sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân **(Nahetudhamma)** nương vào Pháp Thực Tính Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Pháp Thực Tính là Nhân sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân nương vào Pháp Thực Tính Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Vô Sân, Vô Si, Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Vô Tham sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Si, Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tham sinh khởi v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

[2] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải Nhân sinh khởi v.v. 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 2 Uẩn sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi, 1 Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính Nhân nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Nhân nương vào Uẩn chẳng phải Nhân sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. Nhân nương vào Ý Vật sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, Nhân và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải Nhân sinh khởi v.v. 2 Uẩn, Nhân và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 2 Uẩn sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. Trong sát na tái sinh, Nhân và Uẩn tương ưng nương vào Ý Vật sinh khởi (3)

[3] Pháp Thực Tính Nhân nương vào Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Vô Sân, Vô Si nương vào Vô Tham và Uẩn tương ưng sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Si nương vào Tham và Uẩn tương

ưng sinh khởi, Si nương vào Sân và Uẩn tương ưng sinh khởi v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Vô Sân, Vô Si nương vào Vô Tham và Ý Vật sinh khởi v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nương vào Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải Nhân và nương vào Nhân sinh khởi v.v. 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 2 Uẩn và Nhân sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. Trong sát na tái sinh, Uẩn tương ưng nương vào Ý Vật và Nhân sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân nương vào Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân sinh khởi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, Vô Sân, Vô Si và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải Nhân và nương vào Vô Tham sinh khởi v.v. 2 Uẩn, Vô Sân, Vô Si và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 2 Uẩn và Vô Tham sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). 3 Uẩn, Si và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải Nhân và nương vào Tham sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Vô Sân, Vô Si và Uẩn tương ưng nương vào Ý Vật và Vô Tham sinh khởi (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.

[4] Pháp Thực Tính Nhân nương vào Pháp Thực Tính Nhân sinh khởi vì Cảnh Duyên (trừ Sắc Địa Giới ra, chỉ Vô Sắc Địa Giới thôi, có 9 thời kỳ). Vì Trưởng Duyên (đã hoàn toàn không có tái sinh rồi)...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (đây là điều sai biệt nhau). Vì Vô Gián Duyên. Vì Đẳng Vô Gián Duyên. Vì Câu Sinh Duyên (nên bổ túc các Sắc Đại Hiển cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng). Vì Hỗ Tương Duyên. Vì Y Chỉ Duyên. Vì Cận Y Duyên. Vì Tiền Sinh Duyên. Vì Trùng Dụng Duyên (cả 2 thời kỳ không có tái sinh). Vì Nghiệp Lực Duyên. Vì Dị Thục Quả Duyên (giản lược). Vì Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[5] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ (nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[6] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân chẳng phải Nhân sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi, 1 Sắc Đại Hiển v.v. ở phần ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. (1)

Pháp Thực Tính Nhân nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (2)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.

[7] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nương vào Pháp Thực Tính Nhân sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Nhân sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn chẳng phải Nhân sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. các Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nương vào Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Nhân và chẳng phải Nhân sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. Vì Phi Trưởng Duyên (đã hoàn toàn rồi). Vì Phi Vô Gián Duyên. Vì Phi Đẳng Vô Gián Duyên. Vì Phi Hỗ Tương Duyên. Vì Phi Cận Y Duyên.

PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA)

[8] Pháp Thực Tính Nhân nương vào Pháp Thực Tính Nhân sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, Vô Sân Vô Si nương vào Vô Tham sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Si nương vào Tham sinh khởi, Tham nương vào Si sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nương vào Pháp Thực Tính Nhân sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, Uẩn tương ưng nương vào Nhân sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Nhân sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân nương vào Pháp Thực Tính Nhân sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, Vô Sân Vô Si và Uẩn tương ưng nương vào Vô Tham sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Si và Uẩn tương ưng nương vào Tham sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Trong sát na tái sinh v.v. (3)

[9] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn

chẳng phải Nhân sinh khởi v.v. 2 Uẩn nương vào 2 Uẩn sinh khởi. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn chẳng phải Nhân sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. 1 Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính Nhân nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, Nhân nương vào Uẩn chẳng phải Nhân sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, 3 Uẩn và Nhân nương vào 1 Uẩn chẳng phải Nhân sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

[10] Pháp Thực Tính Nhân nương vào Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, Vô Sân Vô Si nương vào Vô Tham và Uẩn tương ưng sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Trong Vô Sắc Địa Giới, Si nương vào Tham và Uẩn tương ưng sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nương vào Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn chẳng phải Nhân và nương vào Nhân sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn chẳng phải Nhân và nương vào Nhân sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn và Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân nương vào Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, 3 Uẩn, Vô Sân và Vô Si nương vào 1 Uẩn chẳng phải Nhân và nương vào Vô Tham sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). 3 Uẩn và Si nương vào 1 Uẩn chẳng phải Nhân và nương vào Tham sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Trong sát na tái sinh v.v. (3)

PHI HẬU SINH DUYÊN (NAPACCHAJĀTAPACCAYA) v.v.

[11] Pháp Thực Tính Nhân nương vào Pháp Thực Tính Nhân sinh khởi vì Phi Hậu Sinh Duyên. Vì Phi Trùng Dụng Duyên.

PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA) v.v.

[12] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nương vào Pháp Thực Tính Nhân sinh khởi vì Phi Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tương ưng nương vào Nhân sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân sinh khởi vì Phi Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tương ưng Uẩn chẳng phải Nhân sinh khởi...ở phần ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nương vào Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân sinh khởi vì Phi Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tương ưng nương vào Nhân và Uẩn tương ưng sinh khởi.

Pháp Thực Tính Nhân nương vào Pháp Thực Tính Nhân sinh khởi vì Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ (1)

PHI VẬT THỰC DUYÊN (NAĀHĀRAPACCAYA) v.v.

[13] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân sinh khởi vì Phi Vật Thực Duyên đó là...ở phần ngoại bộ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. 3 Sắc Đại Hiển nương vào 1 Sắc Đại Hiển sinh khởi v.v. Sắc Tái Sinh **(Kaṭattārūpa)** ở phần Sắc Y Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi...Vì Phi Quyền Lực Duyên đó là...ở phần ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Y Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Đối với Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Mạng Quyền nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi vì Phi Thiền Na Duyên đó là Ngũ Thức...ở phần ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Vì Phi Đồ Đạo Duyên đó là...nương vào 1 Uẩn Vô Nhân chẳng phải Nhân v.v. ở phần ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Vì Phi Tương Ưng Duyên. Vì Phi Bất Tương Ưng Duyên (Duyên này tương tự Phi Tiền Sinh Duyên chỉ có thời kỳ trong Vô Sắc Địa Giới thôi). Vì Phi Vô Hữu Duyên. Vì Phi Ly Khứ Duyên.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[14] Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 1 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ (nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[15] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[16] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ v.v. Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ.

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên

(Giai Đoạn Câu Sinh, Giai Đoạn Duyên Sinh và Giai Đoạn Y Chỉ chính thị có thời kỳ tương tự Giai Đoạn Liên Quan. Khi kết thúc Sắc Đại Hiển rồi, nên bổ túc lời nói rằng "thực hiện Ý Vật cho thành Duyên", nên bổ túc cho tương tự với **5 Xứ (Āyatana)** có được cả trong Phần **Thuận Tùng Duyên (Anuloma)** và **Đối Nghịch Duyên (Paccanīya)**. Giai Đoạn Hỗn Tạp và Giai Đoạn Tương Ưng hoàn toàn rồi, không có Sắc Địa Giới, chỉ có duy nhứt Vô Sắc Địa Giới).

1. NHỊ ĐỀ NHÂN (HETUDUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[17] Pháp Thực Tính Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân theo phương thức Nhân Duyên đó là Vô Tham là duyên đối với Vô Sân, Vô Si theo phương thức Nhân Duyên (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Tham làm duyên đối với Si theo phương thức Nhân Duyên, Sân làm duyên đối với Si theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân theo phương thức Nhân Duyên đó là Vô Tham làm duyên đối với Vô Sân, Vô Si, Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Tham làm duyên đối với Si v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[18] Pháp Thực Tính Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Nhân khai đầu, Nhân mới sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Nhân khai đầu, Uẩn chẳng phải Nhân mới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Nhân khai đầu, Nhân và Uẩn tương ưng mới sinh khởi (3)

[19] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy, tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi, xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo, Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não chẳng phải Nhân đã được đoạn tận rồi, tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi, tri đắc phiền não đã từng sinh khởi. Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải Nhân thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm chẳng phải Nhân, Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Cảnh Duyên, Uẩn chẳng phải Nhân làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí...(đặc biệt chỉ có nội dung ở đoạn đầu thôi,

không có Tâm Khai Môn, không có nội dung này "Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức) (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy, vì Thiện ấy khai đầu, Nhân và Uẩn tương ưng mới sinh khởi (nên sắp nội dung này vào với Câu có ở trong các Giai Đoạn tương tự nội dung đoạn thứ 2) (3)

[20] Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Nhân và Uẩn tương ưng khai đầu, Nhân mới sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Nhân và Uẩn tương ưng khai đầu, Uẩn chẳng phải Nhân mới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Nhân và Uẩn tương ưng khai đầu, Nhân và Uẩn tương ưng sinh khởi (3)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[21] Pháp Thực Tính Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng

Cảnh Trưởng đó là vì thực hiện Nhân cho thành Cảnh một cách kiên định, Nhân mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng Nhân làm duyên đối với Nhân tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là vì thực hiện Nhân cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn chẳng phải Nhân mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (2)

Pháp Thực Tính Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là vì thực hiện Nhân cho thành Cảnh một cách kiên định, Nhân và Uẩn tương ưng mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Nhân và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (3)

[22] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí...(nên giảng giải chó quảng nghĩa cho đến Uẩn chẳng phải Nhân).

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí...(giản lược, nên bổ túc nội dung cho đến Ý Vật và Uẩn chẳng phải Nhân).

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Nhân tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn chẳng phải Nhân và Nhân mới sinh khởi. Người tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi (nên bổ túc nội dung cho đến Ý Vật và Uẩn chẳng phải Nhân).

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Nhân và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (3)

[23] Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là vì thực hiện Nhân và Uẩn tương ưng cho thành Cảnh một cách kiên định, Nhân mới sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là vì thực hiện Nhân và Uẩn tương ưng cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn chẳng phải Nhân mới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là vì thực hiện Nhân và Uẩn tương ưng cho thành Cảnh một cách kiên định, Nhân và Uẩn tương ưng mới sinh khởi (3)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[24] Pháp Thực Tính Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Nhân sinh trước trước làm duyên đối với Nhân sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Nhân sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Nhân sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

Pháp Thực Tính Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Nhân sinh trước trước làm duyên đối với Nhân và Uẩn tương ưng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

[25] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn chẳng phải Nhân sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Nhân sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc (giản lược) Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên v.v. (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên (Câu có Phi Nhân Duyên làm Căn Nguyên tương tự với nhau cả 3 thời kỳ) (3)

[26] Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Nhân và Uẩn tương ưng sinh trước trước làm duyên đối với Nhân sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Nhân và Uẩn tương ưng sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Nhân sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Nhân và Uẩn tương ưng sinh trước trước làm duyên đối với Nhân và Uẩn tương ưng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA) v.v.

[27] Pháp Thực Tính Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên (Duyên này tương tự Vô Gián Duyên). Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên (cả 2 Duyên này tương tự Giai Đoạn Liên Quan, Y Chỉ Duyên tương tự Y Chỉ Duyên trong Giai Đoạn Duyên Sinh).

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[28] Pháp Thực Tính Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Nhân làm duyên đối với Nhân theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Nhân làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Nhân theo phương thức Cận Y Duyên (2)

Pháp Thực Tính Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Nhân làm duyên đối với Nhân và Uẩn tương ưng theo phương thức Cận Y Duyên (3)

[29] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại đó là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi mới xả thí v.v. Nhập Thiền Định cho sinh khởi v.v. có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Trú Xứ rồi mới xả thí v.v. pháp hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín v.v. Trú Xứ rồi mới xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín v.v. sự dục vọng, Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y...(Duyên này tương tự Cận Y Duyên điều thứ 2) (3)

[30] Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y tức là Nhân và Uẩn tương ưng làm duyên đối với Nhân theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Nhân và Uẩn tương ưng làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Nhân theo phương thức Cận Y Duyên (2)

Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Nhân và Uẩn tương ưng làm duyên đối với Nhân và Uẩn tương ưng theo phương thức Cận Y Duyên (3)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[31] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Nhân theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Nhân theo phương thức Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Nhân và Uẩn tương ưng theo phương thức Tiền Sinh Duyên (3)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA) v.v.

[32] Pháp Thực Tính Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân theo phương thức Hậu Sinh Duyên đó là Nhân sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân theo phương thức Hậu Sinh Duyên đó là Uẩn chẳng phải Nhân sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân theo phương thức Hậu Sinh Duyên đó là Nhân và Uẩn tương ưng sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân theo phương thức Trùng Dụng Duyên (Duyên này tương tự Vô Gián Duyên).

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[33] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở chẳng phải Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở chẳng phải Nhân làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở chẳng phải Nhân làm duyên đối với Nhân tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở chẳng phải Nhân làm duyên đối với Nhân Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở chẳng phải Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Nhân và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở chẳng phải Nhân làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả, Nhân và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

[34] Pháp Thực Tính Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân theo phương thức Dị Thục Quả Duyên đó là Vô Tham Dị Thục Quả làm duyên đối với Vô Sân, Vô Si theo phương thức Dị Thục Quả Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan, trong Phần Phân Tích Dị Thục Quả **(Vipākavibhaṅga)** có 9 thời kỳ).

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA)

[35] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân theo phương thức Vật Thực Duyên đó là Vật Thực chẳng phải Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Vật Thực Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân theo phương thức Vật Thực Duyên đó là Vật Thực chẳng phải Nhân làm duyên đối với Nhân tương ưng theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân theo phương thức Vật Thực Duyên đó là Vật Thực chẳng phải Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Nhân và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

QUYỀN LỰC DUYÊN (INDRIYAPACCAYA)

[36] Pháp Thực Tính Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân theo phương thức Quyền Lực Duyên v.v. (Câu hữu Nhân làm Căn Nguyên có 3 thời kỳ).

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân theo phương thức Quyền Lực Duyên đó là Quyền Lực chẳng phải Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. Nhãn Quyền làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Quyền làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Quyền Lực Duyên (nên giảng giải Quyền Lực Duyên cho một cách quảng nghĩa có 9 thời kỳ).

THIỀN NA DUYÊN (JHĀNAPACCAYA) v.v.

[37] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân theo phương thức Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên (cả 2 loại Duyên này có 9 thời kỳ).

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[38] Pháp Thực Tính Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Nhân làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na tái sinh, Nhân làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Nhân lầm duyên đối với Ý Vật theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh đó là Nhân làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Nhân làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na tái sinh, Uẩn chẳng phải Nhân làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, Uẩn làm duyên đối với Ý Vật v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức, Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Nhân theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Nhân làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là trong sát na tái sinh, Ý Vật làm duyên đối với Nhân theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Nhân theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là trong sát na tái sinh, Ý Vật làm duyên đối với Nhân và Uẩn tương ưng theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Nhân và Uẩn tương ưng theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (3)

Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Nhân và Uẩn tương ưng làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na tái sinh, Nhân và Uẩn tương ưng làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh đó là Nhân và Uẩn tương ưng làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[39] Pháp Thực Tính Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên đó là Vô Tham làm duyên đối với Vô Sân, Vô Si theo phương thức Hiện Hữu Duyên (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Tham làm duyên đối với Si theo phương thức Hiện Hữu Duyên (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Hậu Sinh đó là Nhân làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên đó là Vô Tham làm duyên đối với Vô Sân, Vô Si, Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Tham làm duyên đối với Si, Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Trong sát na tái sinh v.v. (3)

[40] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn chẳng phải Nhân làm duyên đối với 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 1 Uẩn chẳng phải Nhân làm duyên đối với 3 Uẩn và Sắc Tái Sinh v.v. Uẩn làm duyên đối với Ý Vật theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên. 1 Sắc Đại Hiển v.v. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật v.v. khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức, Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức, Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Nhân làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Nhân làm duyên đối với Nhân tương ưng theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật làm duyên đối với Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Ý Vật làm duyên đối với Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn chẳng phải Nhân làm duyên đối với 3 Uẩn, Nhân và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật làm duyên đối với Nhân và Uẩn tương ưng theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Ý Vật làm duyên đối với Nhân và Uẩn tương ưng theo phương thức Hiện Hữu Duyên (3)

[41] Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là Vô Tham và Uẩn tương ưng làm duyên đối với Vô Sân, Vô Si theo phương thức Hiện Hữu Duyên (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Tham và Uẩn tương ưng làm duyên đối với Si theo phương thức Hiện Hữu Duyên (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Trong sát na tái sinh v.v. Vô Tham và Ý Vật làm duyên đối với Vô Sân, Vô Si theo phương thức Hiện Hữu Duyên (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). (1)

Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 4 thể loại là Câu Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn chẳng phải Nhân và Nhân làm duyên đối với 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Trong sát na tái sinh, Nhân và Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Câu Sinh đó là Nhân và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Nhân và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Nhân và Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn chẳng phải Nhân và Vô Tham làm duyên đối với 3 Uẩn, Vô Sân, Vô Si và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). 1 Uẩn chẳng phải Nhân và Tham làm duyên đối với 3 Uẩn, Si và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Trong sát na tái sinh, 1 Uẩn chẳng phải Nhân và Vô Tham…(nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Trong sát na tái sinh v.v. Vô Tham và Ý Vật làm duyên đối với Vô Sân, Vô Si và Uẩn tương ưng theo phương thức Hiện

Hữu Duyên. Tham và Ý Vật làm duyên đối với Si và Uẩn tương ưng theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên. Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[42] Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 9 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ. (Học giả nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[43] Pháp Thực Tính Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên và Hậu Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (3)

[44] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên (3)

[45] Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và chẳng phải Nhân theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (3)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[46] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 9 thời kỳ v.v. Phi Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ (nên đếm như thế này)

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[47] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ (nên đếm như thế này)

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[48] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Tương Ưng Duyên

với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ (nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Nhị Đề Nhân

2. NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN (SAHETUKADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[49] Pháp Thực Tính hữu Nhân **(Sahetukadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn hữu nhân sinh khởi v.v. 2 Uẩn nương vào 2 Uẩn sinh khởi v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân **(Ahetukadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn hữu Nhân sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn hữu Nhân sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

[50] Pháp Thực Tính bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính bất hữu Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi, 3 Sắc Đại Hiển nương vào 1 Sắc Đại Hiển sinh khởi v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính bất hữu Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng nương vào Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Uẩn hữu Nhân nương vào Ý Vật sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính bất hữu Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Uẩn hữu Nhân nương vào Ý Vật sinh khởi, Sắc Tái Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (3)

[51] Pháp Thực Tính hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn hữu Nhân và nương vào Ý Vật sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn hữu Nhân và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn hữu Nhân và nương vào Ý Vật sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tái Sinh nương vào Uẩn hữu Nhân và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[52] Pháp Thực Tính hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn hữu Nhân sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn và Si nương vào 1 Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

[53] Pháp Thực Tính bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính bất hữu Nhân sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn bất hữu Nhân sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, Uẩn bất hữu Nhân nương vào Ý Vật sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính bất hữu Nhân sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Uẩn tương ưng nương vào Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Uẩn hữu Nhân nương vào Ý Vật sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn hữu Nhân và nương vào Ý Vật sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[54] Pháp Thực Tính hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân sinh khởi vì Trưởng Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn hữu Nhân sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân sinh khởi vì Trưởng Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn hữu Nhân sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân sinh khởi vì Trưởng Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn hữu Nhân sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

[55] Pháp Thực Tính bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính bất hữu Nhân sinh khởi vì Trưởng Duyên đó là 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân sinh khởi vì Trưởng Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn hữu Nhân và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (2)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.

[56] Pháp Thực Tính hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân sinh khởi vì Vô Gián Duyên. Vì Đẳng Vô Gián Duyên. Vì Câu Sinh Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn hữu Nhân sinh khởi v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân sinh khởi vì Câu Sinh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn hữu Nhân sinh khởi, Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân sinh khởi vì Câu Sinh Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn hữu Nhân sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. 3 Uẩn, Si và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

[57] Pháp Thực Tính bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính bất hữu Nhân sinh khởi vì Câu Sinh Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn bất hữu Nhân sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi, 1 Sắc Đại hiển v.v. ở phần ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính bất hữu Nhân sinh khởi vì Câu Sinh Duyên (cả 5 thời kỳ này tương tự Nhân Duyên, không có điều sai biệt nhau) (2)

HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA)

[58] Pháp Thực Tính hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân sinh khởi vì Hỗ Tương Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn hữu Nhân sinh khởi v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân sinh khởi vì Hỗ Tương Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Ý Vật nương vào Uẩn hữu Nhân sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân sinh khởi vì Hỗ Tương Duyên đó là 3 Uẩn và Si nương vào 1 Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 3 Uẩn và Ý Vật nương vào 1 Uẩn hữu Nhân sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

[59] Pháp Thực Tính bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính bất hữu Nhân sinh khởi vì Hỗ Tương Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn bất hữu Nhân sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 3 Uẩn và Ý Vật nương vào 1 Uẩn bất hữu Nhân sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (giản lược, nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính bất hữu Nhân sinh khởi vì Hỗ Tương Duyên đó là Uẩn tương ưng nương vào Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Uẩn hữu Nhân nương vào Ý Vật sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân sinh khởi vì Hỗ Tương Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn hữu Nhân và nương vào Ý Vật sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Y CHỈ DUYÊN (NISSAYAPACCAYA) v.v.

[60] Pháp Thực Tính hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân sinh khởi vì Y Chỉ Duyên. Vì Cận Y Duyên. Vì Tiền Sinh Duyên. Vì Trùng Dụng Duyên. Vì Nghiệp Lực Duyên. Vì Dị Thục Quả Duyên. Vì Vật Thực Duyên. Vì Quyền Lực Duyên. Vì Thiền Na Duyên. Vì Đồ Đạo Duyên. (Thiền Na Duyên và Đồ Đạo Duyên tương tự Câu Sinh Duyên, không có Sắc Đại Hiển ngoại bộ). Vì Tương Ưng Duyên. Vì Bất Tương Ưng Duyên. Vì Hiện Hữu Duyên. Vì Vô Hữu Duyên. Vì Ly Khứ Duyên. Vì Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[61] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 6 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 6 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 6 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 6 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 6 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 9 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 9 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 9 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Tương Ưng Duyên

có 6 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 6 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 6 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ (nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[62] Pháp Thực Tính bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính bất hữu Nhân sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn bất hữu Nhân sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (2) (nên bổ túc mỗi Câu cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng).

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.

[63] Pháp Thực Tính bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn hữu Nhân sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính bất hữu Nhân sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn bất hữu Nhân sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, 1 Sắc Đại Hiển v.v. Đối với Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn hữu Nhân và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên (Duyên này tương tự Câu Sinh Duyên trong Thuận Tùng Duyên). Vì Phi Vô Gián Duyên. Vì Phi Đẳng Vô Gián Duyên. Vì Phi Hỗ Tương Duyên. Vì Phi Cận Y Duyên. Vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới...nương vào 1 Uẩn hữu Nhân v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

[64] Pháp Thực Tính bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, Si đồng hành hoài nghi và đồng hành

trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn hữu Nhân sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, 3 Uẩn và Si nương vào 1 Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính bất hữu Nhân sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới...nương vào 1 Uẩn bất hữu Nhân v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn bất hữu Nhân sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (nên giảng giải cho quảng nghĩa cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính bất hữu Nhân sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, Uẩn tương ưng nương vào Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Uẩn hữu Nhân nương vào Ý Vật sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính bất hữu Nhân sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong sát na tái sinh, Uẩn hữu Nhân nương vào Ý Vật sinh khởi, Sắc Tái Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (3)

[65] Pháp Thực Tính hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn hữu Nhân và nương vào Ý Vật sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn hữu Nhân và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong sát na tái sinh, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn hữu Nhân và nương vào Ý Vật sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tái Sinh nương vào Uẩn hữu Nhân và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (3)

PHI HẬU SINH DUYÊN (NAPACCHĀJĀTAPACCAYA) v.v.

[66] Pháp Thực Tính hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân sinh khởi vì Phi Hậu Sinh Duyên. Vì Phi Trùng Dụng Duyên. Vì Phi Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở hữu Nhân nương vào Uẩn hữu Nhân sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính bất hữu Nhân sinh khởi vì Phi Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở bất hữu Nhân nương vào Uẩn bất hữu Nhân sinh

khởi...ở phần ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính bất hữu Nhân sinh khởi vì Phi Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tương ưng nương vào Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân sinh khởi vì Phi Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tương ưng nương vào Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi vì Phi Dị Thục Quả Duyên (không có tái sinh).

PHI VẬT THỰC DUYÊN (NAĀHĀRAPACCAYA) v.v.

[67] Pháp Thực Tính bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính bất hữu Nhân sinh khởi vì Phi Vật Thực Duyên. Vì Phi Quyền Lực Duyên v.v. Vì Phi Thiền Na Duyên v.v. Vì Phi Đồ Đạo Duyên v.v. Vì Phi Tương Ưng Duyên v.v.

PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NAVIPPAYUTTAPACCAYA) v.v.

[68] Pháp Thực Tính hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân sinh khởi vì Phi Bất Tương Ưng Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới...nương vào 1 Uẩn hữu Nhân v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân sinh khởi vì Phi Bất Tương Ưng Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân sinh khởi vì Phi Bất Tương Ưng Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, 3 Uẩn và Si nương vào 1 Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính bất hữu Nhân sinh khởi vì Phi Bất Tương Ưng Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn bất hữu Nhân sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính bất hữu Nhân sinh khởi vì Phi Bất Tương Ưng Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, Uẩn tương ưng nương vào Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân sinh khởi vì Phi Bất Tương Ưng Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Vì Phi Vô Hữu Duyên v.v. Vì Phi Ly Khứ Duyên v.v. (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[69] Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ (nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[70] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ (nên đếm như thế này)

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[71] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 2 thời kỳ). Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ (nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
(Giai Đoạn Câu Sinh tương tự Giai Đoạn Liên Quan)

2. NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN (SAHETUKADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[72] Pháp Thực Tính hữu Nhân tác hành Pháp Thực Tính hữu Nhân cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên (Câu có Pháp Thực Tính hữu Nhân làm Căn Nguyên tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân tác hành Pháp Thực Tính bất hữu Nhân v.v. (chính thị tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân tác hành Pháp Thực Tính bất hữu Nhân cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn hữu Nhân tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. Uẩn tương ưng tác hành Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Uẩn hữu Nhân tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân tác hành Pháp Thực Tính bất hữu Nhân cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn hữu Nhân tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi v.v. Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi v.v. Trong sát na tái sinh…tác hành Ý Vật v.v. (3)

[73] Pháp Thực Tính hữu Nhân tác hành Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn hữu Nhân và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân tác hành Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn hữu Nhân và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân tác hành Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn hữu Nhân và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn hữu Nhân và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 3 Uẩn tác hành 1

Uẩn hữu Nhân và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Sắc Tái Sinh tác hành Uẩn hữu Nhân và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[74] Pháp Thực Tính hữu Nhân tác hành Pháp Thực Tính hữu Nhân cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn hữu Nhân cho thành duyên sinh khởi v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân tác hành Pháp Thực Tính hữu Nhân cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân tác hành Pháp Thực Tính hữu Nhân cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn và Si tác hành 1 Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (3)

[75] Pháp Thực Tính bất hữu Nhân tác hành Pháp Thực Tính bất hữu Nhân cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là...tác hành 1 Uẩn bất hữu Nhân v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, Uẩn tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Uẩn bất hữu Nhân tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân tác hành Pháp Thực Tính bất hữu Nhân cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Uẩn hữu Nhân tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. Uẩn tương ưng tác hành Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân tác hành Pháp Thực Tính bất hữu Nhân cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (3)

[76] Pháp Thực Tính hữu Nhân tác hành Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn hữu Nhân và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân tác hành Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân tác hành Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn và Si tác hành 1 Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. 2 Uẩn và Si tác hành 2 Uẩn cho thành duyên sinh khởi (3)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[77] Pháp Thực Tính hữu Nhân tác hành Pháp Thực Tính hữu Nhân cho thành duyên sinh khởi vì Trưởng Duyên (Trưởng Duyên có 9 thời kỳ, chỉ có Thời Kỳ Chuyển Khởi **(Pavattikāla)** thôi).

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.

[78] Pháp Thực Tính hữu Nhân tác hành Pháp Thực Tính hữu Nhân cho thành duyên sinh khởi vì Vô Gián Duyên. Vì Đẳng Vô Gián Duyên. Vì Câu Sinh Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân tác hành Pháp Thực Tính bất hữu Nhân cho thành duyên sinh khởi vì Câu Sinh Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn bất hữu Nhân cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng). Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi, Uẩn bất hữu Nhân tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân tác hành Pháp Thực Tính bất hữu Nhân cho thành duyên sinh khởi vì Câu Sinh Duyên đó là Uẩn hữu Nhân tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Uẩn tương ưng tác hành Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân tác hành Pháp Thực Tính bất hữu Nhân cho thành duyên sinh khởi vì Câu Sinh Duyên đó là Uẩn hữu Nhân tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Si đồng hành hoài nghi va đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh…tác hành Ý Vật v.v. (3)

[79] Pháp Thực Tính hữu Nhân tác hành Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân cho thành duyên sinh khởi vì Câu Sinh Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn hữu Nhân và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân tác hành Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân cho thành duyên sinh khởi vì Câu Sinh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn hữu Nhân và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân tác hành Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân cho thành duyên sinh khởi vì Câu Sinh Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn hữu Nhân và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất

Sinh Xứ tác hành Uẩn hữu Nhân và Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn hữu Nhân và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. 3 Uẩn và Si tác hành 1 Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn hữu Nhân và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Sắc Tái Sinh tác hành Uẩn hữu Nhân và Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi (3)

HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA) v.v.

[80] Pháp Thực Tính hữu Nhân tác hành Pháp Thực Tính hữu Nhân cho thành duyên sinh khởi vì Hỗ Tương Duyên v.v. Vì Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[81] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ (nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[82] Pháp Thực Tính bất hữu Nhân tác hành Pháp Thực Tính hữu Nhân cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân tác hành Pháp Thực Tính bất hữu Nhân cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là…tác hành 1 Uẩn bất hữu Nhân v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng). Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Uẩn bất hữu Nhân và Si tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân tác hành Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (giản lược) (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[83] Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Y Chỉ Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ (nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[84] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ (nên đếm như thế này)

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[85] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ (nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên

(Giai Đoạn Y Chỉ tương tự Giai Đoạn Liên Quan)

2. NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN (SAHETUKADUKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[86] Pháp Thực Tính hữu Nhân sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính hữu Nhân vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn hữu Nhân v.v. sinh hỗn tạp với 1 Uẩn hữu Nhân v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính bất hữu Nhân vì Nhân Duyên đó là Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh hỗn tạp với Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[87] Pháp Thực Tính hữu Nhân sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính hữu Nhân vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn hữu Nhân v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính hữu Nhân vì Cảnh Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh hỗn tạp với Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính hữu Nhân vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn và Si sinh hỗn tạp với 1 Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. (3)

[88] Pháp Thực Tính bất hữu Nhân sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính bất hữu Nhân vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn bất hữu Nhân v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính bất hữu Nhân vì Cảnh Duyên đó là Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh hỗn tạp với Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. (1)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[89] Pháp Thực Tính hữu Nhân sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính hữu Nhân vì Trưởng Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn hữu Nhân v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. (1)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.

[90] Pháp Thực Tính hữu Nhân sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính hữu Nhân vì Vô Gián Duyên. Vì Đẳng Vô Gián Duyên. Vì Câu Sinh Duyên v.v. Vì Dị Thục Quả Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn Dị Thục Quả hữu Nhân v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính bất hữu Nhân vì Dị Thục Quả Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn Dị Thục Quả bất hữu Nhân v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Vì Thiền Na Duyên v.v. Vì Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[91] Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Cảnh Duyên có 6 thời kỳ. Trưởng Duyên có 1 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 6 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 6 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 6 thời kỳ. Cận Y Duyên có 6 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 6 thời kỳ v.v. Dị Thục Quả Duyên có 2 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 6 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 6 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 6 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 5 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 6 thời kỳ (nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[92] Pháp Thực Tính bất hữu Nhân sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính hữu Nhân vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh hỗn tạp với Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính bất hữu Nhân vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn bất hữu Nhân v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (giản lược) (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[93] Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 6 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ (nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[94] Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[95] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ v.v. Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ v.v. Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ (nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
(Giai Đoạn Tương Ưng tương tự Giai Đoạn Hỗn Tạp)

2. NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN (SAHETUKADUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[96] Pháp Thực Tính hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân hữu Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Nhân theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân hữu Nhân làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân hữu Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

[97] Pháp Thực Tính bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Nhân theo phương thức Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân theo phương thức Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[98] Pháp Thực Tính hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy, tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi, xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo lại phiền não đã được đoạn tận rồi v.v. tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi v.v. tri đắc phiền não đã từng sinh khởi v.v. kiến giải minh lượng Uẩn hữu Nhân thể theo thực tướng là Vô Thường...ưu thọ mới sinh khởi. Khi Tâm Đồng Lực Thiện và Bất Thiện đã diệt mất rồi, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** Dị Thục Quả hữu Nhân mới sinh khởi theo phần Na Cảnh, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm hữu Nhân, Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Uẩn hữu Nhân làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí và Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cảnh Duyên. Vì Uẩn hữu Nhân khai đầu, Uẩn hữu Nhân mới sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Nhân theo phương thức Cảnh Duyên đó là người kiến giải minh lượng Nhãn hữu Nhân thể theo thực

tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Khi Bất Thiện và Thiện đã diệt rồi, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** Dị Thục Quả bất hữu Nhân mới sinh khởi theo phần Na Cảnh. Vì Uẩn hữu Nhân khai đầu, Uẩn bất hữu Nhân và Si mới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Uẩn hữu Nhân khai đầu, Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử mới sinh khởi (3)

[99] Pháp Thực Tính bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Nhân theo phương thức Cảnh Duyên đó là Níp Bàn làm duyên đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh. Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật v.v. Uẩn bất hữu Nhân và Si thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Khi Tâm Đồng Lực Thiện và Bất Thiện đã diệt mất rồi, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** Dị Thục Quả bất hữu Nhân mới sinh khởi theo phần Na Cảnh. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Vì Uẩn bất hữu Nhân và Si khai đầu, Uẩn bất hữu Nhân và Si mới sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân theo phương thức Cảnh Duyên đó là Bậc Thánh Nhân tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo và Quả theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não bất hữu Nhân đã được đoạn tận rồi, tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi v.v. tri đắc phiền não đã từng sinh khởi v.v. Kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật v.v. Uẩn bất hữu Nhân và Si thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Khi Tâm Đồng Lực Thiện và Bất Thiện đã diệt mất rồi, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** Dị Thục Quả hữu Nhân mới sinh khởi theo phần Na Cảnh. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm bất hữu Nhân, Uẩn bất hữu Nhân làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí và Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cảnh Duyên. Vì Uẩn bất hữu Nhân và Si khai đầu, Uẩn hữu Nhân mới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Nhãn khai đầu, Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử mới sinh khởi, vì Nhĩ v.v. Ý Vật v.v. 1 Uẩn và Si bất hữu Nhân khai đầu, Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử mới sinh khởi (3)

[100] Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử khai đầu, Uẩn hữu Nhân mới sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Nhân theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử khai đầu, Uẩn và Si bất hữu Nhân mới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử khai đầu, Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử mới sinh khởi (3)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[101] Pháp Thực Tính hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, xuất khỏi Thiền Định...Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định...tư khảo lại Quả...Hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn hữu Nhân cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng hữu Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng hữu Nhân làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng hữu Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (3)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là Bậc Thánh Nhân tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo và Quả theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật v.v. Uẩn bất hữu Nhân cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi.

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[102] Pháp Thực Tính hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn hữu Nhân sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn hữu Nhân sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc v.v. Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh v.v. Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo v.v. Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo v.v. Đạo làm duyên đối với Quả v.v. Quả làm duyên đối với Quả v.v. Thuận Tùng làm duyên đối với Nhập Thiền Quả v.v. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh trước trước làm duyên đối với Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Tử **(Cuticitta)** hữu Nhân làm duyên đối với Tâm Tái Sinh **(Uppatticitta)** bất hữu Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần hữu Nhân làm duyên đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần hữu Nhân làm duyên đối với Tâm Hữu Phần bất hữu Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn hữu Nhân làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** bất hữu Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

[103] Pháp Thực Tính bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh trước trước làm duyên đối với Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn bất hữu Nhân sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn bất hữu Nhân sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với 5 Thức theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Tử **(Cuticitta)** bất hữu Nhân làm duyên đối với Tâm Tái Sinh **(Uppatticitta)** hữu Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần bất hữu Nhân làm duyên đối với Tâm Hữu Phần hữu Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn hữu Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn bất hữu Nhân làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** hữu Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

[104] Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh trước trước làm duyên đối với Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo

cử sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** bất hữu Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA) v.v.

[105] Pháp Thực Tính hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân theo phương thức Câu Sinh Duyên [Duyên này tương tự Câu Sinh Duyên trong Giai Đoạn Liên Quan, trong chỗ này không có Hiệp Lực **(Ghaṭanā)**]. Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan). Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên [Duyên này tương tự Y Chỉ Duyên trong Giai Đoạn Liên Quan, trong chỗ này không có Hiệp Lực **(Ghaṭanā)**].

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[106] Pháp Thực Tính hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Uẩn hữu Nhân làm duyên đối với Uẩn hữu Nhân theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Nhân theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Uẩn hữu Nhân làm duyên đối với Uẩn và Si bất hữu Nhân theo phương thức Cận Y Duyên (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Uẩn hữu Nhân làm duyên đối với Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử theo phương thức Cận Y Duyên (3)

[107] Pháp Thực Tính bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Nhân theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Thân Thọ Lạc làm duyên đối với Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ và Si theo phương thức Cận Y Duyên. Thân Thọ Khổ...Quý Tiết...Ẩm Thực...Trú Xứ làm duyên đối với Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ và Si theo phương thức Cận Y Duyên. Si làm duyên đối với Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ và Si theo phương thức Cận Y Duyên. Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ...Quý Tiết...Ẩm Thực...Trú Xứ và Si làm duyên đối với Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ và Si theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Thân Thọ Lạc rồi xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Nương vào Thân Thọ Khổ...Quý Tiết...Ẩm Thực...Trú Xứ...Si rồi xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Thân Thọ Lạc v.v. Si làm duyên đối với Tín v.v. Tuệ...tham ái v.v. sự dục vọng...Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Thân Thọ Lạc và Si làm duyên đối với Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử theo phương thức Cận Y Duyên (3)

[108] Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử làm duyên đối với Uẩn hữu Nhân theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Nhân theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử làm duyên đối với Uẩn và Si bất hữu Nhân theo phương thức Cận Y Duyên (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử làm duyên đối với Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử theo phương thức Cận Y Duyên (3)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[109] Pháp Thực Tính bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Nhân theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Khi Tâm Đồng Lực Thiện và Bất Thiện đã diệt mất rồi, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** Dị Thục Quả bất hữu Nhân mới sinh khởi theo phần Na Cảnh, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức.

Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn và Si bất hữu Nhân theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Khi Tâm Đồng Lực Thiện và Bất Thiện đã diệt mất rồi, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** Dị Thục Quả hữu Nhân mới sinh khởi theo phần Na Cảnh. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn hữu Nhân theo phương thức Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là vì Nhãn khai đầu v.v. Ý Vật, Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử mới sinh khởi.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử theo phương thức Tiền Sinh Duyên (3)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA) v.v.

[110] Pháp Thực Tính hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Nhân theo phương thức Hậu Sinh Duyên đó là Uẩn hữu Nhân sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Nhân theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn và Si bất hữu Nhân sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Nhân theo phương thức Hậu Sinh Duyên đó là Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân theo phương thức Trùng Dụng Duyên (Duyên này tương tự Vô Gián Duyên, không có Tâm Khai Môn và Tâm Hữu Phần. Trong Trùng Dụng Duyên nên trừ cả 9 thời kỳ).

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[111] Pháp Thực Tính hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở hữu Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở hữu Nhân làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả hữu Nhân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Nhân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở hữu Nhân làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở hữu Nhân làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả bất hữu Nhân và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở hữu Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở hữu Nhân làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả hữu Nhân và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Nhân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở bất hữu Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

[112] Pháp Thực Tính hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân theo phương thức Dị Thục Quả Duyên đó là 1 Uẩn Dị Thục Quả hữu Nhân làm duyên đối với 3 Uẩn v.v. 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Nhân theo phương thức Dị Thục Quả Duyên đó là Uẩn Dị Thục Quả hữu Nhân làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Dị Thục Quả Duyên đó là 1 Uẩn Dị Thục Quả hữu Nhân làm duyên đối với 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ v.v. 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Nhân theo phương thức Dị Thục Quả Duyên đó là 1 Uẩn Dị Thục Quả bất hữu Nhân làm duyên đối với 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ v.v. 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Uẩn làm duyên đối với Ý Vật theo phương thức Dị Thục Quả Duyên (1)

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA)

[113] Pháp Thực Tính hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân theo phương thức Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Nhân theo phương thức Vật Thực Duyên đó là Vật Thực bất hữu Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Vật Thực Duyên (1)

QUYỀN LỰC DUYÊN (INDRIYAPACCAYA) v.v.

[114] Pháp Thực Tính hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân theo phương thức Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Nhân theo phương thức Quyền Lực Duyên đó là Quyền Lực bất hữu Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. Nhãn Quyền làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Quyền làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên. Sắc Mạng Quyền làm duyên đối Sắc Tái Sinh theo phương thức Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân theo phương thức Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Nhân theo phương thức Thiền Na Duyên đó là Chi Thiền Na bất hữu Nhân làm duyên Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Thiền Na Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân theo phương thức Tương Ưng Duyên (trong Giai Đoạn Liên Quan có 6 thời kỳ tương tự Tương Ưng Duyên).

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[115] Pháp Thực Tính hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Nhân theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn hữu Nhân làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na tái sinh, Uẩn hữu Nhân làm duyên đối với Sắc Tái sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn hữu Nhân làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Nhân theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn bất hữu Nhân làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na tái sinh, Uẩn bất hữu Nhân làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Uẩn làm duyên đối với Ý Vật

theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn bất hữu Nhân và Si theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn bất hữu Nhân và Si làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là trong sát na tái sinh, Ý Vật làm duyên đối với Uẩn hữu Nhân theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn hữu Nhân theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên chỉ có một thể loại là **Tiền Sinh** đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (3)

Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Nhân theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[116] Pháp Thực Tính hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên đó là 1 Uẩn hữu Nhân làm duyên đối với 3 Uẩn v.v. 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn hữu Nhân làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử làm duyên đối với Si và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Hậu Sinh đó là Uẩn hữu Nhân làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên đó là 1 Uẩn hữu Nhân làm duyên đối với 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. 1 Uẩn đồng hành hoài nghi

và đồng hành trạo cử làm duyên đối với 3 Uẩn, Si và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, Uẩn hữu Nhân v.v. (3)

[117] Pháp Thực Tính bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn bất hữu Nhân làm duyên đối với 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng).

Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Khi Tâm Đổng Lực Thiện và Bất Thiện đã diệt mất rồi, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** Dị Thục Quả bất hữu Nhân mới sinh khởi theo phần Na Cảnh, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Ý Vật làm duyên đối với 1 Uẩn bất hữu Nhân và Si theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn bất hữu Nhân và Si làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na tái sinh, Ý Vật làm duyên đối với Uẩn hữu Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Khi Tâm Đổng Lực Thiện và Bất Thiện đã diệt mất rồi, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** Dị Thục Quả hữu Nhân mới sinh khởi theo phần Na Cảnh. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Ý Vật làm duyên đối với Uẩn hữu Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh đó là vì Nhãn khai đầu v.v. Ý Vật, Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử mới sinh khởi, Ý Vật làm duyên đối với Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử theo phương thức Hiện Hữu Duyên (3)

[118] Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 1 Uẩn hữu Nhân và Ý Vật làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn hữu Nhân và Ý Vật làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là Uẩn hữu Nhân và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na tái sinh, Uẩn hữu Nhân và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Câu Sinh đó là Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và Ý Vật làm duyên đối với Si theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn hữu Nhân và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn hữu Nhân và Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử làm duyên đối với 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và Ý Vật làm duyên đối với 3 Uẩn và Si theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[119] Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 4 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 4 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 4 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 4 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên

có 3 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ (nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[120] Pháp Thực Tính hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân theo phương thức Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Nhân theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Hậu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên (3)

[121] Pháp Thực Tính bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Nhân theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (3)

[122] Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Nhân theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (3)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[123] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ v.v. (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Phi Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ (nên đếm như thế này)

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[124] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 6 thời kỳ v.v. Phi Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 6 thời kỳ (nên đếm như thế này)

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[125] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ (nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Nhị Đề Hữu Nhân

3. NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG NHÂN (HETUSAMPAYUTTADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[126] Pháp Thực Tính tương ưng Nhân **(Hetusampayuttadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính tương ưng Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn tương ưng Nhân sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng Nhân **(Hetuvippayuttadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính tương ưng Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn tương ưng Nhân sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (2) (Với nguyên nhân này, nên giảng giải cho quảng nghĩa tương tự Nhị Đề Hữu Nhân, không có điều sai biệt nhau).

Kết Thúc Nhị Đề Tương Ưng Nhân

4. NHỊ ĐỀ NHÂN HỮU NHÂN (HETUSAHETUKADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[127] Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân **(Hetusahetukadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Vô Sân, Vô Si nương vào Vô Tham sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Si nương vào Tham sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Trong sát na tái sinh, Vô Sân, Vô Si nương vào Vô Tham sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân nương vào Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng nương vào Nhân sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính Nhân hữu Nhân và hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân nương vào Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Vô Sân, Vô Si và Uẩn tương ưng nương vào Vô Tham sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakka naya]**). Si và Uẩn tương ưng nương vào Tham sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Trong sát na tái sinh v.v. (3)

[128] Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Nhân nương vào Uẩn hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính Nhân hữu Nhân và hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Nhân nương vào 1 Uẩn hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

[129] Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính Nhân hữu Nhân và hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Vô Sân, Vô Si nương vào Vô Tham và Uẩn tương ưng sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Si nương vào Tham và Uẩn tương ưng sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân nương vào Pháp Thực Tính là Nhân hữu Nhân và hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân và nương vào Nhân sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính Nhân hữu Nhân và hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân nương vào Pháp Thực Tính Nhân hữu Nhân và hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, Vô Sân và Vô Tham nương vào 1 Uẩn hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân và nương vào Vô Tham sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3) (giản lược, nên giảng giải cho quảng nghĩa như thế này).

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[130] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ v.v. (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ (nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA) v.v.

[131] Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên đó là Vô Sân, Vô Si nương vào Vô Tham sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Trong sát na tái sinh v.v. (đã hoàn toàn rồi, có 9 thời kỳ). Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ.

PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA) v.v.

[132] Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân nương vào Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân sinh khởi vì Phi Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tương ưng nương vào Nhân sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân nương vào Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân sinh khởi vì Phi Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tương ưng nương vào Uẩn hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân nương vào Pháp Thực Tính Nhân hữu Nhân và hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân sinh khởi vì Phi Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tương ưng nương vào Nhân và Uẩn tương ưng sinh khởi vì Phi Dị Thục Quả Duyên. Vì Phi Bất Tương Ưng Duyên.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[133] Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ (nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[134] Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ (nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIDUKANAYA)

[135] Nhân Duyên với Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên với Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ (nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên

(Giai Đoạn Câu Sinh, Giai Đoạn Duyên Sinh, Giai Đoạn Y Chỉ, Giai Đoạn Hỗn Tạp và Giai Đoạn Tương Ưng tương tự Giai Đoạn Liên Quan)

4. NHỊ ĐỀ NHÂN HỮU NHÂN (HETUSAHETUKADUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[136] Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân theo phương thức Nhân Duyên đó là Vô Tham làm duyên đối với Vô Sân, Vô Si theo phương thức Nhân Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (1)

Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân hữu Nhân và hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân theo phương thức Nhân Duyên đó là Vô Tham làm duyên đối với Vô Sân, Vô Si và Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (nên giảng giải cho quảng nghĩa) (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[137] Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Nhân khai đầu, Nhân mới sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Nhân khai đầu, Uẩn hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân mới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân hữu Nhân và hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Nhân khai đầu, Nhân và Uẩn tương ưng mới sinh khởi (3)

Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy, tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi, xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định. Bậc Thánh

Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo lại phiền não đã được đoạn tận rồi, tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi, tri đắc phiền não đã từng sinh khởi. Người kiến giải minh lượng Uẩn hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân, Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Uẩn hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí và Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cảnh Duyên (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân theo phương thức Cảnh Duyên đó là người xả thí v.v. (Câu này tương tự nội dung đoạn đầu, không có điều sai biệt nhau) (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân hữu Nhân và hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân theo phương thức Cảnh Duyên đó là người xả thí v.v. (Câu này tương tự nội dung đoạn đầu, không có điều sai biệt nhau) (3)

[138] Pháp Thực Tính Nhân hữu Nhân và hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Nhân và Uẩn tương ưng khai đầu, Nhân mới sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Nhân hữu Nhân và hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Nhân và Uẩn tương ưng khai đầu, Uẩn hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân mới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Nhân hữu Nhân và hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân hữu Nhân và hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Nhân và Uẩn tương ưng khai đầu, Nhân và Uẩn tương ưng mới sinh khởi (3)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[139] Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là vì thực hiện Nhân cho thành Cảnh một cách kiên định, Nhân mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng Nhân và hữu Nhân làm duyên đối với Nhân tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là vì thực hiện Nhân cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng Nhân và hữu Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên (2)

Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân hữu Nhân và hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là vì thực hiện Nhân cho thành Cảnh một cách kiên định, Nhân và Uẩn tương ưng mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng Nhân và hữu Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Nhân theo phương thức Trưởng Duyên (3)

[140] Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định cho thành Cảnh một cách kiên định. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Quả cho thành Cảnh một cách kiên định. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người xả thí v.v. (chính thị Câu này tương tự nội dung phía đầu).

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Nhân tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân hữu Nhân và hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người xả thí v.v. (chính thị Câu này tương tự nội dung phía đầu).

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Nhân theo phương thức Trưởng Duyên (3)

[141] Pháp Thực Tính Nhân hữu Nhân và hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là vì thực hiện Nhân và Uẩn tương ưng cho thành Cảnh một cách kiên định, Nhân mới sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Nhân hữu Nhân và hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là vì thực hiện Nhân và Uẩn tương ưng cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân mới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Nhân hữu Nhân và hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân hữu Nhân và hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là vì thực hiện Nhân và Uẩn tương ưng cho thành Cảnh một cách kiên định, Nhân và Uẩn tương ưng mới sinh khởi (3)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[142] Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Nhân sinh trước trước làm duyên đối với Nhân sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Nhân sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân hữu Nhân và hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Nhân sinh trước trước làm duyên đối với Nhân và Uẩn tương ưng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

[143] Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc v.v. Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh v.v. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân sinh trước trước làm duyên đối với Nhân sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc v.v. (giản lược) (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân hữu Nhân và hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân sinh trước trước làm duyên đối với Nhân và Uẩn tương ưng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc v.v. (3) (Câu có Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm Căn Nguyên có 3 thời kỳ tương tự nhau).

[144] Pháp Thực Tính Nhân hữu Nhân và hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Nhân và Uẩn tương ưng sinh trước trước làm duyên đối với Nhân sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Nhân và Uẩn tương ưng sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

Pháp Thực Tính Nhân hữu Nhân và hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân hữu Nhân và hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Nhân và Uẩn tương ưng sinh trước trước làm duyên đối với Nhân và Uẩn tương ưng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA) v.v.

[145] Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên (cả 3 Duyên tương tự Nhân Duyên trong Giai Đoạn Liên Quan).

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[146] Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Nhân làm duyên đối với Nhân theo phương thức Cận Y Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Nhân làm duyên đối với Uẩn hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân theo phương thức Cận Y Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Nhân làm duyên đối với Nhân và Uẩn tương ưng theo phương thức Cận Y Duyên (nên viện dẫn đến Câu làm Căn Nguyên của cả 2 thời kỳ như thế này).

Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. sự dục vọng rồi mới xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín v.v. sự dục vọng, Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1) (Câu có Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm Căn Nguyên nên giảng giải cho quảng nghĩa, với nguyên nhân này, từ đó còn lại có 2 thời kỳ).

Pháp Thực Tính Nhân hữu Nhân và hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Duyên và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Nhân và Uẩn tương ưng làm duyên đối với Nhân theo phương thức Cận Y Duyên (nên viện dẫn đến 2 Căn Nguyên). Nhân và Uẩn tương ưng làm duyên đối với Uẩn hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân theo phương thức Cận Y Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Nhân và Uẩn tương ưng làm duyên đối với Nhân và Uẩn tương ưng theo phương thức Cận Y Duyên (1)

TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[147] Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân theo phương thức Trùng Dụng Duyên (Duyên này tương tự Vô Gián Duyên).

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[148] Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Nhân tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Nhân Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân hữu Nhân và hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Nhân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Uẩn và Nhân Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

[149] Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân theo phương thức Dị Thục Quả Duyên đó là Vô Tham Dị Thục Quả làm duyên đối với Vô Sân và Vô Si theo phương thức Dị Thục Quả Duyên (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Trong sát na tái sinh, Vô Tham...(nên giảng giải cho quảng nghĩa tương tự Nhân Duyên, nên quy định rằng "là Dị Thục Quả ngay cả 9 thời kỳ").

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA) v.v.

[150] Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân theo phương thức Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân theo phương thức Quyền Lực Duyên (nên quy định rằng "là Quyền Lực cả 9 thời kỳ hoàn toàn rồi").

Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân theo phương thức Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên. Làm duyên theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên. Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[151] Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 9 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ (nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[152] Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (2)

Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân hữu Nhân và hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (3)

[153] Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân hữu Nhân và hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên (3)

[154] Pháp Thực Tính Nhân hữu Nhân và hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nhân và hữu Nhân theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính Nhân hữu Nhân và hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (2)

Pháp Thực Tính Nhân hữu Nhân và hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính 1 Nhân hữu Nhân và hữu Nhân nhưng chẳng phải Nhân theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (3)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[155] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ v.v. (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[156] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián

Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ (giản lược, từng mỗi Duyên có 3 thời kỳ). Phi Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ (nên đếm như thế này)

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[157] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ (nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Nhị Đề Nhân Hữu Nhân

5. NHỊ ĐỀ NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN (HETUHETUSAMPAYUTTADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

[158] Pháp Thực Tính Nhân và tương ưng với Nhân **(Hetuhetusampayuttadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính Nhân và tương ưng với Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Vô Sân, Vô Si nương vào Vô Tham sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Si nương vào Tham sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Trong sát na tái sinh v.v. (nên giảng giải cho quảng nghĩa tương tự Nhị Đề Nhân Hữu Nhân, không có điều sai biệt nhau).

Kết Thúc Nhị Đề Nhân Tương Ưng Nhân

6. NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN (NAHETUSAHETUKADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[159] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân **(Nahetusahetuka dhamma)** nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân **(Nahetuahetukadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân và chẳng phải Nhân bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

[160] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên v.v. 3 Sắc Đại Hiển nương vào 1 Sắc Đại Hiển sinh khởi v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh, Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân nương vào Ý Vật sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân và chẳng phải Nhân bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh, Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân nương vào Ý Vật sinh khởi, Sắc Tái Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (3)

[161] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân và chẳng phải Nhân bất hữu Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân và nương vào Ý Vật sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân và chẳng phải Nhân bất hữu Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân và chẳng phải Nhân bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân và chẳng phải Nhân bất hữu Nhân sinh khởi vì Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân và nương vào Ý Vật sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc

Tái Sinh nương vào Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[162] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân sinh khởi v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là trong sát na tái sinh, Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân nương vào Ý Vật sinh khởi (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân và chẳng phải Nhân bất hữu Nhân sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là trong sát na tái sinh, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân và nương vào Ý Vật sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (giản lược, nên phân chia như thế này).

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[163] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 4 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 4 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 9 thời kỳ (giản lược, từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ) Tương Ưng Duyên có 4 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 4 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 4 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ (nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[164] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, không có Si) (1)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

[165] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân sinh khởi. Trong sát na sinh khởi v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân và chẳng phải Nhân bất hữu Nhân sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (giản lược).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[166] Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 2 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ (nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[167] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ (nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[168] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ v.v. Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ v.v. Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ v.v. Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ (nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên

(Ngay cả trong Giai Đoạn Câu Sinh cũng nên đếm như thế này)

6. NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN (NAHETUSAHETUKADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

[169] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Sắc Đại Hiển tác hành 1 Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái sinh ở phần Sắc Y Sinh tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân và chẳng phải Nhân bất hữu Nhân tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân và chẳng phải Nhân bất hữu Nhân cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên (Hiệp Lực có 3 thời kỳ, Thời Kỳ Chuyển Khởi **(Pavattikāla)** và Thời Kỳ Tái sinh **(Paṭisandhikāla)** hoàn toàn rồi, giản lược).

[170] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 4 thời kỳ v.v. Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ v.v. Tiền Sinh Duyên có 4 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 4 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ (nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

[171] Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

(Giai Đoạn Y Chỉ tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh)

6. NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN (NAHETUSAHETUKADUKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

[172] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân vì Nhân Duyên đó là...sinh hỗn tạp với 1 Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân v.v. Trong sát na tái sinh v.v.

[173] Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Cảnh Duyên có 2 thời kỳ. Trưởng Duyên có 1 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 2 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 2 thời kỳ). Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 2 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

[174] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân vì Phi Nhân Duyên đó là... sinh hỗn tạp với 1 Uẩn chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân v.v. Trong sát na tái sinh v.v.

[175] Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 2 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 2 thời kỳ. Phi Thiền Na

Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

(Việc đếm cả 2 thể loại còn lại nên đếm như thế này)

(Giai Đoạn Tương Ưng tương tự Giai Đoạn Hỗn Tạp)

6. NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN (NAHETUSAHETUKADUKA)

VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[176] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi, tư khảo lại Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo lại phiền não đã được đoạn tận rồi, tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi, tri đắc phiền não đã từng sinh khởi, kiến giải minh lượng Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Khi Tâm Đồng Lực Thiện và Bất Thiện đã diệt mất rồi, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** Dị Thục Quả chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân mới sinh khởi theo phần Na Cảnh. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân, Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí và Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cảnh Duyên. Vì Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân khai đầu, Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân mới sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Cảnh Duyên đó là người kiến giải minh lượng Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Khi Tâm Đồng Lực Thiện và Bất Thiện đã diệt mất rồi, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** Dị Thục Quả chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân mới sinh khởi theo phần Na Cảnh. Vì Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân khai đầu, Uẩn chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân mới sinh khởi (2)

[177] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Cảnh Duyên đó là Níp Bàn làm duyên đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Người kiến giải minh

lượng Nhãn v.v. Ý Vật v.v. Uẩn chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Khi Tâm Đổng Lực Thiện và Bất Thiện đã diệt mất rồi, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** Dị Thục Quả chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân mới sinh khởi theo phần Na Cảnh, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Cảnh Duyên. Vì Uẩn chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân khai đầu, Uẩn chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân mới sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân theo phương thức Cảnh Duyên đó là Bậc Thánh Nhân tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo và Quả theo phương thức Cảnh Duyên. Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật v.v. Uẩn chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Khi Tâm Đổng Lực Thiện và Bất Thiện đã diệt mất rồi, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** Dị Thục Quả chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân mới sinh khởi theo phần Na Cảnh. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân, Uẩn chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí và Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cảnh Duyên. Vì Uẩn chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân khai đầu, Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân mới sinh khởi (2)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[178] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi cho thành Cảnh một cách kiên định, xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định cho thành Cảnh một cách kiên định. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Quả cho thành Cảnh một cách kiên định. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân và chẳng phải Nhân bất hữu Nhân theo phương thức

Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là Bậc Thánh Nhân tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo và Quả theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật v.v. Uẩn chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi (1)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[179] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân sinh trước trước v.v. làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc v.v. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Tâm Tử chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Tâm Tái Sinh chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Tâm Khai Môn, Tâm Hữu Phần chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Tâm Hữu Phần chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân, Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với 5 Thức theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Tâm Tử chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Tâm Tái Sinh chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA) v.v.

[180] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên (Duyên này không có Hiệp Lực **(Ghaṭanā)**, có 7 thời kỳ). Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên [Thời Kỳ Chuyển Khởi **(Pavattikāla)** và Thời Kỳ Tái Sinh **(Paṭisandhikāla)** có 7 thời kỳ, trong Duyên này không có Hiệp Lực **(Ghaṭanā)**].

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[181] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi xả thí v.v. có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. sự dục vọng rồi xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín v.v. sự dục vọng, Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Tín làm duyên đối với Thân Thọ Lạc và Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên. Giới v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Thân Thọ Lạc và Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên. Tín v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Thân Thọ Lạc và Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên (2)

[182] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y.

Thường Cận Y đó là Thân Thọ Lạc làm duyên đối với Thân Thọ Lạc và Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên. Thân Thọ Khổ v.v. Quý Tiết v.v. Ẩm Thực v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Thân Thọ Lạc và Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên. Thân Thọ Lạc v.v. Thân Thọ Khổ v.v. Quý Tiết v.v. Ẩm Thực v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Thân Thọ Lạc và Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Thân Thọ Lạc rồi xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Nương vào Thân Thọ Khổ v.v. Quý Tiết v.v. Ẩm Thực v.v. Trú Xứ rồi xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Thân Thọ Lạc v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín v.v. sự dục vọng v.v. Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (2)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[183] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Khi Tâm Đổng Lực Thiện và Bất Thiện đã diệt mất rồi, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** Dị Thục Quả chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân mới sinh khởi theo phần Na Cảnh, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Khi Tâm Đổng Lực Thiện và Bất Thiện đã diệt mất rồi, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** Dị Thục Quả chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân mới sinh khởi theo phần Na Cảnh. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân theo phương thức Tiền Sinh Duyên (2)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

[184] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Hậu Sinh Duyên đó là Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Hậu Sinh Duyên đó là Uẩn chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên (1)

TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[185] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân theo phương thức Trùng Dụng Duyên đó là Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc v.v. Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh v.v. Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo v.v. Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trùng Dụng Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Trùng Dụng Duyên đó là Uẩn chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên (1)

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[186] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân và chẳng phải Nhân bất hữu Nhân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên chỉ có một thể

loại là **Câu Sinh** đó là Tư Tâm Sở chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh, Tư Tâm Sở chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

[187] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân theo phương thức Dị Thục Quả Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ.

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA)

[188] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân theo phương thức Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Vật Thực Duyên đó là Vật Thực chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Vật Thực Duyên (1)

QUYỀN LỰC DUYÊN (INDRĪYAPACCAYA)

[189] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân theo phương thức Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Quyền Lực Duyên đó là Quyền Lực chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Quyền Lực Duyên.

THIỀN NA DUYÊN (JHĀNAPACCAYA) v.v.

[190] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân theo phương thức Thiền Na Duyên v.v. (nên bổ túc ngay cả 4 thời kỳ). Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 3 thời kỳ.

TƯƠNG ƯNG DUYÊN (SAMPAYUTTAPACCAYA)

[191] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân theo phương thức Tương Ưng Duyên đó là 1 Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với 3 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Tương Ưng Duyên đó là 1 Uẩn chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với 3 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[192] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Hậu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. Uẩn làm duyên đối với Ý Vật theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là trong sát na tái sinh, Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (2)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[193] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên đó là 1 Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với 3 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân và chẳng phải Nhân bất hữu Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên đó là 1 Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng).

Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Khi Tâm Đồng Lực Thiện và Bất Thiện đã diệt mất rồi, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** Dị Thục Quả chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân mới sinh khởi theo phần Na Cảnh, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Nhãn Xứ v.v. Thân Xứ v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với sắc thân này sinh trước v.v. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này v.v. Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là trong sát na tái sinh, Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Khi Tâm Đồng Lực Thiện và Bất Thiện đã diệt mất rồi, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** Dị Thục Quả chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân mới sinh khởi theo phần Na Cảnh. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

[194] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân và chẳng phải Nhân bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân và Ý Vật làm duyên đối với 3 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. 1 Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân và Ý Vật làm duyên đối với 3 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân và chẳng phải Nhân bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 4 thể loại là Câu Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Hậu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân và Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. (2)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[195] Cảnh Duyên có 4 thời kỳ. Trưởng Duyên có 4 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 7 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 7 thời kỳ. Cận Y Duyên có 4 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 4 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 4 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 4 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 3 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 7 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 4 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 4 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 7 thời kỳ (nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[196] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Hậu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân và chẳng phải Nhân bất hữu Nhân theo phương thức Câu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên (3)

[197] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (2)

[198] Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân và chẳng phải Nhân bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân theo phương thức Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân nhưng hữu Nhân và chẳng phải Nhân bất hữu Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Nhân và bất hữu Nhân theo phương thức Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (2)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[199] Phi Nhân Duyên có 7 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 7 thời kỳ (giản lược, từng mỗi Duyên có 7 thời kỳ). Phi Câu Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Phi Y Chỉ Duyên có 6 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 7 thời kỳ). Phi Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Hiện Hữu Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 7 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 7 thời kỳ. Phi Bất Ly Duyên có 5 thời kỳ (nên đếm như thế này)

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆADUKANAYA)

[200] Phi Nhân Duyên với Cảnh Duyên có 4 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Cảnh Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Cảnh Duyên có 4 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 4 thời kỳ). Phi Vô Hữu Duyên với Cảnh Duyên có 4 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Cảnh Duyên có 4 thời kỳ. Phi Bất Ly Duyên với Cảnh Duyên có 4 thời kỳ (nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA) PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[201] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 7 thời kỳ (nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Nhị Đề Phi Nhân Hữu Nhân
Kết Thúc Quần Đoàn Nhân

II. NHỊ ĐỀ TIỂU LÝ DIỆN (CŪḶANTARADUKA)
7. NHỊ ĐỀ HỮU DUYÊN (SAPPACCAYADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1 - 4. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[1] Pháp Thực Tính hữu duyên điểm xuyết bố trí **(Sappaccayadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính hữu duyên điểm xuyết bố trí sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn hữu duyên điểm xuyết bố trí sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi …nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi.

Pháp Thực Tính hữu duyên điểm xuyết bố trí nương vào Pháp Thực Tính hữu duyên điểm xuyết bố trí sinh khởi vì Cảnh Duyên v.v. Vì Bất Ly Duyên.

[2] Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Cảnh Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 1 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

[3] Pháp Thực Tính hữu duyên điểm xuyết bố trí nương vào Pháp Thực Tính hữu duyên điểm xuyết bố trí sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân hữu duyên điểm xuyết bố trí sinh khởi…nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. hữu duyên điểm xuyết bố trí sinh khởi… nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên

Hữu Tình Vô Tưởng). Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (giản lược).

[4] Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 1 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 1 thời kỳ v.v. Phi Ly Khứ Duyên có 1 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

[5] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ v.v. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận - Nghịch Duyên

[6] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ.

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
(Giai Đoạn Câu Sinh tương tự Giai Đoạn Liên Quan)

7. NHỊ ĐỀ HỮU DUYÊN (SAPPACCAYADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

[7] Pháp Thực Tính hữu duyên điểm xuyết bố trí tác hành Pháp Thực Tính hữu duyên điểm xuyết bố trí cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn hữu duyên điểm xuyết bố trí cho thành duyên sinh khởi v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật tác hành Uẩn cho thành duyên sinh khởi, Uẩn tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi…tác hành 1 Sắc Đại Hiển v.v. Uẩn hữu duyên điểm xuyết bố trí tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi.

Pháp Thực Tính hữu duyên điểm xuyết bố trí tác hành Pháp Thực Tính hữu duyên điểm xuyết bố trí cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên (giản lược) (Nên giảng giải Giai Đoạn Duyên Sinh, Giai Đoạn Y Chỉ, Giai Đoạn Hỗn Tạp và Giai Đoạn Tương Ưng cho quảng nghĩa như thế này, từng mỗi Duyên chỉ có 1 thời kỳ thôi).

7. NHỊ ĐỀ HỮU DUYÊN (SAPPACCAYADUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[8] Pháp Thực Tính hữu duyên điểm xuyết bố trí làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu duyên điểm xuyết bố trí theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân hữu duyên điểm xuyết bố trí làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[9] Pháp Thực Tính hữu duyên điểm xuyết bố trí làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu duyên điểm xuyết bố trí theo phương thức Cảnh Duyên đó là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy, tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo lại phiền não đã được đoạn tận rồi, tư khảo phiền não đã được ức chế rồi, tri đắc phiền não đã từng sinh khởi. Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật v.v. Uẩn hữu duyên điểm xuyết bố trí thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm hữu duyên điểm xuyết bố trí, Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Uẩn hữu duyên điểm xuyết bố trí làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

Pháp Thực Tính hữu duyên điểm xuyết bố trí làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu duyên điểm xuyết bố trí theo phương thức Cảnh Duyên đó là Bậc Thánh Nhân tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo, Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[10] Pháp Thực Tính hữu duyên điểm xuyết bố trí làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu duyên điểm xuyết bố trí theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi, xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Quả cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật v.v. Uẩn hữu duyên điểm xuyết bố trí cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng hữu duyên điểm xuyết bố trí làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất hữu duyên điểm xuyết bố trí làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu duyên điểm xuyết bố trí theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là Bậc Thánh Nhân tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo và Quả theo phương thức Trưởng Duyên (1)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.

[11] Pháp Thực Tính hữu duyên điểm xuyết bố trí làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu duyên điểm xuyết bố trí theo phương thức Vô Gián Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên v.v. (Câu có Cận Y Duyên làm Căn Nguyên có 2 thời kỳ). Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên (từng mỗi Duyên chỉ có 1 thời kỳ thôi).

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[12] Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Cảnh Duyên có 2 thời kỳ. Trưởng Duyên có 2 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 1 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 1 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 1 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 1 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 1 thời kỳ. Cận Y Duyên có 2 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 1 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 1 thời kỳ). Bất Ly Duyên có 1 thời kỳ (nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[13] Pháp Thực Tính hữu duyên điểm xuyết bố trí làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu duyên điểm xuyết bố trí theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất hữu duyên điểm xuyết bố trí làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu duyên điểm xuyết bố trí theo phương thức Cảnh Duyên và Cận Y Duyên (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[14] Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 1 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 2 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 2 thời kỳ v.v.

Phi Cận Y Duyên có 2 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ v.v. Phi Ly Khứ Duyên có 2 thời kỳ. Phi Bất Ly Duyên có 2 thời kỳ (nên đếm như thế này)

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[15] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ v.v. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ (nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[16] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ v.v. Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ (nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Nhị Đề Hữu Duyên

8. NHỊ ĐỀ HỮU VI (SAṄKHATADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[17] Pháp Thực Tính duyên tố điểm xuyết bố trí **(Saṅkhatadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính duyên tố điểm xuyết bố trí sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn duyên tố điểm xuyết bố trí sinh khởi v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi... nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái sinh ở phần Sắc Y Sinh nương vào

Sắc Đại Hiển sinh khởi (nên đếm Nhị Đề này cho tương tự Nhị Đề Hữu Duyên, không có điều sai biệt nhau).

Kết Thúc Nhị Đề Hữu Vi

9. NHỊ ĐỀ HỮU KIẾN GIẢI (SANIDASSANADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[18] Pháp Thực Tính không thấy được **(Anidassanadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính không thấy được sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không thấy được nương vào 1 Uẩn không thấy được sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 3 Uẩn và Sắc Tái Sinh không thấy được nương vào 1 Uẩn không thấy được sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh không thấy được nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính thấy được **(Sanidassanadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính không thấy được sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ thấy được nương vào Uẩn không thấy được sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh thấy được nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính thấy được và không thấy được nương vào Pháp Thực Tính không thấy được vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ thấy được và không thấy được nương vào 1 Uẩn không thấy được sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh thấy được và không thấy được nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[19] Pháp Thực Tính không thấy được nương vào Pháp Thực Tính không thấy được sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn không thấy được sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi (1)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[20] Pháp Thực Tính không thấy được nương vào Pháp Thực Tính không thấy được sinh khởi vì Trưởng Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không thấy được nương vào 1 Uẩn không thấy được sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. 3 Sắc Đại Hiển nương vào

1 Sắc Đại Hiển sinh khởi v.v. nương vào 2 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh không thấy được nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính thấy được nương vào Pháp Thực Tính không thấy được sinh khởi vì Trưởng Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ thấy được nương vào Uẩn không thấy được sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh thấy được nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính thấy được và không thấy được nương vào Pháp Thục Tính không thấy được sinh khởi vì Trưởng Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ thấy được và không thấy được nương vào 1 Uẩn không thấy được sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh thấy được và không thấy được nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (giản lược, nên bổ túc mỗi Duyên),.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[21] Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Cảnh Duyên có 1 thời kỳ. Trưởng Duyên có 3 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 1 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 1 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 1 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 3 thời kỳ. Cận Y Duyên có 1 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 1 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 1 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 3 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 3 thời kỳ). Đồ Đạo Duyên có 3 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 1 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Hiện hữu Duyên có 3 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 1 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 1 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 3 thời kỳ (nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[22] Pháp Thực Tính không thấy được nương vào Pháp Thực Tính không thấy được sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không thấy được nương vào 1 Uẩn Vô Nhân không thấy được sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh không thấy được nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi...ở phần ngoại bộ v.v. có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ v.v. có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. Đối với Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính thấy được nương vào Pháp Thực Tính không thấy được sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ thấy được nương vào Uẩn Vô Nhân không thấy được sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh thấy được nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi...ở phần ngoại bộ v.v. có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ v.v. có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. Đối với Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh thấy được nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính thấy được và không thấy được nương vào Pháp Thực Tính không thấy được sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ thấy được và không thấy được nương vào 1 Uẩn Vô Nhân không thấy được sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. nương vào Sắc Đại Hiển v.v. ở phần ngoại bộ v.v. có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ v.v. có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. Đối với Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh thấy được và không thấy được nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (3) (nên bổ túc mỗi Duyên như thế này).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[23] Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 3 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ (nên đếm như thế này)

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[24] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 3 thời kỳ). Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN
(NAHETUDUKANAYA)

[25] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
(Giai Đoạn Câu Sinh tương tự Giai Đoạn Liên Quan)

9. NHỊ ĐỀ HỮU KIẾN GIẢI (SANIDASSANADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[26] Pháp Thực Tính không thấy được tác hành Pháp Thực Tính không thấy được cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không thấy được nương vào 1 Uẩn không thấy được cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật tác hành Uẩn cho thành duyên sinh khởi, Uẩn tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi…tác hành 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh không thấy được tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, Uẩn không thấy được tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (ngay cả ngoài ra đây, nên bổ túc 2 thời kỳ).

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[27] Pháp Thực Tính không thấy được tác hành Pháp Thực Tính không thấy được cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là…tác hành 1 Uẩn không thấy được v.v. tác

hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Uẩn tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi, Uẩn không thấy được tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (giản lược).

[28] Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Cảnh Duyên có 1 thời kỳ. Trưởng Duyên có 3 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 3 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[29] Pháp Thực Tính không thấy được tác hành Pháp Thực Tính không thấy được cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không thấy được tác hành 1 Uẩn Vô Nhân không thấy được cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng). Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi, Uẩn Vô Nhân không thấy được tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (nên bổ túc 2 thời kỳ, ngoài này ra, giản lược).

[30] Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[31] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ v.v. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[32] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ v.v. Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên

(Nên bổ túc Giai Đoạn Y Chỉ như thế này)

9. NHỊ ĐỀ HỮU KIẾN GIẢI (SANIDASSANADUKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

[33] Pháp Thực Tính không thấy được sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính không thấy được vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn không thấy được v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính không thấy được sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính không thấy được vì Cảnh Duyên (nên bổ túc các Câu với việc đếm Pháp Thực Tính hữu duyên điểm xuyết bố trí như thế này). (Giai Đoạn Tương Ưng tương tự Giai Đoạn Hỗn Tạp).

9. NHỊ ĐỀ HỮU KIẾN GIẢI (SANIDASSANADUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[34] Pháp Thực Tính không thấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân không thấy được làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không thấy được theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính không thấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính thấy được theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân không thấy được làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ thấy được theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính không thấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính thấy được và không thấy được theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân không thấy được làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ thấy được và không thấy được theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[35] Pháp Thực Tính thấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được theo phương thức Cảnh Duyên đó là người kiến giải minh lượng Sắc thấy được thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Cảnh Duyên, Uẩn thấy được làm duyên đối với Thần Túc Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

Pháp Thực Tính không thấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy, tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi, xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo, Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não đã được đoạn tận rồi, tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi, tri đắc phiền não đã từng sinh khởi. Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Thân v.v. âm thanh v.v. Ý Vật và Uẩn không thấy được thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm không thấy được, Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Thinh Xứ làm duyên đối với Nhĩ Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Uẩn không thấy được làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[36] Pháp Thực Tính thấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Sắc thấy được cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Sắc ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính không thấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tự khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Quả cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo và Quả theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn không thấy được cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng không thấy được làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không thấy được theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính không thấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính thấy được theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng không thấy được làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ thấy được theo phương thức Trưởng Duyên (2)

Pháp Thực Tính không thấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính thấy được và không thấy được theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng không thấy được làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ thấy được và không thấy được theo phương thức Trưởng Duyên (3)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[37] Pháp Thực Tính không thấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn không thấy được sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn không thấy được sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc v.v. Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo v.v. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA) v.v.

[38] Pháp Thực Tính không thấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên có 1 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có 3 thời kỳ.

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[39] Pháp Thực Tính thấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Cảnh Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người khi có nguyện vọng thành tựu hảo sắc **(Vaṇṇasam patti)** mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực. Sự thành tựu hảo sắc **(Vaṇṇasampatti)** làm duyên đối với Tín v.v. sự dục vọng, Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ, Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính không thấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi xả thí v.v. thực hiện cho sinh khởi Nhập Thiền Định, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến...Nương vào Giới v.v. Trú Xứ rồi xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tính v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[40] Pháp Thực Tính thấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được theo phương thức Tiền Sinh Duyên đó là người kiến giải minh lượng Sắc thể theo thực tướng

là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính không thấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Thinh Xứ làm duyên đối với Nhĩ Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn không thấy được theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính thấy được và không thấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Vật Tiền Sinh đó là Sắc Xứ và Ý Vật làm duyên đối với Uẩn không thấy được theo phương thức Tiền Sinh Duyên. Sắc Xứ và Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

[41] Pháp Thực Tính không thấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được theo phương thức Hậu Sinh Duyên đó là Uẩn không thấy được sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này sinh trước mà không thấy được theo phương thức Hậu Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính không thấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính thấy được theo phương thức Hậu Sinh Duyên đó là Uẩn không thấy được sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này sinh trước mà thấy được theo phương thức Hậu Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính không thấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính thấy được và không thấy được theo phương thức Hậu Sinh Duyên đó là Uẩn không thấy được sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này sinh trước mà thấy được và không thấy được theo phương thức Hậu Sinh Duyên (3)

TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[42] Pháp Thực Tính không thấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được theo phương thức Trùng Dụng Duyên đó là Uẩn không thấy được mà sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn không thấy được mà sinh sau sau v.v. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trùng Dụng Duyên (1)

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[43] Pháp Thực Tính không thấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở không thấy được làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không thấy được theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở không thấy được làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái sinh không thấy được theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính không thấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời (nên giảng giải cho quảng nghĩa) (2)

Pháp Thực Tính không thấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính thấy được và không thấy được theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời (nên giảng giải cho quảng nghĩa) (3)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA) v.v.

[44] Pháp Thực Tính không thấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được theo phương thức Dị Thục Quả Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ (nên bổ túc Đoàn Thực cả 3 thời kỳ). Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ (nên bổ túc Sắc Mạng Quyền cả 3 thời kỳ). Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 1 thời kỳ.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[45] Pháp Thực Tính không thấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn không thấy được làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không thấy được theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na tái sinh, Uẩn không thấy được làm duyên đối với Sắc Tái Sinh không thấy được theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Uẩn làm duyên đối với Ý Vật theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn không thấy được theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn không thấy được làm duyên đối với sắc thân này sinh trước mà không thấy được theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

Pháp Thực Tính không thấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính thấy được theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn không thấy được làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ thấy được theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Hậu Sinh đó là Uẩn không thấy được làm duyên đối với sắc thân này sinh trước mà thấy được theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (2)

Pháp Thực Tính khôngthấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính thấy được và không thấy được theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn không thấy được làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ thấy được và không thấy được theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Hậu Sinh đó là Uẩn không thấy được làm duyên đối với sắc thân này sinh trước thấy được và không thấy được theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (3)

HIỆN HỮU DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA) v.v.

[46] Pháp Thực Tính thấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được theo phương thức Hiện Hữu Duyên đó là người kiến giải minh lượng Sắc thấy được thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên (1)

Pháp Thực Tính không thấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn không thấy được làm duyên đối với 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không thấy được theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (giản lược, nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng).

Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Thinh Xứ làm duyên đối với Nhĩ Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn không thấy được theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn không thấy được làm duyên đối với sắc thân này sinh trước mà không thấy được theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này không thấy được theo phương thức Hiện Hữu Duyên, Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh không thấy được theo phương thức Hiện Hữu Duyên (1)

Pháp Thực Tính không thấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính thấy được theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 4 thể loại là Câu Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là Uẩn không thấy được làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ thấy được theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh thấy được theo phương thức Hiện Hữu Duyên...ở phần ngoại bộ v.v. có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ v.v. có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. Đối với Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh thấy được theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn không thấy được làm duyên đối với sắc thân này sinh trước mà thấy được theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này thấy được theo phương thức Hiện Hữu Duyên, Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh thấy được theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính không thấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính thấy được và không thấy được theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 4 loại là Câu Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn không thấy được làm duyên đối với 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ thấy được và không thấy được theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái sinh ở phần Sắc Y Sinh thấy được và không thấy được theo phương thức Hiện Hữu Duyên...ở phần ngoại bộ v.v. có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ v.v. có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. Đối với Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh thấy được và không thấy được theo phương thức Hiện Hữu Duyên (3)

[47] Pháp Thực Tính thấy được và không thấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được theo phương thức Hiện Hữu Duyên chỉ có một thể loại là **Tiền Sinh** đó là Sắc Xứ và Ý Vật làm duyên đối với Uẩn không thấy được theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Xứ và Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên. Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[48] Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Cảnh Duyên có 2 thời kỳ. Trưởng Duyên có 4 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 1 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 1 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 1 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 3 thời kỳ. Cận Y Duyên có 2 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 1 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 3 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có

3 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 1 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 5 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 1 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 1 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 5 thời kỳ (nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[49] Pháp Thực Tính thấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được theo phương thức Cảnh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính không thấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính không thấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính thấy được theo phương thức Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính không thấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính thấy được và không thấy được theo phương thức Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (3)

Pháp Thực Tính thấy được và không thấy được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[50] Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 4 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 5 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 5 thời kỳ. Phi Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 5 thời kỳ. Phi Y Chỉ Duyên có 4 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 5 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 5 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 5 thời kỳ). Phi Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hiện Hữu Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 5 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 5 thời kỳ. Phi Bất Ly Duyên có 4 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[51] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN
(NAHETUDUKANAYA)

[52] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ.

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Nhị Đề Hữu Kiến Giải

10. NHỊ ĐỀ HỮU ĐỐI CHIẾU (SAPPAṬIGHADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[53] Pháp Thực Tính tiếp xúc được **(Sappaṭighadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính tiếp xúc được sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Sắc Đại Hiển nương vào 1 Sắc Đại Hiển tiếp xúc được sinh khởi, 1 Sắc Đại Hiển nương vào 2 Sắc Đại Hiển sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh tiếp xúc được nương vào Sắc Đại Hiển tiếp xúc được sinh khởi, Nhãn Xứ v.v. Sắc Xứ nương vào Xúc Xứ sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính không tiếp xúc được **(Appaṭighadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính tiếp xúc được sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Thủy Giới **(Āpodhātu)** nương vào Sắc Đại Hiển tiếp xúc được sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh không tiếp xúc được nương vào Sắc Đại Hiển tiếp xúc được sinh khởi, Thủy Giới, Nữ Quyền Lực v.v. Đoàn Thực nương vào Xúc Xứ sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tiếp xúc được và không tiếp xúc được nương vào Pháp Thực Tính tiếp xúc được sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Sắc Đại Hiển và Thủy Giới nương vào 1 Sắc Đại Hiển tiếp xúc được sinh khởi...nương vào 2 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh tiếp xúc được và không tiếp xúc được nương vào Sắc Đại Hiển tiếp xúc được sinh khởi, Nhãn Xứ v.v. Sắc Xứ, Thủy Giới, Nữ Quyền Lực v.v. Đoàn Thực nương vào Xúc Xứ sinh khởi (3)

[54] Pháp Thực Tính không tiếp xúc được nương vào Pháp Thực Tính không tiếp xúc được sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không tiếp xúc được nương vào 1 Uẩn không tiếp xúc được sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh không tiếp xúc được nương vào Thủy Giới sinh khởi, Nữ Quyền Lực v.v. Đoàn Thực nương vào Thủy Giới sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính tiếp xúc được nương vào Pháp Thực Tính không tiếp xúc được sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tiếp xúc được nương vào Uẩn không tiếp xúc được sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. Sắc Đại Hiển tiếp xúc được nương vào Thủy Giới sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh tiếp xúc được nương vào Thủy Giới sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh tiếp xúc được nương vào Thủy Giới sinh khởi, Nhãn Xứ v.v. Xúc Xứ nương vào Thủy Giới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tiếp xúc được và không tiếp xúc được nương vào Pháp Thực Tính không tiếp xúc được sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tiếp xúc được và không tiếp xúc được nương vào 1 Uẩn không tiếp xúc được sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh tiếp xúc được và không tiếp xúc được nương vào Thủy Giới sinh khởi, Nhãn Xứ v.v. Xúc Xứ, Nữ Quyền Lực v.v. Đoàn Thực nương vào Thủy Giới sinh khởi (3)

[55] Pháp Thực Tính tiếp xúc được nương vào Pháp Thực Tính tiếp xúc được và không tiếp xúc được sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tiếp xúc được nương vào Uẩn không tiếp xúc được và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. 2 Sắc Đại Hiển nương vào 1 Sắc Đại Hiển tiếp xúc được và nương vào Thủy Giới sinh khởi v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh tiếp xúc được nương vào Sắc Đại Hiển tiếp xúc được và nương vào Thủy Giới sinh khởi, Nhãn Xứ v.v. Sắc Xứ nương vào Xúc Xứ và Thủy Giới sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính không tiếp xúc được nương vào Pháp Thực Tính tiếp xúc được và không tiếp xúc được sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không tiếp xúc được nương vào Uẩn tiếp xúc được và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái

sinh, Sắc Tái Sinh không tiếp xúc được nương vào Uẩn không tiếp xúc được và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh không tiếp xúc được nương vào Xúc Xứ và Thủy Giới sinh khởi, Nữ Quyền Lực v.v. Đoàn Thực nương vào Xúc Xứ và Thủy Giới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tiếp xúc được và không tiếp xúc được nương vào Pháp Thực Tính tiếp xúc được và không tiếp xúc được sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tiếp xúc được và không tiếp xúc được nương vào Uẩn không tiếp xúc được và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. Sắc Tái Sinh tiếp xúc được và không tiếp xúc được nương vào Uẩn không tiếp xúc được và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh tiếp xúc được và không tiếp xúc được nương vào Xúc Xứ và Thủy Giới sinh khởi, Nhãn Xứ v.v. Sắc Xứ, Nữ Quyền Lực v.v. Đoàn Thực nương vào Xúc Xứ và Thủy Giới sinh khởi (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.

[56] Pháp Thực Tính không tiếp xúc được nương vào Pháp Thực Tính không tiếp xúc được sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn không tiếp xúc được sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi.

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA) v.v.

[57] Pháp Thực Tính không tiếp xúc được nương vào Pháp Thực Tính tiếp xúc được sinh khởi vì Trưởng Duyên [nên trừ Tái Sinh **(Paṭisandhi)** và Sắc Tái Sinh **(Kaṭattārūpa)**]. Vì Vô Gián Duyên v.v. Vì Đẳng Vô Gián Duyên v.v. Vì Câu Sinh Duyên v.v. (nên bổ túc các Sắc Đại Hiển). Vì Hỗ Tương Duyên v.v. 2 Sắc Đại Hiển nương vào 1 Sắc Đại Hiển tiếp xúc được sinh khởi...nương vào 2 Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính không tiếp xúc được nương vào Pháp Thực Tính tiếp xúc được sinh khởi vì Hỗ Tương Duyên đó là Thủy Giới v.v. nương vào Sắc Đại Hiển tiếp xúc được sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tiếp xúc được và không tiếp xúc được nương vào Pháp Thực Tính tiếp xúc được sinh khởi vì Hỗ Tương Duyên đó là 2 Sắc Đại Hiển và Thủy Giới nương vào 1 Sắc Đại Hiển tiếp xúc được sinh khởi...nương vào 2 Sắc Đại Hiển v.v. (3)

[58] Pháp Thực Tính không tiếp xúc được nương vào Pháp Thực Tính không tiếp xúc được sinh khởi vì Hỗ Tương Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn không tiếp xúc được sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính tiếp xúc được nương vào Pháp Thực Tính không tiếp xúc được sinh khởi vì Hỗ Tương Duyên đó là Sắc Đại Hiển tiếp xúc được nương vào Thủy Giới sinh khởi (nên bổ túc các thể loại Sắc Đại Hiển nội bộ và ngoại bộ này vào với) (2)

Pháp Thực Tính tiếp xúc được nương vào Pháp Thực Tính tiếp xúc được và không tiếp xúc được sinh khởi vì Hỗ Tương Duyên đó là 2 Sắc Đại Hiển nương vào 1 Sắc Đại Hiển tiếp xúc được và nương vào Thủy Giới sinh khởi v.v. Vì Y Chỉ Duyên v.v. Vì Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[59] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 1 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 1 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 1 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 1 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 1 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 1 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 9 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 9 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 1 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 1 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 1 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[60] Pháp Thực Tính tiếp xúc được nương vào Pháp Thực Tính tiếp xúc được sinh khởi vì Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính không tiếp xúc được nương vào Pháp Thực Tính không tiếp xúc được sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không tiếp xúc được nương vào 1 Uẩn Vô Nhân không tiếp xúc được sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh không tiếp xúc được nương vào Thủy Giới sinh khởi, Nữ Quyền Lực v.v. Đoàn Thực nương vào Thủy Giới sinh khởi...ở phần ngoại bộ v.v. có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ v.v. có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. Đối với Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh không tiếp xúc được nương vào Thủy Giới sinh khởi, Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (1)

(Đối với Câu có Pháp Thực Tính không tiếp xúc được làm Căn Nguyên ngoài ra đây - nên bổ túc 2 thời kỳ, ngay cả trong Hiệp Lực **(Ghaṭanā)** cũng nên bổ túc 3 thời kỳ, thấu hiểu rồi nên bổ túc các Sắc Đại Hiển ở phần nội bộ và ngoại bộ).

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.

[61] Pháp Thực Tính tiếp xúc được nương vào Pháp Thực Tính tiếp xúc được sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên (giản lược lại tất cả). Vì Phi Ly Khứ Duyên.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[62] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 9 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 9 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 9 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[63] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[64] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời

kỳ. Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ v.v. Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên

(Giai Đoạn Câu Sinh tương tự Giai Đoạn Liên Quan)

10. NHỊ ĐỀ HỮU ĐỐI CHIẾU (SAPPAṬIGHADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[65] Pháp Thực Tính tiếp xúc được tác hành Pháp Thực Tính tiếp xúc được cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính không tiếp xúc được tác hành Pháp Thực Tính không tiếp xúc được cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không tiếp xúc được tác hành 1 Uẩn không tiếp xúc được cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh không tiếp xúc được tác hành Thủy Giới cho thành duyên sinh khởi, Nữ Quyền Lực v.v. Đoàn Thực tác hành Thủy Giới cho thành duyên sinh khởi, Uẩn không tiếp xúc được tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1) (5 thời kỳ còn lại tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.

[66] Pháp Thực Tính không tiếp xúc được tác hành Pháp Thực Tính tiếp xúc được cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính không tiếp xúc được tác hành Pháp Thực Tính không tiếp xúc được cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn không tiếp xúc được cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Uẩn không tiếp xúc được tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính không tiếp xúc được tác hành Pháp Thực Tính tiếp xúc được và không tiếp xúc được cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn đồng hành Nhãn Thức và tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. 3 Uẩn tác hành

1 Uẩn đồng hành Thân Thức và tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Vì Trưởng Duyên (giản lược). Vì Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[67] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 1 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

(Nên thực hiện việc đếm Đối Nghịch Duyên như thế này. Giai Đoạn Y Chỉ tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh). (Ngay cả trong Giai Đoạn Hỗn Tạp, từng mỗi Duyên có 1 thời kỳ, giản lược, Vì Bất Ly Duyên chỉ có 1 thời kỳ nên bổ túc thành 2 thời kỳ).

10. NHỊ ĐỀ HỮU ĐỐI CHIẾU (SAPPAṬIGHADUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[68] Pháp Thực Tính không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không tiếp xúc được theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân không tiếp xúc được làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không tiếp xúc được theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính tiếp xúc được theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân không tiếp xúc được làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tiếp xúc được theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính tiếp xúc được và không tiếp xúc được theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân không tiếp xúc được làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tiếp xúc được và không tiếp xúc được theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[69] Pháp Thực Tính tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không tiếp xúc được theo phương thức Cảnh Duyên đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Xúc v.v. thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với

Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Uẩn tiếp xúc được làm duyên đối với Thần Túc Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

Pháp Thực Tính không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không tiếp xúc được theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy, tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi, xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo, Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não đã được đoạn tận rồi, tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi, tri đắc phiền não đã từng sinh khởi, kiến giải minh lượng Ý Vật v.v. Nữ Quyền Lực v.v. Nam Quyền Lực v.v. Mạng Quyền Lực v.v. Thủy Giới và Đoàn Thực thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm không tiếp xúc được, Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Uẩn không tiếp xúc được làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[70] Pháp Thực Tính tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không tiếp xúc được theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Xúc cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không tiếp xúc được theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi cho thành Cảnh một cách kiên định, xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định cho thành Cảnh một cách kiên định. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Quả cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo và Quả theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Ý Vật v.v. Nữ Quyền Lực v.v. Nam Quyền Lực v.v. Mạng Quyền Lực v.v. Thủy Giới và Đoàn Thực cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Ý Vật ấy v,v, cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng không tiếp xúc được làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không tiếp xúc được theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính tiếp xúc được theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng không tiếp xúc được làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tiếp xúc được theo phương thức Trưởng Duyên (2)

Pháp Thực Tính không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính tiếp xúc được và không tiếp xúc được theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng không tiếp xúc được làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tiếp xúc được và không tiếp xúc được theo phương thức Trưởng Duyên (3)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[71] Pháp Thực Tính không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không tiếp xúc được theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn không tiếp xúc được sinh trước trước v.v. làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên.

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA)

[72] Pháp Thực Tính không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không tiếp xúc được theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên v.v.

CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA) v.v.

[73] Pháp Thực Tính tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính tiếp xúc được theo phương thức Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ.

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[74] Pháp Thực Tính tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không tiếp xúc được theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Cảnh Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Quý Tiết và Trú Xứ rồi xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Quý Tiết và Trú Xứ làm duyên đối với Tín v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không tiếp xúc được theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi xả thí v.v. chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ và Ẩm Thực rồi xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Ẩm Thực làm duyên đối với Tín v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[75] Pháp Thực Tính tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không tiếp xúc được theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Xúc thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không tiếp xúc được theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại đó là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Ý Vật v.v. Nữ Quyền Lực, Nam Quyền Lực, Mạng Quyền Lực, Thủy Giới và Đoàn Thực thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn không tiếp xúc được theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính tiếp xúc được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không tiếp xúc được theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ và Ý Vật v.v. Xúc Xứ và Ý Vật làm duyên đối với Uẩn không tiếp xúc được theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

[76] Pháp Thực Tính không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không tiếp xúc được theo phương thức Hậu Sinh Duyên đó là Uẩn không tiếp xúc được sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này sinh trước không tiếp xúc được theo phương thức Hậu Sinh Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn không tiếp xúc được sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này sinh trước tiếp xúc được theo phương thức Hậu Sinh Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn không tiếp xúc được sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này sinh trước tiếp xúc được và không tiếp xúc được theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (Đối với cả 2 Duyên nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên) (3)

TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[77] Pháp Thực Tính không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không tiếp xúc được theo phương thức Trùng Dụng Duyên đó là Uẩn không tiếp xúc được sinh trước trước v.v. Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trùng Dụng Duyên (1)

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[78] Pháp Thực Tính không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không tiếp xúc được theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở không tiếp xúc được làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không tiếp xúc được theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở không tiếp xúc được làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Sinh không tiếp xúc được theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính tiếp xúc được theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở không tiếp xúc được làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tiếp xúc được theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở không tiếp xúc được làm duyên đối với Sắc Tái Sinh tiếp xúc được theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính tiếp xúc được và không tiếp xúc được theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở không tiếp xúc được làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tiếp xúc được và không tiếp xúc được theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở không tiếp xúc được làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Sinh tiếp xúc được và không tiếp xúc được theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

[79] Pháp Thực Tính không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không tiếp xúc được theo phương thức Dị Thục Quả Duyên đó là Pháp Thực Tính Dị Thục Quả không tiếp xúc được v.v. có 3 thời kỳ.

VẬT THỰC (ĀHĀRAPACCAYA)

[80] Pháp Thực Tính không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không tiếp xúc được theo phương thức Vật Thực Duyên đó là Vật Thực không tiếp xúc được làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không tiếp xúc được theo phương

thức Vật Thực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này không tiếp xúc được theo phương thức Vật Thực Duyên (nên bổ túc 2 thời kỳ còn lại, ngay cả trong cả 2 thời kỳ cũng nên bổ túc Tái Sinh **(Paṭisandhi)** và Đoàn Thực, trừ trong đoạn cuối với) (3)

QUYỀN LỰC DUYÊN (INDRĪYAPACCAYA) v.v.

[81] Pháp Thực Tính không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không tiếp xúc được theo phương thức Quyền Lực Duyên đó là Nhãn Quyền làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Quyền làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không tiếp xúc được theo phương thức Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ (ngay cả trong cả 3 thời kỳ cũng nên bổ túc Mạng Quyền Lực để trong đoạn cuối với) (3)

Pháp Thực Tính tiếp xúc được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không tiếp xúc được theo phương thức Quyền Lực Duyên đó là Nhãn Quyền và Nhãn Thức làm duyên đối với Uẩn đồng hành Nhãn Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên v.v. Thân Quyền và Thân Thức làm duyên đối với Uẩn đồng hành Thân Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 1 thời kỳ.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[82] Pháp Thực Tính tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không tiếp xúc được theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên chỉ có một thể loại là **Tiền Sinh** đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

Pháp Thực Tính không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không tiếp xúc được theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn không tiếp xúc được làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không tiếp xúc được theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. Uẩn làm duyên đối với Ý Vật theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, Ý Vật làm duyên đối với Uẩn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn không tiếp xúc được theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn không tiếp xúc được làm duyên đối với sắc thân này sinh trước không tiếp xúc được theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

Pháp Thực Tính không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính tiếp xúc được theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn không tiếp xúc được làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tiếp xúc được theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Hậu Sinh đó là Uẩn không tiếp xúc được làm duyên đối với sắc thân này sinh trước tiếp xúc được theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (2)

Pháp Thực Tính không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính tiếp xúc được và không tiếp xúc được theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn không tiếp xúc được làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tiếp xúc được và không tiếp xúc được theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Hậu Sinh đó là Uẩn không tiếp xúc được làm duyên đối với sắc thân này sinh trước tiếp xúc được và không tiếp xúc được theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (3)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[43] Pháp Thực Tính tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 1 thời kỳ (thời kỳ thứ 1 tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (1)

Pháp Thực Tính tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là Sắc Đại Hiển tiếp xúc được làm duyên đối với Thủy Giới theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Đại Hiển tiếp xúc được làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh không tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Xúc Xứ làm duyên đối với Nữ Quyền Lực v.v. Đoàn Thực theo phương thức Hiện Hữu Duyên...ở phần ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Xúc thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ và Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ và Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính tiếp xúc được và không tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên đó là 1 Sắc Đại Hiển tiếp xúc được làm duyên đối với 2 Sắc Đại Hiển và Thủy Giới theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. (tương tự Giai Đoạn Liên Quan, nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (3)

[84] Pháp Thực Tính không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn không tiếp xúc được làm duyên đối với 3 Uẩn v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng).

Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Ý Vật v.v. Nữ Quyền Lực, Nam Quyền Lực, Mạng Quyền Lực, Thủy Giới và Đoàn Thực thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi, Ý Vật làm duyên đối với Uẩn không tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn không tiếp xúc được làm duyên đối với sắc thân này sinh trước không tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này không tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh không tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Pháp Thực Tính không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 4 thể loại là Câu Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là Uẩn không tiếp xúc được làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. Thủy Giới làm duyên đối với Sắc Đại Hiển tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Thủy Giới làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Thủy Giới làm duyên đối với Nhãn Xứ v.v. Xúc Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên...ở phần ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

Hậu Sinh đó là Uẩn không tiếp xúc được làm duyên đối với sắc thân này sinh trước tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái sinh tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính tiếp xúc được và không tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 4 thể loại là Câu Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn không tiếp xúc được làm duyên đối với 3 Uẩn và Sắc Tái Sinh tiếp xúc được và không tiếp xúc được v.v. (tương tự Giai Đoạn Liên Quan, nên bổ túc nội dung cho đến Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng).

Hậu Sinh đó là Uẩn không tiếp xúc được làm duyên đối với sắc thân này sinh trước tiếp xúc được và không tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này tiếp xúc được và không tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh tiếp xúc được và không tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên (3)

[85] Pháp Thực Tính tiếp xúc được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan, nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

Pháp Thực Tính tiếp xúc được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn không tiếp xúc được và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không tiếp xúc được v.v. (tương tự Giai Đoạn Liên Quan, nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng).

Câu Sinh đó là 1 Uẩn đồng hành Nhãn Thức và Nhãn Xứ làm duyên đối với 3 Uẩn v.v. 2 Uẩn v.v. 1 Uẩn đồng hành Thân Thức và Thân Xứ làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. (2)

Pháp Thực Tính tiếp xúc được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính tiếp xúc được và không tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[86] Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Cảnh Duyên có 2 thời kỳ. Trưởng Duyên có 4 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 1 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 1 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 2 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 1 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 3 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 5 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 3 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 1 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 4 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 1 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 1 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ (nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆAṆA)

[87] Pháp Thực Tính tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính tiếp xúc được theo phương thức Câu Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không tiếp xúc được theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính tiếp xúc được và không tiếp xúc được theo phương thức Câu Sinh Duyên (3)

[88] Pháp Thực Tính không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không tiếp xúc được theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính tiếp xúc được theo phương thức Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính tiếp xúc được và không tiếp xúc được theo phương thức Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (3)

[89] Pháp Thực Tính tiếp xúc được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính tiếp xúc được theo phương thức Câu Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính tiếp xúc được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không tiếp xúc được theo phương thức Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính tiếp xúc được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính tiếp xúc được và không tiếp xúc được theo phương thức Câu Sinh Duyên (3)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[90] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ v.v. Phi Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Phi Câu Sinh Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Phi Y Chỉ Duyên có 4 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ v.v. Phi Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hiện Hữu Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Phi Bất Ly Duyên có 4 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[91] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN

(NAHETUDUKANAYA)

[92] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ (nên đếm Mẫu Đề Thuận Tùng Duyên). Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Nhị Đề Hữu Đối Chiếu

11. NHỊ ĐỀ SẮC PHÁP (RŪPĪDUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[93] Pháp Thực Tính sắc pháp **(Rūpīdhamma)** nương vào Pháp Thực Tính sắc pháp sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Sắc Đại Hiển nương vào 1 Sắc Đại Hiển sinh khởi v.v. nương vào 2 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp **(Arūpīdhamma)** nương vào Pháp Thực Tính sắc pháp sinh khởi vì Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh, Uẩn chẳng phải sắc pháp nương vào Ý Vật sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính sắc pháp và chẳng phải sắc pháp nương vào Pháp Thực Tính sắc pháp sinh khởi vì Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh, Uẩn chẳng phải sắc pháp nương vào Ý Vật sinh khởi, Sắc Tái Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (3)

[94] Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn chẳng phải sắc pháp sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính sắc pháp nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn chẳng phải sắc pháp sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính sắc pháp và chẳng phải sắc pháp nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải sắc pháp sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

[95] Pháp Thực Tính sắc pháp nương vào Pháp Thực Tính sắc pháp và chẳng phải sắc pháp sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn chẳng phải sắc pháp và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp nương vào Pháp Thực Tính sắc pháp và chẳng phải sắc pháp sinh khởi vì Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn chẳng phải sắc pháp và nương vào Ý Vật sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (2)

Pháp Thực Tính sắc pháp và chẳng phải sắc pháp nương vào Pháp Thực Tính sắc pháp và chẳng phải sắc pháp sinh khởi vì Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn chẳng phải sắc pháp và nương vào Ý Vật sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tái Sinh nương vào Uẩn chẳng phải sắc pháp và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (giản lược) (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[96] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 1 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 1 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 9 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 9 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 9 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[97] Pháp Thực Tính sắc pháp nương vào Pháp Thực Tính sắc pháp vì Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn Vô Nhân chẳng phải sắc pháp sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (Vì Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ, nên quy định rằng Vô Nhân).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[98] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 2 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 2 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[99] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[100] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời ky. Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
(Giai Đoạn Câu Sinh tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh)

11. NHỊ ĐỀ SẮC PHÁP (RŪPĪDUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[101] Pháp Thực Tính sắc pháp tác hành Pháp Thực Tính sắc pháp cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là...tác hành 1 Sắc Đại Hiển v.v. (tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp tác hành Pháp Thực Tính sắc pháp cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn chẳng phải sắc pháp tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính sắc pháp và chẳng phải sắc pháp tác hành Pháp Thực Tính sắc pháp cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn chẳng phải sắc pháp tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. [Giai Đoạn còn lại cũng như thế này, nên phân chia Thời Kỳ Chuyển Khởi **(Pavattikāla)** và Thời Kỳ Tái Sinh **(Paṭisandhikāla)]** (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[102] Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp tác hành Pháp Thực Tính sắc pháp cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi, Uẩn chẳng phải sắc pháp tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là...tác hành 1 Uẩn chẳng phải sắc pháp v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp tác hành Pháp Thực Tính sắc pháp và chẳng phải sắc pháp cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn đồng hành Nhãn Thức và tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. đồng hành Thân Thức v.v. 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn chẳng phải sắc pháp và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (giản lược) (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[103] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 1 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 3 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ v.v. Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[104] Pháp Thực Tính sắc pháp tác hành Pháp Thực Tính sắc pháp cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là...tác hành 1 Sắc Đại Hiển v.v. Đối với Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...tác hành 1 Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp tác hành Pháp Thực Tính sắc pháp cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi, Uẩn Vô Nhân chẳng phải sắc pháp tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính sắc pháp và chẳng phải sắc pháp tác hành Pháp Thực Tính sắc pháp cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên [nên bổ túc Thời Kỳ Chuyển Khởi **(Pavatti kāla)** và Thời Kỳ Tái Sinh **(Paṭisandhikāla)]** (3)

[105] Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là...tác hành 1 Uẩn Vô Nhân chẳng phải sắc pháp v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính sắc pháp tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Vô Nhân chẳng phải sắc pháp cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính sắc pháp và chẳng phải sắc pháp tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất

Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn Vô Nhân chẳng phải sắc pháp cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

[106] Pháp Thực Tính sắc pháp tác hành Pháp Thực Tính sắc pháp và chẳng phải sắc pháp cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Vô Nhân chẳng phải sắc pháp và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp tác hành Pháp Thực Tính sắc pháp và chẳng phải sắc pháp cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn đồng hành Nhãn Thức và tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. đồng hành Thân Thức v.v. 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn chẳng phải sắc pháp và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính sắc pháp và chẳng phải sắc pháp tác hành Pháp Thực Tính sắc pháp và chẳng phải sắc pháp cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn Vô Nhân chẳng phải sắc pháp và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn chẳng phải sắc pháp và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[107] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 4 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[108] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ (giản lược, nên bổ túc mỗi thời kỳ). Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương

Ưng Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[109] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ (nên bổ túc mỗi thời kỳ) v.v. Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
(Giai Đoạn Y Chỉ tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh)

11. NHỊ ĐỀ SẮC PHÁP (RŪPĪDUKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

[110] Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn chẳng phải sắc pháp v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Nhân Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 1 thời kỳ. (Việc đếm Đối Nghịch Duyên v.v. và Giai Đoạn Tương Ưng nên bổ túc hết tất cả như thế này, chỉ có duy nhứt một thời kỳ thôi).

11. NHỊ ĐỀ SẮC PHÁP (RŪPĪDUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[111] Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính sắc pháp theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính sắc pháp và chẳng phải sắc pháp theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân chẳng phải sắc pháp làm

duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[112] Pháp Thực Tính sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp vì Cảnh Duyên đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật v.v. Nữ Quyền Lực v.v. Nam Quyền Lực v.v. Mạng Quyền Lực v.v. Thủy Giới v.v. Đoàn Thực thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Cảnh Duyên v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Cảnh Duyên. Uẩn sắc pháp làm duyên đối với Thần Túc Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

[113] Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy, tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo, Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não đã được đoạn tận rồi v.v. tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi v.v. tư khảo lại phiền não đã từng sinh khởi v.v. Người kiến giải minh lượng Uẩn chẳng phải sắc pháp thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm chẳng phải sắc pháp, Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Uẩn chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[114] Pháp Thực Tính sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Đoàn Thực cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí v.v. (giản lược) Níp Bàn làm duyên đối với Đạo và Quả theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn chẳng phải sắc pháp cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính sắc pháp theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính sắc pháp và chẳng phải sắc pháp theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (3)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.

[115] Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn chẳng phải sắc pháp sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn chẳng phải sắc pháp sinh sau sau v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. Làm duyên theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên.

[Câu Sinh Duyên có 7 thời kỳ, trong chỗ này không có Hiệp Lực **(Ghaṭanā).** Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ, Y Chỉ Duyên có 7 thời kỳ trong chỗ này không có Hiệp Lực **(Ghaṭanā)**].

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[116] Pháp Thực Tính sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Cảnh Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Quý Tiết, Ẩm Thực, Trú Xứ rồi xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Quý Tiết, Ẩm Thực và Trú Xứ làm duyên đối với Tín v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi xả thí, nương vào Giới v.v. Thân Thọ Khổ rồi xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Thân Thọ Khổ làm duyên đối với Tín v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[117] Pháp Thực Tính sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật v.v. Đoàn Thực thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải sắc pháp theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

[118] Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính sắc pháp theo phương thức Hậu Sinh Duyên đó là Uẩn chẳng phải sắc pháp sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên (1)

TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[119] Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp theo phương thức Trùng Dụng Duyên đó là Uẩn chẳng phải sắc pháp sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn chẳng phải sắc pháp sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên (1)

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[120] Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở không sắc pháp làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính sắc pháp theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính sắc pháp và chẳng phải sắc pháp theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA) VÀ VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA)

[121] Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp theo phương thức Dị Thục Quả Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính sắc pháp theo phương thức Vật Thực Duyên đó là Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Vật Thực Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp theo phương thức Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ.

QUYỀN LỰC DUYÊN (INDRĪYAPACCAYA)

[122] Pháp Thực Tính sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính sắc pháp theo phương thức Quyền Lực Duyên đó là Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp theo phương thức Quyền Lực Duyên đó là Nhãn Quyền làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Quyền làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp theo phương thức Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính sắc pháp và chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp theo phương thức Quyền Lực Duyên đó là Nhãn Quyền và Nhãn Thức làm duyên đối với Uẩn đồng hành Nhãn Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên v.v. Thân Quyền v.v.

THIỀN NA DUYÊN (JHĀNAPACCAYA) v.v.

[123] Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp theo phương thức Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 1 thời kỳ.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[124] Pháp Thực Tính sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là trong sát na tái sinh, Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải sắc pháp theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải sắc pháp theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính sắc pháp theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na tái sinh, Uẩn chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Uẩn chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Ý Vật theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA) v.v.

[125] Pháp Thực Tính sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính sắc pháp theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là 1 Sắc Đại Hiển v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng). Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Pháp Thực Tính sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là trong sát na tái sinh, Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải sắc pháp theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Đoàn Thực thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải sắc pháp theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

[126] Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp theo phương thức Hiện Hữu Duyên đó là 1 Uẩn chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với 3 Uẩn v.v. 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính sắc pháp theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Hậu Sinh đó là Uẩn chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính sắc pháp và chẳng phải sắc pháp theo phương thức Hiện Hữu Duyên đó là 1 Uẩn chẳng phải sắc pháp

làm duyên đối với 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

[127] Pháp Thực Tính sắc pháp và chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính sắc pháp theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 4 thể loại là Câu Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là Uẩn chẳng phải sắc pháp và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Hậu Sinh đó là Uẩn chẳng phải sắc pháp và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn chẳng phải sắc pháp và Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (1)

Pháp Thực Tính sắc pháp và chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn đồng hành Nhãn Thức và Nhãn Xứ làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. đồng hành Thân Thức v.v. 1 Uẩn chẳng phải sắc pháp và Ý Vật làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 1 Uẩn chẳng phải sắc pháp và Ý Vật làm duyên đối với 3 Uẩn v.v. 2 Uẩn v.v. (2)...Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên. Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[128] Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Cảnh Duyên có 2 thời kỳ. Trưởng Duyên có 4 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 1 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 1 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 7 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 7 thời kỳ. Cận Y Duyên có 2 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 1 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 1 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 1 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 3 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 6 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 3 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 1 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 7 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 1 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 1 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 7 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[129] Pháp Thực Tính sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính sắc pháp theo phương thức Câu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính sắc pháp theo phương thức Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính sắc pháp và chẳng phải sắc pháp theo phương thức Câu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên (3)

Pháp Thực Tính sắc pháp và chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính sắc pháp có 4 thể loại là Câu Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực (1)

Pháp Thực Tính sắc pháp và chẳng phải sắc pháp làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải sắc pháp có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh (2)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[130] Phi Nhân Duyên có 7 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 7 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 7 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 7 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 7 thời kỳ. Phi Câu Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Phi Y Chỉ Duyên có 6 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 7 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 7 thời kỳ v.v. Phi Đồ Đạo Duyên có 7 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Hiện Hữu Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 7 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 7 thời kỳ. Phi Bất Ly Duyên có 4 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[131] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 3 thời kỳ). Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[132] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ (nên bổ túc Mẫu Đề Thuận Tùng Duyên). Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 7 thời kỳ.

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Nhị Đề Sắc Pháp

12. NHỊ ĐỀ HIỆP THẾ (LOKIYADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[133] Pháp Thực Tính hiệp thế **(Lokiyadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính hiệp thế sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn hiệp thế sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi.

[134] Pháp Thực Tính siêu thế **(Lokuttaradhamma)** nương vào Pháp Thực Tính siêu thế sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn siêu thế sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính hiệp thế nương vào Pháp Thực Tính siêu thế sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn siêu thế sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hiệp thế và siêu thế nương vào Pháp Thực Tính siêu thế sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn siêu thế sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

Pháp Thực Tính hiệp thế nương vào Pháp Thực Tính hiệp thế và siêu thế sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn siêu thế và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (giản lược) (1)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[135] Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Cảnh Duyên có 2 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 2 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 2 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 2 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 5 thời kỳ. Cận Y Duyên có 2 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 5 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 5 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 5 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 5 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 5 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 5 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 5 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 2 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 2 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 5 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[136] Pháp Thực Tính hiệp thế nương vào Pháp Thực Tính hiệp thế sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân hiệp thế sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng). Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (giản lược).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[137] Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 5 thời kỳ. (Trong Phần Thuần Tịnh Siêu Thế có Trùng Dụng Duyên làm Căn Nguyên nên quy định là Dị Thục Quả, còn lại chính thị hiện hành một cách chính thường). Phi Nghiệp Lực Duyên có 2 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[138] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. (Câu có Phi Vô Gián Duyên v.v. tương tự Đối Nghịch Duyên) v.v. Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[139] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ.

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
(Giai Đoạn Câu Sinh tương tự Giai Đoạn Liên Quan)

12. NHỊ ĐỀ HIỆP THẾ (LOKIYADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[140] Pháp Thực Tính hiệp thế tác hành Pháp Thực Tính hiệp thế cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là...tác hành 1 Uẩn hiệp thế v.v. tác hành 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, Uẩn hiệp thế tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính siêu thế tác hành Pháp Thực Tính hiệp thế cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn siêu thế tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hiệp thế và siêu thế tác hành Pháp Thực Tính hiệp thế cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn siêu thế tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi (3)

[141] Pháp Thực Tính siêu thế tác hành Pháp Thực Tính siêu thế cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính hiệp thế tác hành Pháp Thực Tính hiệp thế và siêu thế cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn siêu thế và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính siêu thế tác hành Pháp Thực Tính hiệp thế và siêu thế cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn siêu thế và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (2)

Pháp Thực Tính hiệp thế và siêu thế tác hành Pháp Thực Tính hiệp thế và siêu thế cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn siêu thế và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn siêu thế và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi (giản lược) (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[142] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 4 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 4 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 4 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 4 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 4 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ v.v. Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 4 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 4 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 4 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[143] Pháp Thực Tính hiệp thế tác hành Pháp Thực Tính hiệp thế cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là...tác hành 1 Uẩn Vô Nhân hiệp thế v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng). Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi, Uẩn Vô Nhân hiệp thế tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (giản lược).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[144] Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền

Sinh Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. (Siêu Thế và Vô Sắc Giới nên quy định rằng là Dị Thục Quả). Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA) PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[145] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. (Câu có Câu Đẳng Vô Gián v.v. tương tự Đối Nghịch Duyên). Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA) PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[146] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ.

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
(Giai Đoạn Y Chỉ tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh)

12. NHỊ ĐỀ HIỆP THẾ (LOKIYADUKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[147] Pháp Thực Tính hiệp thế sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính hiệp thế vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn hiệp thế v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính siêu thế sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính siêu thế vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn siêu thế v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. (1) (Nên giảng giải Giai Đoạn Hỗn Tạp cho quảng nghĩa như thế này, luôn cả việc đếm có 2 thời kỳ). (Giai Đoạn Tương Ưng tương tự Giai Đoạn Hỗn Tạp).

12. NHỊ ĐỀ HIỆP THẾ (LOKIYADUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[148] Pháp Thực Tính hiệp thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính hiệp thế theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân hiệp thế làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính siêu thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính siêu thế theo phương thức Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[149] Pháp Thực Tính hiệp thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính hiệp thế theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy, tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi, xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại Chuyển Tộc, tư khảo lại Dũ Tịnh, tư khảo lại phiền não đã được đoạn tận rồi, tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi, tri đắc phiền não đã từng sinh khởi. Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật v.v. Uẩn hiệp thế thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, với Tha Tâm Tri tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm hiệp thế, Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức, Uẩn hiệp thế làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

[150] Pháp Thực Tính siêu thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính siêu thế theo phương thức Cảnh Duyên đó là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo và Quả theo phương thức Cảnh Duyên (1)

Pháp Thực Tính siêu thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính hiệp thế theo phương thức Cảnh Duyên đó là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có

sự tề toàn với Tâm siêu thế, Uẩn siêu thế làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (2)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[151] Pháp Thực Tính hiệp thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính hiệp thế theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi v.v. tư khảo lại phiền não đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi v.v. Bậc Hữu Học tư khảo lại Chuyển Tộc cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Dũ Tịnh cho thành Cảnh một cách kiên định. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật v.v. Uẩn hiệp thế cho thành Cảnh một cách kiên định , vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng hiệp thế làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (1)

[152] Pháp Thực Tính siêu thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính siêu thế theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo và Quả theo phương thức Trưởng Duyên.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng siêu thế làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính siêu thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính hiệp thế theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Quả cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc và Dũ Tịnh theo phương thức Trưởng Duyên.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng siêu thế làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (2)

Pháp Thực Tính siêu thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính hiệp thế và siêu thế theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng siêu thế làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (3)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[153] Pháp Thực Tính hiệp thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính hiệp thế theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn hiệp thế sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn hiệp thế sinh sau sau v.v. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính hiệp thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính siêu thế theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo, Thuận Tùng làm duyên đối với Nhập Thiền Quả, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

[154] Pháp Thực Tính siêu thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính siêu thế theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn siêu thế sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn siêu thế sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Đạo làm duyên đối với Quả, Quả làm duyên đối với Quả theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính siêu thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính hiệp thế theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Quả làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA) v.v.

[155] Pháp Thực Tính hiệp thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính hiệp thế theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên [có 5 thời kỳ, không có Hiệp Lực **(Ghaṭanā)**]. Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên có 2 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có 7 thời kỳ.

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[156] Pháp Thực Tính hiệp thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính hiệp thế theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín hiệp thế rồi xả thí v.v. thực hành Minh Sát Tuệ cho sinh khởi, thực hiện Thắng Trí cho sinh khởi, thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới hiệp thế v.v. Trú Xứ rồi xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín hiệp thế v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín hiệp thế v.v. Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên. Thiện Nghiệp Lực và Bất Thiện Nghiệp Lực làm duyên đối với Dị Thục Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính hiệp thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính siêu thế theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Chuẩn Bị Sơ Đạo làm duyên đối với Sơ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Chuẩn Bị Tứ Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên (2)

[157] Pháp Thực Tính siêu thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính siêu thế theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Sơ Đạo làm duyên đối với Nhị Đạo theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Tam Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính siêu thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính hiệp thế theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Bậc Thánh Nhân nương vào Đạo rồi thực hiện Nhập Thiền Định vẫn chưa sinh cho sinh khởi, Nhập Thiền Định đã sinh khởi rồi, kiến giải minh lượng Pháp Hữu Vi thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã; Đạo của Bậc Thánh Nhân v.v. Đạo Chư Bậc Thánh Nhân ấy v.v. làm duyên đối với việc tác thành Bậc thông tuệ trong Xứ **(Ṭhāna)** và Phi Xứ **(Aṭṭhāna)** theo phương thức Cận Y Duyên. Nhập Thiền Quả làm duyên đối với Thân Thọ Lạc theo phương thức Cận Y Duyên (2)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[158] Pháp Thực Tính hiệp thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính hiệp thế theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn hiệp thế theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính hiệp thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính siêu thế theo phương thức Tiền Sinh Duyên chỉ có một thể loại là **Vật Tiền Sinh** đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn siêu thế theo phương thức Tiền Sinh Duyên (2)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

[159] Pháp Thực Tính hiệp thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính hiệp thế theo phương thức Hậu Sinh Duyên đó là Uẩn hiệp thế sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính siêu thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính hiệp thế theo phương thức Hậu Sinh Duyên đó là Uẩn siêu thế sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên (1)

TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[160] Pháp Thực Tính hiệp thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính hiệp thế theo phương thức Trùng Dụng Duyên đó là Uẩn hiệp thế sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn hiệp thế sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với

Chuyển Tộc v.v. Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh theo phương thức Trùng Dụng Duyên (1)

Pháp Thực Tính hiệp thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính siêu thế theo phương thức Trùng Dụng Duyên đó là Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo v.v. Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trùng Dụng Duyên (1)

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[161] Pháp Thực Tính hiệp thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính hiệp thế theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở hiệp thế làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở hiệp thế làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính siêu thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính siêu thế theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở siêu thế làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở siêu thế làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính siêu thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính hiệp thế theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở siêu thế làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính siêu thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính hiệp thế và siêu thế theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở siêu thế làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

[162] Pháp Thực Tính hiệp thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính hiệp thế theo phương thức Dị Thục Quả Duyên đó là 1 Uẩn Dị Thục Quả hiệp thế làm duyên đối với 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính siêu thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính siêu thế theo phương thức Dị Thục Quả Duyên có 3 thời kỳ.

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA)

[163] Pháp Thực Tính hiệp thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính hiệp thế theo phương thức Vật Thực Duyên đó là Vật Thực hiệp thế làm duyên đối với Uẩn tương ưng và

Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Vật Thực Duyên (1)

Pháp Thực Tính siêu thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính siêu thế theo phương thức Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ.

QUYỀN LỰC DUYÊN (INDRĪYAPACCAYA)

[164] Pháp Thực Tính hiệp thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính hiệp thế theo phương thức Quyền Lực Duyên [nên bổ túc Tái Sinh **(Paṭisandhi)**]. Nhãn Quyền làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Quyền làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên. Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính siêu thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính siêu thế theo phương thức Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ.

THIỀN NA DUYÊN (JHĀNAPACCAYA) v.v.

[165] Pháp Thực Tính hiệp thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính hiệp thế theo phương thức Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ.

Pháp Thực Tính siêu thế v.v. có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Pháp Thực Tính hiệp thế có 1 thời kỳ. Pháp Thực Tính siêu thế có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính hiệp thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính hiệp thế theo phương thức Tương Ưng Duyên có 1 thời kỳ. Pháp Thực Tính siêu thế v.v. có 1 thời kỳ.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[166] Pháp Thực Tính hiệp thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính hiệp thế theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn hiệp thế làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. Uẩn làm duyên đối với Ý Vật theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn hiệp thế theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn hiệp thế làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

Pháp Thực Tính hiệp thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính siêu thế theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên chỉ có một thể loại là **Tiền Sinh** đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn siêu thế theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (2)

Pháp Thực Tính siêu thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính hiệp thế theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn siêu thế làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn siêu thế làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA) v.v.

[167] Pháp Thực Tính hiệp thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính hiệp thế theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn hiệp thế làm duyên đối với 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng).

Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật v.v. (Duyên này tương tự Tiền Sinh Duyên). Ý Vật làm duyên đối với Uẩn hiệp thế theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn hiệp thế làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (1)

Pháp Thực Tính hiệp thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính siêu thế theo phương thức Hiện Hữu Duyên chỉ có một thể loại là **Tiền Sinh** đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn siêu thế theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

[168] Pháp Thực Tính siêu thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính siêu thế theo phương thức Hiện Hữu Duyên đó là 1 Uẩn siêu thế làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính siêu thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính hiệp thế theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn siêu thế làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn siêu thế làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính siêu thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính hiệp thế và siêu thế theo phương thức Hiện Hữu Duyên đó là 1 Uẩn siêu thế làm duyên đối với 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. (3)

[169] Pháp Thực Tính hiệp thế và siêu thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính hiệp thế theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 4 thể loại là Câu Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là Uẩn siêu thế và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn siêu thế và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn siêu thế và Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Pháp Thực Tính hiệp thế và siêu thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính siêu thế theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn siêu thế và Ý Vật làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên. Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên (2)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[170] Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Trưởng Duyên có 4 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 2 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 7 thời kỳ. Cận Y Duyên có 4 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 4 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 4 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 4 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 4 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 7 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 4 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 4 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 7 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[171] Pháp Thực Tính hiệp thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính hiệp thế theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính hiệp thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính siêu thế theo phương thức Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (2)

[172] Pháp Thực Tính siêu thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính siêu thế theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính siêu thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính hiệp thế theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính siêu thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính hiệp thế và siêu thế theo phương thức Câu Sinh Duyên (3)

Pháp Thực Tính hiệp thế và siêu thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính hiệp thế theo phương thức Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính hiệp thế và siêu thế làm duyên đối với Pháp Thực Tính siêu thế theo phương thức Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên (2)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[173] Phi Nhân Duyên có 7 thời kỳ v.v. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 7 thời kỳ. Phi Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 5 thời kỳ. Phi Y Chỉ Duyên có 5 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 7 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 7 thời kỳ v.v. Phi Đồ Đạo Duyên có 7 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hiện Hữu Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 7 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 7 thời kỳ. Phi Bất Ly Duyên có 4 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[174] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ v.v. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ v.v. Phi Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[175] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ (nên bổ túc Mẫu Đề Thuận Tùng Duyên). Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 7 thời kỳ.

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Nhị Đề Hiệp Thế

13. NHỊ ĐỀ HỮU TA THANH SỞ (KENACIVIÑÑEYYADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[176] Pháp Thực Tính một số Tâm biết được **(Kenaciviññeyyadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính một số Tâm biết được sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn một số Tâm biết được sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi, 3 Sắc Đại Hiển nương vào 1 Sắc Đại Hiển sinh khởi v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính một số Tâm không biết được **(Kenacinaviññeyyadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính một số Tâm biết được sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ một số Tâm không biết được nương vào 1 Uẩn một số Tâm biết được sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính một số Tâm biết được và một số Tâm không biết được nương vào Pháp Thực Tính một số Tâm biết được sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ một số Tâm biết được và một số Tâm không biết được nương vào 1 Uẩn một số Tâm biết được sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Snh ở phần Sắc Y Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (3)

[177] Pháp Thực Tính một số Tâm không biết được nương vào Pháp Thực Tính một số Tâm không biết được sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ một số Tâm không biết được nương vào 1 Uẩn một số Tâm không biết được sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính một số Tâm biết được nương vào Pháp Thực Tính một số Tâm không biết được sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ một số Tâm biết được nương vào 1 Uẩn một số Tâm không biết được sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính một số Tâm biết được và một số Tâm không biết được nương vào Pháp Thực Tính một số Tâm không biết được vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ một số Tâm biết được và một số Tâm không biết được nương vào 1 Uẩn một số Tâm không biết được sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (3)

[178] Pháp Thực Tính một số Tâm biết được nương vào Pháp Thực Tính một số Tâm biết được và một số Tâm không biết được sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ một số Tâm biết được nương vào 1 Uẩn một số Tâm biết được và một số Tâm không biết được sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính một số Tâm không biết được nương vào Pháp Thực Tính một số Tâm biết được và một số Tâm không biết được sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ một số Tâm không biết được nương vào 1 Uẩn một số Tâm biết được và một số Tâm không biết được sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính một số Tâm biết được và một số Tâm không biết được nương vào Pháp Thực Tính một số Tâm biết được và một số Tâm không biết được sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ một số Tâm biết được và một số Tâm không biết được nương vào 1 Uẩn một số Tâm biết được và một số Tâm không biết được sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (giản lược) (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[179] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[180] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 9 thời kỳ v.v. Phi Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. (Việc đếm thời kỳ cả 4 thể loại hoàn toàn rồi như thế này). (Nên giảng giải Giai Đoạn Câu Sinh, Giai Đoạn Duyên Sinh, Giai Đoạn Y Chỉ, Giai Đoạn Hỗn Tạp và Giai Đoạn Tương Ưng cho quảng nghĩa như thế này. Trong Giai Đoạn Duyên Sinh nên trình bày Ý Vật và 5 Xứ, nên bổ túc các Phần ấy theo chỗ sẽ tìm kiếm được).

13. NHỊ ĐỀ HỮU TA THANH SỞ (KENACIVIÑÑEYYADUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

[181] Pháp Thực Tính một số Tâm biết được làm duyên đối với Pháp Thực Tính một số Tâm biết được theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân một số Tâm biết được làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (giản lược). Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ v.v. Phi Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. (Việc đếm thời kỳ cả 4 thể loại hoàn toàn rồi như thế này)

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên
Kết Thúc Nhị Đề Hữu Ta Thanh Sở
Kết Thúc Nhị Đề Tiểu Lý Diện

III. QUẦN ĐOÀN LẬU HOẶC (ĀSAVAGOCCHAKA)
14. NHỊ ĐỀ LẬU HOẶC (ĀSAVADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[1] Pháp Thực Tính lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Kiến Lậu **(Diṭṭhāsava)** và Vô Minh Lậu **(Avijjāsava)** nương vào Dục Lậu **(Kāmāsava)** sinh khởi, Dục Lậu và Vô Minh Lậu nương vào Kiến Lậu sinh khởi, Dục Lậu và Kiến Lậu nương vào Vô Minh Lậu sinh khởi, Vô Minh Lậu nương vào Hữu Lậu **(Bhāsava)** sinh khởi, Vô Minh Lậu nương vào Kiến Lậu sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]** ngay cả từng mỗi thể loại) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng lậu hoặc và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào lậu hoặc sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Kiến Lậu, Vô Minh Lậu, Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Dục Lậu sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**).

[2] Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải lậu hoặc sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 4 Lậu Hoặc nương vào Uẩn chẳng phải lậu hoặc sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải lậu hoặc sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

[3] Pháp Thực Tính lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Kiến Lậu và Vô Minh Lậu nương vào Dục Lậu và Uẩn tương ưng sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải lậu hoặc và nương vào lậu hoặc sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (2)

Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, Kiến Lậu, Vô Minh Lậu và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải lậu hoặc và nương vào Dục Lậu sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**, giản lược) (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[4] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 9 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[5] Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân chẳng phải lậu hoặc sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

Pháp Thực Tính lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (2)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

[6] Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính lậu hoặc sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào lậu hoặc sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn chẳng phải lậu hoặc sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào lậu hoặc và Uẩn tương ưng sinh khởi (giản lược) (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[7] Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[8] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[9] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ v.v. Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ v.v. Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ.

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên

(Giai Đoạn Câu Sinh tương tự Giai Đoạn Liên Quan)

14. NHỊ ĐỀ LẬU HOẶC (ĀSAVADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[10] Pháp Thực Tính lậu hoặc tác hành Pháp Thực Tính lậu hoặc cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên (Câu có Lậu Hoặc làm Căn Nguyên có 3 thời kỳ, tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn chẳng phải lậu hoặc cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật tác hành Uẩn cho thành duyên sinh khởi, Uẩn tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, Uẩn chẳng phải lậu hoặc tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính lậu hoặc tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là lậu hoặc tác hành Uẩn chẳng phải lậu hoặc cho thành duyên sinh khởi, lậu hoặc tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn lậu hoặc và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn chẳng phải lậu hoặc cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Lậu hoặc và Uẩn tương ưng tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (3)

[11] Pháp Thực Tính lậu hoặc tác hành Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Kiến Lậu và Vô Minh Lậu tác hành Dục Lậu và Uẩn tương ưng cho thành duyên sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Kiến Lậu và Vô Minh Lậu tác hành Dục Lậu và Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc tác hành Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn chẳng phải lậu hoặc và tác hành lậu hoặc cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Uẩn chẳng phải lậu hoặc tác hành lậu hoặc và Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc và tác hành Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, Kiến Lậu, Vô Minh Lậu và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn chẳng phải lậu hoặc và tác hành Dục Lậu cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Kiến Lậu, Vô Minh Lậu và Uẩn tương ưng tác hành Dục Lậu và Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakka naya],** giản lược) (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[12] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ v.v. Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[13] Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ

tác hành 1 Uẩn Vô Nhân chẳng phải lậu hoặc cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi, Uẩn Vô Nhân chẳng phải lậu hoặc tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính lậu hoặc tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[14] Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ v.v. Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ. (Nên đếm hết tất cả số lượng như thế này). (Giai Đoạn Y Chỉ tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh).

14. NHỊ ĐỀ LẬU HOẶC (ĀSAVADUKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)
1 - 4. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

[15] Pháp Thực Tính lậu hoặc sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính lậu hoặc vì Nhân Duyên đó là Kiến Lậu và Vô Minh Lậu sinh hỗn tạp với Dục Lậu (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya],** giản lược). Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ (việc đếm và Giai Đoạn Tương Ưng tương tự Giai Đoạn Hỗn Tạp).

14. NHỊ ĐỀ LẬU HOẶC (ĀSAVADUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[16] Pháp Thực Tính lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc theo phương thức Nhân Duyên đó là Dục Lậu làm duyên đối với Kiến Lậu và Vô Minh Lậu theo phương thức Nhân Duyên. Hữu Lậu làm duyên đối với Vô Minh Lậu theo phương thức Nhân Duyên (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (1)

Pháp Thực Tính lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân lậu hoặc làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (2)

Pháp Thực Tính lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Nhân Duyên đó là Dục Lậu làm duyên đối với Kiến Lậu, Vô Minh Lậu, Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (3)

[17] Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với lậu hoặc tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Uẩn tương ưng lậu hoặc và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (3)

Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[18] Pháp Thực Tính lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì lậu hoặc khai đầu, lậu hoặc mới sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì lậu hoặc khai đầu, Uẩn chẳng phải lậu hoặc mới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì lậu hoặc khai đầu, lậu hoặc và Uẩn tương ưng mới sinh khởi (3)

[19] Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo, Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não chẳng phải lậu hoặc

đã được đoạn tận rồi v.v. tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi, tri đắc phiền não đã từng sinh khởi, kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật v.v. Uẩn chẳng phải lậu hoặc thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm chẳng phải lậu hoặc, Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Uẩn chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy khai đầu, lậu hoặc mới sinh khởi. Người tuân thủ giới luật v.v. thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải lậu hoặc, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, lậu hoặc mới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí v.v. (tương tự nội dung đoạn thứ 2). Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn chẳng phải lậu hoặc, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn ấy khai đầu, lậu hoặc và Uẩn tương ưng mới sinh khởi (3)

[20] Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì lậu hoặc và Uẩn tương ưng khai đầu, lậu hoặc mới sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì lậu hoặc và Uẩn tương ưng khai đầu, Uẩn chẳng phải lậu hoặc mới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì lậu hoặc và Uẩn tương ưng khai đầu, lậu hoặc và Uẩn tương ưng mới sinh khởi (3)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[21] Pháp Thực Tính lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là vì thực hiện lậu hoặc cho thành Cảnh một cách kiên định, lậu hoặc mới sinh khởi (có 3 thời kỳ, tương tự Cảnh Duyên, nên thực hiện cho thành Cảnh một cách kiên định).

Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo v.v. tư khảo lại Quả v.v. tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách

kiên định v.v. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo và Quả theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải lậu hoặc cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn chẳng phải lậu hoặc cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, lậu hoặc mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với lậu hoặc tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di chẳng phải lậu hoặc cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Uẩn tương ưng lậu hoặc và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (3)

Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di lậu hoặc và Uẩn tương ưng cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. lậu hoặc mới sinh khởi (có 3 thời kỳ, nên thực hiện cho thành Cảnh một cách kiên định).

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[22] Pháp Thực Tính lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc theo phương thức Vô Gián Duyên đó là lậu hoặc sinh trước trước làm duyên đối với lậu hoặc sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Vô Gián Duyên đó là lậu hoặc sinh trước trước làm duyên đối với lậu hoặc sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Lậu hoặc làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

Pháp Thực Tính lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Vô Gián Duyên đó là lậu hoặc sinh trước trước làm duyên đối với lậu hoặc và Uẩn tương ưng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

[23] Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn chẳng phải lậu hoặc sinh trước

trước làm duyên đối với Uẩn chẳng phải lậu hoặc sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn chẳng phải lậu hoặc sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn lậu hoặc sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với lậu hoặc theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn chẳng phải lậu hoặc sinh trước trước làm duyên đối với lậu hoặc và Uẩn tương ưng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

[24] Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc theo phương thức Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ.

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA) v.v.

[25] Pháp Thực Tính lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ (nên trình bày Ý Vật với).

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[26] Pháp Thực Tính lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là lậu hoặc làm duyên đối với lậu hoặc theo phương thức Cận Y Duyên (có 3 thời kỳ).

[27] Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Trú Xứ rồi xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với tham ái v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Trú Xứ v.v. sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với tham ái v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên (3)

Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v. Thường Cận Y có 3 thời kỳ.

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[28] Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người tư khảo Nhãn v.v. Ý Vật (nên giảng giải cho quảng nghĩa cho quảng nghĩa như thế này). Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, lậu hoặc mới sinh khởi.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với lậu hoặc theo phương thức Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, lậu hoặc và Uẩn tương ưng mới sinh khởi.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với lậu hoặc và Uẩn tương ưng lậu hoặc theo phương thức Tiền Sinh Duyên (3)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

[29] Pháp Thực Tính lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Hậu Sinh Duyên đó là lậu hoặc sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Hậu Sinh Duyên đó là Uẩn chẳng phải lậu hoặc sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Hậu Sinh Duyên đó là lậu hoặc và Uẩn tương ưng sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên (1)

TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[30] Pháp Thực Tính lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc theo phương thức Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ.

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[31] Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với lậu hoặc tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Uẩn tương ưng lậu hoặc và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA) VÀ VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA)

[32] Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ.

Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Vật Thực Duyên đó là Vật Thực chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong

sát na tái sinh v.v. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Vật Thực Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc theo phương thức Vật Thực Duyên đó là Vật Thực chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với lậu hoặc tương ưng theo phương thức Vật Thực Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Vật Thực Duyên đó là Vật Thực chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Uẩn tương ưng lậu hoặc và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên (3)

QUYỀN LỰC DUYÊN (INDRĪYAPACCAYA) v.v.

[33] Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Quyền Lực Duyên đó là Quyền Lực chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. Nhãn Quyền làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Quyền làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên. Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[34] Pháp Thực Tính lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là lậu hoặc làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh đó là lậu hoặc làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

[35] Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. Uẩn làm duyên đối với Ý Vật theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên chỉ có một thể loại là **Tiền Sinh** đó là Ý Vật làm duyên đối với lậu hoặc theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên chỉ có một thể loại là **Tiền Sinh** đó là Ý Vật làm duyên đối với lậu hoặc và Uẩn tương ưng theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (3)

[36] Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là lậu hoặc và Uẩn tương ưng làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh đó là lậu hoặc và Uẩn tương ưng làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[37] Pháp Thực Tính lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc theo phương thức Hiện Hữu Duyên đó là Dục Lậu làm duyên đối với Kiến Lậu và Vô Minh Lậu theo phương thức Hiện Hữu Duyên (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (1)

Pháp Thực Tính lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là lậu hoặc làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là lậu hoặc làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên đó là Dục Lậu làm duyên đối với Kiến Lậu, Vô Minh Lậu, Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). (3)

[38] Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với 3 Uẩn v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng).

Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối

với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với lậu hoặc theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, lậu hoặc mới sinh khởi. Ý Vật làm duyên đối với lậu hoặc theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với 3 Uẩn, lậu hoặc và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ v.v. 2 Uẩn v.v. (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (3)

[39] Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là Dục Lậu và Uẩn tương ưng làm duyên đối với Kiến Lậu và Vô Minh Lậu theo phương thức Hiện Hữu Duyên (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Dục Lậu và Ý Vật làm duyên đối với Kiến Lậu và Vô Minh Lậu theo phương thức Hiện Hữu Duyên (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (1)

Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn chẳng phải lậu hoặc và lậu hoặc làm duyên đối với 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Câu Sinh đó là lậu hoặc và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Lậu hoặc và Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là lậu hoặc và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là lậu hoặc và Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn chẳng phải lậu hoặc và Dục Lậu làm duyên đối với 3 Uẩn, Kiến Lậu, Vô Minh Lậu và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**).

Câu Sinh đó là Dục Lậu và Ý Vật làm duyên đối với Kiến Lậu, Vô Minh Lậu và Uẩn tương ưng theo phương thức Hiện Hữu Duyên (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[40] Nhân Duyên có 7 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ v.v. Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[41] Pháp Thực Tính lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (3)

[42] Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, và Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, và Tiền Sinh Duyên (3)

[43] Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc và chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (3)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[44] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Phi Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[45] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 7 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 7 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 7 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 7 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 7 thời kỳ. (từng mỗi Duyên có 7 thời kỳ). Phi Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có 7 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 7 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 7 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 7 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[46] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ (Câu Thuận Tùng Duyên hoàn toàn rồi). Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Nhị Đề Lậu Hoặc

15. NHỊ ĐỀ HỮU CẢNH LẬU HOẶC (SĀSAVADUKA)

I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[47] Pháp Thực Tính cảnh lậu hoặc **(Sāsavadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính cảnh lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn cảnh lậu hoặc sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải cảnh lậu hoặc **(Anāsavadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải cảnh lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn chẳng phải cảnh lậu hoặc sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính cảnh lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải cảnh lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn chẳng phải cảnh lậu hoặc sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính cảnh lậu hoặc và chẳng phải cảnh lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải cảnh lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải cảnh lậu hoặc sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

Pháp Thực Tính cảnh lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính cảnh lậu hoặc và chẳng phải cảnh lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn chẳng phải cảnh lậu hoặc và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1) (nên thực hiện Nhị Đề Hữu Cảnh Lậu cho tương tự Nhị Đề Hiệp Thế trong Nhị Đề Tiểu Lý Diện, không có điều sai biệt nhau).

Kết Thúc Nhị Đề Hữu Cảnh Lậu Hoặc

16. NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG LẬU HOẶC (ĀSAVASAMPAYUTTADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[48] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc **(Āsavasampayuttadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn tương ưng lậu hoặc sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc **(Āsavavippayuttadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ

nương vào Uẩn tương ưng lậu hoặc sinh khởi, Si và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn tương ưng lậu hoặc sinh khởi v.v. 2 Uẩn v.v. 3 Uẩn, Si và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

[49] Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn bất tương ưng lậu hoặc sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi, 3 Sắc Đại Hiển nương vào 1 Sắc Đại Hiển sinh khởi, 1 Sắc Đại Hiển nương vào 3 Sắc Đại Hiển sinh khởi, 2 Sắc Đại Hiển nương vào 2 Sắc Đại Hiển sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng nương vào Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (3)

[50] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn tương ưng lậu hoặc và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[51] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn tương ưng lậu hoặc sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Si nương vào Uẩn đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn và Si nương vào 1 Uẩn đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

[52] Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn bất tương ưng lậu hoặc sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Uẩn tương ưng nương vào Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[53] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Trưởng Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Trưởng Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn bất tương ưng lậu hoặc sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Si đồng hành ưu thọ sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Trưởng Duyên đó là Uẩn tương ưng nương vào Si đồng hành ưu thọ sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Trưởng Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Si đồng hành ưu thọ sinh khởi (3)

[54] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Trưởng Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn và Si đồng hành ưu thọ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Trưởng Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn tương ưng lậu hoặc và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn và Si đồng hành ưu thọ sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Trưởng Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn và Si đồng hành ưu thọ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

(Nên giảng giải hết tất cả Duyên cho quảng nghĩa như thế này, giản lược).

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[55] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 6 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 6 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 6 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 6 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 6 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 9 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 9 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 9 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 6 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 6 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[56] Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân bất tương ưng lậu hoặc sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

[57] Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn tương ưng lậu hoặc sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn bất tương ưng lậu hoặc sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn tương ưng lậu hoặc và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (1)

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

[58] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên (giản lược).

PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA) v.v.

[59] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn tương ưng lậu hoặc v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn tương ưng lậu hoặc sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, 3 Uẩn và Si nương vào 1 Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

[60] Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn bất tương ưng lậu hoặc v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn bất tương ưng lậu hoặc sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, Uẩn tương ưng nương vào Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (2)

[61] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn và Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn tương ưng lậu hoặc và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (2) (Vì Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Vì Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ).

PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA) v.v.

[62] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Phi Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tương ưng nương vào Uẩn tương ưng lậu hoặc sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Phi Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở bất tương ưng nương vào Uẩn bất tương ưng lậu hoặc sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Phi Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tương ưng nương vào Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Phi Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tương ưng nương vào Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi. Vì Phi Dị Thục Quả Duyên. Vì Phi Vật Thực Duyên. Vì Phi Quyền Lực Duyên. Vì Phi Thiền Na Duyên. Vì Phi Đồ Đạo Duyên. Vì Phi Tương Ưng Duyên. Vì Phi Bất Tương Ưng Duyên. Vì Phi Vô Hữu Duyên. Vì Ly Khứ Duyên.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[63] Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 7 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1

thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[64] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có 6 thời kỳ v.v. Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ v.v. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[65] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ v.v. Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ v.v. Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ v.v. Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ.

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
(Giai Đoạn Câu Sinh tương tự Giai Đoạn Liên Quan)

16. NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG LẬU HOẶC (ĀSAVASAMPAYUTTADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[66] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc tác hành Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn bất tương ưng lậu hoặc cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật tác hành Uẩn cho thành duyên sinh khởi, Uẩn tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi...tác hành 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, Uẩn bất tương ưng lậu hoặc tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng lậu hoặc tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Uẩn tương ưng tác hành Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng lậu hoặc tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi, Uẩn và Si đồng hành ưu thọ tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (3)

[67] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc tác hành Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn tương ưng lậu hoặc và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc tác hành Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn tương ưng lậu hoặc và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi, Si đồng hành ưu thọ tác hành Uẩn đồng hành ưu thọ và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc tác hành Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn tương ưng lậu hoặc và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn tương ưng lậu hoặc và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. 3 Uẩn và Si tác hành 1 Uẩn đồng hành ưu thọ và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[68] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc tác hành Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn bất tương ưng lậu hoặc và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Uẩn tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi, Uẩn bất tương ưng lậu hoặc tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Uẩn tương ưng lậu hoặc tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Uẩn tương ưng tác hành Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (3)

[69] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc tác hành Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn tương ưng lậu hoặc và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc tác hành Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc tác hành Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn và Si tác hành 1 Uẩn đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Vì Trưởng Duyên. Vì Vô Gián Duyên v.v. Vì Bất Ly Duyên (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[70] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ v.v. Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[71] Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc tác hành Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn Vô Nhân bất tương ưng lậu hoặc cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi, Uẩn Vô Nhân bất tương ưng lậu hoặc tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc tác hành Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1) (giản lược).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[72] Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 7 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ. (Nên thực hiện việc đếm ngay cả ngoài 2 thể loại trên như thế này). (Giai Đoạn Y Chỉ tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh).

16. NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG LẬU HOẶC (ĀSAVASAMPAYUTTADUKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

[73] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc vì Nhân Duyên (giản lược). Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Cảnh Duyên có 6 thời kỳ. Trưởng Duyên có 6 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 6 thời kỳ). Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 6 thời kỳ.

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh hỗn tạp với Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc vì Phi Nhân Duyên v.v. Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 6 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. (Nên thực hiện việc đếm ngay cả 2 thể loại ngoài ra đây như thế này). (Giai Đoạn Tương Ưng tương tự Giai Đoạn Hỗn Tạp).

16. NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG LẬU HOẶC (ĀSAVASAMPAYUTTADUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[74] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Sân làm duyên đối với Si và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Sân làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Si và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (3)

[75] Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc theo phương thức Nhân Duyên đó là Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Nhân Duyên đó là Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (3)

[76] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc theo phương thức Nhân Duyên đó là Sân và Si làm duyên đối với Uẩn tương ưng lậu hoặc theo phương thức Nhân Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Nhân Duyên đó là Sân và Si làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Nhân Duyên đó là Sân và Si làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[77] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Uẩn tương ưng lậu hoặc khai đầu, Uẩn tương ưng lậu hoặc mới sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Uẩn tương ưng lậu hoặc khai đầu, Uẩn và Si bất tương ưng lậu hoặc mới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Uẩn tương ưng lậu hoặc khai đầu, Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử mới sinh khởi (3)

[78] Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy, tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo, Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não bất tương ưng lậu hoặc đã được đoạn tận rồi, tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi, tư khảo lại phiền não đã từng sinh khởi v.v. Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật v.v. Uẩn bất tương ưng lậu hoặc thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã (trong chỗ này không có sự hỷ duyệt). Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính

âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm bất tương ưng lậu hoặc, Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Uẩn bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí, Tâm Khai Môn và Si theo phương thức Cảnh Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy khai đầu, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi, hoài nghi v.v. trạo cử v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại v.v. Hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật v.v. Uẩn bất tương ưng lậu hoặc; vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái v.v. tà kiến v.v. ưu thọ v.v. hoài nghi v.v. trạo cử mới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Nhãn v.v. Ý Vật v.v. Uẩn bất tương ưng lậu hoặc khai đầu, Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử mới sinh khởi (3)

[79] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử khai đầu, Uẩn tương ưng lậu hoặc mới sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử khai đầu, Uẩn bất tương ưng lậu hoặc mới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử khai đầu, Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử mới sinh khởi (3)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[80] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là vì thực hiện Uẩn tương ưng lậu hoặc cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn tương ưng lậu hoặc mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. Pháp Trưởng đồng hành ưu thọ làm duyên đối với Si và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. Pháp Trưởng đồng hành ưu thọ làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Si và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (3)

[81] Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả v.v. tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo và Quả theo phương thức Trưởng Duyên.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật v.v. Uẩn bất tương ưng lậu hoặc cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi (2)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[82] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn tương ưng lậu hoặc sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn tương ưng lậu hoặc sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh trước trước làm duyên đối với Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

[83] Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh trước trước làm duyên đối với Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn bất tương ưng lậu hoặc sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn bất tương ưng lậu hoặc sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn tương ưng lậu hoặc theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

[84] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh trước trước làm duyên đối với Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA) v.v.

[85] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ.

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[86] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Uẩn tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Uẩn tương ưng lậu hoặc theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Cảnh Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Uẩn tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Uẩn và Si bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Cận Y Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Uẩn tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử theo phương thức Cận Y Duyên (3)

[87] Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi xả thí v.v. Nương vào Giới v.v. Tuệ v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Trú Xứ v.v. Si rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi. Tín v.v. Tuệ, Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ và Si làm duyên đối với Tín v.v. Si theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Tuệ, Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ, Quý Tiết, Ẩm Thực, Trú Xứ và Si rồi sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Si làm duyên đối với tham ái v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Tín v.v. Giới v.v. Si làm duyên đối với Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử theo phương thức Cận Y Duyên (3)

[88] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử làm duyên đối với Uẩn tương ưng lậu hoặc theo phương thức Cận Y Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử làm duyên đối với Uẩn tương ưng lậu hoặc theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng với lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử làm duyên đối với Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử theo phương thức Cận Y Duyên (2)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[89] Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn và Si bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái mới sinh khởi v.v. ưu thọ mới sinh khởi.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn tương ưng lậu hoặc theo phương thức Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là vì Nhãn v.v. Ý Vật khai đầu, Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử mới sinh khởi.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử theo phương thức Tiền Sinh Duyên (3)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

[90] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Hậu Sinh Duyên chỉ có một thể loại là **Hậu Sinh** đó là Uẩn tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Hậu Sinh Duyên chỉ có một thể loại là **Hậu Sinh** đó là Uẩn và Si bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Hậu Sinh Duyên chỉ có một thể loại là **Hậu Sinh** đó là Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên (1)

TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[91] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc theo phương thức Trùng Dụng Duyên có 5 thời kỳ (Tâm Khai Môn và Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** không có).

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[92] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Tư Tâm Sở đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử làm duyên đối với Si và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Tư Tâm Sở đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Si và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3)

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

[93] Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ.

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA)

[94] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc theo phương thức Vật Thực Duyên đó là Vật Thực tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Vật Thực Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Vật Thực Duyên đó là Vật Thực tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Vật Thực đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử làm duyên đối với Si và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Vật Thực Duyên đó là Vật Thực tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Vật Thực đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử

làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Si và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên (3)

[95] Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Vật Thực Duyên đó là Vật Thực bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Vật Thực Duyên (1)

QUYỀN LỰC DUYÊN (INDRIYAPACCAYA) v.v.

[96] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc theo phương thức Quyền Lực Duyên có 4 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên có 4 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 4 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[97] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh (giản lược, nên giảng giải cho quảng nghĩa) (1)

[98] Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên chỉ có một thể loại là **Tiền Sinh** đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn tương ưng lậu hoặc theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên chỉ có một thể loại là **Tiền Sinh** đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[99] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 1 thời kỳ (1)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Uẩn đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử làm duyên đối với Si và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Hiện Hữu Duyên (Duyên này tương tự Câu Sinh Duyên) (3)

[100] Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực (giản lược, nên giảng giải cho quảng nghĩa) (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi, hoài nghi mới sinh khởi, trạo cử mới sinh khởi, ưu thọ mới sinh khởi. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn tương ưng lậu hoặc theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh đó là vì Nhãn v.v. Ý Vật khai đầu, Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử mới sinh khởi (3)

[101] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn tương ưng lậu hoặc và Ý Vật làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. 1 Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên. 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là Uẩn tương ưng lậu hoặc và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Uẩn đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và Ý Vật làm duyên đối với Si theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn tương ưng lậu hoặc và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn tương ưng lậu hoặc và Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn và Si đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử làm duyên đối với 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn đồng hành ưu thọ, đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và Ý Vật làm duyên đối với 3 Uẩn và Si v.v. 2 Uẩn v.v. (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[102] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 4 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 4 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 4 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[103] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Hậu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (3)

[104] Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, và Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, và Tiền Sinh Duyên (3)

[105] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc và bất tương ưng lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (3)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[106] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Phi Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[107] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ v.v. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 7 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ v.v. Phi Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[108] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Nhị Đề Tương Ưng Lậu Hoặc

17. NHỊ ĐỀ LẬU HOẶC HỮU CẢNH LẬU HOẶC (ĀSAVASĀSAVADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[109] Pháp Thực Tính lậu hoặc và cảnh lậu hoặc **(Āsavasāsavadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính lậu hoặc và cảnh lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Kiến Lậu và Vô Minh Lậu nương vào Dục Lậu sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Vô Minh Lậu nương vào Hữu Lậu sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Vô Minh Lậu nương vào Kiến Lậu sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính cảnh lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính lậu hoặc và cảnh lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào lậu hoặc sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính lậu hoặc cảnh lậu hoặc và cảnh lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính lậu hoặc và cảnh lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Kiến

Lậu, Vô Minh Lậu, Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Dục Lậu sinh khởi...nương vào Hữu Lậu...(nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (3)

[110] Pháp Thực Tính cảnh lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính cảnh lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn cảnh lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính lậu hoặc và cảnh lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính cảnh lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là lậu hoặc nương vào Uẩn cảnh lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính lậu hoặc cảnh lậu hoặc và cảnh lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính cảnh lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, lậu hoặc và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn cảnh lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

[111] Pháp Thực Tính lậu hoặc và cảnh lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính lậu hoặc cảnh lậu hoặc và cảnh lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Kiến Lậu và Vô Minh Lậu nương vào Dục Lậu và Uẩn tương ưng sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]** như thế này) (1)

Pháp Thực Tính cảnh lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính lậu hoặc cảnh lậu hoặc và cảnh lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn cảnh lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc và nương vào lậu hoặc sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (2)

Pháp Thực Tính lậu hoặc cảnh lậu hoặc và cảnh lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính lậu hoặc cảnh lậu hoặc và cảnh lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, Kiến Lậu, Vô Minh Lậu và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn cảnh lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc và nương vào Dục Lậu sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**, giản lược) (3)

(Giai Đoạn Liên Quan, Giai Đoạn Câu Sinh, Giai Đoạn Duyên Sinh, Giai Đoạn Y Chỉ, Giai Đoạn Hỗn Tạp và Giai Đoạn Tương Ưng cũng có như thế này, nên thực hiện tương tự Nhị Đề Lậu Hoặc, không có điều sai biệt nhau).

17. NHỊ ĐỀ LẬU HOẶC HỮU CẢNH LẬU HOẶC (ĀSAVASĀSAVADUKA)

VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

(Nhân Duyên và Cảnh Duyên trong Giai Đoạn Vấn Đề, không nên bổ túc Siêu Thế, chỉ nên bổ túc lời nói rằng "Bậc Hữu Học tư khảo lại Chuyển Tộc, tư khảo lại Dũ Tịnh", ngay cả Trưởng Duyên, học giả thấu hiểu hết tất cả nội dung rồi mới bổ túc).

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[112] Pháp Thực Tính lậu hoặc và cảnh lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc và cảnh lậu hoặc theo phương thức Vô Gián Duyên đó là lậu hoặc sinh trước trước làm duyên đối với lậu hoặc sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính lậu hoặc và cảnh lậu hoặc làm duyên đối với Uẩn cảnh lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Vô Gián Duyên đó là lậu hoặc sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn cảnh lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Lậu hoặc làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

Pháp Thực Tính lậu hoặc và cảnh lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc, cảnh lậu hoặc và cảnh lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Vô Gián Duyên đó là lậu hoặc sinh trước trước làm duyên đối với lậu hoặc và Uẩn tương ưng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

[113] Pháp Thực Tính cảnh lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn cảnh lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn cảnh lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn cảnh lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính cảnh lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc và cảnh lậu hoặc theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn cảnh lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc sinh trước trước làm duyên đối với lậu hoặc sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với lậu hoặc theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

Pháp Thực Tính cảnh lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc cảnh lậu hoặc và cảnh lậu hoặc nhưng chẳng lậu hoặc theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn cảnh lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc sinh trước trước làm duyên đối với lậu hoặc và Uẩn tương ưng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với lậu hoặc và Uẩn tương ưng theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

[114] Pháp Thực Tính lậu hoặc cảnh lậu hoặc và cảnh lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc và cảnh lậu hoặc theo phương thức Vô Gián Duyên đó là lậu hoặc và Uẩn tương ưng sinh trước trước làm duyên đối với lậu hoặc sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính lậu hoặc cảnh lậu hoặc và cảnh lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Vô Gián Duyên đó là lậu hoặc và Uẩn tương ưng sinh trước trước làm duyên đối với

Uẩn cảnh lậu hoặc nhưng chẳng lậu hoặc sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Lậu hoặc và Uẩn tương ưng làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

Pháp Thực Tính lậu hoặc cảnh lậu loặc và cảnh lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc cảnh lậu hoặc và cảnh lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Vô Gián Duyên đó là lậu hoặc và Uẩn tương ưng sinh trước trước làm duyên đối với lậu hoặc và Uẩn tương ưng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (nên giảng giải cho quảng nghĩa hết tất cả như thế này) (3)

(Ngay cả trong Nhị Đề Lậu Hoặc cũng nên thực hiện Vô Gián Duyên cho tương tự Nhị Đề này, Tâm Khai Môn và Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** Ngài đã nêu lên trình bày rồi như thế này, giản lược, mỗi Nhị Đề đã hoàn toàn rồi, nên thực hiện cho tương tự Nhị Đề Lậu Hoặc, không có điều sai biệt nhau).

Kết Thúc Nhị Đề Lậu Hoặc Hữu Cảnh Lậu Hoặc

18. NHỊ ĐỀ LẬU HOẶC TƯƠNG ƯNG LẬU HOẶC (ĀSAVAĀSAVASAMPAYUTTADUKA)

I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[115] Pháp Thực Tính lậu hoặc và tương ưng lậu hoặc **(Āsavaāsavasampayutta dhamma)** nương vào Pháp Thực Tính lậu hoặc và tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Kiến Lậu và Vô Minh Lậu nương vào Dục Lậu sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Vô Minh Lậu nương vào Hữu Lậu sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Vô Minh Lậu nương vào Kiến Lậu sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính lậu hoặc và tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng nương vào lậu hoặc sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính lậu hoặc tương ưng lậu hoặc và tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính lậu hoặc và tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Kiến Lậu, Vô Minh Lậu và Uẩn tương ưng nương vào Dục Lậu tương ưng lậu hoặc sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]** hết tất cả) (3)

[116] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính lậu hoặc và tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là lậu hoặc nương vào Uẩn tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính lậu hoặc tương ưng lậu hoặc và tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và lậu hoặc nương vào 1 Uẩn tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

[117] Pháp Thực Tính lậu hoặc và tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính lậu hoặc tương ưng lậu hoặc và tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Kiến Lậu và Vô Minh Lậu nương vào Dục Lậu và Uẩn tương ưng sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]** hết tất cả) (1)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính lậu hoặc tương ưng lậu hoặc và tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc và nương vào lậu hoặc sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (2)

Pháp Thực Tính lậu hoặc tương ưng lậu hoặc và tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính lậu hoặc tương ưng lậu hoặc và tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, Kiến Lậu và Vô Minh Lậu nương vào 1 Uẩn tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc và nương vào Dục Lậu sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3) (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya],** nên bổ túc hết tất cả Duyên như thế này).

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[118] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ, giản lược). Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ (không có Dị Thục Quả). Vật Thực Duyên có 9 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA) v.v.

[119] Pháp Thực Tính lậu hoặc và tương ưng lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính lậu hoặc và tương ưng lậu hoặc sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên (không có Câu có Phi Nhân Duyên làm Căn Nguyên). Vì Phi Tiền Sinh Duyên. Vì Phi Hậu Sinh Duyên (giản lược).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[120] Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. (Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây, Giai Đoạn Câu Sinh, Giai Đoạn Duyên Sinh, Giai Đoạn Y Chỉ, Giai Đoạn Hỗn Tạp đã hoàn toàn rồi như thế này, tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

18. NHỊ ĐỀ LẬU HOẶC TƯƠNG ƯNG LẬU HOẶC (ĀSAVAĀSAVASAMPAYUTTADUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[121] Pháp Thực Tính lậu hoặc và tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc và tương ưng lậu hoặc theo phương thức Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.

[122] Pháp Thực Tính lậu hoặc và tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc và tương ưng lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Uẩn tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc khai đầu, Uẩn tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc mới sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc và tương ưng lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Uẩn tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc khai đầu, lậu hoặc mới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc tương ưng lậu hoặc và tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Uẩn tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc khai đầu, lậu hoặc và Uẩn tương ưng lậu hoặc mới sinh khởi (3)

Pháp Thực Tính lậu hoặc tương ưng lậu hoặc và tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc và tương ưng lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên có 3 thời kỳ...Vì Trưởng Duyên (nên thực hiện cho Cảnh một cách kiên định, tương tự Cảnh Duyên)...Vì Vô Gián Duyên (chính thị tương tự Cảnh Duyên, nên bổ túc lời nói rằng "sinh trước trước")...Vì Đẳng Vô Gián Duyên. Vì Hỗ Tương Duyên. Vì Y Chỉ Duyên...Vì Cận Y Duyên (chính thị tương tự Cảnh Duyên, không có việc phân chia, có 3 thời kỳ. Nên bổ túc toàn bộ Cận Y Duyên).

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA) v.v.

[123] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[124] Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[125] Pháp Thực Tính lậu hoặc và tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc và tương ưng lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính lậu hoặc và tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (2)

Pháp Thực Tính lậu hoặc và tương ưng lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc tương ưng lậu hoặc và tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (3)

[126] Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc và tương ưng lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc tương ưng lậu hoặc và tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (3)

[127] Pháp Thực Tính lậu hoặc tương ưng lậu hoặc và tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc và tương ưng lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính lậu hoặc tương ưng lậu hoặc và tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (2)

Pháp Thực Tính lậu hoặc tương ưng lậu hoặc và tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc làm duyên đối với Pháp Thực Tính lậu hoặc tương ưng lậu hoặc và tương ưng lậu hoặc nhưng chẳng phải lậu hoặc theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (3)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[128] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Phi Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[129] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ v.v. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ v.v. Phi Đồ

Đạo Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ v.v. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[130] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. (nên đếm Câu Thuận Tùng Duyên). Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Nhị Đề Lậu Hoặc Tương Ưng Lậu Hoặc

19. NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG LẬU HOẶC CẢNH LẬU HOẶC (ĀSAVAVIPAYUTTASĀVAKADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[131] Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc nhưng thành cảnh lậu hoặc **(Āsava vippayuttasāvakadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc nhưng thành cảnh lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn bất tương ưng lậu hoặc nhưng thành cảnh lậu hoặc sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi…nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc và chẳng thành cảnh lậu hoặc nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng lậu hoặc và chẳng thành cảnh lậu hoặc sinh khởi vì Nhân Duyên có 3 thời kỳ (nên giảng giải cho quảng nghĩa tương tự Nhị Đề Hiệp Thế trong Nhị Đề Tiểu Lý Diện, không có điều sai biệt nhau, giản lược).

Kết Thúc Nhị Đề Bất Tương Ưng Lậu Hoặc Cảnh Lậu Hoặc
Kết Thúc Quần Đoàn Lậu Hoặc

IV. QUẦN ĐOÀN KIẾT SỬ (SAÑÑOJANAGOCCHAKA)
20. NHỊ ĐỀ KIẾT SỬ (SAÑÑOJANADUKA)

I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[1] Pháp Thực Tính kiết sử **(Saññojanadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Kiến Kiết Sử **(Diṭṭhisaññojana)** và Vô Minh Kiết Sử **(Avijjāsaññojna)** nương vào Dục Ái Kiết Sử **(Kāmarāgasaññojana)** sinh khởi, Giới Cấm Thủ Kiết Sử **(Sīlabbataparāmāsasaññojana)** và Vô Minh Kiết Sử nương vào Dục Ái Kiết Sử sinh khởi, Ngã Mạn Kiết Sử **(Mānasaññojana)** và Vô Minh Kiết Sử nương vào Dục Ái Kiết Sử sinh khởi, Vô Minh Kiết Sử nương vào Dục Ái Kiết Sử sinh khởi, Tật Đố Kiết Sử **(Issāsaññojana)** và Vô Minh Kiết Sử nương vào Sân Khuể Kiết Sử **(Paṭighasaññojana)** sinh khởi, Lận Sắc Kiết Sử **(Macchariyasaññojana)** và Vô Minh Kiết Sử nương vào Sân Khuể Kiết Sử sinh khởi, Vô Minh Kiết Sử nương vào Sân Khuể Kiết Sử sinh khởi, Hữu Ái Kiết Sử **(Bhavasaññojana)** và Vô Minh Kiết Sử nương vào Ngã Mạn Kiết Sử sinh khởi, Vô Minh Kiết Sử nương vào Hữu Ái Kiết Sử sinh khởi, Vô Minh Kiết Sử nương vào Hoài Nghi Kiết Sử **(Vicikicchāsaññojana)** sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử nương vào Pháp Thực Tính kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào kiết sử sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính kiết sử và chẳng phải kiết sử nương vào Pháp Thực Tính kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Kiến kiết sử, Vô Minh kiết sử, Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Dục Ái kiết sử sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (3)

[2] Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải kiết sử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính kiết sử nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là kiết sử nương vào Uẩn chẳng phải kiết sử sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính kiết sử và chẳng phải kiết sử nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, kiết sử và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải kiết sử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

[3] Pháp Thực Tính kiết sử nương vào Pháp Thực Tính kiết sử và chẳng phải kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Kiến kiết sử và Vô Minh kiết sử nương vào Dục Ái kiết sử và Uẩn tương ưng sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử nương vào Pháp Thực Tính kiết sử và chẳng phải kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải kiết sử và nương vào kiết sử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (2)

Pháp Thực Tính kiết sử và chẳng phải kiết sử nương vào Pháp Thực Tính kiết sử và chẳng phải kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, Kiến kiết sử, Vô Minh kiết sử và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải kiết sử và nương vào Dục Ái kiết sử sinh khởi v.v. (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (3)

(Trong Cảnh Duyên không có Sắc Pháp. Trưởng Duyên tương tự Nhân Duyên, không có Hoài Nghi kiết sử)...Vì Vô Gián Duyên v.v. Vì Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[4] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 9 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[5] Pháp Thực Tính kiết sử nương vào Pháp Thực Tính kiết sử sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Vô Minh kiết sử nương vào Hoài Nghi kiết sử sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân chẳng phải kiết sử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

Pháp Thực Tính kiết sử nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử vì Phi Nhân Duyên đó là Vô Minh kiết sử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính kiết sử nương vào Pháp Thực Tính kiết sử và chẳng phải kiết sử sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Vô Minh kiết sử nương vào Hoài Nghi kiết sử và Uẩn tương ưng sinh khởi (3) (giản lược, tương tự Quần Đoàn Lậu Hoặc, nên đưa toàn bộ Phi Cảnh Duyên lên trình bày).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)

2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[6] Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[7] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ (nên đếm mỗi Duyên như thế này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[8] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 4 thời kỳ). Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ v.v. Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ.

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên

20. NHỊ ĐỀ KIẾT SỬ (SAÑÑOJANADUKA)
II. GIAI ĐOẠN CÂU SINH (SAHAJĀTAVĀRA)

[9] Pháp Thực Tính kiết sử câu sinh với Pháp Thực Tính kiết sử vì Nhân Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

20. NHỊ ĐỀ KIẾT SỬ (SAÑÑOJANADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[10] Pháp Thực Tính kiết sử tác hành Pháp Thực Tính kiết sử cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn chẳng phải kiết sử cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật tác hành Uẩn cho thành duyên sinh khởi, Uẩn tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi...tác hành 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, Uẩn không sinh khởi tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính kiết sử tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là kiết sử tác hành Uẩn chẳng phải kiết sử cho thành duyên sinh khởi, kiết sử tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính kiết sử và chẳng phải kiết sử tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, kiết sử và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn chẳng phải kiết sử cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. kiết sử tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, kiết sử và Uẩn tương ưng tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (3)

[11] Pháp Thực Tính kiết sử tác hành Pháp Thực Tính kiết sử và chẳng phải kiết sử cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Kiến kiết sử và Vô Minh kiết sử tác hành Dục Ái kiết sử và Uẩn tương ưng cho thành duyên sinh khởi, Kiến kiết sử và Vô Minh kiết sử tác hành Dục Ái kiết sử và Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử tác hành Pháp Thực Tính kiết sử và chẳng phải kiết sử cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn chẳng phải kiết sử và tác hành kiết sử cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Uẩn chẳng phải kiết sử tác hành kiết sử và Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính kiết sử và chẳng phải kiết sử tác hành Pháp Thực Tính kiết sử và chẳng phải kiết sử cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, Kiến kiết sử, Vô Minh kiết sử và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn chẳng phải kiết sử và tác hành Dục Ái kiết sử cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Kiến kiết sử, Vô Minh kiết sử và Uẩn tương ưng tác hành Dục Ái kiết sử và Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakka naya],** giản lược) (3)

[12] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

[13] Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ (trong chỗ có Ý Vật nên thực hiện cho không sai biệt nhau). Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

20. NHỊ ĐỀ KIẾT SỬ (SAÑÑOJANADUKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[14] Pháp Thực Tính kiết sử sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính kiết sử vì Nhân Duyên đó là Kiến kiết sử và Vô Minh kiết sử sinh hỗn tạp với Dục Ái kiết sử (có 9 thời kỳ như thế này, nên bổ túc đặc biệt ở phần Vô Sắc).

(Giai Đoạn Hỗn Tạp và Giai Đoạn Tương Ưng nên thực hiện như thế này)

20. NHỊ ĐỀ KIẾT SỬ (SAÑÑOJANADUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[15] Pháp Thực Tính kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân kiết sử làm duyên đối với kiết sử tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (1)

Pháp Thực Tính kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân tương ưng làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (2)

Pháp Thực Tính kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử và chẳng phải kiết sử theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân kiết sử làm duyên đối với Uẩn tương ưng, kiết sử và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (3)

[16] Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[17] Pháp Thực Tính kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì kiết sử khai đầu, kiết sử mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì kiết sử khai đầu, Uẩn chẳng phải kiết sử mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì kiết sử khai đầu, kiết sử và Uẩn tương ưng mới sinh khởi (3)

[18] Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy, tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi, xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo, Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não chẳng phải kiết sử đã được đoạn tận rồi, tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi v.v. tri đắc phiền não đã từng sinh khởi. Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật v.v. Uẩn chẳng phải kiết sử thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm chẳng phải kiết sử, Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Uẩn chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật v.v. Uẩn chẳng phải kiết sử, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái mới sinh khởi v.v. ưu thọ mới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử và chẳng phải kiết sử theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật v.v. Uẩn chẳng phải kiết sử, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, kiết sử và Uẩn tương ưng kiết sử mới sinh khởi (3)

Pháp Thực Tính kiết sử và chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử theo phương thức Cảnh Duyên có 3 thời kỳ (nên bổ túc đặc biệt "khai đầu" vào).

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[19] Pháp Thực Tính kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là người thực hiện kiết sử cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. có 3 thời kỳ (có Cảnh một cách kiên định)

Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật v.v. có 3 thời kỳ (nên bổ túc Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng ngay cả 3 thời kỳ, nên phân chia ngay cả 3 thời kỳ).

Pháp Thực Tính kiết sử và chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là người thực hiện kiết sử và Uẩn tương ưng cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. có 3 thời kỳ.

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[20] Pháp Thực Tính kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử theo phương thức Vô Gián Duyên đó là kiết sử sinh trước trước làm duyên đối với kiết sử sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn chẳng phải kiết sử sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn chẳng phải kiết sử sinh sau sau v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn chẳng phải kiết sử sinh trước trước làm duyên đối với kiết sử sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với kiết sử theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc ngay cả 2 thời kỳ như thế này) (2)

Pháp Thực Tính kiết sử và chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử theo phương thức Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ.

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA) v.v.

[21] Pháp Thực Tính kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ.

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[22] Pháp Thực Tính kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là kiết sử làm duyên đối với kiết sử theo phương thức Cận Y Duyên (ngay cả 3 thời kỳ cũng nên trình bày như thế này).

[23] Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sự dục vọng v.v. Trú Xứ rồi xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Trú Xứ rồi sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với tham ái v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử và chẳng phải kiết sử theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Trú Xứ rồi sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Ẩm Thực và Uẩn tương ưng theo phương thức Cận Y Duyên (3)

Pháp Thực Tính kiết sử và chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thời kỳ.

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[24] Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải kiết sử theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái mới sinh khởi v.v. ưu thọ mới sinh khởi.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với kiết sử theo phương thức Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử và chẳng phải kiết sử theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là vì người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, kiết sử và Uẩn tương ưng mới sinh khởi.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với kiết sử và Uẩn tương ưng theo phương thức Tiền Sinh Duyên (3)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

[25] Pháp Thực Tính kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử theo phương thức Hậu Sinh Duyên có 1 thời kỳ.

Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử theo phương thức Hậu Sinh Duyên v.v. (1)

Pháp Thực Tính kiết sử và chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử theo phương thức Hậu Sinh Duyên v.v. (1)

TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[26] Pháp Thực Tính kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử theo phương thức Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ.

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA) v.v.

[27] Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[28] Pháp Thực Tính kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (nên phân chia) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh (nên phân chia) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên chỉ có một thể loại là **Tiền Sinh** đó là Ý Vật làm duyên đối với kiết sử theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử và chẳng phải kiết sử theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên chỉ có một thể loại là **Tiền Sinh** đó là Ý Vật làm duyên đối với kiết sử và Uẩn tương ưng theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (2)

Pháp Thực Tính kiết sử và chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử hoặc theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (nên phân chia) (1)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[29] Pháp Thực Tính kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 1 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (1)

Pháp Thực Tính kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (2)

Pháp Thực Tính kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử và chẳng phải kiết sử theo phương thức Hiện Hữu Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (3)

[30] Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là Si chẳng phải kiết sử làm duyên đối với kiết sử tương ưng theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái mới sinh khởi v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Ý Vật làm duyên đối với kiết sử theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử và chẳng phải kiết sử theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử v.v. (giản lược, tương tự Nhị Đề Lậu Hoặc) (3)

[31] Pháp Thực Tính kiết sử và chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh (tương tự Nhị Đề Lậu Hoặc) (1)

Pháp Thực Tính kiết sử và chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực (nên phân chia tương tự Nhị Đề Lậu Hoặc) (2)

Pháp Thực Tính kiết sử và chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử và chẳng phải kiết sử theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh (nên phân chia tương tự Nhị Đề Lậu Hoặc) (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[32] Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[33] Pháp Thực Tính kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử và chẳng phải kiết sử theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (3)

[34] Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, và Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử và chẳng phải kiết sử theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, và Tiền Sinh Duyên (3)

[35] Pháp Thực Tính kiết sử và chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính kiết sử và chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải kiết sử theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính kiết sử và chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử và chẳng phải kiết sử theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (3)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[36] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Phi Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[37] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ v.v. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ v.v. Phi Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[38] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ (nên chia Mẫu Đề Thuận Tùng). Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Nhị Đề Kiết Sử

21. NHỊ ĐỀ CẢNH KIẾT SỬ (SAÑÑOJANIYADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA) v.v.

[39] Pháp Thực Tính cảnh kiết sử nương vào Pháp Thực Tính cảnh kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn cảnh kiết sử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi,

Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (tương tự Nhị Đề Hiệp Thế trong Nhị Đề Tiểu Lý Diện, không có điều sai biệt nhau).

Kết Thúc Nhị Đề Cảnh Kiết Sử

22. NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG KIẾT SỬ (SAÑÑOJANASAMPAYUTTADUKA)

I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[40] Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử nương vào Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn tương ưng kiết sử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử nương vào Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn tương ưng kiết sử sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử nương vào Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn tương ưng kiết sử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

[41] Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn bất tương ưng kiết sử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Si đồng hành trạo cử sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng nương vào Si đồng hành trạo cử sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Si đồng hành trạo cử sinh khởi (3)

[42] Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử nương vào Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn và Si đồng hành trạo cử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử nương vào Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn tương ưng kiết sử và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn và Si đồng hành trạo cử sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử nương vào Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn và Si đồng hành trạo cử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[43] Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử nương vào Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là...nương vào 1 Uẩn tương ưng kiết sử v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử nương vào Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Si đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành trạo cử sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử nương vào Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn và Si nương vào 1 Uẩn đồng hành trạo cử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

[44] Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn bất tương ưng kiết sử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Uẩn tương ưng nương vào Si đồng hành trạo cử sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử nương vào Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn và Si đồng hành trạo cử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[45] Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử nương vào Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử sinh khởi vì Trưởng Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử sinh khởi vì Trưởng Duyên có 1 thời kỳ.

Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử nương vào Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử sinh khởi vì Trưởng Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn tương ưng kiết sử và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1) (giản lược)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[46] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 6 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 6 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 6 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 6 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 6 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 9 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 9 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 9 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 6 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 6 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[47] Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử nương vào Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử nương vào Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành trạo cử sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử vì Phi Nhân Duyên đó là…nương vào 1 Uẩn Vô Nhân bất tương ưng kiết sử v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, giản lược) (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[48] Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 7 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[49] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[50] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. (Giai Đoạn Câu Sinh tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

22. NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG KIẾT SỬ (SAÑÑOJANASAMPAYUTTADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[51] Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử tác hành Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan)

Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là (nên bổ túc nội dung cho đến Tái Sinh)...tác hành 1 Sắc Đại Hiển v.v. Uẩn bất tương ưng kiết sử tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Si đồng hành trạo cử tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng kiết sử tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Uẩn tương ưng tác hành Si đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng kiết sử tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển

cho thành duyên sinh khởi, Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Si đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi (3)

[52] Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử tác hành Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn tương ưng kiết sử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn và Si đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử tác hành Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn tương ưng kiết sử và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn và Si đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử tác hành Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn tương ưng kiết sử tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn tương ưng kiết sử và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn và Si đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[53] Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử tác hành Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là (nên bổ túc cho đến Tái Sinh). Uẩn bất tương ưng kiết sử tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi, Uẩn bất tương ưng kiết sử tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Si đồng hành trạo cử tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Uẩn tương ưng kiết sử tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Uẩn tương ưng tác hành Si đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Uẩn và Si đồng hành trạo cử tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (3)

[54] Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử tác hành Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn tương ưng kiết sử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn và Si đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử tác hành Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Si đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử tác hành Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn và Si tác hành 1 Uẩn đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (3)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA) v.v.

[55] Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử tác hành Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử cho thành duyên sinh khởi vì Trưởng Duyên v.v. Vì Bất Ly Duyên v.v.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[56] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 9 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[57] Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử tác hành Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử tác hành Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi (2)

[58] Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là...tác hành 1 Uẩn Vô Nhân bất tương ưng kiết sử v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng). Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi, Uẩn Vô Nhân bất tương ưng kiết sử và Si đồng hành trạo cử tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

[59] Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử tác hành Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử tác hành Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (giản lược) (2)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[60] Phi Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 7 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[61] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ (giản lược, nên thực hiện như thế này).

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[62] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 6 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 6 thời kỳ). Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có 6 thời kỳ v.v. Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 6 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 6 thời kỳ. (Giai Đoạn Y Chỉ tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh).

22. NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG KIẾT SỬ (SAÑÑOJANASAMPAYUTTADUKA)

V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

[63] Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn tương ưng kiết sử v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn bất tương ưng kiết sử v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng sinh hỗn tạp với Si đồng hành trạo cử (2)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn và Si đồng hành trạo cử v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. (1) (giản lược)

[64] Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Cảnh Duyên có 6 thời kỳ. Trưởng Duyên có 2 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 6 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 6 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 6 thời kỳ.

[65] Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 6 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. (Nên bổ túc việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Tương Ưng).

22. NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG KIẾT SỬ (SAÑÑOJANASAMPAYUTTADUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[66] Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân tương ưng kiết sử làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân tương ưng kiết sử làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân tương ưng kiết sử làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (3)

[67] Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Si đồng hành trạo cử làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử theo phương thức Nhân Duyên đó là Si đồng hành trạo cử làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử theo phương thức Nhân Duyên đó là Si đồng hành trạo cử làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[68] Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Uẩn tương ưng kiết sử khai đầu, Uẩn tương ưng kiết sử mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn tương ưng kiết sử khai đầu, Uẩn và Si bất tương ưng kiết sử mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn tương ưng kiết sử khai đầu, Uẩn và Si đồng hành trạo cử mới sinh khởi (3)

[69] Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy, tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi, xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo, Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não bất tương ưng kiết sử đã được đoạn tận rồi, tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi, tri đắc phiền não đã từng sinh khởi. Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật v.v. Uẩn và Si bất tương ưng kiết sử thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm bất tương ưng kiết sử, Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ v.v. Sắc Xứ v.v. Xúc Xứ v.v. Uẩn bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí, Tâm Khai Môn và Si theo phương thức Cảnh Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định v.v. Hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật v.v. Uẩn và Si bất tương ưng kiết sử, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái mới sinh khởi v.v. ưu thọ mới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Nhãn v.v. Ý Vật v.v. Uẩn và Si bất tương ưng kiết sử khai đầu, Uẩn và Si đồng hành trạo cử mới sinh khởi (3)

[70] Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Uẩn và Si đồng hành trạo cử khai đầu, Uẩn tương ưng kiết sử mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn và Si đồng hành trạo cử khai đầu, Uẩn và Si bất tương ưng kiết sử mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn và Si đồng hành trạo cử khai đầu, Uẩn và Si đồng hành trạo cử mới sinh khởi (3)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[71] Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di tham ái v.v. tà kiến v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di tham ái ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng tương ưng kiết sử làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng tương ưng kiết sử làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng tương ưng kiết sử làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (3)

[72] Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo v.v. tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo và Quả theo phương thức Trưởng Duyên.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi hỷ duyệt tâm khoáng thần di

Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi. Hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện đã tùng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật v.v. Uẩn bất tương ưng kiết sử cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi (2)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[73] Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn tương ưng kiết sử sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn tương ưng kiết sử sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn đồng hành trạo cử sinh trước trước làm duyên đối với Si đồng hành trạo cử sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn tương ưng kiết sử làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn đồng hành trạo cử sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn và Si đồng hành trạo cử sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

[74] Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Si đồng hành trạo cử sinh trước trước làm duyên đối với Si đồng hành trạo cử sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn bất tương ưng kiết sử sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn bất tương ưng kiết sử sinh sau sau v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Si đồng hành trạo cử sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn đồng hành trạo cử sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn tương ưng kiết sử theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Si đồng hành trạo cử sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn và Si đồng hành trạo cử sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn và Si đồng hành trạo cử theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

[75] Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn và Si đồng hành trạo cử sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn đồng hành trạo cử sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn và Si đồng hành trạo cử sinh trước trước làm duyên đối với Si đồng hành trạo cử sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn và Si đồng hành trạo cử làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn và Si đồng hành trạo cử sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn và Si đồng hành trạo cử sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA) v.v.

[76] Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ.

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[77] Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Uẩn tương ưng kiết sử làm duyên đối với Uẩn tương ưng kiết sử theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Uẩn tương ưng kiết sử làm duyên đối với Uẩn và Si bất tương ưng kiết sử theo phương thức Cận Y Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Uẩn tương ưng kiết sử làm duyên đối với Uẩn và Si đồng hành trạo cử theo phương thức Cận Y Duyên (3)

[78] Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi. Nương vào Giới v.v. Tuệ...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ...Quý Tiết ...Ẩm Thực...Trú Xứ và Si rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi. Tín v.v. Trú

Xứ và Si làm duyên đối với Tín v.v. Nhập Thiền Quả và Si theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Tuệ...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ...Quý Tiết...Ẩm Thực...Trú Xứ và Si rồi sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Trú Xứ và Si làm duyên đối với tham ái v.v. sự dục vọng theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử theo phương thức Vô Gián Duyên có 2 thể loại là Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Tín v.v. Tuệ...Thân Thọ Lạc v.v. Trú Xứ và Si làm duyên đối với Uẩn và Si đồng hành trạo cử theo phương thức Cận Y Duyên (3)

[79] Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Vô Gián Cận Y Duyên và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Uẩn và Si đồng hành trạo cử làm duyên đối với Uẩn tương ưng kiết sử theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Uẩn và Si đồng hành trạo cử làm duyên đối với Uẩn và Si bất tương ưng kiết sử theo phương thức Cận Y Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Uẩn và Si đồng hành trạo cử làm duyên đối với Uẩn và Si đồng hành trạo cử theo phương thức Cận Y Duyên (3)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[80] Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn và Si bất tương ưng kiết sử theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái mới sinh khởi v.v. ưu thọ mới sinh khởi.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn tương ưng kiết sử theo phương thức Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là vì Nhãn v.v. Ý Vật khai đầu, Uẩn và Si đồng hành trạo cử mới sinh khởi.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn và Si đồng hành trạo cử theo phương thức Tiền Sinh Duyên (3)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

[81] Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử theo phương thức Hậu Sinh Duyên đó là Uẩn tương ưng kiết sử sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử theo phương thức Hậu Sinh Duyên đó là Uẩn và Si bất tương ưng kiết sử sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử theo phương thức Hậu Sinh Duyên đó là Uẩn và Si đồng hành trạo cử sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên (1)

TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[82] Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử theo phương thức Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ (Tâm Khai Môn và Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** không có).

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[83] Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tương ưng kiết sử làm duyên đối với Uẩn tương ưng kiết sử theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở tương ưng kiết sử làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Tư Tâm Sở đồng hành trạo cử làm duyên đối với Si và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở tương ưng kiết sử làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tương ưng kiết sử làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Tư Tâm Sở đồng hành trạo cử làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Si và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3)

Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Uẩn tương ưng kiết sử và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKACCAYA)

[84] Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử theo phương thức Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ.

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA) v.v.

[85] Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử theo phương thức Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên có 4 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên có 4 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 4 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[86] Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên chỉ có một thể loại là **Tiền Sinh** đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn tương ưng kiết sử theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên chỉ có một thể loại là **Tiền Sinh** đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn và Si đồng hành trạo cử theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (3)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (1)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA) v.v.

[87] Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 1 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (1)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn tương ưng kiết sử làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Uẩn đồng hành trạo cử làm duyên đối với Si và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn tương ưng kiết sử làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử theo phương thức Hiện Hữu Duyên đó là 1 Uẩn tương ưng kiết sử làm duyên đối với 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. 1 Uẩn đồng hành trạo cử làm duyên đối với 3 Uẩn, Si và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. (3)

[88] Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực (giản lược, nên giảng giải cho quảng nghĩa) (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là Si đồng hành trạo cử làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái mới sinh khởi v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn tương ưng kiết sử theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là Si đồng hành trạo cử làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh đó là vì Nhãn v.v. Ý Vật khai đầu, Uẩn và Si đồng hành trạo cử mới sinh khởi, Ý Vật làm duyên đối với Uẩn và Si đồng hành trạo cử theo phương thức Hiện Hữu Duyên (3)

[89] Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn tương ưng kiết sử và Ý Vật làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. 1 Uẩn và Si đồng hành trạo cử làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là Uẩn và Si tương ưng kiết sử và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Uẩn và Si đồng hành trạo cử làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Uẩn đồng hành trạo cử và Ý Vật làm duyên đối với Si theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn và Si đồng hành trạo cử làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn tương ưng kiết sử và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn tương ưng kiết sử và Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn và Si đồng hành trạo cử làm duyên đối với 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn đồng hành trạo cử và Ý Vật làm duyên đối với 3 Uẩn và Si theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên. Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[90] Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 4 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 4 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 4 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[91] Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Hậu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (3)

[92] Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, và Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, và Tiền Sinh Duyên (3)

[93] Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử và bất tương ưng kiết sử theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (3)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[94] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Phi Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Phi Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[95] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 6 thời kỳ v.v. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 6 thời kỳ v.v. Phi Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 6 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[96] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ (nên đếm Câu ở phần Thuận Tùng Duyên). Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Nhị Đề Tương Ưng Kiết Sử

23. NHỊ ĐỀ KIẾT SỬ CẢNH KIẾT SỬ (SAÑÑOJANASAÑÑOJANIYADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[97] Pháp Thực Tính kiết sử và cảnh kiết sử **(Saññojanasaññojaniyadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính kiết sử và cảnh kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Kiến Kiết Sử **(Diṭṭhisaṃyojana)** và Vô Minh Kiết Sử **(Avijjāsaṃyojana)** nương vào Dục Ái Kiết Sử **(Kāmarāgasaṃyojana)** sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (1)

Pháp Thực Tính cảnh kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử nương vào Pháp Thực Tính kiết sử và cảnh kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào kiết sử sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính kiết sử cảnh kiết sử và cảnh kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử nương vào Pháp Thực Tính kiết sử và cảnh kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Kiến kiết sử, Vô Minh kiết sử, Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Dục Ái kiết sử sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (3)

[98] Pháp Thực Tính cảnh kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử nương vào Pháp Thực Tính cảnh kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn cảnh kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Sắc Đại Hiển) (1)

Pháp Thực Tính kiết sử và cảnh kiết sử nương vào Pháp Thực Tính cảnh kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là kiết sử nương vào Uẩn cảnh kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính kiết sử cảnh kiết sử và cảnh kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử nương vào Pháp Thực Tính cảnh kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, kiết sử và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn cảnh kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

[99] Pháp Thực Tính kiết sử và cảnh kiết sử nương vào Pháp Thực Tính kiết sử cảnh kiết sử và cảnh kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Kiến kiết sử và Vô Minh kiết sử nương vào Dục Ái kiết sử và Uẩn tương ưng sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (1)

Pháp Thực Tính cảnh kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử nương vào Pháp Thực Tính kiết sử cảnh kiết sử và cảnh kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn cảnh kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử và nương vào kiết sử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (2)

Pháp Thực Tính kiết sử cảnh kiết sử và cảnh kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử nương vào Pháp Thực Tính kiết sử cảnh kiết sử và cảnh kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, Kiến kiết sử, Vô Minh kiết sử và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn cảnh kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử và nương vào Dục Ái kiết sử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (3) [tương tự Nhị Đề thứ nhất trong Quần Đoàn Kiết Sử **(Saññojanagocchaka)**]. (Nên giảng giải Nhị Đề cho quảng nghĩa như thế này, không có điều sai biệt nhau, chỉ loại trừ Siêu Thế).

Kết Thúc Nhị Đề Kiết Sử Cảnh Kiết Sử

24. NHỊ ĐỀ KIẾT SỬ TƯƠNG ƯNG KIẾT SỬ (SAÑÑOJANASAÑÑOJANASAMPAYUTTADUKA)

I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[100] Pháp Thực Tính kiết sử và tương ưng kiết sử nương vào Pháp Thực Tính kiết sử và tương ưng kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Kiến kiết sử và Vô Minh kiết sử nương vào Dục Ái kiết sử sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (1)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử nương vào Pháp Thực Tính kiết sử và tương ưng kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng nương vào kiết sử sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính kiết sử tương ưng kiết sử và tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử nương vào Pháp Thực Tính kiết sử và tương ưng kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Kiến kiết sử, Vô Minh kiết sử và Uẩn tương ưng nương vào Dục Ái kiết sử sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (3)

[101] Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử nương vào Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính kiết sử và tương ưng kiết sử nương vào Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là kiết sử nương vào Uẩn tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính kiết sử tương ưng kiết sử và tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử nương vào Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và kiết sử nương vào 1 Uẩn tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

[102] Pháp Thực Tính kiết sử và tương ưng kiết sử nương vào Pháp Thực Tính kiết sử tương ưng kiết sử và tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Kiến kiết sử và Vô Minh kiết sử nương vào Dục Ái kiết sử và Uẩn tương ưng sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (1)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử nương vào Pháp Thực Tính kiết sử tương ưng kiết sử và tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử và nương vào kiết sử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (2)

Pháp Thực Tính kiết sử tương ưng kiết sử và tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử nương vào Pháp Thực Tính kiết sử tương ưng kiết sử và tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, Kiến kiết sử và Vô Minh kiết sử nương vào 1 Uẩn tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử và nương vào Dục Ái kiết sử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[103] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 9 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[104] Pháp Thực Tính kiết sử và tương ưng kiết sử nương vào Pháp Thực Tính kiết sử và tương ưng kiết sử sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Vô Minh kiết sử nương vào Hoài Nghi kiết sử sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính kiết sử và tương ưng kiết sử nương vào Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi nương vào Uân đồng hành hoài nghi sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính kiết sử và tương ưng kiết sử nương vào Pháp Thực Tính kiết sử tương ưng kiết sử và tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Vô Minh kiết sử nương vào Hoài Nghi kiết sử và Uẩn tương ưng sinh khởi (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[105] Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ.

(Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Câu Sinh, nên thực hiện như thế này. Giai Đoạn Duyên Sinh, Giai Đoạn Y Chỉ, Giai Đoạn Hỗn Tạp và Giai Đoạn Tương Ưng tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

24. NHỊ ĐỀ KIẾT SỬ TƯƠNG ƯNG KIẾT SỬ (SAÑÑOJANASAÑÑOJANASAMPAYUTTADUKA)

VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[106] Pháp Thực Tính kiết sử và tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử và tương ưng kiết sử theo phương thức Nhân Duyên đó là Dục Ái kiết sử làm duyên đối với Kiến kiết sử và Vô Minh kiết sử theo phương thức Nhân Duyên (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (1)

Pháp Thực Tính kiết sử và tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử theo phương thức Nhân Duyên đó là kiết sử và Nhân tương ưng kiết sử làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (2)

Pháp Thực Tính kiết sử và tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử tương ưng kiết sử và tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử theo phương thức Nhân Duyên đó là Dục Ái kiết sử làm duyên đối với Kiến kiết sử, Vô Minh kiết sử và Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[107] Pháp Thực Tính kiết sử và tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử và tương ưng kiết sử theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì kiết sử khai đầu, kiết sử mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì kiết sử khai đầu, Uẩn tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì kiết sử khai đầu, Uẩn kiết sử và tương ưng kiết sử mới sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Uẩn tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử khai đầu, Uẩn tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử mới sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử và tương ưng kiết sử theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Uẩn tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử khai đầu, kiết sử mới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử tương ưng kiết sử và tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Uẩn tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử khai đầu, Uẩn kiết sử và tương ưng kiết sử mới sinh khởi (3)

Pháp Thực Tính kiết sử tương ưng kiết sử và tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử và tương ưng kiết sử theo phương thức Cảnh Duyên có 3 thời kỳ.

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[108] Pháp Thực Tính kiết sử và tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử và tương ưng kiết sử theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng có 3 thời kỳ (nên bổ túc Cảnh Trưởng Duyên và Câu Sinh Trưởng Duyên trong cả 3 thời kỳ này).

Pháp Thực Tính kiết sử tương ưng kiết sử và tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử và tương ưng kiết sử theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** có 3 thời kỳ.

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.

[109] Pháp Thực Tính kiết sử và tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử và tương ưng kiết sử theo phương thức Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ (không có điều sai biệt nhau, không có việc phân chia, tương tự Cảnh Duyên). Làm duyên theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên có 9 thời kỳ (nên bổ túc theo phần Cảnh Duyên). Làm duyên theo phương thức Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ.

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA) v.v.

[110] Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng kiết sử nhưng chẳng phải kiết sử theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Bất Tương

Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[111] Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[112] Pháp Thực Tính kiết sử và tương ưng kiết sử làm duyên đối với Pháp Thực Tính kiết sử và tương ưng kiết sử theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên [giản lược, nên thực hiện thành 9 thời kỳ như thế này, chỉ nên cải biến đặc biệt trong cả 3 Câu không có Dị Thời **(Nānākkhaṇika – Bất Đồng Thời)**].

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[113] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Phi Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[114] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN
(NAHETUDUKANAYA)

[115] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ (nên bổ túc Câu Thuận Tùng Duyên) v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Nhị Đề Kiết Sử Tương Ưng Kiết Sử

25. NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG KIẾT SỬ CẢNH KIẾT SỬ
(SAÑÑOJANAVIPPAYUTTASAÑÑOJANIYADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

[116] Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử nhưng là cảnh kiết sử **(Saññojanavip payuttasaññojaniyadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử nhưng là cảnh kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn bất tương ưng kiết sử nhưng là cảnh kiết sử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng và Sắc Đại Hiển).

Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử và chẳng phải cảnh kiết sử nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử và chẳng phải cảnh kiết sử sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn bất tương ưng kiết sử và chẳng phải cảnh kiết sử sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v...nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng kiết sử và chẳng phải cảnh kiết sử v.v. (nên bổ túc thành 2 thời kỳ).

(Nhị Đề này tương tự Nhị Đề Hiệp Thế trong Nhị Đề Tiểu Lý Diện, không có điều sai biệt nhau).

Kết Thúc Nhị Đề Bất Tương Ưng Kiết Sử Cảnh Kiết Sử
Kết Thúc Quần Đoàn Kiết Sử

V. QUẦN ĐOÀN HỆ PHƯỢC (GANTHAGOCCHAKA)
26. NHỊ ĐỀ HỆ PHƯỢC (GANTHADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[1] Pháp Thực Tính hệ phược **(Ganthadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính hệ phược sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Tham Thân Hệ Phược **(Abhijjhākāyagantha)** nương vào Giới Cấm Thủ Thân Hệ Phược **(Sīlabbataparāmāsakāyagantha)** sinh khởi, Giới Cấm Thủ Thân Hệ Phược nương vào Tham nương vào Tham Thân Hệ Phược sinh khởi, Tham Thân Hệ Phược nương vào Thử Thực Chấp Thân Hệ Phược **(Idaṅsaccābhinivesa kāyagantha)** sinh khởi, Thử Thực Chấp Thân Hệ Phược nương vào Tham Thân Hệ Phược sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược nương vào Pháp Thực Tính hệ phược sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào hệ phược sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược nương vào Pháp Thực Tính hệ phược sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Tham Thân hệ phược, Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Giới Cấm Thủ Thân hệ phược sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (3)

[2] Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải hệ phược sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính hệ phược nương vào Pháp Thực Tình chẳng phải hệ phược sinh khởi vì Nhân Duyên đó là hệ phược nương vào Uẩn chẳng phải hệ phược sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, hệ phược và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải hệ phược sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

[3] Pháp Thực Tính hệ phược nương vào Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Tham Thân hệ phược nương vào Giới Cấm Thủ Thân hệ phược và Uẩn tương ưng sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược nương vào Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải hệ phược và nương vào hệ phược sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào hệ phược và Uẩn tương ưng sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược nương vào Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, Tham Thân hệ phược và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải hệ phược và Giới Cấm Thủ Thân hệ phược sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3) (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**, giản lược). Vì Cảnh Duyên v.v. Vì Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[4] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 9 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[5] Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược và nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân chẳng phải hệ phược sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng). Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (1)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.

[6] Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược nương vào Pháp Thực Tính hệ phược sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào hệ phược sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn chẳng phải hệ phược sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược nương vào Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào hệ phược và Uẩn tương ưng sinh khởi (giản lược)...Vì Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ...Vì Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ...Vì Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ...Vì Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ...Vì Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ.

PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA) v.v.

[7] Pháp Thực Tính hệ phược nương vào Pháp Thực Tính hệ phược sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, Tham Thân hệ phược nương vào Thử Thực

Chấp Thân hệ phược sinh khởi, Thử Thực Chấp Thân hệ phược nương vào Tham Thân hệ phược sinh khởi (trong Vô Sắc Địa Giới không có Giới Cấm Thủ Thân hệ phược, nên bổ túc thành 9 thời kỳ như thế này). Vì Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Vì Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Vì Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Vì Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Vì Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Vì Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Vì Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Vì Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Vì Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Vì Phi Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Vì Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Vì Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[8] Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[9] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ (giản lược, nên đếm như thế này).

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[10] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ v.v. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ.

(Giai Đoạn Câu Sinh tương tự Giai Đoạn Liên Quan)

26. NHỊ ĐỀ HỆ PHƯỢC (GANTHADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[11] Pháp Thực Tính hệ phược tác hành Pháp Thực Tính hệ phược cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan)

Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn chẳng phải hệ phược cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật tác hành Uẩn cho thành duyên sinh khởi, Uẩn tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi...tác hành 1 Sắc Đại Hiển v.v. Uẩn chẳng phải hệ phược tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính hệ phược tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là hệ phược tác hành Uẩn chẳng phải hệ phược cho thành duyên sinh khởi, hệ phược tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, hệ phược và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn chẳng phải hệ phược cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. hệ phược và Uẩn tương ưng tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (3)

[12] Pháp Thực Tính hệ phược tác hành Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Tham Thân hệ phược tác hành Giới Cấm Thủ Thân hệ phược và Uẩn tương ưng cho thành duyên sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Tham Thân hệ phược tác hành Giới Cấm Thủ Thân hệ phược và Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược tác hành Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn chẳng phải hệ phược và tác hành hệ phược cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Uẩn chẳng phải hệ phược tác hành hệ phược và Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược tác hành Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, Tham Thân hệ phược và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn chẳng phải hệ phược và tác hành Giới Cấm Thủ Thân hệ phược cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Tham Thân hệ phược và Uẩn tương ưng tác hành Giới Cấm Thủ Thân hệ phược và Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[13] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[14] Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn Vô Nhân chẳng phải hệ phược cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi, Uẩn Vô Nhân chẳng phải hệ phược tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi, đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (giản lược).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[15] Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ (nên đếm như thế này).

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[16] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ v.v. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[17] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. (Giai Đoạn Y Chỉ tương tự chính thị Giai Đoạn Duyên Sinh, nên bổ túc Giai Đoạn Hỗn Tạp và Giai Đoạn Tương Ưng thành 9 thời kỳ, không có Sắc Pháp).

26. NHỊ ĐỀ HỆ PHƯỢC (GANTHADUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[18] Pháp Thực Tính hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân hệ phược làm duyên đối với hệ phược tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (1)

Pháp Thực Tính hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân hệ phược làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (2)

Pháp Thực Tính hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân hệ phược làm duyên đối với Uẩn tương ưng, hệ phược và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (3)

[19] Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân chẳng phải hệ phược làm duyên đối với hệ phược tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Uẩn tương ưng, hệ phược và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (3)

[20] Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân hệ phược và chẳng phải hệ phược làm duyên đối với hệ phược tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (1)

Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân hệ phược và chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (2)

Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân hệ phược và chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Uẩn tương ưng, hệ phược và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (3)

CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

[21] Pháp Thực Tính hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì hệ phược khai đầu, hệ phược mới sinh khởi (nên triền nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Vì hệ phược khai đầu, Uẩn chẳng phải hệ phược mới sinh khởi (nên triền nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Vì hệ phược khai đầu, hệ phược và Uẩn tương ưng mới sinh khởi (3)

[22] Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy, tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi, xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo, Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não chẳng phải hệ phược đã được đoạn tận rồi v.v. tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi, tri đắc phiền não đã từng sinh khởi v.v. kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải hệ phược thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm chẳng phải hệ phược, Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Uẩn chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy khai đầu, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi, ưu thọ mới sinh khởi. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiền Định v.v. Nhãn v.v. Ý Vật v.v. Uẩn chẳng phải hệ phược. Vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiền Định ấy v.v. khai đầu, tham ái mới sinh khởi v.v. ưu thọ mới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy; vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy khai đầu, hệ phược và Uẩn tương ưng mới sinh khởi. Hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiền Định v.v. Nhãn v.v. Ý Vật v.v. Uẩn chẳng phải hệ phược, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiền Định ấy v.v. khai đầu, hệ phược và Uẩn tương ưng mới sinh khởi (3)

Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược theo phương thức Cảnh Duyên có 3 thời kỳ (nên bổ túc lời nói rằng "vì khai đầu")

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[23] Pháp Thực Tính hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược theo phương thức Trưởng Duyên có 3 thời kỳ (Duyên này tương tự Cảnh Duyên, nên thực hiện cho thành Cảnh một cách kiên định).

Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo v.v. tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo và Quả theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật v.v. Uẩn chẳng phải hệ phược cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, Uẩn chẳng phải hệ phược cho thành Cảnh một cách kiên định; vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng chẳng phải hệ phược làm duyên đối với hệ phược theo phương thức Trưởng Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn chẳng phải hệ phược cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, hệ phược và Uẩn tương ưng mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Uẩn tương ưng, hệ phược và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (3)

[24] Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** có 3 thời kỳ.

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[25] Pháp Thực Tính hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược theo phương thức Vô Gián Duyên đó là hệ phược sinh trước trước làm duyên đối với hệ phược sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược theo phương thức Vô Gián Duyên đó là hệ phược sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn

chẳng phải hệphược sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Hệ phược làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

Pháp Thực Tính hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệphược theo phương thức Vô Gián Duyên đó là hệ phược sinh trước trước làm duyên đối với hệ phược và Uẩn tương ưng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

[26] Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược theo phương thức Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ (nên bổ túc Tâm Khai Môn cả 2 Câu, không có Phần thứ 1).

Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược theo phương thức Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ (nên bổ túc duy nhứt Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna),** cũng nên bổ túc trong khoảng giữa).

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA) v.v.

[27] Pháp Thực Tính hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ.

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[28] Pháp Thực Tính hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là hệ phược làm duyên đối với hệ phược theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thời kỳ.

[29] Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi xả thí v.v. có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Trú Xứ rồi xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi v.v chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Trú Xứ rồi sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với tham ái v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi v.v. có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Trú Xứ rồi sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với hệ phược và Uẩn tương ưng theo phương thức Cận Y Duyên (3)

Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y có 3 thời kỳ (nên bổ túc theo Phần của Cảnh Duyên).

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA) v.v.

[30] Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải hệ phược theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi, ưu thọ mới sinh khởi.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với hệ phược theo phương thức Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, hệ phược và Uẩn tương ưng mới sinh khởi.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với hệ phược và Uẩn tương ưng theo phương thức Tiền Sinh Duyên (3)

...Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ.

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[31] Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Uẩn tương ưng, hệ phược và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA) v.v.

[32] Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược theo phương thức Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[33] Pháp Thực Tính hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên chỉ có một thể loại là **Tiền Sinh** đó là Ý Vật làm duyên đối với hệ phược theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên chỉ có một thể loại là **Tiền Sinh** đó là Ý Vật làm duyên đối với hệ phược và Uẩn tương ưng theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (3)

Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (1)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[34] Pháp Thực Tính hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 1 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là hệ phược làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là hệ phược làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 1 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (3)

[35] Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn chẳng phải hệ phược làm duyên đối với hệ phược theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi, ưu thọ mới sinh khởi. Ý Vật làm duyên đối với hệ phược theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh

Câu Sinh đó là 1 Uẩn chẳng phải hệ phược làm duyên đối với 3 Uẩn, hệ phược và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v.

Tiền Sinh đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, hệ phược và Uẩn tương ưng mới sinh khởi. Ý Vật làm duyên đối với hệ phược và Uẩn tương ưng theo phương thức Hiện Hữu Duyên (3)

[36] Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là Giới Cấm Thủ Thân hệ phược và Uẩn tương ưng làm duyên đối với Tham Thân hệ phược theo phương thức Hiện Hữu Duyên (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**).

Câu Sinh đó là Giới Cấm Thủ Thân hệ phược và Ý Vật làm duyên đối với Tham Thân hệ phược theo phương thức Hiện Hữu Duyên (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (1)

Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn chẳng phải hệ phược và hệ phược làm duyên đối với 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v.

Câu Sinh đó là hệ phược và Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải hệ phược theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Câu Sinh đó là hệ phược và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là hệ phược và Uẩn tương ưng làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là hệ phược và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là hệ phược và Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn chẳng phải hệ phược và Giới Cấm Thủ Thân hệ phược làm duyên đối với 3 Uẩn, Tham Thân hệ phược và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**).

Câu Sinh đó là Giới Cấm Thủ Thân hệ phược và Ý Vật làm duyên đối với Tham Thân hệ phược và Uẩn tương ưng theo phương thức Hiện Hữu Duyên (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[37] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Bất Tương Ưng

Duyên có 5 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[38] Pháp Thực Tính hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (3)

[39] Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (3)

[40] Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải hệ phược theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược và chẳng phải hệ phược theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (3)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)

2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[41] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Phi Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[42] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ v.v. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Phi Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[43] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ (nên bổ túc Câu Thuận Tùng Duyên cho hoàn toàn) v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Nhị Đề Hệ Phược

27. NHỊ ĐỀ CẢNH HỆ PHƯỢC (GANTHANIYADUKA)
1 - 7. PHẦN BẢY GIAI ĐOẠN (VĀRASATTAKANAYA)

[44] Pháp Thực Tính cảnh hệ phược **(Ganthaniyadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính cảnh hệ phược sinh khởi vì Nhân Duyên đó là...nương vào 1 Uẩn cảnh hệ phược (giản lược)

(Nên phân chia tương tự Nhị Đề Hiệp Thế trong Nhị Đề Tiểu Lý Diện, không có điều sai biệt nhau).

Kết Thúc Nhị Đề Cảnh Hệ Phược

28. NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG HỆ PHƯỢC (GANTHASAMPAYUTTADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[45] Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược **(Ganthasampayuttadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn tương ưng hệ phược sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược **(Ganthavippayuttadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn tương ưng hệ phược sinh khởi, Tham **(Lobha)** và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương

vào Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến sinh khởi. Sân Khuể **(Paṭigha)** và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn đồng hành ưu thọ **(Domanassa)** sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược nương vào Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn tương ưng hệ phược sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. 3 Uẩn, Tham và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. 3 Uẩn, Sân Khuể và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn đồng hành ưu thọ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

[46] Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn bất tương ưng hệ phược sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tham bất tương ưng Kiến sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Sân Khuể sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. nương vào Uẩn...(giản lược) (1)

Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng nương vào Tham bất tương ưng Kiến sinh khởi, Uẩn tương ưng nương vào Sân Khuể sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tham bất tương ưng Kiến sinh khởi, Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Sân Khuể sinh khởi (3)

[47] Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược nương vào Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và nương vào Tham sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn đồng hành ưu thọ và nương vào Sân Khuể sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược nương vào Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn tương ưng hệ phược và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và nương vào Tham sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn đồng hành ưu thọ và nương vào Sân Khuể sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược nương vào Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và nương vào Tham sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn đồng hành ưu thọ và nương vào Sân Khuể sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[48] Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược nương vào Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn tương ưng hệ phược sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược nương vào Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Tham nương vào Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến sinh khởi, Sân Khuể nương vào Uẩn đồng hành ưu thọ sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược nương vào Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn và Tham nương vào 1 Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. 3 Uẩn và Sân Khuể nương vào 1 Uẩn đồng hành ưu thọ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

[49] Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn bất tương ưng hệ phược sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Uẩn tương ưng nương vào Tham bất tương ưng Kiến sinh khởi, Uẩn tương ưng nương vào Sân Khuể sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược nương vào Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và nương vào Tham sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn đồng hành ưu thọ và nương vào Sân Khuể sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (giản lược) (1)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[50] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 6 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 6 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 6 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 6 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 6 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 9 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 9 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 9 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 6 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 6 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[51] Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân bất tương ưng hệ phược sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng). Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (giản lược) (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[52] Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 7 thời kỳ [Phi Tiền Sinh Duyên khi sẽ phân chia nên sắp Vô Sắc Địa Giới trước, nên sắp Sắc Địa Giới trong chỗ có được ở phía sau, còn trong Vô Sắc Địa Giới không có Sân Khuể **(Paṭigha)**]. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[53] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ (giản lược, nên đếm như thế này). Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[54] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. (Ngay cả Giai Đoạn Câu Sinh cũng nên thực hiện như thế này)

28. NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG HỆ PHƯỢC (GANTHASAMPAYUTTADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

[55] Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược tác hành Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là...tác hành 1 Uẩn bất tương ưng hệ phược v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật tác hành Uẩn cho thành duyên sinh khởi, Uẩn tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi...tác hành 1 Sắc Đại Hiển v.v. Uẩn bất tương ưng hệ phược tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng hệ phược tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Uẩn tương ưng tác hành Tham bất tương ưng Kiến cho thành duyên sinh khởi, Uẩn tương ưng tác hành Sân Khuể cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng hệ phược tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Tham bất tương ưng Kiến cho thành duyên sinh khởi, Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sân Khuể cho thành duyên sinh khởi, Uẩn bất tương ưng Kiến và Tham tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Uẩn đồng hành ưu thọ và Sân Khuể tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (3)

[56] Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược tác hành Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn tương ưng hệ phược và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến tác hành Ý Vật và Tham cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn đồng hành ưu thọ tác hành Ý Vật và Sân Khuể cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược tác hành Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn tương ưng hệ phược và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và tác hành Tham cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn đồng hành ưu thọ và tác hành Sân Khuể cho thành duyên sinh khởi, Tham tác hành Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Tham tác hành Uẩn đồng hành ưu thọ và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Sân Khuể tác hành Uẩn đồng hành ưu thọ và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược tác hành Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược cho thành duyên sinh khởi vì Nhân

Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn tương ưng hệ phược và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn tương ưng hệ phược và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi. 3 Uẩn, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và tác hành Tham cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn và Sân Khuể đồng hành ưu thọ sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. 3 Uẩn và Tham tác hành 1 Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. 3 Uẩn và Sân Khuể tác hành 1 Uẩn đồng hành ưu thọ và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (giản lược) (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[57] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 9 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[58] Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là...Vô Nhân bất tương ưng hệ phược v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân...(nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi, Uẩn Vô Nhân bất tương ưng hệ phược tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (giản lược)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[59] Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 7 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[60] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ (nên đếm như thế này).

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[61] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. (Giai Đoạn Y Chỉ tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh).

28. NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG HỆ PHƯỢC (GANTHASAMPAYUTTADUKA)

V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[62] Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn tương ưng hệ phược v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược vì Nhân Duyên đó là Tham sinh hỗn tạp với Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến, Sân Khuể sinh hỗn tạp với Uẩn đồng hành ưu thọ (2)

Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Tham sinh hỗn tạp với 1 Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. 3 Uẩn và Sân Khuể sinh hỗn tạp với 1 Uẩn đồng hành ưu thọ v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. (3)

[63] Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn bất tương ưng hệ phược v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng sinh hỗn tạp với Tham bất tương ưng Kiến, Uẩn tương ưng sinh hỗn tạp với Sân Khuể (2)

Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và sinh hỗn tạp với Tham v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn đồng hành ưu thọ và sinh hỗn tạp với Sân Khuể v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. (giản lược).

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[64] Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Cảnh Duyên có 6 thời kỳ. Trưởng Duyên có 6 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 6 thời kỳ). Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 6 thời v.v. Bất Ly Duyên có 6 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[65] Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược vì Nhân Duyên đó là…Vô Nhân bất tương ưng hệ phược v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh hỗn tạp với Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử (giản lược)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[66] Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 6 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[67] Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 6 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[68] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. (Giai Đoạn Tương Ưng tương tự Giai Đoạn Hỗn Tạp).

28. NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG HỆ PHƯỢC (GANTHASAMPAYUTTADUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[69] Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân tương ưng hệ phược làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân tương ưng hệ phược làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Nhân đồng hành Tham bất tương ưng Kiến làm duyên đối với Tham và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Nhân đồng hành ưu thọ làm duyên đối với Sân Khuể và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân tương ưng hệ phược làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Nhân đồng hành Tham bất tương ưng Kiến làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tham và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Nhân đồng hành ưu thọ làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Sân Khuể và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (3)

[70] Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Tham bất tương ưng Kiến làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Sân Khuể làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược theo phương thức Nhân Duyên đó là Tham bất tương ưng Kiến làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Sân Khuể làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược theo phương thức Nhân Duyên đó là Tham bất tương ưng Kiến làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Sân Khuể làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (3)

[71] Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Nhân đồng hành ưu thọ và Sân Khuể làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Nhân đồng hành ưu thọ và Sân Khuể làm duyên đối với Sắc tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Nhân đồng hành ưu thọ và Sân Khuể làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[72] Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Uẩn tương ưng hệ phược khai đầu, Uẩn tương ưng hệ phược mới sinh khởi (ngay cả trong cả 3 thời kỳ cũng nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn tương ưng hệ phược khai đầu, Uẩn bất tương ưng hệ phược mới sinh khởi. Vì Uẩn tương ưng hệ phược khai đầu, Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham mới sinh khởi, Uẩn đồng hành ưu thọ và Sân Khuể mới sinh khởi (3)

[73] Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy, tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi, xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo, Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân

tư khảo lại phiền não bất tương ưng hệ phược đã được đoạn tận rồi, tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi, tri đắc phiền não đã từng sinh khởi. Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật, Uẩn bất tương ưng hệ phược, Tham và Sân Khuể thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái bất tương ưng hệ phược mới sinh khởi, hoài nghi v.v. trạo cử v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm bất tương ưng hệ phược, Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Cảnh Duyên. Uẩn bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy khai đầu, tham ái tương ưng hệ phược mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi, ưu thọ mới sinh khởi (giản lược) (2)

Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Nhãn v.v. Ý Vật, Uẩn bất tương ưng hệ phược, Tham và Sân Khuể khai đầu, Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến, Tham, Uẩn đồng hành ưu thọ và Sân Khuể mới sinh khởi (3)

[74] Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến, Tham, Uẩn đồng hành ưu thọ và Sân Khuể khai đầu, Uẩn tương ưng hệ phược mới sinh khởi (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến, Tham, Uẩn đồng hành ưu thọ và Sân Khuể khai đầu, Uẩn bất tương ưng hệ phược mới sinh khởi (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến, Tham, Uẩn đồng hành ưu thọ và Sân Khuể khai đầu, Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến, Tham, Uẩn đồng hành ưu thọ và Sân Khuể mới sinh khởi (3)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[75] Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là vì thực hiện Uẩn tương ưng hệ phược cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn tương ưng hệ phược mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng tương ưng hệ phược làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là vì thực hiện Uẩn tương ưng hệ phược cho thành Cảnh một cách kiên định, Tham bất tương ưng Kiến mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng tương ưng hệ phược làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. Pháp Trưởng đồng hành Tham bất tương ưng Kiến làm duyên đối với Tham và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. Pháp Trưởng đồng hành ưu thọ làm duyên đối với Sân Khuể và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là vì thực hiện Uẩn tương ưng hệ phược cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng đồng hành Tham bất tương ưng Kiến làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tham và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. Pháp Trưởng đồng hành ưu thọ làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Sân Khuể và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (3)

[76] Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược theo phương thức Trưởng Duyê có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi cho thành Cảnh Một cách kiên định, xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định cho thành Cảnh một cách kiên định. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Quả cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo và Quả theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, Uẩn bất tương ưng hệ phược và Tham cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái bất tương ưng hệ phược mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm

khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, Uẩn bất tương ưng hệ phược và Tham cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái tương ưng hệ phược mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là vì thực hiện Nhãn v.v. Ý Vật, Uẩn bất tương ưng hệ phược và Tham cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham mới sinh khởi (3)

[77] Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là vì thực hiện Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn tương ưng hệ phược mới sinh khởi (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Vì thực hiện Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham cho thành Cảnh một cách kiên định, Tham bất tương ưng Kiến mới sinh khởi (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Vì thực hiện Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham mới sinh khởi (3)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[78] Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn tương ưng hệ phược sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn tương ưng hệ phược sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến sinh trước trước làm duyên đối với Tham bất tương ưng Kiến sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn đồng hành ưu thọ sinh trước trước làm duyên đối với Sân Khuể sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn tương ưng hệ phược làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến sinh sau sau và Tham theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn đồng hành ưu thọ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn đồng hành ưu thọ sinh sau sau và Sân Khuể theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

[79] Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Tham bất tương ưng Kiến sinh trước trước làm duyên đối với Tham bất tương ưng Kiến sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Sân Khuể sinh trước trước làm duyên đối với Sân Khuể sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn bất tương ưng hệ phược sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn bất tương ưng hệ phược sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thứ Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Tham bất tương ưng Kiến sinh trước làm duyên đối với Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Sân Khuể sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn đồng hành ưu thọ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn tương ưng hệ phược theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Tham bất tương ưng Kiến sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến sinh sau sau và Tham theo phương thức Vô Gián Duyên. Sân Khuể sinh trước trước làm duyên đối vối Uẩn đồng hành ưu thọ sinh sau sau và Sân Khuể theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến, Tham, Uẩn đồng hành ưu thọ và Sân Khuể theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

[80] Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến sinh trước trước và Tham làm duyên đối với Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn đồng hành ưu thọ sinh trước trước và Sân Khuể làm duyên đối với Uẩn đồng hành ưu thọ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến sinh trước trước và Tham làm duyên đối với Tham bất tương ưng Kiến sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn đồng hành ưu thọ sinh trước trước và Sân Khuể làm duyên đối với Sân Khuể sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến, Tham, Uẩn đồng hành ưu thọ và Sân Khuể làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến sinh trước trước và Tham làm duyên đối với Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến sinh sau sau và Tham theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn đồng hành ưu thọ sinh trước trước và Sân Khuể làm duyên đối với Uẩn đồng hành ưu thọ sinh sau sau và Sân Khuể theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA) v.v.

[81] Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên và Y Chỉ Duyên.

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[82] Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Uẩn tương ưng hệ phược làm duyên đối với Uẩn tương ưng hệ phược theo phương thức Cận Y Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên, nên sắp Cận Y Duyên cả 3 thời kỳ). Uẩn tương ưng hệ phược làm duyên đối với Uẩn bất tương ưng hệ phược theo phương thức Cận Y Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên, nên sắp Cận Y Duyên cả 3 thời kỳ). Uẩn tương ưng hệ phược làm duyên đối với Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham theo phương thức Cận Y Duyên làm duyên đối với Uẩn đồng hành ưu thọ và Sân Khuể theo phương thức Cận Y Duyên (3)

[83] Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi có ngã mạn. Nương vào Giới v.v. Tuệ...tham ái...sân...si...ngã mạn ...sự dục vọng...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ...Quý Tiết...Ẩm Thực...Trú Xứ rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi, sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Tuệ...tham ái v.v. sự dục vọng v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín v.v. Tuệ ...tham ái...sân...si...ngã mạn...sự dục vọng v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Tuệ...tham ái v.v. ngã mạn...sự dục vọng v.v. Trú Xứ rồi sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với tham ái...sân...si... ngã mạn...tà kiến...sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược theo phương thức Cận Y Duyên (nên sắp Cận Y Duyên cả 3 thời kỳ). Người nương vào Tín rồi có ngã mạn. Nương vào Giới v.v. Tuệ... tham ái...sân...si...ngã mạn...sự dục vọng...Thân Thọ Lạc v.v. Trú Xứ rồi sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Tuệ...tham ái...sân...si...ngã mạn...sự dục vọng v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến, Tham, Uẩn đồng hành ưu thọ và Sân Khuể theo phương thức Cận Y Duyên (3)

[84] Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến, Tham, Uẩn đồng hành ưu thọ và Sân Khuể làm duyên đối với Uẩn tương ưng hệ phược theo phương thức Cận Y Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến, Tham, Uẩn đồng hành ưu thọ và Sân Khuể làm duyên đối với Uẩn bất tương ưng hệ phược, Tham bất tương ưng Kiến và Sân Khuể theo phương thức Cận Y Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến, Tham, Uẩn đồng hành ưu thọ

và Sân Khuể làm duyên đối với Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến, Tham, Uẩn đồng hành ưu thọ và Sân Khuể theo phương thức Cận Y Duyên (3)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[85] Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái bất tương ưng hệ phược mới sinh khởi, hoài nghi v.v. trạo cử v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn bất tương ưng hệ phược, Tham bất tương ưng Kiến và Sân Khuể theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái tương ưng hệ phược mới sinh khởi, tà kiến v.v. ưu thọ mới sinh khởi.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn tương ưng hệ phược theo phương thức Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là vì Nhãn v.v. Ý Vật, Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến, Tham khai đầu, Uẩn đồng hành ưu thọ và Sân Khuể mới sinh khởi.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến, Tham, Uẩn đồng hành ưu thọ và Sân Khuể theo phương thức Tiền Sinh Duyên (3)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

[86] Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược theo phương thức Hậu Sinh Duyên có 1 thời kỳ.

Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược theo phương thức Hậu Sinh Duyên có 1 thời kỳ.

Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược theo phương thức Hậu Sinh Duyên đó là Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến, Tham, Uẩn đồng hành ưu thọ và Sân Khuể sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên (1)

TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[87] Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược theo phương thức Trùng Dụng Duyên [Duyên này tương tự Vô Gián Duyên, không có Tâm Khai Môn và Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)**].

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[88] Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược làm đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tương ưng hệ phược làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở tương ưng hệ phược làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Tư Tâm Sở đồng hành Tham bất tương ưng Kiến làm duyên đối với Tham và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Tư Tâm Sở đồng hành ưu thọ làm duyên đối với Sân Khuể và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở tương ưng hệ phược làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tương ưng hệ phược làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Tư Tâm Sở đồng hành Tham bất tương ưng Kiến làm duyên đối với Uẩn tương ưng Tham và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Tư Tâm Sở đồng hành ưu thọ làm duyên đối với Uẩn tương ưng Sân Khuể và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3)

[89] Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA) v.v.

[90] Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược theo phương thức Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ.

Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược theo phương thức Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên có 4 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên có 4 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 4 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[91] Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược, nên phân chia) (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên chỉ có một thể loại là **Tiền Sinh** đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn tương ưng hệ phược theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên chỉ có một thể loại là **Tiền Sinh** đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến, Tham, Uẩn đồng hành ưu thọ và Sân Khuể theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (3)

[92] Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Uẩn đồng hành ưu thọ và Sân Khuể làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến, Tham, Uẩn đồng hành ưu thọ và Sân Khuể làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[93] Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 1 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (1)

Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược, nên phân chia) (2)

Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 1 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (3)

[94] Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực (giản lược, nên phân chia) (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là Tham bất tương ưng Kiến làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sân Khuể đồng hành ưu thọ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái tương ưng hệ phược v.v. tà kiến v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn tương ưng hệ phược theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là Tham bất tương ưng Kiến làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sân Khuể làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh đó là vì Nhãn v.v. Ý Vật, Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến, Tham khai đầu, Uẩn đồng hành ưu thọ và Sân Khuể mới sinh khởi. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến, Tham, Uẩn đồng hành ưu thọ và Sân Khuể theo phương thức Hiện Hữu Duyên (3)

[95] Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn tương ưng hệ phược và Ý Vật làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. 1 Uẩn đồng hành ưu thọ và Sân Khuể làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là Uẩn tương ưng hệ phược và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Câu Sinh đó là Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Câu Sinh đó là Uẩn đồng hành ưu thọ và Sân Khuể làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Ý Vật làm duyên đối với Tham theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Uẩn đồng hành ưu thọ và Ý Vật làm duyên đối với Sân Khuể theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến, Tham Uẩn đồng hành ưu thọ và Sân Khuể làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn tương ưng hệ phược và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn tương ưng hệ phược và Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham làm duyên đối với 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn đồng hành ưu thọ và Sân Khuể làm duyên đối với 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Ý Vật làm duyên đối với 3 Uẩn và Tham theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn đồng hành ưu thọ và Ý Vật làm duyên đối với 3 Uẩn và Sân Khuể theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[96] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 4 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 4 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có

4 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[97] Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Hậu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (3)

[98] Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (3)

[99] Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược và bất tương ưng hệ phược theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (3)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)

2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[100] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Phi Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[101] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ v.v. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ v.v. Phi Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN
(NAHETUDUKANAYA)

[102] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ (nên giảng giải Câu Mẫu Đề Thuận Tùng Duyên cho quảng nghĩa) v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Nhị Đề Tương Ưng Hệ Phược

29. NHỊ ĐỀ HỆ PHƯỢC CẢNH HỆ PHƯỢC (GANTHAGANTHANIYADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[103] Pháp Thực Tính hệ phược và cảnh hệ phược **(Ganthaganthaniyadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính hệ phược và cảnh hệ phược sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Tham Thân hệ phược nương vào Giới Cấm Thủ Thân hệ phược sinh khởi, Giới Cấm Thủ Thân hệ phược nương vào Tham Thân hệ phược sinh khởi, Tham Thân hệ phược nương vào Thử Thực Chấp Thân hệ phược sinh khởi, Thử Thực Chấp Thân hệ phược nương vào Tham Thân hệ phược sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính cảnh hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược nương vào Pháp Thực Tính hệ phược và cảnh hệ phược sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào hệ phược sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hệ phược cảnh hệ phược và cảnh hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược nương vào Pháp Thực Tính hệ phược và cảnh hệ phược sinh khởi vì Nhân Duyên (1)

(Giai Đoạn Liên Quan, Giai Đoạn Câu Sinh, Giai Đoạn Duyên Sinh, Giai Đoạn Y Chỉ, Giai Đoạn Hỗn Tạp và Giai Đoạn Tương Ưng tương tự Nhị Đề Hệ Phược, không có điều sai biệt nhau).

29. NHỊ ĐỀ HỆ PHƯỢC CẢNH HỆ PHƯỢC (GANTHAGANTHANIYADUKA)

VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[104] Pháp Thực Tính hệ phược và cảnh hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược và cảnh hệ phược theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân hệ phược làm duyên đối với hệ phược tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (nên giảng giải cả 9 thời kỳ cho quảng nghĩa như thế này).

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[105] Pháp Thực Tính hệ phược và cảnh hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược và cảnh hệ phược theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì hệ phược khai đầu, hệ phược mới sinh khởi (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Vì hệ phược khai đầu, Uẩn cảnh hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược mới sinh khởi (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Vì hệ phược khai đầu, hệ phược và hệ phược tương ưng mới sinh khởi (3)

[106] Pháp Thực Tính cảnh hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy, tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại Chuyển Tộc, tư khảo lại Dũ Tịnh, tư khảo lại phiền não đã được đoạn tận rồi, tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi, tri đắc phiền não đã từng sinh khởi. Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật, Uẩn cảnh hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới (nên giảng giải cho quảng nghĩa hết tất cả)...làm duyên đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

Pháp Thực Tính cảnh hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược và cảnh hệ phược theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy khai đầu, tham ái mới sinh khởi, tà kiến v.v. hoài nghi v.v. trạo cử v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiền Định v.v. Nhãn v.v. Ý Vật, Uẩn cảnh hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược, vì sự hỷ duyệt

tâm khoáng thần di Thiền Định ấy v.v. khai đầu, tham ái mới sinh khởi, tà kiến v.v. ưu thọ mới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính cảnh hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược cảnh hệ phược và cảnh hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiền Định v.v. Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn cảnh hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiền Định ấy v.v. khai đầu, hệ phược và Uẩn tương ưng mới sinh khởi (nên giải thích cả 3 thời kỳ ngoài ra đây cho quảng nghĩa như thế này) (3)

(Nên bổ túc lời nói rằng "vì khai đầu". Trong Nhị Đề này không có Siêu Thế tương tự Nhị Đề Hệ Phược, không có điều sai biệt nhau, nên quy định kiên định rằng "là cảnh của hệ phược". Trong Đồ Đạo Duyên nên bổ túc thành 9 thời kỳ).

Kết Thúc Nhị Đề Hệ Phược Cảnh Hệ Phược

30. NHỊ ĐỀ HỆ PHƯỢC TƯƠNG ƯNG HỆ PHƯỢC (GANTHAGANTHASAMPAYUTTADUKA)

I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

1 – 4. DUYÊN TỨ PHẦN (PACCAYACATUKKANAYA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[107] Pháp Thực Tính hệ phược và tương ưng hệ phược nương vào Pháp Thực Tính hệ phược và tương ưng hệ phược sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Tham Thân hệ phược nương vào Giới Cấm Thủ Thân hệ phược sinh khởi, Giới Cấm Thủ Thân hệ phược nương vào Tham Thân hệ phược sinh khởi, Tham Thân hệ phược nương vào Thử Thực Chấp Thân hệ phược sinh khởi, Thử Thực Chấp Thân hệ phược nương vào Tham Thân hệ phược sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược nương vào Pháp Thực Tính hệ phược và tương ưng hệ phược sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng nương vào hệ phược sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hệ phược tương ưng hệ phược và tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược nương vào Pháp Thực Tính hệ phược và tương ưng hệ phược sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Tham Thân hệ phược và Uẩn tương ưng nương vào Giới Cấm Thủ Thân hệ phược sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (3)

[108] Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược nương vào Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính hệ phược và tương ưng hệ phược nương vào Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược sinh khởi vì Nhân Duyên đó là hệ phược nương vào Uẩn tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hệ phược tương ưng hệ phược và tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược nương vào Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và hệ phược nương vào 1 Uẩn tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

[109] Pháp Thực Tính hệ phược và tương ưng hệ phược nương vào Pháp Thực Tính hệ phược tương ưng hệ phược và tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược sinh khởi vì Nhân Duyên đó là hệ phược nương vào hệ phược và Uẩn tương ưng sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược nương vào Pháp Thực Tính hệ phược tương ưng hệ phược và tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược và nương vào hệ phược sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (2)

Pháp Thực Tính hệ phược tương ưng hệ phược và tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược nương vào Pháp Thực Tính hệ phược tương ưng hệ phược và tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Tham Thân hệ phược nương vào 1 Uẩn tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược và nương vào Giới Cấm Thủ Thân hệ phược sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (3)

[110] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 9 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)

[111] Pháp Thực Tính hệ phược và tương ưng hệ phược nương vào Pháp Thực Tính hệ phược và tương ưng hệ phược sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên (giản lược) (Trong chỗ này không có Phi Nhân Duyên). Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ.

(Theo Phần này, việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây, Giai Đoạn Câu Sinh, Giai Đoạn Duyên Sinh, Giai Đoạn Y Chỉ, Giai Đoạn Hỗn Tạp và Giai Đoạn Tương Ưng tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

30. NHỊ ĐỀ HỆ PHƯỢC TƯƠNG ƯNG HỆ PHƯỢC (GANTHAGANTHASAMPAYUTTADUKA)

VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[112] Pháp Thực Tính hệ phược và tương ưng hệ phược **(Ganthaganthasampa yuttadhamma)** làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược và tương ưng hệ phược theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân hệ phược và tương ưng hệ phược làm duyên đối với hệ phược tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (1)

Pháp Thực Tính hệ phược và tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân hệ phược và tương ưng hệ phược làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (2)

Pháp Thực Tính hệ phược và tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược tương ưng hệ phược và tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân hệ phược và tương ưng hệ phược làm duyên đối với Uẩn tương ưng và hệ phược theo phương thức Nhân Duyên (3)

[113] Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược làm duyên đối với hệ phược tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược và tương ưng hệ phược theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược làm duyên đối với hệ phược tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược tương ưng hệ phược và tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Uẩn tương ưng và hệ phược theo phương thức Nhân Duyên (3)

[114] Pháp Thực Tính hệ phược tương ưng hệ phược và tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược và tương ưng hệ phược theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân hệ phược tương ưng hệ phược và tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (1)

Pháp Thực Tính hệ phược tương ưng hệ phược và tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân hệ phược tương ưng hệ phược và tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (2)

Pháp Thực Tính hệ phược tương ưng hệ phược và tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược tương ưng hệ phược và tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân hệ phược tương ưng hệ phược và tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Uẩn tương ưng và hệ phược theo phương thức Nhân Duyên (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.

[115] Pháp Thực Tính hệ phược và tương ưng hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính hệ phược và tương ưng hệ phược theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì hệ phược khai đầu, hệ phược mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì hệ phược khai đầu, Uẩn tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì hệ phược khai đầu, Uẩn hệ phược và tương ưng hệ phược mới sinh khởi (3)

Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Uẩn tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược khai đầu, Uẩn tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược khai đầu, hệ phược mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn tương ưng hệ phược nhưng chẳng phải hệ phược khai đầu, hệ phược và Uẩn tương ưng hệ phược mới sinh khởi (3)

(Nên bổ túc thành 3 thời kỳ ngay cả ngoài ra đây như thế này tương tự Cảnh Duyên, Trưởng Duyên, Vô Gián Duyên và Cận Y Duyên, không có việc phân chia).

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[116] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

(Chỉ có làm duyên Vô Sắc Địa Giới thôi, nên sắp mỗi Duyên 3 thời kỳ, nên cải biến Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên cho mỗi Duyên thành 9 thời kỳ, ngay cả trong Giai Đoạn Vấn Đề cũng nên bổ túc hết cả thảy như thế này).

Kết Thúc Hệ Phược Tương Ưng Hệ Phược

31. NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG HỆ PHƯỢC CẢNH HỆ PHƯỢC (GANTHAVIPPAYUTTAGANTHANIYADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[117] Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược nhưng cảnh hệ phược **(Gantha vippayuttaganthaniyadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng hệ phược nhưng cảnh hệ phược sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn bất tương ưng hệ phược nhưng cảnh hệ phược sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (nên giảng giải cho quảng nghĩa tương tự Nhị Đề Hiệp Thế trong Nhị Đề Tiểu Lý Diện, không có điều sai biệt)

Kết Thúc Bất Tương Ưng Hệ Phược Cảnh Hệ Phược
Kết Thúc Quần Đoàn Hệ Phược

VI - VII. QUẦN ĐOÀN BỘC LƯU – ÁCH PHƯỢC (OGHA - YOGAGOCCHAKA)
32 - 43. NHỊ ĐỀ BỘC LƯU (OGHADUKA) v.v.

[1] Pháp Thực Tính bộc lưu **(Oghadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính bộc lưu sinh khởi vì Nhân Duyên v.v.

[2] Pháp Thực Tính ách phược **(Yogadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính ách phược sinh khởi vì Nhân Duyên v.v.

(Cả 2 Quần Đoàn này tương tự Quần Đoàn Lậu Hoặc, không có điều sai biệt nhau).

Kết Thúc Quần Đoàn Bộc Lưu – Ách Phược

VIII. QUẦN ĐOÀN TRIỀN CÁI (NĪVARAṆAGOCCHAKA)
44. NHỊ ĐỀ TRIỀN CÁI (NĪVARAṆADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[1] Pháp Thực Tính triền cái **(Nīvaraṇadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính triền cái sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Hôn Thùy Triền Cái **(Thīnamiddhanīvaraṇa),** Trạo Cử Triền Cái **(Uddhaccanīvaraṇa)** và Vô Minh Triền Cái **(Avijjānīvaraṇa)** nương vào Tham Dục Triền Cái **(Kāmachandanīvaraṇa)** sinh khởi. Trạo Cử Triền Cái và Vô Minh Triền Cái nương vào Tham Dục Triền Cái sinh khởi. Hôn Thùy Triền Cái, Trạo Cử Triền Cái và

Vô Minh Triền Cái nương vào Kết Cừu Triền Cái **(Byāpādanīvaraṇa)** sinh khởi. Trạo Cử Triền Cái và Vô Minh Triền Cái nương vào Kết Cừu Triền Cái sinh khởi. Hôn Thùy Triền Cái, Trạo Cử Triền Cái, Hối Hận Triền Cái **(Kukkuccanīvaraṇa)** và Vô Minh Triền Cái nương vào Kết Cừu Triền Cái sinh khởi. Trạo Cử Triền Cái, Hối Hận Triền Cái và Vô Minh Triền Cái nương vào Kết Cừu Triền Cái sinh khởi. Trạo Cử Triền Cái nương vào Hoài Nghi Triền Cái **(Vicikicchānīvaraṇa)** sinh khởi. Vô Minh Triền Cái nương vào Trạo Cử Triền Cái sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái nương vào Pháp Thực Tính triền cái sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào triền cái sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái nương vào Pháp Thực Tính triền cái sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Hôn Thùy triền cái, Trạo Cử triền cái, Vô Minh triền cái, Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tham Dục triền cái sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (3)

[2] Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải triền cái sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính triền cái nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái sinh khởi vì Nhân Duyên đó là triền cái nương vào Uẩn chẳng phải triền cái sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, triền cái và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải triền cái sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

[3] Pháp Thực Tính triền cái nương vào Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Hôn Thùy triền cái, Trạo Cử triền cái và Vô Minh triền cái nương vào Tham Dục triền cái và Uẩn tương ưng sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái nương vào Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải triền cái nương vào triền cái sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào triền cái và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái nương vào Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, Hôn Thùy triền cái, Trạo Cử triền cái và Vô Minh triền cái nương vào 1 Uẩn chẳng phải triền cái và nương vào Tham Dục triền cái sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**, giản lược) (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[4] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 9 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[5] Pháp Thực Tính triền cái nương vào Pháp Thực Tính triền cái sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Vô Minh triền cái nương vào Hoài Nghi triền cái sinh khởi, Vô Minh triền cái nương vào Trạo Cử triền cái sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân chẳng phải triền cái sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

Pháp Thực Tính triền cái nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Vô Minh triền cái nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (2)

[6] Pháp Thực Tính triền cái nương vào Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Vô Minh triền cái nương vào Hoài Nghi triền cái và Uẩn tương ưng sinh khởi, Vô Minh triền cái nương vào Trạo Cử triền cái và Uẩn tương ưng sinh khởi (1)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.

[7] Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái nương vào Pháp Thực Tính triền cái sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào triền cái sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn chẳng phải triền cái sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái nương vào Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào triền cái và Uẩn tương ưng sinh khởi (giản lược). Vì Phi Trưởng Duyên. Vì Phi Vô Gián Duyên. Vì Phi Đẳng Vô Gián Duyên. Vì Phi Hỗ Tương Duyên. Vì Phi Cận Y Duyên.

PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA)

[8] Pháp Thực Tính triền cái nương vào Pháp Thực Tính triền cái sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, Hôn Thùy triền cái, Trạo Cử triền cái và Vô Minh triền cái nương vào Tham Dục triền cái sinh khởi. Trong Vô Sắc Địa Giới, Trạo Cử triền cái và Vô Minh triền cái nương vào Tham Dục triền cái sinh khởi. Trong Vô Sắc Địa Giới, Trạo Cử triền cái và Vô Minh triền cái nương vào Hoài Nghi triền cái sinh khởi. Trong Vô Sắc Địa Giới, Vô Minh triền cái nương vào Trạo Cử triền cái sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái nương vào Pháp Thực Tính triền cái sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, Uẩn tương ưng nương vào triền cái sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào triền cái sinh khởi (nên giảng giải hết tất cả các thời kỳ còn lại cho quảng nghĩa, nên sắp Vô Sắc Địa Giới trước, sẽ sắp Sắc Địa Giới có được trong phía sau).

[9] Pháp Thực Tính triền cái nương vào Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, Hôn Thùy triền cái và Trạo Cử triền cái nương vào Uẩn chẳng phải triền cái và nương vào Tham Dục triền cái sinh khởi (nên triền nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái nương vào Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn chẳng phải triền cái và nương vào triền cái sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào triền cái và Uẩn tương ưng sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào triền cái và Sắc Đại Hiển sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái nương vào Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, 3 Uẩn, Hôn Thùy triền cái, Trạo Cử triền cái và Vô Minh triền cái nương vào 1 Uẩn chẳng phải triền cái và nương vào Tham Dục triền cái sinh khởi (nên triền nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**, giản lược) (3)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[10] Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[11] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ (giản lược).

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[12] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ v.v. Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ.

(Nên giảng giải Giai Đoạn Câu Sinh cho quảng nghĩa như thế này).

44. NHỊ ĐỀ TRIỀN CÁI (NĪVARAṆADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[13] Pháp Thực Tính triền cái tác hành Pháp Thực Tính triền cái cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn chẳng phải triền cái cho thành duyên sinh khởi v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Sắc Đại Hiển ở phần nội bộ). Uẩn chẳng phải triền cái tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính triền cái tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là triền cái tác hành Uẩn chẳng phải triền cái cho thành duyên sinh khởi, triền cái tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, triền cái và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn chẳng phải triền cái cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. triền cái tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, triền cái và Uẩn tương ưng tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (3)

[14] Pháp Thực Tính triền cái tác hành Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Hôn Thùy triền cái, Trạo Cử triền cái và Vô Minh triền cái tác hành Tham Dục triền cái và Uẩn tương ưng cho thành duyên sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Hôn Thùy triền cái, Trạo Cử triền cái và Vô Minh triền cái tác hành Tham Dục triền cái và Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái tác hành Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn chẳng phải triền cái và tác hành triền cái cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Uẩn tương ưng tác hành triền cái và Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành triền cái và Uẩn tương ưng cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành triền cái và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái tác hành Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, Tham Dục triền cái, Trạo Cử triền cái và Vô Minh triền cái tác hành 1 Uẩn chẳng phải triền cái và tác hành Tham Dục triền cái cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Hôn Thùy triền cái, Trạo Cử triền cái, Vô Minh triền cái và Uẩn tương ưng tác hành Tham Dục triền cái và Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya],** giản lược) (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[15] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[16] Pháp Thực Tính triền cái tác hành Pháp Thực Tính triền cái cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Vô Minh triền cái tác hành Hoài Nghi triền cái cho thành duyên sinh khởi, Vô Minh triền cái tác hành Trạo Cử triền cái cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn Vô Nhân chẳng phải triền cái sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng). Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi, Uẩn Vô Nhân chẳng phải triền cái tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính triền cái tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Vô Minh triền cái tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi, Vô Minh triền cái tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

[17] Pháp Thực Tính triền cái tác hành Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Vô Minh triền cái tác hành Hoài Nghi triền cái và Uẩn tương ưng cho thành duyên sinh khởi, Vô Minh triền cái tác hành Trạo Cử triền cái và Uẩn tương ưng cho thành duyên sinh khởi, Vô Minh triền cái tác hành Hoài Nghi triền cái và Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Vô Minh triền cái tác hành Trạo Cử triền cái và Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (giản lược) (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[18] Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[19] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ (giản lược).

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[20] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ v.v. Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ.

44. NHỊ ĐỀ TRIỀN CÁI (NĪVARAṆADUKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)
1 – 4. DUYÊN TỨ PHẦN (PACCAYACATUKKANAYA)

[21] Pháp Thực Tính triền cái sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính triền cái vì Nhân Duyên đó là Hôn Thùy triền cái, Trạo Cử triền cái và Vô Minh triền cái sinh hỗn tạp với Tham Dục triền cái (nên triền nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya],** nên giảng giải hết tất cả triền cái cho quảng nghĩa).

[22] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

[23] Pháp Thực Tính triền cái sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính triền cái vì Phi Nhân Duyên đó là Vô Minh triền cái sinh hỗn tạp với Hoài Nghi triền cái, Vô Minh triền cái sinh hỗn tạp Trạo Cử triền cái (giản lược).

[24] Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

(Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Tương Ưng nên bổ túc như thế này)

44. NHỊ ĐỀ TRIỀN CÁI (NĪVARAṆADUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[25] Pháp Thực Tính triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân triền cái làm duyên đối với triền cái tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (1)

Pháp Thực Tính triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân triền cái làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (2)

Pháp Thực Tính triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân triền cái làm duyên đối với Uẩn tương ưng, triền cái và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân chẳng phải triền cái làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[26] Pháp Thực Tính triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì triền cái khai đầu, triền cái mới sinh khởi (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Vì triền cái khai đầu, Uẩn chẳng phải triền cái mới sinh khởi (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Vì triền cái khai đầu, triền cái và Uẩn tương ưng mới sinh khởi (3)

[27] Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy, tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo, Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não chẳng phải triền cái đã được đoạn tận rồi, tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi v.v. tri đắc phiền não đã từng sinh khởi v.v. Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải triền cái thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm chẳng phải triền cái, Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Uẩn chẳng phải triền cái làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải triền cái, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái mới sinh khởi, tà kiến v.v. hoài nghi v.v. trạo cử v.v. ưu thọ mới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải triền cái, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, triền cái và Uẩn tương ưng mới sinh khởi (3)

Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái theo phương thức Cảnh Duyên có 3 thời kỳ (nên bổ túc lời nói rằng "vì khai đầu")

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[28] Pháp Thực Tính triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là vì thực hiện triền cái

cho thành Cảnh một cách kiên định, triền cái mới sinh khởi có 3 thời kỳ (Duyên này tương tự Cảnh Duyên) (3)

[29] Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo v.v. tư khảo lại Quả v.v. tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo và Quả theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải triền cái cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng chẳng phải triền cái làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải triền cái cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng chẳng phải triền cái làm duyên đối với triền cái tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải triền cái cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, triền cái và Uẩn tương ưng mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng chẳng phải triền cái làm duyên đối với Uẩn tương ưng triền cái và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (3)

Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** có 3 thời kỳ (chỉ có Cảnh Duyên thôi).

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[30] Pháp Thực Tính triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái theo phương thức Vô Gián Duyên đó là triền cái sinh trước trước làm duyên đối với triền cái sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Triền cái sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn chẳng phải triền cái sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Triền cái làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Triền cái sinh trước trước làm duyên đối với triền cái và Uẩn tương ưng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

[31] Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn chẳng phải triền cái sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn chẳng phải triền cái sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên v.v. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc đã xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Uẩn chẳng phải triền cái sinh trước trước làm duyên đối với triền cái sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với triền cái theo phương thức Vô Gián Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Uẩn chẳng phải triền cái sinh trước trước làm duyên đối với triền cái và Uẩn tương ưng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với triền cái và Uẩn tương ưng theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

[32] Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái theo phương thức Vô Gián Duyên đó là triền cái và Uẩn tương ưng sinh trước trước làm duyên đối với triền cái sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Triền cái và Uẩn tương ưng sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn chẳng phải triền cái sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Triền cái và Uẩn tương ưng làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Triền cái và Uẩn tương ưng sinh trước trước làm duyên đối với triền cái và Uẩn tương ưng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

ĐẳNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA) v.v.

[33] Pháp Thực Tính triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên.

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[34] Pháp Thực Tính triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là triền cái làm duyên đối với triền cái theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thời kỳ.

[35] Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. thực hiện Thiền Định cho sinh khởi v.v. thực hiện Minh Sát Tuệ v.v. Đạo v.v. Thắng Trí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Tuệ v.v. tham ái...sân...si...ngã mạn...tà kiến...sự dục vọng...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ...Quý Tiết...Ẩm Thực...Trú Xứ rồi xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín v.v. Tuệ...tham ái v.v. sự dục vọng...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ...Đạo...Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Trú Xứ rồi sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với tham ái v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Trú Xứ rồi sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với triền cái và Uẩn tương ưng theo phương thức Cận Y Duyên (3)

Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là triền cái và Uẩn tương ưng làm duyên đối với triền cái theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thời kỳ.

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[36] Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi v.v. có 3 thời kỳ (Tiền Sinh Duyên tương tự Cảnh Duyên. Đối với Pháp Thực Tính ở phần Thiện và Bất Thiện mới phân chia).

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA) VÀ TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[37] Pháp Thực Tính triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái theo phương thức Hậu Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ.

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[38] Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở chẳng phải triền cái làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở chẳng phải triền cái làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Tư Tâm Sở chẳng phải triền cái làm duyên đối với triền cái tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Tư Tâm Sở chẳng phải triền cái làm duyên đối với Uẩn tương ưng, triền cái và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA) v.v.

[39] Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái theo phương thức Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[40] Pháp Thực Tính triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (nên bổ túc 4 thời kỳ còn lại như thế này).

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[41] Pháp Thực Tính triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái theo phương thức Hiện Hữu Duyên đó là Tham Dục triền cái làm duyên đối với Hôn Thùy triền cái, Trạo Cử triền cái và Vô Minh triền cái theo phương thức Hiện Hữu Duyên (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (1)

Pháp Thực Tính triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (trong Phần này, Câu có triền cái làm Căn Nguyên có 3 thời kỳ) (3)

[42] Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh (giản lược) (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh (giản lược) (3)

[43] Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là Tham Dục triền cái và Uẩn tương ưng làm duyên đối với Hôn Thùy triền cái, Trạo Cử triền cái và Vô Minh triền cái theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Tham Dục triền cái và Ý Vật làm duyên đối với Hôn Thùy triền cái, Trạo Cử triền cái và Vô Minh triền cái theo phương thức Hiện Hữu Duyên (1)

Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn chẳng phải triền cái và triền cái làm duyên đối với 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. triền cái và Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải triền cái theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Triền cái và Uẩn tương ưng làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Triền cái và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là triền cái và Uẩn tương ưng làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là triền cái, Uẩn tương ưng và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là triền cái, Uẩn tương ưng và Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn chẳng phải triền cái và Tham Dục triền cái làm duyên đối với 3 Uẩn, Hôn Thùy triền cái, Trạo Cử triền cái, Vô Minh triền cái và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. 2 Uẩn v.v. Tham Dục triền cái và Ý Vật làm duyên đối với Hôn Thùy triền cái, Trạo Cử triền cái, Vô Minh triền cái và Uẩn tương ưng theo phương thức Hiện Hữu Duyên (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[44] Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 3 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[45] Pháp Thực Tính triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (3)

[46] Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (3)

[47] Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải triền cái theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái và chẳng phải triền cái theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (3)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[48] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Phi Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Phi Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[49] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ v.v. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ v.v. Phi Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[50] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ (nên bổ túc Câu Mẫu Đề Thuận Tùng Duyên) v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Nhị Đề Triền Cái

45. NHỊ ĐỀ CẢNH TRIỀN CÁI (NĪVARAṆIYADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

[51] Pháp Thực Tính cảnh triền cái **(Nīvaraṇiyadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính cảnh triền cái sinh khởi vì Nhân Duyên v.v. (nên bổ túc Nhị Đề Cảnh Triền Cái để tương tự Nhị Đề Hiệp Thế, không có điều sai biệt nhau).

8 lần triền cái phối hợp triền cái là 2 lần Tham Dục triền cái, 2 lần Sân Khuể, 2 thể loại Trạo Cử và Hoài Nghi này với mỗi thể loại một lần.

(Đã sắp Mẫu Đề của Nhị Đề Cảnh Triền Cái để trong Giai Đoạn này rồi).

46. NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG TRIỀN CÁI (NĪVARAṆASAMPAYUTTADUKA)

I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[52] Pháp Thực Tính tương ưng triền cái **(Nīvaraṇasampayuttadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính tương ưng triền cái sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn tương ưng triền cái sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái **(Nīvaraṇavippayuttadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính tương ưng triền cái sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn tương ưng triền cái sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng triền cái và bất tương ưng triền cái nương vào Pháp Thực Tính tương ưng triền cái sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn tương ưng triền cái sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

[53] Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn bất tương ưng triền cái sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Sắc Đại Hiển ở phần nội bộ) (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái nương vào Pháp Thực Tính tương ưng triền cái và bất tương ưng triền cái sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn tương ưng triền cái và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (giản lược)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[54] Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Cảnh Duyên có 2 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ v.v. Vô Hữu Duyên có 2 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 5 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[55] Pháp Thực Tính tương ưng triền cái nương vào Pháp Thực Tính tương ưng triền cái sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Vô Minh triền cái nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là...Vô Nhân bất tương ưng triền cái v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, giản lược).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[56] Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 2 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[57] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ v.v. Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[58] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ v.v. Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ.

(Giai Đoạn Câu Sinh nên bổ túc như thế này).

46. NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG TRIỀN CÁI (NĪVARAṆASAMPAYUTTADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[59] Pháp Thực Tính tương ưng triền cái tác hành Pháp Thực Tính tương ưng triền cái cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn bất tương ưng triền cái cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. tác hành 1 Sắc Đại Hiển v.v. Uẩn bất tương ưng triền cái tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính tương ưng triền cái tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng triền cái tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng triền cái và bất tương ưng triền cái tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng triền cái tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi (3)

[60] Pháp Thực Tính tương ưng triền cái tác hành Pháp Thực Tính tương ưng triền cái và bất tương ưng triền cái cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn tương ưng triền cái và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái tác hành Pháp Thực Tính tương ưng triền cái và bất tương ưng triền cái cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn tương ưng triền cái và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng triền cái và bất tương ưng triền cái tác hành Pháp Thực Tính tương ưng triền cái và bất tương ưng triền cái cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn tương ưng triền cái và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn tương ưng triền cái và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi (giản lược) (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[61] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 4 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ v.v. Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[62] Pháp Thực Tính tương ưng triền cái tác hành Pháp Thực Tính tương ưng triền cái cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Vô Minh triền cái tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn Vô Nhân bất tương ưng triền cái cho thành duyên sinh khởi v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi, Uẩn Vô Nhân bất tương ưng triền cái tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính tương ưng triền cái tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng triền cái tác hành Pháp Thực Tính tương ưng triền cái và bất tương ưng triền cái cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (giản lược) (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[63] Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Tiền Sinh Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ v.v. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

(Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Y Chỉ nên thực hiện như thế này).

46. NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG TRIỀN CÁI (NĪVARAṆASAMPAYUTTADUKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)
1 – 4. DUYÊN TỨ PHẦN (PACCAYACATUKKANAYA)

[64] Pháp Thực Tính tương ưng triền cái sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính tương ưng triền cái vì Nhân Duyên v.v. Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Cảnh Duyên có 2 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 2 thời kỳ). Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 2 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

[65] Pháp Thực Tính tương ưng triền cái sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính tương ưng triền cái vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh hỗn tạp với Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử...sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái (giản lược).

Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 2 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 2 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

(Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Tương Ưng nên thực hiện như thế này)

46. NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG TRIỀN CÁI (NĪVARAṆASAMPAYUTTADUKA)

VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[66] Pháp Thực Tính tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng triền cái theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân tương ưng triền cái làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Nhân tương ưng triền cái làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Nhân tương ưng triền cái làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (3)

Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân bất tương ưng triền cái làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[67] Pháp Thực Tính tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng triền cái theo phương thức Cảnh Duyên đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di tham ái, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di tham ái ấy khai đầu, tham ái mới sinh khởi, tà kiến v.v. hoài nghi v.v. trạo cử v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di tà kiến, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di tà kiến ấy khai đầu, tham ái mới sinh khởi, tà kiến v.v. hoài nghi v.v. trạo cử v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Vì hoài nghi khai đầu, hoài nghi v.v. tà kiến v.v. trạo cử v.v. ư u thọ mới sinh khởi. Vì trạo cử khai đầu, trạo cử mới sinh khởi, tà kiến

v.v. hoài nghi...ưu thọ mới sinh khởi. Vì ưu thọ khai đầu, ưu thọ mới sinh khởi, tà kiến v.v. hoài nghi v.v. trạo cử mới sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái theo phương thức Cảnh Duyên đó là Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não tương ưng triền cái đã được đoạn tận rồi, tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi, tri đắc phiền não đã từng sinh khởi, kiến giải minh lượng Uẩn tương ưng triền cái thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm tương ưng triền cái, Uẩn tương ưng triền cái làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (2)

[68] Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy, tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo, Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn bất tương ưng triền cái thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, khán kiến Sắc với Thiên Nhãn (nên bổ túc nội dung cho đến Tâm Khai Môn) (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng triền cái theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn bất tương ưng triền cái, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái mới sinh khởi, tà kiến v.v. hoài nghi v.v. trạo cử v.v. ưu thọ mới sinh khởi (2)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[69] Pháp Thực Tính tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng triền cái theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di tham ái cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di tham ái ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi; hỷ duyệt tâm khoáng thần di tà kiến cho thành Cảnh một cách kiên định v.v.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng tương ưng triền cái làm duyên đối với Uẩn tương ưng triền cái theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng tương ưng triền cái làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương

thức Trưởng Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Pháp Trưởng tương ưng triền cái làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (3)

[70] Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo và Quả theo phương thức Trưởng Duyên.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng bất tương ưng triền cái làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng triền cái theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật v.v. tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiền Định v.v. Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn bất tương ưng triền cái cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiền Định ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi (2)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[71] Pháp Thực Tính tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng triền cái theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn tương ưng triền cái sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn tương ưng triền cái sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Uẩn tương ưng triền cái làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên (trong chỗ này không có lời nói rằng "sinh trước trước") (2)

(Nên viện dẫn Cảu làm Căn Nguyên) Uẩn bất tương ưng triền cái sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn bất tương ưng triền cái sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng triền cái theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn tương ưng triền cái theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA) v.v.

[72] Pháp Thực Tính tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng triền cái theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên.

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[73] Pháp Thực Tính tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng triền cái theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào tham ái rồi sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Nương vào Sân v.v. Si v.v. ngã mạn v.v. tà kiến v.v. sự dục vọng rồi sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tham ái v.v. sự dục vọng làm duyên đối với tham ái v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Cảnh Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào tham ái rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. thực hiện Thiền Định cho sinh khởi v.v. thực hiện Minh Sát Tuệ v.v. Đạo v.v. Thắng Trí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi. Nương vào Sân v.v. sự dục vọng rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi. Tham ái v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín v.v. Tuệ...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ...Đạo...Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (2)

[74] Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi xả thí, tuân thủ giới luật v.v. thực hiện Đạo v.v. Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định cho sinh khởi. Nương vào Giới v.v. Tuệ v.v. Trú Xứ rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín v.v. Tuệ v.v. Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng triền cái theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Tuệ v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Trú Xứ rồi sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với tham ái v.v. sân v.v. si v.v. ngã mạn v.v. tà kiến...sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên (2)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[75] Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn bất tương ưng triền cái theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng triền cái theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái v.v. sân v.v. si v.v.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn tương ưng triền cái theo phương thức Tiền Sinh Duyên (2)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA) VÀ TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[76] Pháp Thực Tính tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái theo phương thức Hậu Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ.

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA) v.v.

[77] Pháp Thực Tính tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng triền cái theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tương ưng triền cái làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên) có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở tương ưng triền cái làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở tương ưng triền cái làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Tư Tâm Sở tương ưng triền cái làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3)

Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời (giản lược). Làm duyên theo phương thức Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ.

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA) v.v.

[78] Pháp Thực Tính tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng triền cái theo phương thức Vật Thực Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[79] Pháp Thực Tính tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng triền cái theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên chỉ có một thể loại là **Tiền Sinh** đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn tương ưng triền cái theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (2)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[80] Pháp Thực Tính tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng triền cái theo phương thức Hiện Hữu Duyên đó là 1 Uẩn tương ưng triền cái làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. (1)

Pháp Thực Tính tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn tương ưng triền cái làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn tương ưng triền cái làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Pháp Thực Tính tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng triền cái và bất tương ưng triền cái theo phương thức Hiện Hữu Duyên đó là 1 Uẩn tương ưng triền cái làm duyên đối với 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn làm duyên đối với 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên (3)

[81] Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng triền cái theo phương thức Hiện Hữu Duyên chỉ có một thể loại là **Tiền Sinh** đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái v.v. tà kiến v.v. hoài nghi v.v. trạo cử v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn tương ưng triền cái theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

[82] Pháp Thực Tính tương ưng triền cái và bất tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng triền cái theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn tương ưng triền cái và Ý Vật làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn và Ý Vật làm duyên đối với 2 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng triền cái và bất tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái theo phương thức Hiện Hữu Duyê có 4 thể loại là Câu Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là Uẩn tương ưng triền cái và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn tương ưng triền cái và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn tương ưng triền cái và Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[83] Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Cảnh Duyên có 4 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 2 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 7 thời kỳ. Cận Y Duyên có 4 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 4 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 4 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 4 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 7 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 4 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 4 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 7 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[84] Pháp Thực Tính tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng triền cái theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Hậu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng triền cái và bất tương ưng triền cái theo phương thức Câu Sinh Duyên (3)

[85] Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng triền cái theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng triền cái và bất tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng triền cái theo phương thức Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng triền cái và bất tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái theo phương thức Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (2)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[86] Phi Nhân Duyên có 7 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 7 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 7 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 7 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 7 thời kỳ. Phi Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 5 thời kỳ. Phi Y Chỉ Duyên có 5 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 7 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 6 thời kỳ v.v. Phi Đồ Đạo Duyên có 7 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hiện Hữu Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 7 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 7 thời kỳ. Phi Bất Ly Duyên có 4 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[87] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ.

Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ v.v. Phi Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[88] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ (nên bổ túc Câu Mẫu Đề Thuận Tùng Duyên) v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 7 thời kỳ.

Kết Thúc Nhị Đề Tương Ưng Triền Cái

47. NHỊ ĐỀ TRIỀN CÁI CẢNH TRIỀN CÁI (NĪVARAṆANĪVARAṆIYADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

[89] Pháp Thực Tính triền cái và cảnh triền cái **(Nīvaraṇanīvaraṇiyadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính triền cái và cảnh triền cái sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Hôn Thùy triền cái, Trạo Cử triền cái và Vô Minh triền cái nương vào Tham Dục triền cái sinh khởi (nên phân chia hết cả số như thế này tương tự Nhị Đề Triền Cái, không có điều sai biệt nhau).

47. NHỊ ĐỀ TRIỀN CÁI CẢNH TRIỀN CÁI (NĪVARAṆANĪVARAṆIYADUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[90] Pháp Thực Tính triền cái và cảnh triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái và cảnh triền cái theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân triền cái và cảnh triền cái làm duyên đối với triền cái tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (1)

Pháp Thực Tính triền cái và cảnh triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh triền cái nhưng chẳng phải triền cái theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân triền cái và cảnh triền cái làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (2)

Pháp Thực Tính triền cái và cảnh triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái cảnh triền cái và cảnh triền cái nhưng chẳng phải triền cái theo phương thức Nhân Duyên

đó là Nhân triền cái vá cảnh triền cái làm duyên đối với Uẩn tương ưng, triền cái và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (3)

Pháp Thực Tính cảnh triền cái nhưng chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh triền cái nhưng chẳng phải triền cái theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân cảnh triền cái nhưng chẳng phải triền cái làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[91] Pháp Thực Tính triền cái và cảnh triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái và cảnh triền cái theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì triền cái khai đầu, triền cái mới sinh khởi (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Vì triền cái khai đầu, Uẩn cảnh triền cái nhưng chẳng phải triền cái mới sinh khởi (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Vì triền cái khai đầu, triền cái và Uẩn tương ưng mới sinh khởi (3)

Pháp Thực Tính cảnh triền cái nhưng chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh triền cái nhưng chẳng phải triền cái theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy khai đầu, tham ái mới sinh khởi, tà kiến v.v. hoài nghi v.v. trạo cử v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại Chuyển Tộc, tư khảo lại Dũ Tịnh, tư khảo lại phiền não đã được đoạn tận rồi, tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi, tri đắc phiền não đã từng sinh khởi v.v. Kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật, Uẩn cảnh triền cái nhưng chẳng phải triền cái thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn (nên bổ túc nội dung cho đến Tâm Khai Môn) (1)

Pháp Thực Tính cảnh triền cái nhưng chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái và cảnh triền cái theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn cảnh triền cái nhưng chẳng phải triền cái , vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái v.v. tà kiến v.v. hoài nghi v.v. trạo cử v.v. ưu thọ mới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính cảnh triền cái nhưng chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái cảnh triền cái và cảnh triền cái nhưng chẳng phải triền cái theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, Uẩn cảnh triền cái nhưng chẳng phải triền cái , vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, triền cái và Uẩn tương ưng mới sinh khởi (nên bổ túc 3 thời kỳ ngay cả ngoài đây ra như thế này) (3)

(Trưởng Duyên tương tự Cảnh Duyên, Tiền Sinh Duyên tương tự Cảnh Duyên. Trong Cận Y Duyên không nên bổ túc Siêu Thế, giản lược, nên giảng giải cho quảng nghĩa như thế này, nên tư khảo rồi mới bổ túc tương tự Nhị Đề Triền Cái).

Kết Thúc Nhị Đề Tương Ưng Triền Cái

48. NHỊ ĐỀ TRIỀN CÁI TƯƠNG ƯNG TRIỀN CÁI (NĪVARAṆANĪVARAṆASAMPAYUTTADUKA)

I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[92] Pháp Thực Tính triền cái và tương ưng triền cái nương vào Pháp Thực Tính triền cái và tương ưng triền cái sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Hôn Thùy triền cái, Trạo Cử triền cái và Vô Minh triền cái nương vào Tham Dục triền cái sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya],** nên bổ túc hết cả thảy triền cái vào) (1)

Pháp Thực Tính tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái nương vào Pháp Thực Tính triền cái và tương ưng triền cái sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng nương vào triền cái sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính triền cái tương ưng triền cái và tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái nương vào Pháp Thực Tính triền cái và tương ưng triền cái sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Hôn Thùy triền cái, Trạo Cử triền cái, Vô Minh triền cái và Uẩn tương ưng nương vào Tham Dục triền cái sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (3)

[93] Pháp Thực Tính tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái nương vào Pháp Thực Tính tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính triền cái và tương ưng triền cái nương vào Pháp Thực Tính tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái sinh khởi vì Nhân Duyên đó là triền cái nương vào Uẩn tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính triền cái tương ưng triền cái và tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái nương vào Pháp Thực Tính tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và triền cái nương vào 1 Uẩn tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

[94] Pháp Thực Tính triền cái và tương ưng triền cái nương vào Pháp Thực Tính triền cái tương ưng triền cái và tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Hôn Thùy triền cái, Trạo Cử triền cái và Vô Minh triền cái nương vào Tham

Dục triền cái và Uẩn tương ưng sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (1)

Pháp Thực Tính tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái nương vào Pháp Thực Tính triền cái tương ưng triền cái và tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái và nương vào triền cái sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (2)

Pháp Thực Tính triền cái tương ưng triền cái và tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái nương vào Pháp Thực Tính triền cái tương ưng triền cái và tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, Hôn Thùy triền cái, Trạo Cử triền cái và Vô Minh triền cái nương vào 1 Uẩn tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái và nương vào Tham Dục triền cái sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**, giản lược) (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[95] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 9 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[96] Pháp Thực Tính triền cái và tương ưng triền cái nương vào Pháp Thực Tính triền cái và tương ưng triền cái sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Vô Minh triền cái nương vào Hoài Nghi triền cái sinh khởi, Vô Minh triền cái nương vào Trạo Cử triền cái sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính triền cái và tương ưng triền cái nương vào Pháp Thực Tính tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Vô Minh triền cái nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính triền cái và tương ưng triền cái nương vào Pháp Thực Tính triền cái tương ưng triền cái và tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Vô Minh triền cái nương vào Hoài Nghi triền cái và Uẩn tương ưng sinh khởi, Vô Minh triền cái nương vào Trạo Cử triền cái và Uẩn tương ưng sinh khởi (giản lược) (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[97] Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[98] Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ v.v. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[99] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 3 thời kỳ). Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

(Trong Phần này Giai Đoạn Câu Sinh, Giai Đoạn Duyên Sinh, Giai Đoạn Y Chỉ, Giai Đoạn Hỗn Tạp và Giai Đoạn Tương Ưng tương tự Giai Đoạn Liên Quan, không có điều sai biệt nhau).

48. NHỊ ĐỀ TRIỀN CÁI TƯƠNG ƯNG TRIỀN CÁI (NĪVARAṆANĪVARAṆASAMPAYUTTADUKA)

VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[100] Pháp Thực Tính triền cái và tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái và tương ưng triền cái theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân triền cái và tương ưng triền cái làm duyên đối với tương ưng triền cái theo phương thức Nhân Duyên (1)

Pháp Thực Tính triền cái và tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân triền cái và tương ưng triền cái làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (2)

Pháp Thực Tính triền cái và tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái tương ưng triền cái và tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái theo phương

thức Nhân Duyên đó là Nhân triền cái và tương ưng triền cái làm duyên đối với Uẩn tương ưng và triền cái theo phương thức Nhân Duyên (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[101] Pháp Thực Tính triền cái và tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái và tương ưng triền cái theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì triền cái khai đầu, triền cái mới sinh khởi (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Vì triền cái khai đầu, Uẩn tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái mới sinh khởi (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Vì triền cái khai đầu, triền cái và tương ưng triền cái mới sinh khởi (3)

Pháp Thực Tính tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Uẩn tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái khai đầu, Uẩn tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái mới sinh khởi (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái khai đầu, triền cái mới sinh khởi (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái khai đầu, triền cái và Uẩn tương ưng mới sinh khởi (3)

Pháp Thực Tính triền cái tương ưng triền cái và tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái và tương ưng triền cái theo phương thức Cảnh Duyên có 3 thời kỳ (3)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA) v.v.

[102] Pháp Thực Tính triền cái và tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái và tương ưng triền cái theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** có 3 thời kỳ (nên bổ túc lời nói rằng "làm cho thành Cảnh một cách kiên định").

Pháp Thực Tính tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là vì thực hiện Uẩn tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên).

Cảnh Trưởng đó là vì thực hiện Uẩn tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái cho thành Cảnh một cách kiên định, triền cái mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái làm duyên đối với triền cái tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên).

Cảnh Trưởng đó là vì thực hiện Uẩn tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái cho thành Cảnh một cách kiên định, triền cái và Uẩn tương ưng mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái làm duyên đối với Uẩn tương ưng và triền cái theo phương thức Trưởng Duyên (3)

[103] Pháp Thực Tính triền cái tương ưng triền cái và tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái và tương ưng triền cái theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** có 3 thời kỳ (3)

...làm duyên theo phương thức Vô Gián Duyên (không có Tâm Khai Môn và Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna),** từng mỗi Câu nên bổ túc lời nói rằng "sinh trước trước"). Làm duyên theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên có 9 thời kỳ (Duyên này tương tự Cảnh Duyên, không có Dị Thục Quả). Làm duyên theo phương thức Trùng Dụng Duyên có 5 thời kỳ.

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[104] Pháp Thực Tính tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Tư Tâm Sở tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái làm duyên đối với triền cái tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Tư Tâm Sở tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái làm duyên đối với Uẩn tương ưng và triền cái theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3)

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA) v.v.

[105] Pháp Thực Tính tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng triền cái nhưng chẳng phải triền cái theo phương thức Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[106] Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 3 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[107] Pháp Thực Tính triền cái và tương ưng triền cái làm duyên đối với Pháp Thực Tính triền cái và tương ưng triền cái theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (Theo Phần này, trong cả 3 Câu nên cải biến cả 9 thời kỳ).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[108] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 9 thời v.v. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[109] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[110] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ (nên bổ túc Câu Mẫu Đề Thuận Tùng Duyên) v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Nhị Đề Triền Cái Tương Ưng Triền Cái

49. NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG TRIỀN CÁI CẢNH TRIỀN CÁI (NĪVARAṆAVIPPAYUTTANĪVARAṆIYADUKA)

I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[111] Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái nhưng thành Cảnh triền cái **(Nīva raṇavippayuttanīvaraṇiyadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng triền cái nhưng thành Cảnh triền cái sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn bất tương ưng triền cái nhưng thành Cảnh triền cái sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (giản lược). (Nên bổ túc tương tự Nhị Đề Hiệp Thế trong Nhị Đề Tiểu Lý Diện, không có điều sai biệt nhau).

Kết Thúc Nhị Đề Bất Tương Ưng Triền Cái Cảnh Triền Cái
Kết Thúc Quần Đoàn Triền Cái

IX. QUẦN ĐOÀN KHINH THỊ (PARĀMĀSAGOCCHAKA)

50. NHỊ ĐỀ KHINH THỊ (PARĀMĀSADUKA)

I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[1] Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị nương vào Pháp Thực Tính khinh thị sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào khinh thị sinh khởi (1)

[2] Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải khinh thị sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng và Sắc Đại Hiển) (1)

Pháp Thực Tính khinh thị nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị sinh khởi vì Nhân Duyên đó là khinh thị nương vào Uẩn chẳng phải khinh thị sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính khinh thị và chẳng phải khinh thị nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, khinh thị và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải khinh thị sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

[3] Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị nương vào Pháp Thực Tính khinh thị và chẳng phải khinh thị sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải khinh thị và nương vào khinh thị sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào khinh thị và Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[4] Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Cảnh Duyên có 5 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 5 thời kỳ). Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 5 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[5] Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân chẳng phải khinh thị sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng). Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (1)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

[6] Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị nương vào Pháp Thực Tính khinh thị sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào khinh thị sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn chẳng phải khinh thị sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị nương vào Pháp Thực Tính khinh thị và chẳng phải khinh thị sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào khinh thị và Uẩn tương ưng sinh khởi (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[7] Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[8] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 5 thời kỳ v.v. Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có 5 thời kỳ v.v. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[9] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 1 thời kỳ). Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. (Giai Đoạn Câu Sinh tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

50. NHỊ ĐỀ KHINH THỊ (PARĀMĀSADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[10] Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị tác hành Pháp Thực Tính khinh thị cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành khinh thị cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn chẳng phải khinh thị cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Sắc Đại Hiển nội bộ). Uẩn chẳng phải khinh thị tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính khinh thị tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là khinh thị tác hành Uẩn chẳng phải khinh thị cho thành duyên sinh khởi, khinh thị tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính khinh thị và chẳng phải khinh thị tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, khinh thị và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn chẳng phải khinh thị cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. khinh thị tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, khinh thị và Uẩn tương ưng tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

[11] Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị tác hành Pháp Thực Tính khinh thị và chẳng phải khinh thị cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn chẳng phải khinh thị và tác hành khinh thị cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành khinh thị và Uẩn tương ưng cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành khinh thị và Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, Uẩn chẳng phải khinh thị tác hành khinh thị và Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (giản lược) (1)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[12] Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Cảnh Duyên có 5 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 5 thời kỳ). Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 5 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[13] Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn Vô Nhân chẳng phải khinh thị cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình

Vô Tưởng) Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi, Uẩn Vô Nhân chẳng phải khinh thị tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (giản lược).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[14] Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[15] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 5 thời kỳ. (Mỗi Duyên nên bổ túc như thế này).

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[16] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. (Giai Đoạn Y Chỉ tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh)

50. NHỊ ĐỀ KHINH THỊ (PARĀMĀSADUKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)

Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính khinh thị vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng sinh hỗn tạp với khinh thị (nên bổ túc thành 5 thời kỳ như thế này, đặc biệt chỉ trong Vô Sắc Địa Giới. Giai Đoạn Hỗn Tạp và Giai Đoạn Tương Ưng nên bổ túc để như thế này).

50. NHỊ ĐỀ KHINH THỊ (PARĀMĀSADUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[17] Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính khinh thị theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân chẳng phải khinh thị làm duyên đối với khinh thị theo phương thức Nhân Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính khinh thị và chẳng phải khinh thị theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Uẩn tương ưng khinh thị và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[18] Pháp Thực Tính khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính khinh thị theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì khinh thị khai đầu, khinh thị mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì khinh thị khai đầu, Uẩn chẳng phải khinh thị mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì khinh thị khai đầu, khinh thị và Uẩn tương ưng mới sinh khởi (3)

[19] Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy khai đầu, tham ái v.v. hoài nghi v.v. trạo cử v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo, Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não chẳng phải khinh thị đã được đoạn tận rồi v.v. tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi v.v. tri đắc phiền não đã từng sinh khởi v.v. kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải khinh thị thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái v.v. hoài nghi v.v. trạo cử v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm chẳng phải khinh thị, Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Uẩn chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm

Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính khinh thị theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy khai đầu, tà kiến mới sinh khởi. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải khinh thị, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tà kiến mới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính khinh thị và chẳng phải khinh thị theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh ghiệp lực v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy khai đầu, khinh thị và Uẩn tương ưng mới sinh khởi. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải khinh thị, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, khinh thị và Uẩn tương ưng mới sinh khởi (3)

[20] Pháp Thực Tính khinh thị và chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính khinh thị theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì khinh thị và Uẩn tương ưng khai đầu, khinh thị mới sinh khởi, có 3 thời kỳ.

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[21] Pháp Thực Tính khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính khinh thị theo phương thức Trưởng Duyên đó là vì thực hiện khinh thị cho thành Cảnh một cách kiên định, khinh thị mới sinh khởi, có 3 thời kỳ (nên bổ túc đặc biệt Cảnh Trưởng Duyên).

[22] Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi. Tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Quả cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo và Quả theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải khinh thị cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính khinh thị theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải khinh thị cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tà kiến mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng chẳng phải khinh thị làm duyên đối với khinh thị theo phương thức Trưởng Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính khinh thị và chẳng phải khinh thị theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải khinh thị cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, khinh thị và Uẩn tương ưng mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Uẩn tương ưng khinh thị và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (3)

Pháp Thực Tính khinh thị và chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính khinh thị theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là vì thực hiện khinh thị và Uẩn tương ưng cho thành Cảnh một cách kiên định, khinh thị mới sinh khởi, có 3 thời kỳ.

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[23] Pháp Thực Tính khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính khinh thị theo phương thức Vô Gián Duyên đó là khinh thị sinh trước trước làm duyên đối với khinh thị sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Khinh thị sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn chẳng phải khinh thị sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Khinh thị làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Khinh thị sinh trước trước làm duyên đối với khinh thị và Uẩn tương ưng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

[24] Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn chẳng phải khinh thị sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn chẳng phải khinh thị sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên v.v. Thuận Tùng làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn chẳng phải khinh thị sinh trước trước làm duyên đối với khinh thị sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với khinh thị theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên).

Uẩn chẳng phải khinh thị sinh trước trước làm duyên đối với khinh thị và Uẩn tương ưng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với khinh thị và Uẩn tương ưng theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

[25] Pháp Thực Tính khinh thị và chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính khinh thị theo phương thức Vô Gián Duyên đó là khinh thị và Uẩn tương ưng sinh trước trước làm duyên đối với khinh thị sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Khinh thị và Uẩn tương ưng sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn chẳng phải khinh thị sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Khinh thị và Uẩn tương ưng làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Khinh thị và Uẩn tương ưng sinh trước trước làm duyên đối với khinh thị và Uẩn tương ưng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA) v.v.

[26] Pháp Thực Tính khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính khinh thị theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có 5 thời kỳ.

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[27] Pháp Thực Tính khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính khinh thị theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là khinh thị làm duyên đối với khinh thị theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thời kỳ.

[28] Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi, có ngã mạn. Nương vào Giới v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sân v.v. si v.v. ngã mạn v.v. sự dục vọng v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Trú Xứ rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi, sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín v.v. Tuệ...tham ái v.v. sự dục vọng...Thân Thọ Lạc v.v. Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính khinh thị theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sự dục vọng v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Trú Xứ rồi chấp thủ tà kiến. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với khinh thị theo phương thức Cận Y Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính khinh thị và chẳng phải khinh thị theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Trú Xứ rồi chấp thủ tà kiến. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với khinh thị và Uẩn tương ưng theo phương thức Cận Y Duyên (3)

[29] Pháp Thực Tính khinh thị và chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính khinh thị theo phương thức Cận Y Duyên đó là khinh thị và Uẩn tương ưng làm duyên đối với khinh thị theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thời kỳ.

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[30] Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái v.v. hoài nghi v.v. trạo cử v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải khinh thị theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính khinh thị theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tà kiến mới sinh khởi.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với khinh thị theo phương thức Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính khinh thị và chẳng phải khinh thị theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, khinh thị và Uẩn tương ưng mới sinh khởi.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với khinh thị và Uẩn tương ưng theo phương thức Tiền Sinh Duyên (3)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA) VÀ TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[31] Pháp Thực Tính khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị theo phương thức Hậu Sinh Duyên có 3 thời kỳ (nên bổ túc Hậu Sinh Duyên). Làm duyên theo phương thức Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ.

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[32] Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Uẩn làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Tư Tâm Sở chẳng phải khinh thị làm duyên đối với khinh thị theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Tư Tâm Sở chẳng phải khinh thị làm duyên đối với khinh thị, Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA) v.v.

[33] Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị theo phương thức Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị theo phương thức Đồ Đạo Duyên đó là Chi Đồ Đạo khinh thị v.v. (Theo Phần này nên bổ túc thành 5 thời kỳ). Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[34] Pháp Thực Tính khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính khinh thị theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên chỉ có một thể loại là **Tiền Sinh** đó là Ý Vật làm duyên đối với khinh thị theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính khinh thị và chẳng phải khinh thị theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên chỉ có một thể loại là **Tiền Sinh** đó là Ý Vật làm duyên đối với khinh thị và Uẩn tương ưng theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (3)

Pháp Thực Tính khinh thị và chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (1)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[35] Pháp Thực Tính khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là khinh thị làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là khinh thị làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên (1)

[36] Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính khinh thị theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn chẳng phải khinh thị làm duyên đối với khinh thị theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tà kiến mới sinh khởi. Ý Vật làm duyên đối với khinh thị theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính khinh thị và chẳng phải khinh thị theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh

Câu Sinh đó là 1 Uẩn chẳng phải khinh thị làm duyên đối với 3 Uẩn, khinh thị và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v.

Tiền Sinh đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, khinh thị và Uẩn tương ưng mới sinh khởi. Ý Vật làm duyên đối với khinh thị và Uẩn tương ưng theo phương thức Hiện Hữu Duyên (3)

[37] Pháp Thực Tính khinh thị và chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn chẳng phải khinh thị và khinh thị làm duyên đối với 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. Khinh thị và Uẩn tương ưng làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Khinh thị và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Khinh thị và Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải khinh thị theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là khinh thị và Uẩn tương ưng làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là khinh thị, Uẩn tương ưng và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là khinh thị, Uẩn tương ưng và Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (1)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[38] Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 5 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 5 thời kỳ. Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 5 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 5 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 5 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[39] Pháp Thực Tính khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính khinh thị theo phương thức Cảnh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính khinh thị và chẳng phải khinh thị theo phương thức Cảnh Duyên và Cận Y Duyên (3)

[40] Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính khinh thị theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính khinh thị và chẳng phải khinh thị theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (3)

[41] Pháp Thực Tính khinh thị và chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính khinh thị theo phương thức Cảnh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính khinh thị và chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải khinh thị theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính khinh thị và chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính khinh thị và chẳng phải khinh thị theo phương thức Cảnh Duyên và Cận Y Duyên (3)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[42] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Phi Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[43] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[44] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ (nên bổ túc Câu Mẫu Đề Thuận Tùng Duyên) v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Nhị Đề Khinh Thị

51. NHỊ ĐỀ CẢNH KHINH THỊ (PARĀMAṬṬHADUKA)
I - VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[45] Pháp Thực Tính cảnh khinh thị nương vào Pháp Thực Tính cảnh khinh thị sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn cảnh khinh thị sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Sắc Đại Hiển nội bộ).

...nương vào Pháp Thực Tính cảnh khinh thị v.v. (nên bổ túc Nhị Đề Cảnh Khinh Thị tương tự Nhị Đề Hiệp Thế trong Nhị Đề Tiểu Lý Diện, không có điều sai biệt nhau).

Kết Thúc Nhị Đề Cảnh Khinh Thị

52. NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG KHINH THỊ (PARĀMĀSASAMPAYUTTADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[46] Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị **(Parāmāsasampayuttadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn tương ưng khinh thị sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị **(Parāmāsavippayuttadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn tương ưng khinh thị sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị và bất tương ưng khinh thị nương vào Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn tương ưng khinh thị sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

[47] Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn bất tương ưng khinh thị sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị nương vào Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị và bất tương ưng khinh thị sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn tương ưng khinh thị và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (giản lược) (1)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[48] Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Cảnh Duyên có 2 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 2 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 2 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 2 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 5 thời kỳ. Cận Y Duyên có 2 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 5 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 5 thời kỳ v.v. Đồ Đạo Duyên có 5 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 5 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 2 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 2 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 5 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[49] Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân bất tương ưng khinh thị sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng). Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và sinh khởi (1)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

[50] Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị nương vào Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn tương ưng khinh thị sinh khởi (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn bất tương ưng khinh thị sinh khởi (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị nương vào Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị và bất tương ưng khinh thị sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn tương ưng khinh thị và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (giản lược) (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[51] Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 2 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[52] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 5 thời kỳ (nên đếm như thế này).

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[53] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ (giản lược). Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. (Giai Đoạn Câu Sinh tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

52. NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG KHINH THỊ (PARĀMĀSASAMPAYUTTADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[54] Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị tác hành Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn bất tương ưng khinh thị cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Sắc Đại Hiển nội bộ). Uẩn bất tương ưng khinh thị tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng khinh thị tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị và bất tương ưng khinh thị tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương

ưng khinh thị tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi (3)

[55] Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị tác hành Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị và bất tương ưng khinh thị cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn tương ưng khinh thị và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị tác hành Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị và bất tương ưng khinh thị cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn tương ưng khinh thị và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị và bất tương ưng khinh thị tác hành Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị và bất tương ưng khinh thị cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn tương ưng khinh thị và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn tương ưng khinh thị và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi (giản lược) (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[56] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 4 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 4 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 4 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 4 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 4 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 9 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

[57] Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn Vô Nhân bất tương ưng khinh thị cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi. Uẩn Vô Nhân bất tương ưng khinh thị tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác

hành Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[58] Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[59] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ (nên đếm như thế này).

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[60] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. (Giai Đoạn Y Chỉ tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh).

52. NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG KHINH THỊ (PARĀMĀSASAMPAYUTTADUKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)
1 - 4. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

[61] Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị vì Nhân Duyên (giản lược).

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[62] Nhân Duyên có 2 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 2 thời kỳ). Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 2 thời kỳ.

Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 2 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 2 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên

có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. (Việc đếm cả 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Tương Ưng nên bổ túc như thế này).

52. NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG KHINH THỊ (PARĀMĀSASAMPAYUTTADUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[63] Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân tương ưng khinh thị làm duyên đối với Uẩn tương ưng khinh thị theo phương thức Nhân Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Nhân tương ưng khinh thị làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Nhân tương ưng khinh thị làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (3)

Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân bất tương ưng khinh thị làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[64] Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị theo phương thức Cảnh Duyên đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di tham ái, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di tham ái ấy khai đầu, tham ái tương ưng khinh thị mới sinh khởi. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn tương ưng khinh thị, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn ấy khai đầu, tham ái tương ưng khinh thị mới sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị theo phương thức Cảnh Duyên đó là Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não tương ưng khinh thị đã được đoạn tận rồi, tri đắc phiền não đã từng sinh khởi. Người kiến giải minh lượng Uẩn tương ưng khinh thị thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn ấy khai đầu, tham ái bất tương ưng khinh thị v.v. hoài nghi v.v. trạo cử v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm tương ưng khinh thị, Uẩn tương ưng khinh thị làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (2)

[65] Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị theo phương phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy, hỷ duyệt tâm khoáng thần di,

vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy khai đầu, tham ái bất tương ưng khinh thị v.v. hoài nghi v.v. trạo cử v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo, Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não bất tương ưng khinh thị đã được đoạn tận rồi, tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi, tri đắc phiền não đã từng sinh khởi v.v. Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn bất tương ưng khinh thị thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái bất tương ưng khinh thị v.v. hoài nghi v.v. trạo cử v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm bất tương ưng khinh thị, Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Uẩn bất tương ưng khinh thị làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn bất tương ưng khinh thị, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái bất tương ưng khinh thị mới sinh khởi (2)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[66] Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di tham ái cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di tham ái ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái tương ưng khinh thị mới sinh khởi. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn tương ưng khinh thị cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái tương ưng khinh thị mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng tương ưng khinh thị làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn tương ưng khinh thị cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái bất tương ưng khinh thị mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng tương ưng khinh thị làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị và bất tương ưng khinh thị theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng tương ưng khinh thị làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (3)

[67] Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái bất tương ưng khinh thị mới sinh khởi. Người tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. tư khảo lại Quả v.v. tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo và Quả theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn bất tương ưng khinh thị cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái bất tương ưng khinh thị mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng bất tương ưng khinh thị làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái tương ưng khinh thị mới sinh khởi. Người tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn bất tương ưng khinh thị cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái tương ưng khinh thị mới sinh khởi (2)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) VÀ ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA)

[68] Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn tương ưng khinh thị sinh trước

trước làm duyên đối với Uẩn tương ưng khinh thị sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn tương ưng khinh thị làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

[69] Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn bất tương ưng khinh thị sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn bất tương ưng khinh thị sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng v.v. làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn tương ưng khinh thị theo phương thức Vô Gián Duyên. Làm duyên theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên (2)

CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA) v.v.

[70] Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị theo phương thức Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên có 2 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có 7 thời kỳ.

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[71] Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là tham ái tương ưng khinh thị v.v. si v.v. sự dục vọng làm duyên đối với tham ái tương ưng khinh thị v.v. si v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào tham ái tương ưng khinh thị rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi có ngã mạn. Nương vào Si tương ưng khinh thị v.v. sự dục vọng rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi có ngã mạn, sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tham ái tương tự khinh thị, si v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sân v.v. si v.v. ngã mạn v.v. sự dục vọng v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (2)

[72] Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi có ngã mạn. Nương vào Giới v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. ngã mạn v.v. sự dục vọng rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi, sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Nương vào Thân Thọ Lạc v.v. Trú Xứ rồi xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. ngã mạn v.v. sự dục vọng v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. ngã mạn v.v. sự dục vọng v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là vì nương vào Tín, tham ái tương ưng khinh thị mới sinh khởi. Vì nương vào Giới v.v. Trú Xứ, tham ái tương ưng khinh thị mới sinh khởi. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với tham ái tương ưng khinh thị v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên (2)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[73] Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái bất tương ưng khinh thị v.v. hoài nghi v.v. trạo cử v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn bất tương ưng khinh thị theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái tương ưng khinh thị mới sinh khởi.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn tương ưng khinh thị theo phương thức Tiền Sinh Duyên (2)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA) VÀ TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[74] Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị theo phương thức Hậu Sinh Duyên (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị theo phương thức Hậu Sinh Duyên (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị theo phương thức Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ.

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA) v.v.

[75] Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tương ưng khinh thị làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở tương ưng khinh thị làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở tương ưng khinh thị làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Tư Tâm Sở tương ưng khinh thị làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3)

Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở bất tương ưng khinh thị làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở bất tương ưng khinh thị làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

...Làm duyên theo phương thức Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên có 4 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên có 4 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 4 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[76] Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên chỉ có một thể loại là **Tiền Sinh** đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn tương ưng khinh thị theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[77] Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị theo phương thức Hiện Hữu Duyên đó là 1 Uẩn tương ưng khinh thị làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị theo phương thức Hiện Hữu Duyên đó là Uẩn tương ưng khinh thị làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên) (2)

Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị và bất tương ưng khinh thị theo phương thức Hiện Hữu Duyên đó là 1 Uẩn tương ưng khinh thị làm duyên đối với 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. (3)

[78] Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị theo phương thức Hiện Hữu Duyên chỉ có một thể loại là **Tiền Sinh** đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái tương ưng khinh thị mới sinh khởi, Ý Vật làm duyên đối với Uẩn tương ưng khinh thị theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

[79] Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị và bất tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn tương ưng khinh thị và Ý Vật làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị và bất tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 4 thể loại là Câu Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là Uẩn tương ưng khinh thị và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn tương ưng khinh thị và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn tương ưng khinh thị và Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[80] Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Cảnh Duyên có 4 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 2 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 7 thời kỳ. Cận Y Duyên có 4 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 4 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 4 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 4 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 7 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 4 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 4 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 7 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[81] Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Hậu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị và bất tương ưng khinh thị theo phương thức Câu Sinh Duyên (3)

[82] Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị và bất tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị theo phương thức Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng khinh thị và bất tương ưng khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị theo phương thức Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (2)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[83] Phi Nhân Duyên có 7 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 7 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 7 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 7 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 7 thời kỳ. Phi Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 5 thời kỳ. Phi Y Chỉ Duyên có 5 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 7 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 7 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 7 thời kỳ). Phi Đồ Đạo Duyên có 7 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hiện Hữu Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 7 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 7 thời kỳ. Phi Bất Ly Duyên có 4 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)
PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[84] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 4 thời kỳ). Phi Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[85] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ (nên bổ túc Câu Mẫu Đề Thuận Tùng Duyên) v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 7 thời kỳ.

Kết Thúc Nhị Đề Tương Ưng Khinh Thị

53. NHỊ ĐỀ KHINH THỊ CẢNH KHINH THỊ

(PARĀMĀSAPARĀMAṬṬHADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[86] Pháp Thực Tính cảnh khinh thị nhưng chẳng phải khinh thị nương vào Pháp Thực Tính khinh thị và cảnh khinh thị sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào khinh thị sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính cảnh khinh thị nhưng chẳng phải khinh thị nương vào Pháp Thực Tính cảnh khinh thị nhưng chẳng phải khinh thị sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn cảnh khinh thị nhưng chẳng phải khinh thị sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Sắc Đại Hiển nội bộ) (1)

Pháp Thực Tính khinh thị và cảnh khinh thị nương vào Pháp Thực Tính cảnh khinh thị nhưng chẳng phải khinh thị sinh khởi vì Nhân Duyên đó là khinh thị nương vào Uẩn cảnh khinh thị nhưng chẳng phải khinh thị sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính khinh thị cảnh khinh thị và cảnh khinh thị nhưng chẳng phải khinh thị nương vào Pháp Thực Tính cảnh khinh thị nhưng chẳng phải khinh thị sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, khinh thị và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn cảnh khinh thị nhưng chẳng phải khinh thị sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

Pháp Thực Tính cảnh khinh thị nhưng chẳng phải khinh thị nương vào Pháp Thực Tính khinh thị cảnh khinh thị và cảnh khinh thị nhưng chẳng phải khinh thị sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn cảnh khinh thị nhưng chẳng phải khinh thị và nương vào khinh thị sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (giản lược). (Tất cả thời kỳ nên thực hiện tương tự Nhị Đề Khinh Thị, không có điều sai biệt nhau).

53. NHỊ ĐỀ KHINH THỊ CẢNH KHINH THỊ
(PARĀMĀSAPARĀMAṬṬHADUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[87] Pháp Thực Tính cảnh khinh thị nhưng chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh khinh thị nhưng chẳng phải khinh thị theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân cảnh khinh thị nhưng chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính cảnh khinh thị nhưng chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính khinh thị và cảnh khinh thị theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân cảnh khinh thị nhưng chẳng phải khinh thị làm duyên đối với khinh thị theo phương thức Nhân Duyên (2)

Pháp Thực Tính cảnh khinh thị nhưng chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính khinh thị cảnh khinh thị và cảnh khinh thị nhưng chẳng phải khinh thị theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân cảnh khinh thị nhưng chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Uẩn tương ưng, khinh thị và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[88] Pháp Thực Tính khinh thị và cảnh khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính khinh thị và cảnh khinh thị theo phương thức Cảnh Duyên có 3 thời kỳ (nên bổ túc lời nói rằng "vì khai đầu" tương tự Nhị Đề Khinh Thị).

[89] Pháp Thực Tính cảnh khinh thị nhưng chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh khinh thị nhưng chẳng phải khinh thị theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy khai đầu v.v. tham ái v.v. hoài nghi v.v. trạo cử v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại Chuyển Tộc, tư khảo lại Dũ Tịnh, tư khảo lại phiền não đã được đoạn tận rồi, tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi, tri đắc phiền não đã từng sinh khởi. Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn cảnh khinh thị nhưng chẳng phải khinh thị thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn (nên bổ túc tất cả các Câu cho đến Tâm Khai Môn) (1)

Pháp Thực Tính cảnh khinh thị nhưng chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính khinh thị và cảnh khinh thị theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện đã từng tich lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn cảnh khinh thị nhưng chẳng phải khinh thị, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tà kiến mới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính cảnh khinh thị nhưng chẳng phải khinh thị làm duyên đối với Pháp Thực Tính khinh thị cảnh khinh thị và cảnh khinh thị nhưng chẳng phải khinh thị theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn cảnh khinh thị nhưng chẳng phải khinh thị, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, khinh thị và Uẩn tương ưng mới sinh khởi (3) (Ngay cả ngoài ra đây cũng có 3 thời kỳ như thế này, nên bổ

túc lời nói rằng "vì khai đầu". Nhị Đề này tương tự Nhị Đề Khinh Thị, không nên bổ túc Siêu Thế vào trong chỗ có không được).

54. NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG KHINH THỊ CẢNH KHINH THỊ (PARĀMĀSAVIPPAYUTTAPARĀMAṬṬHADUKA)

I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[90] Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị nhưng thành Cảnh khinh thị **(Parāmāsavippayuttaparāmaṭṭhadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị nhưng thành Cảnh khinh thị sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn bất tương ưng khinh thị nhưng thành Cảnh khinh thị sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v.

Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị và bất thành Cảnh khinh thị nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng khinh thị và bất thành Cảnh khinh thị sinh khởi vì Nhân Duyên (giản lược). (Nên thực hiện tương tự Nhị Đề Hiệp Thế trong Nhị Đề Tiểu Lý Diện, không có điều sai biệt nhau).

Kết Thúc Nhị Đề Bất Tương Ưng Khinh Thị Cảnh Khinh Thị
Kết Thúc Quần Đoàn Khinh Thị

X. NHỊ ĐỀ CỰC KỲ NGHIÊM TRỌNG (MAHANTARADUKA)

55. NHỊ ĐỀ HỮU TRI CẢNH (SĀRAMMAṆADUKA)

I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[1] Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh **(Sārammaṇadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn hữu tri Cảnh sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh **(Anārammaṇadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn hữu tri Cảnh sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v (2)

Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh và bất hữu tri Cảnh nương vào Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn hữu tri Cảnh sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

[2] Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh nương vào Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh sinh khởi vì Nhân Duyên đó là...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh nương vào Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh sinh khởi vì Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh, Uẩn hữu tri Cảnh nương vào Ý Vật sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh và bất hữu tri Cảnh nương vào Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh sinh khởi vì Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh, Uẩn hữu tri Cảnh nương vào Ý Vật sinh khởi, Sắc Tái Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (3)

[3] Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh nương vào Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh và bất hữu tri Cảnh sinh khởi vì Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn hữu tri Cảnh và nương vào Ý Vật sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh nương vào Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh và bất hữu tri Cảnh sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn hữu tri Cảnh và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh và bất hữu tri Cảnh nương vào Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh và bất hữu tri Cảnh sinh khởi vì Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn hữu tri Cảnh và nương vào Ý Vật sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tái Sinh nương vào Uẩn hữu tri Cảnh và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[4] Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh nương vào Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn hữu tri Cảnh sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh nương vào Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là trong sát na tái sinh, Uẩn hữu tri Cảnh nương vào Ý Vật sinh khởi.

Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh nương vào Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh và bất hữu tri Cảnh sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là trong sát na tái sinh, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn hữu tri Cảnh và nương vào Ý Vật sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (giản lược)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[5] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 3 thời kỳ.

Tiền Sinh Duyên có 1 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 1 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 9 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 9 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 9 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[6] Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh nương vào Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn Vô Nhân hữu tri Cảnh sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh nương vào Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Vô Nhân hữu tri Cảnh sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (2)

Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh và bất hữu tri Cảnh nương vào Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân hữu tri Cảnh sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (3)

[7] Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh nương vào Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Đối với Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh nương vào Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh Vô Nhân, Uẩn hữu tri Cảnh nương vào Ý Vật sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh và bất hữu tri Cảnh nương vào Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh Vô Nhân, Uẩn hữu tri Cảnh nương vào Ý Vật sinh khởi, Sắc Tái Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (3)

[8] Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh nương vào Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh và bất hữu tri Cảnh sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh Vô Nhân, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn hữu tri Cảnh và nương vào Ý Vật sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh nương vào Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh và bất hữu tri Cảnh sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Vô Nhân hữu tri Cảnh và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (2)

Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh và bất hữu tri Cảnh nương vào Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh và bất hữu tri Cảnh sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh Vô Nhân,

3 Uẩn nương vào 1 Uẩn hữu tri Cảnh và nương vào Ý Vật sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tái Sinh nương vào Uẩn hữu tri Cảnh và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (3)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

[9] Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh nương vào Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn hữu tri Cảnh sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh nương vào Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh nương vào Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh và bất hữu tri Cảnh sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn hữu tri Cảnh và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (giản lược) (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[10] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 2 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 2 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[11] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ v.v. Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ (giản lược)

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[12] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ v.v. Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

(Giai Đoạn Câu Sinh tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

55. NHỊ ĐỀ HỮU TRI CẢNH (SĀRAMMAṆADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[13] Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh tác hành Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

[14] Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh tác hành Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là...tác hành 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh tác hành Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn hữu tri Cảnh tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Uẩn hữu tri Cảnh tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh và bất hữu tri Cảnh tác hành Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn hữu tri Cảnh tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

[15] Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh tác hành Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh và bất hữu tri Cảnh cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn hữu tri Cảnh và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh tác hành Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh và bất hữu tri Cảnh cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn hữu tri Cảnh và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh và bất hữu tri Cảnh tác hành Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh và bất hữu tri Cảnh cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn hữu tri Cảnh và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn hữu tri Cảnh và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[16] Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh tác hành Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn hữu tri Cảnh cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh tác hành Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi, Uẩn hữu tri Cảnh tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh tác hành Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh và bất hữu tri Cảnh cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn tác hánh 1 Uẩn đồng hành Nhãn Thức và tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. đồng hành Thân Thức v.v. 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn hữu tri Cảnh và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (giản lược) (1)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[17] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 3 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 9 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 9 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 9 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[18] Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh tác hành Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh tác hành Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là...tác hành 1 Sắc Đại Hiển v.v. Đối với Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...tác hành 1 Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh tác hành Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi, Uẩn Vô Nhân hữu tri Cảnh tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh và bất hữu tri Cảnh tác hành Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Uẩn Vô Nhân hữu tri Cảnh tác

hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

[19] Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh tác hành Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh và bất hữu tri Cảnh cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn đồng hành Nhãn Thức và tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. đồng hành Thân Thức v.v. 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn Vô Nhân hữu tri Cảnh và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh tác hành Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh và bất hữu tri Cảnh cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Vô Nhân hữu tri Cảnh và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh và bất hữu tri Cảnh tác hành Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh và bất hữu tri Cảnh cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn Vô Nhân hữu tri Cảnh và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Vô Nhân hữu tri Cảnh và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn Vô Nhân hữu tri Cảnh và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Sắc Tái Sinh tác hành Uẩn Vô Nhân hữu tri Cảnh và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi v.v. (giản lược) (3)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[20] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 4 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[21] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ v.v. Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ (giản lược)

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[22] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ v.v. Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

(Giai Đoạn Y Chỉ tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh).

55. NHỊ ĐỀ HỮU TRI CẢNH (SĀRAMMAṆADUKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)
1 - 4. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

[23] Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn hữu tri Cảnh v.v. 2 Uẩn sinh hỗn tạp với 2 Uẩn. Trong sát na tái sinh v.v.

[24] Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Cảnh Duyên có 1 thời kỳ. Trưởng Duyên có 1 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 1 thời kỳ). Bất Ly Duyên có 1 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

[25] Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn Vô Nhân hữu tri Cảnh v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh hỗn tạp với Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử (giản lược)

[26] Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 1 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 1 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 1 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 1 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

(Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Tương Ưng nên thực hiện như thế này)

55. NHỊ ĐỀ HỮU TRI CẢNH (SĀRAMMAṆADUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[27] Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân hữu tri Cảnh làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân hữu tri Cảnh làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh và bất hữu tri Cảnh theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân hữu tri Cảnh làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[28] Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy khai đầu v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại Chuyển Tộc và Dũ Tịnh. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo lại phiền não đã được đoạn tận rồi v.v. tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi v.v. tri đắc phiền não đã từng sinh khởi. Người kiến giải minh lượng Uẩn hữu tri Cảnh thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm hữu tri Cảnh, Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Uẩn hữu tri Cảnh làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

[29] Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh theo phương thức Cảnh Duyên đó là Bậc Thánh Nhân tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo, Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thân với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Uẩn bất hữu tri Cảnh làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[30] Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi v.v. Người tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Quả cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn hữu tri Cảnh cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi v.v.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng hữu tri Cảnh làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng hữu tri Cảnh làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (2)

Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh và bất hữu tri Cảnh theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng hữu tri Cảnh làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (3)

[31] Pháp Thực Tính bất hữu tri làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là Bậc Thánh Nhân tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo và Quả theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi v.v. (1)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.

[32] Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh theo phương thức Vô Gián Duyên đó là...hữu tri Cảnh sinh trước trước v.v. làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. Làm duyên theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên có 1 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên có 7 thời kỳ (thể loại Duyên này tương tự Câu Sinh Duyên trong Giai Đoạn Liên Quan). Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ (thể loại Duyên này tương tự Hỗ Tương Duyên trong Giai Đoạn Liên Quan). Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có 7 thời kỳ (thể loại Duyên này tương tự Y Chỉ Duyên trong Giai Đoạn Duyên Sinh).

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[33] Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi xả thí v.v. có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sự dục vọng v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Thân Thọ Khổ rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi, sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sự dục vọng v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Thân Thọ Khổ làm duyên đối với Tín v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sự dục vọng v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Thân Thọ Khổ v.v. Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Cảnh Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Quý Tiết v.v. Ẩm Thực v.v. Trú Xứ rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi, sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Quý Tiết v.v. Ẩm Thực v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín v.v. sự dục vọng v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Thân Thọ Khổ v.v. Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[34] Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn hữu tri Cảnh theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA) VÀ TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[35] Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh theo phương thức Hậu Sinh Duyên có 1 thời kỳ.

Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh theo phương thức Trùng Dụng Duyên có 1 thời kỳ.

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[36] Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở hữu tri Cảnh làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở hữu tri Cảnh làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở hữu tri Cảnh làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở hữu tri Cảnh làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh và bất hữu tri Cảnh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở hữu tri Cảnh làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở hữu tri Cảnh làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA) VÀ VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA)

[37] Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh theo phương thức Dị Thục Quả Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh theo phương thức Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh theo phương thức Vật Thực Duyên đó là Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Vật Thực Duyên (1)

QUYỀN LỰC DUYÊN (INDRIYAPACCAYA)

[38] Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh theo phương thức Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh theo phương thức Quyền Lực Duyên đó là Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh theo phương thức Quyền Lực Duyên đó là Nhãn Quyền làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Quyền làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh và bất hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh theo phương thức Quyền Lực Duyên đó là Nhãn Quyền và Nhãn Thức làm duyên đối với Uẩn đồng hành Nhãn Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên v.v. Thân Quyền và Thân Thức làm duyên đối với Uẩn đồng hành Thân Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên (1)

THIỀN NA DUYÊN (JHĀNAPACCAYA) v.v.

[39] Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh theo phương thức Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 1 thời kỳ.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[40] Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là trong sát na tái sinh, Ý Vật làm duyên đối với Uẩn hữu tri Cảnh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn hữu tri Cảnh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[41] Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh theo phương thức Hiện Hữu Duyên đó là 1 Uẩn hữu tri Cảnh làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (2)

Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh và bất hữu tri Cảnh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (3)

[42] Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là 1 Sắc Đại Hiển v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là trong sát na tái sinh, Ý Vật làm duyên đối với Uẩn hữu tri Cảnh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn hữu tri Cảnh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

[43] Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh và bất hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn đồng hành Nhãn Thức và Nhãn Xứ làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. 1 Uẩn đồng hành Thân Thức và Thân Xứ làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. 1 Uẩn hữu tri Cảnh và Ý Vật làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh và bất hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 4 thể loại là Câu Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là Uẩn hữu tri Cảnh và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Hậu Sinh đó là Uẩn hữu tri Cảnh và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn hữu tri Cảnh và Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[44] Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Cảnh Duyên có 2 thời kỳ. Trưởng Duyên có 4 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 1 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 1 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 7 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 7 thời kỳ. Cận Y Duyên có 2 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 1 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 1 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 1 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 3 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 6 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 3 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 1 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 7 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 1 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 1 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 7 thời kỳ.

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[45] Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu tri theo phương thức Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh và bất hữu tri Cảnh theo phương thức Câu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên (3)

[46] Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh theo phương thức Câu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh và bất hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh theo phương thức Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính hữu tri Cảnh và bất hữu tri Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu tri Cảnh theo phương thức Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (2)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[47] Phi Nhân Duyên có 7 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 7 thời kỳ v.v. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 7 thời kỳ. Phi Câu Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Phi Y Chỉ Duyên có 6 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 7 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 7 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 7 thời kỳ v.v. Phi Đồ Đạo Duyên có 7 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Hiện Hữu Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 7 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 7 thời kỳ. Phi Bất Ly Duyên có 4 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[48] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[49] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ (nên bổ túc Câu Mẫu Đề Thuận Tùng Duyên) v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 7 thời kỳ.

Kết Thúc Nhị Đề Hữu Tri Cảnh

56. NHỊ ĐỀ TÂM (CITTADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[50] Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm nương vào Pháp Thực Tính Tâm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh nương vào Tâm sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải Tâm sinh khởi, 1 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 2 Uẩn sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi... nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính Tâm nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Tâm nương vào Uẩn chẳng phải Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Tâm nương vào Uẩn chẳng phải Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Tâm nương vào Ý Vật sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn, Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 2 Uẩn, Tâm và Sắc Tái Sinh nương vào 1 Uẩn chẳng phải Tâm sinh khởi, 1 Uẩn, Tâm và Sắc Tái Sinh nương vào 2 Uẩn sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Tâm và Uẩn tương ưng nương vào Ý Vật sinh khởi (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm nương vào Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân và nương vào Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tâm và Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh, 2 Uẩn và Sắc Tái Sinh nương vào 1 Uẩn chẳng phải Tâm và nương vào Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, Uẩn chẳng phải Tâm nương vào Tâm và Ý Vật sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh nương vào Tâm và Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[51] Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm nương vào Pháp Thực Tính Tâm sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Uẩn tương ưng nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn chẳng phải Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Tâm nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Tâm nương vào Uẩn chẳng phải Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Tâm nương vào Uẩn chẳng phải Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Tâm nương vào Ý Vật sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 2 Uẩn và Tâm nương vào 1 Uẩn chẳng phải Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 2 Uẩn và Tâm nương vào 1 Uẩn chẳng phải Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, Tâm và Uẩn tương ưng nương vào Ý Vật sinh khởi (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm nương vào Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn chẳng phải Tâm và nương vào Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Trong sát na tái sinh, Uẩn chẳng phải Tâm nương vào Tâm và Ý Vật sinh khởi (1) (giản lược)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[52] Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Cảnh Duyên có 5 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 5 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 5 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 5 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 5 thời kỳ. Cận Y Duyên có 5 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 5 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 5 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 5 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 5 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 5 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 5 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 5 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 5 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 5 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 5 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 5 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[53] Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm nương vào Pháp Thực Tính Tâm sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tâm Vô Nhân

sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân...nương vào Tâm v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Tâm đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân chẳng phải Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng). Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Tâm nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Tâm nương vào Uẩn Vô Nhân chẳng phải Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Tâm nương vào Uẩn chẳng phải Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Tâm nương vào Ý Vật sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 2 Uẩn, Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân chẳng phải Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Tâm và Uẩn tương ưng nương vào Ý Vật sinh khởi (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm nương vào Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân chẳng phải Tâm và nương vào Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, 2 Uẩn và Sắc Tái Sinh nương vào 1 Uẩn chẳng phải Tâm và nương vào Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Uẩn chẳng phải Tâm nương vào Tâm và Ý Vật sinh khởi, Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Tâm đồng hành hoài nghi, đồng hành trạo cử và nương vào Uẩn tương ưng sinh khởi (1)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

[54] Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm nương vào Pháp Thực Tính Tâm sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn chẳng phải Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm nương vào Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tâm và Uẩn tương ưng sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tâm và Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh nương vào Tâm và Uẩn tương ưng sinh khởi, Sắc Tái Sinh nương vào Tâm và Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA) v.v.

[55] Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm nương vào Pháp Thực Tính Tâm sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Vì Phi Vô Gián Duyên v.v. Vì Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ.

PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA) v.v.

[56] Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm nương vào Pháp Thực Tính Tâm sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, Uẩn tương ưng nương vào Tâm sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh nương vào Tâm sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, 2 Uẩn nương nhờ 1 Uẩn chẳng phải Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn chẳng phải Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

Pháp Thực Tính Tâm nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, Tâm nương vào Uẩn chẳng phải Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Tâm nương vào Ý Vật sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, 2 Uẩn và Tâm nương vào 1 Uẩn chẳng phải Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, Tâm và Uẩn tương ưng nương vào Ý Vật sinh khởi (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm nương vào Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn chẳng phải Tâm và nương vào Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn chẳng phải Tâm và nương vào Tâm sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tâm và Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Uẩn chẳng phải Tâm nương vào Tâm và Ý Vật sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh nương vào Tâm và Uẩn tương ưng sinh khởi, Sắc Tái Sinh nương vào Tâm và Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)...Vì Phi Hậu Sinh Duyên...Vì Phi Trùng Dụng Duyên.

PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

[57] Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm nương vào Pháp Thực Tính Tâm sinh khởi vì Phi Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tương ưng nương vào Tâm sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm sinh khởi vì Phi Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tương ưng nương vào Uẩn chẳng phải Tâm sinh khởi...ở phần ngoại bộ v.v. có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ v.v. có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm nương vào Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm sinh khởi vì Phi Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tương ưng nương vào Uẩn chẳng phải Tâm và nương vào Tâm sinh khởi (giản lược) (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[58] Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 5 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 5 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[59] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 5 thời kỳ (giản lược)

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[60] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 5 thời kỳ). Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ. (Giai Đoạn Câu Sinh tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

56. NHỊ ĐỀ TÂM (CITTADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[61] Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm tác hành Pháp Thực Tính Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn chẳng

phải Tâm cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Sắc Đại Hiển) Uẩn chẳng phải Tâm tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Tâm tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Tâm tác hành Uẩn chẳng phải Tâm cho thành duyên sinh khởi, Tâm tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Tâm tác hành Uẩn chẳng phải Tâm cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Tâm tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn, Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn chẳng phải Tâm cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. Tâm và Uẩn tương ưng tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh, 2 Uẩn, Tâm và Sắc Tái sinh tác hành 1 Uẩn chẳng phải Tâm cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, Tâm và Uẩn tương ưng tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm tác hành Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn chẳng phải Tâm và tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Tâm và Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, Uẩn chẳng phải Tâm tác hành Tâm và Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh, 2 Uẩn và Sắc Tái Sinh tác hành 1 Uẩn chẳng phải Tâm và tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh tác hành Tâm và Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Uẩn chẳng phải Tâm tác hành Tâm và Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[62] Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm tác hành Pháp Thực Tính Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên có 1 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 2 Uẩn tác hành 1 Uẩn chẳng phải Tâm cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Trong sát na tái sinh, Uẩn chẳng phải Tâm tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Uẩn đồng hành Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Uẩn đồng hành Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi, Uẩn chẳng phải Tâm tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Tâm tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Tâm tác hành Uẩn chẳng phải Tâm cho thành duyên sinh khởi, Tâm tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Tâm tác hành Uẩn chẳng phải Tâm cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Tâm tác hành Ý Vật cho

thành duyên sinh khởi, Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 2 Uẩn và Tâm tác hành 1 Uẩn chẳng phải Tâm cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. Tâm và Uẩn tương ưng tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. Trong sát na tái sinh, Tâm và Uẩn tương ưng tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Nhãn Thức và Uẩn tương ưng tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức và Uẩn tương ưng tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm tác hành Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 2 Uẩn tác hành 1 Uẩn chẳng phải Tâm và tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. Uẩn chẳng phải Tâm tác hành Tâm và Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. Trong sát na tái sinh, Uẩn chẳng phải Tâm tác hành Tâm và Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Uẩn đồng hành Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ và Nhãn Thức cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành Thân Xứ v.v. (giản lược) (1)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[63] Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Cảnh Duyên có 5 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 5 thời kỳ). Bất Ly Duyên có 5 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[64] Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm tác hành Pháp Thực Tính Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Tâm Vô Nhân cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Tâm đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi (1)

[65] Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn Vô Nhân chẳng phải Tâm cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) Uẩn đồng hành Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Uẩn đồng hành Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi, Uẩn Vô Nhân chẳng phải Tâm tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo

cử tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Tâm tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Tâm tác hành Uẩn Vô Nhân chẳng phải Tâm cho thành duyên sinh khởi, Tâm tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Tâm tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 2 Uẩn, Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn Vô Nhân chẳng phải Tâm cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. Tâm và Uẩn tương ưng tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Tâm và Uẩn tương ưng tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm tác hành Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn Vô Nhân chẳng phải Tâm và tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi... tác hành 2 Uẩn v.v. Uẩn chẳng phải Tâm tác hành Tâm và Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Uẩn chẳng phải Tâm tác hành Tâm và Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Uẩn đồng hành Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ và Nhãn Thức cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành Thân Xứ v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi (1) (giản lược)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[66] Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 5 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 5 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[67] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 5 thời kỳ (giản lược)

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[68] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 5 thời kỳ). Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ.

(Giai Đoạn Y Chỉ tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh).

56. NHỊ ĐỀ TÂM (CITTADUKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[69] Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Tâm vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng sinh hỗn tạp với Tâm. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn chẳng phải Tâm, 1 Uẩn sinh hỗn tạp với 2 Uẩn. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính Tâm sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm vì Nhân Duyên đó là Tâm sinh hỗn tạp với Uẩn chẳng phải Tâm. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Tâm sinh hỗn tạp với 1 Uẩn chẳng phải Tâm …sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn chẳng phải Tâm và sinh hỗn tạp với Tâm…sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (giản lược)

Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Cảnh Duyên có 5 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 5 thời kỳ). Bất Ly Duyên có 5 thời kỳ (giản lược).

Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 5 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 5 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 5 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. (Việc đếm hết cả thảy 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Tương Ưng nên thực hiện như thế này).

56. NHỊ ĐỀ TÂM (CITTADUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[70] Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân chẳng phải Tâm làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân chẳng phải Tâm làm duyên đối với Tâm theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân chẳng phải Tâm làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[71] Pháp Thực Tính Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Tâm khai đầu, Tâm mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì Tâm khai đầu, Uẩn chẳng phải Tâm mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn NGuyên). Vì Tâm khai đầu, Tâm và Uẩn tương ưng mới sinh khởi (3)

[72] Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp rồi tư khảo lại Thiện ấy hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy khai đầu, tham ái mới sinh khởi v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo, Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não chẳng phải Tâm đã được đoạn tận rồi, tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi, tri đắc phiền não đã từng sinh khởi. Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải Tâm thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm, Không Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ v.v. Sắc Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Thân Thức v.v. Uẩn chẳng phải Tâm làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí v.v. (tương tự nội dung đoạn đầu, không có điều sai biệt nhau, còn phần khác nhau có như vầy) Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Uẩn chẳng phải Tâm làm duyên đối với Thần Túc Trí v.v. Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí v.v. (tương tự nội dung đoạn đầu, không có điều sai biệt nhau, còn phần khác nhau có như vầy) Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức và Uẩn tương ưng v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức và Uẩn tương ưng v.v. Uẩn chẳng phải Tâm làm duyên đối với Thần Túc Trí v.v. Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (3)

Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Tâm và Uẩn tương ưng khai đầu, Tâm mới sinh khởi, có 3 thời kỳ.

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[73] Pháp Thực Tính Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là vì thực hiện Tâm cho thành Cảnh một cách kiên định, Tâm mới sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là vì thực hiện Tâm cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn chẳng phải Tâm mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng Tâm làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (2)

Pháp Thực Tính Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là vì thực hiện Tâm cho thành Cảnh một cách kiên định, Tâm và Uẩn tương ưng mới sinh khởi (3)

[74] Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi. Người tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Quả v.v. tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo và Quả theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải Tâm cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng

thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi , tà kiến mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng chẳng phải Tâm làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm theo phương thức Trưởng Duyên (nội dung của cả 2 loại Duyên tương tự đoạn đầu, không có điều sai biệt nhau, nên bổ túc Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng) (2)

Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** (cả 2 thời kỳ nên bổ túc lời nói rằng "thực hiện cho thành Cảnh một cách kiên định", đặc biệt chỉ có Cảnh Trưởng thôi).

VÔ GIÁN DUYÊN (ANATARAPACCAYA)

[75] Pháp Thực Tính Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Tâm sinh trước trước làm duyên đối với Tâm sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Tâm sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Tâm sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

Pháp Thực Tính Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Tâm sinh trước trước làm duyên đối với Tâm và Uẩn tương ưng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

[76] Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn chẳng phải Tâm sinh trước trước v.v. làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên (người có nhu cầu sẽ thực hiện cả 2 thời kỳ này cho hoàn toàn, nên bổ túc nội dung vào tương tự nội dung đã sẵn có trước).

Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Tâm và Uẩn tương ưng sinh trước trước làm duyên đối với Tâm sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Tâm và Uẩn tương ưng sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Tâm sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm và Uẩn tương ưng làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Tâm và Uẩn tương ưng sinh trước trước làm duyên đối với Tâm và Uẩn tương ưng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

...Làm duyên theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan). Làm duyên theo phương thức

Hỗ Tương Duyên có 5 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan). Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có 5 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh).

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[77] Pháp Thực Tính Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Tâm làm duyên đối với Tâm theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi xả thí v.v. có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Trú Xứ rồi xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín v.v. Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm theo phương thức Cận Y Duyên (người có nhu cầu sẽ thực hiện cả 2 thời kỳ này cho hoàn toàn, nên bổ túc nội dung vào mỗi Duyên tương tự nội dung đoạn đầu, không có điều sai biệt).

Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Tâm và Uẩn tương ưng làm duyên đối với Tâm theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thời kỳ.

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[78] Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Nhãn Thức v.v. Thân Xứ v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Tâm theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh

thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Tâm theo phương thức Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức và Uẩn tương ưng v.v. Xúc Xứ v.v.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức và Uẩn tương ưng theo phương thức Tiền Sinh Duyên v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức và Uẩn tương ưng v.v. Ý Vật làm duyên đối với Tâm và Uẩn tương ưng theo phương thức Tiền Sinh Duyên (3)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA) VÀ TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[79] Pháp Thực Tính Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm theo phương thức Hậu Sinh Duyên (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm theo phương thức Hậu Sinh Duyên (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm theo phương thức Hậu Sinh Duyên (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm theo phương thức Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ.

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[80] Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở chẳng phải Tâm làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở chẳng phải Tâm làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở chẳng phải Tâm làm duyên đối với Tâm theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở chẳng phải Tâm làm duyên đối với Tâm Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở chẳng phải Tâm làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở chẳng phải Tâm làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả, Tâm và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA) v.v.

[81] Pháp Thực Tính Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm theo phương thức Dị Thục Quả Duyên có 5 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên có 5 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên có 5 thời kỳ.

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm theo phương thức Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[82] Pháp Thực Tính Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Tâm làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na tái sinh, Uẩn chẳng phải Tâm làm duyên đối với Sắc Tái Sinh v.v. Uẩn chẳng phải Tâm làm duyên đối với Ý Vật theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Tâm làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là trong sát na tái sinh, Ý Vật làm duyên đối với Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là trong sát na tái sinh, Ý Vật làm duyên đối với Tâm và Uẩn tương ưng theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức và Uẩn tương ưng theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức và Uẩn tương ưng v.v. Ý Vật làm duyên đối với Tâm và Uẩn tương ưng theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (3)

Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (1)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[83] Pháp Thực Tính Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Tâm làm duyên đối với Tâm theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. Trong sát na tái sinh, Ý Vật làm duyên đối với Tâm theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. (Duyên này tương tự Tiền Sinh Duyên, giản lược) (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn chẳng phải Tâm làm duyên đối với 2 Uẩn, Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na tái sinh, 1 Uẩn chẳng phải Tâm v.v. Trong sát na tái sinh, Ý Vật làm duyên đối với Tâm và Uẩn tương ưng theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật v.v. (Duyên này tương tự Tiền Sinh Duyên, giản lược) (3)

[84] Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn chẳng phải Tâm và Tâm làm duyên đối với 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. 2 Uẩn v.v.

Câu Sinh đó là Tâm và Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Tâm theo phương thức Hiện Hữu Duyên (ngay cả trong sát na tái sinh cũng có 2 thời kỳ).

Câu Sinh đó là Tâm và Uẩn tương ưng làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Câu Sinh đó là Tâm và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên (ngay cả trong sát na tái sinh cũng có 2 thời kỳ).

Hậu Sinh đó là Tâm và Uẩn tương ưng làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Tâm, Uẩn tương ưng và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Tâm, Uẩn tương ưng và Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (1)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[85] Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 5 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 5 thời kỳ. Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 5 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 5 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 5 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 3 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 5 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 5 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 5 thời kỳ.

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[86] Pháp Thực Tính Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm theo phương thức Cảnh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm theo phương thức Cảnh Duyên và Cận Y Duyên (3)

[87] Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên (3)

[88] Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm theo phương thức Cảnh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm và chẳng phải Tâm theo phương thức Cảnh Duyên và Cận Y Duyên (3)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[89] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Phi Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[90] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 3 thời kỳ). Phi Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[91] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ [nên bổ túc Câu Mẫu Đề Thuận – Nghịch Duyên **(Anulomapaṭiloma mātikā)**].

Kết Thúc Nhị Đề Tâm

57. NHỊ ĐỀ TÂM SỞ (CETASIKADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[92] Pháp Thực Tính Tâm Sở nương vào Pháp Thực Tính Tâm Sở sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn Tâm Sở sinh khởi, 1 Uẩn nương vào 2 Uẩn sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở nương vào Pháp Thực Tính Tâm Sở sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Tâm Sở sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Tâm và Sắc Tái Sinh nương vào Uẩn Tâm Sở sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở nương vào Pháp Thực Tính Tâm Sở sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn, Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Tâm Sở sinh khởi…nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

[93] Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh nương vào Tâm sinh khởi, Ý Vật nương vào Tâm sinh khởi, Tâm nương vào Ý Vật sinh khởi…nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Tâm Sở nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh …nương vào Tâm v.v. Trong sát na tái sinh, Uẩn Tâm Sở nương vào Ý Vật sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh…nương vào Tâm v.v. Trong sát na tái sinh, Tâm và Uẩn tương ưng nương vào Ý Vật sinh khởi (3)

[94] Pháp Thực Tính Tâm Sở nương vào Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn Tâm Sở và nương vào Tâm sinh khởi…nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn Tâm Sở và nương vào Tâm sinh khởi…nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn Tâm Sở, nương vào Tâm và Ý Vật sinh khởi…nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở nương vào Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Tâm Sở và nương vào Tâm sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Tâm Sở và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh nương vào Uẩn Tâm Sở và nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh nương vào Uẩn Tâm Sở và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Tâm nương vào Uẩn Tâm Sở và nương vào Ý Vật sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở nương vào Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Tâm Sở và nương vào Tâm sinh khởi…nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát

na tái sinh, 2 Uẩn và Sắc Tái Sinh nương vào 1 Uẩn Tâm Sở và nương vào Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 2 Uẩn và Tâm nương vào 1 Uẩn Tâm Sở và nương vào Ý Vật sinh khởi, 1 Uẩn và Tâm nương vào 2 Uẩn và Ý Vật sinh khởi (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[95] Pháp Thực Tính Tâm Sở nương vào Pháp Thực Tính Tâm Sở sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn Tâm Sở sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở nương vào Pháp Thực Tính Tâm Sở sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Tâm nương vào Uẩn Tâm Sở sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở nương vào Pháp Thực Tính Tâm Sở sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 2 Uẩn và Tâm nương vào 1 Uẩn Tâm Sở sinh khởi ...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

[96] Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là trong sát na tái sinh, Tâm nương vào Ý Vật sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Tâm Sở nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Uẩn tương ưng nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Uẩn tương ưng nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Uẩn Tâm Sở nương vào Ý Vật sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là trong sát na tái sinh, Tâm và Uẩn tương ưng nương vào Ý Vật sinh khởi (3)

Pháp Thực Tính Tâm Sở nương vào Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn Tâm Sở và nương vào Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn Tâm Sở và nương vào Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn Tâm Sở và nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở nương vào Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là trong sát na tái sinh, Tâm nương vào Uẩn Tâm Sở và nương vào Ý Vật sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở nương vào Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là trong sát na tái sinh, 2 Uẩn và Tâm nương vào 1 Uẩn Tâm Sở và nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[97] Pháp Thực Tính Tâm Sở nương vào Pháp Thực Tính Tâm Sở sinh khởi vì Trưởng Duyên (giản lược).

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[98] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 5 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[99] Pháp Thực Tính Tâm Sở nương vào Pháp Thực Tính Tâm Sở sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn Tâm Sở Vô Nhân sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở nương vào Pháp Thực Tính Tâm Sở sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Tâm Sở Vô Nhân sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (2)

Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở nương vào Pháp Thực Tính Tâm Sở sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 2 Uẩn, Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Tâm Sở Vô Nhân sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (3)

[100] Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tâm Vô Nhân sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Sắc Tái Sinh nương vào Tâm sinh khởi, Ý Vật nương vào Tâm sinh khởi, Tâm nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Đối với Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính Tâm Sở nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng nương vào Tâm Vô Nhân sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Uẩn tương ưng nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Uẩn Tâm Sở nương vào Ý Vật sinh khởi, Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Tâm đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tâm Vô Nhân sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Tâm và Uẩn tương ưng nương vào Ý Vật sinh khởi (3)

[101] Pháp Thực Tính Tâm Sở nương vào Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn Tâm Sở Vô Nhân và nương vào Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn Tâm Sở và nương vào Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn Tâm Sở và nương vào Ý Vật sinh khởi ...nương vào 2 Uẩn v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và nương vào Tâm sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở nương vào Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Tâm Sở Vô Nhân và nương vào Tâm sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Tâm Sở Vô Nhân và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Sắc Tái Sinh nương vào Uẩn Tâm Sở và nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Sắc Tái Sinh nương vào Uẩn Tâm Sở và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Tâm nương vào Uẩn Tâm Sở và nương vào Ý Vật sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở nương vào Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Tâm Sở Vô Nhân và nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, 2 Uẩn và Sắc Tái Sinh nương vào 1 Uẩn Tâm Sở và nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, 2 Uẩn và Tâm nương vào 1 Uẩn Tâm Sở và nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

[102] Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở nương vào Pháp Thực Tính Tâm Sở sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Tâm Sở sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở nương vào Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Tâm Sở và nương vào Tâm sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Tâm Sở và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (trong sát na tái sinh nên bổ túc vào cả 2 thời kỳ, giản lược).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[103] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 6 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[104] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ (giản lược)

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[105] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ v.v. Tiền Sinh Duyên có 5 thời kỳ v.v. Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. (Giai Đoạn Câu Sinh tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

57. NHỊ ĐỀ TÂM SỞ (CETASIKADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[106] Pháp Thực Tính Tâm Sở tác hành Pháp Thực Tính Tâm Sở cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi, Tâm tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi, Ý Vật tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi, Tâm tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi…tác hành 1 Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính Tâm Sở tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi, Uẩn Tâm Sở tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (trong sát na tái sinh nên bổ túc vào cả 2 thời kỳ) (2)

Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi, Tâm và Uẩn tương ưng tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (trong sát na tái sinh nên bổ túc cả 2 thời kỳ) (3)

[107] Pháp Thực Tính Tâm Sở tác hành Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn tác hành 1 Uẩn Tâm Sở và tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. 2 Uẩn tác hành 1 Uẩn Tâm Sở và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. (trong sát na tái sinh nên bổ túc vào cả 2 thời kỳ) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở tác hành Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Tâm Sở và tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Tâm Sở và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, Tâm tác hành Uẩn Tâm Sở và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (trong sát na tái sinh nên bổ túc vào cả 3 thời kỳ) (2)

Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở tác hành Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn Tâm Sở và tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi... tác hành 2 Uẩn v.v. 2 Uẩn và Tâm tác hành 1 Uẩn Tâm Sở và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. (trong sát na tái sinh nên bổ túc cả 2 thời kỳ) (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[108] Pháp Thực Tính Tâm Sở tác hành Pháp Thực Tính Tâm Sở cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi, Tâm tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính Tâm Sở tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Uẩn đồng hành Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành Thân Xứ v.v. Uẩn tương ưng tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi, Uẩn Tâm Sở tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (trong sát na tái sinh nên bổ túc vào cả 2 thời kỳ) (2)

Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Nhãn Thức và Uẩn tương ưng tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành Thân Xứ v.v. Tâm và Uẩn tương ưng tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (trong sát na tái sinh có 2 thời kỳ) (3)

[109] Pháp Thực Tính Tâm Sở tác hành Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 2 Uẩn tác hành 1 Uẩn đồng hành Nhãn

Thức và tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi…tác hành 2 Uẩn v.v. 2 Uẩn tác hành 1 Uẩn đồng hành Nhãn Thức và tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi…tác hành 2 Uẩn v.v. đồng hành Thân Thức v.v. 2 Uẩn tác hành 1 Uẩn Tâm Sở và tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi…tác hành 2 Uẩn v.v. 2 Uẩn tác hành 1 Uẩn Tâm Sở và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi…tác hành 2 Uẩn v.v. (trong sát na tái sinh có 2 thời kỳ) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở tác hành Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Nhãn Thức tác hành Uẩn đồng hành Nhãn Thức và tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. đồng hành Thân Thức v.v. Tâm tác hành Uẩn Tâm Sở và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (trong sát na tái sinh có 1 thời kỳ) (2)

Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở tác hành Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 2 Uẩn và Nhãn Thức tác hành 1 Uẩn đồng hành Nhãn Thức và tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi…tác hành 2 Uẩn v.v. 2 Uẩn và Tâm tác hành 1 Uẩn Tâm Sở và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi…tác hành 2 Uẩn v.v. (trong sát na tái sinh có 2 thời kỳ, giản lược) (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[110] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[111] Pháp Thực Tính Tâm Sở tác hành Pháp Thực Tính Tâm Sở cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là…tác hành 1 Uẩn Tâm Sở Vô Nhân, giản lược. [Có 9 thời kỳ nên bổ túc Ngũ Thức **(Pañcaviññāṇa)** tương tự Cảnh Duyên đặc biệt chỉ trong 3 thời kỳ. Học giả nên sắp hết cả thảy thời kỳ để trong Thời Kỳ Chuyển Khởi **(Pavattikāla)** và Thời Kỳ Tái Sinh **(Paṭisandhikāla)**]

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[112] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi

Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 9 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[113] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ (giản lược)

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[114] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

(Giai Đoạn Y Chỉ tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh).

57. NHỊ ĐỀ TÂM SỞ (CETASIKADUKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[115] Pháp Thực Tính Tâm Sở sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Tâm Sở vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn Tâm Sở...sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Tâm Sở vì Nhân Duyên đó là Tâm sinh hỗn tạp với Uẩn Tâm Sở. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Tâm Sở vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Tâm sinh hỗn tạp với 1 Uẩn Tâm Sở...sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

Pháp Thực Tính Tâm Sở sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng sinh hỗn tạp với Tâm. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính Tâm Sở sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn Tâm Sở và sinh hỗn tạp với Tâm...sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1) (giản lược)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[116] Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Cảnh Duyên có 5 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 5 thời kỳ). Bất Ly Duyên có 5 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

[117] Pháp Thực Tính Tâm Sở sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Tâm Sở vì Phi Nhân Duyên (theo Phần này nên bổ túc cả 5 thời kỳ, đặc biệt 3 thời kỳ có Si, giản lược)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[118] Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 5 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 5 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 5 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. (Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Tương Ưng nên bổ túc như vầy).

57. NHỊ ĐỀ TÂM SỞ (CETASIKADUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[119] Pháp Thực Tính Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm Sở theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân Tâm Sở làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân Tâm Sở làm duyên đối với Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân Tâm Sở làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[120] Pháp Thực Tính Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm Sở theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Uẩn Tâm Sở khai đầu, Uẩn Tâm Sở mới sinh khởi (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn Tâm Sở khai đầu, Tâm mới sinh khởi (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn Tâm Sở khai đầu, Uẩn Tâm Sở và Tâm mới sinh khởi (3).

[121] Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở theo phương thức Cảnh Duyên đó là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo v.v. tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo, Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải Tâm Sở thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, Tâm mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm chẳng phải Tâm Sở, Không Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ v.v. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Uẩn chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm Sở theo phương thức Cảnh Duyên đó là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo v.v. tư khảo Níp Bàn (tương tự nội dung đoạn đầu). Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm chẳng phải Tâm Sở, Không Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Sắc Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Thân Thức v.v. Uẩn chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở theo phương thức Cảnh Duyên đó là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo v.v. tư khảo Níp Bàn (tương tự nội dung đoạn đầu). Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải Tâm Sở thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, Tâm và Uẩn tương ưng mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn v.v. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức và Uẩn tương ưng theo phương thức Cảnh Duyên v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức và Uẩn tương ưng theo phương thức Cảnh Duyên v.v. Uẩn chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (3)

[122] Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm Sở theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Uẩn Tâm Sở và Tâm khai đầu, Uẩn Tâm Sở mới sinh khởi (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn Tâm Sở và Tâm khai

đầu, Tâm mới sinh khởi (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn Tâm Sở và Tâm khai đầu, Uẩn Tâm Sở và Tâm mới sinh khởi (3)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[123] Pháp Thực Tính Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm Sở theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là vì thực hiện Uẩn Tâm Sở cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn Tâm Sở mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng Tâm Sở làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên).

Cảnh Trưởng đó là vì thực hiện Uẩn Tâm Sở cho thành Cảnh một cách kiên định, Tâm mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng Tâm Sở làm duyên đối với Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên).

Cảnh Trưởng đó là vì thực hiện Uẩn Tâm Sở cho thanh Cảnh một cách kiên định, Uẩn Tâm Sở và Tâm mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng Tâm Sở làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (3)

[124] Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo v.v. tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo và Quả theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải Tâm Sở cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, Tâm mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm Sở theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo v.v. tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. (tương tự nội dung đoạn đầu). Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải Tâm Sở cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo v.v. tư khảo Níp Bàn v.v. (tương tự nội dung đoạn đầu). Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn chẳng phải Tâm Sở cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn Tâm Sở và Tâm mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (3)

Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm Sở theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** có 3 thời kỳ (đặc biệt chỉ có Cảnh Trưởng Duyên).

VÔ GIÁN DUYÊN (ANATARAPACCAYA) v.v.

[125] Pháp Thực Tính Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm Sở theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn Tâm Sở sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Tâm Sở sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Uẩn Tâm Sở sinh trước trước làm duyên đối với Tâm sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Uẩn Tâm Sở sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Tâm Sở và Tâm sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

[126] Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Tâm sinh trước trước làm duyên đối với Tâm sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm Sở theo phương thức Vô Gián Duyên (theo Phần này nên bổ túc thành 3 thời kỳ tương tự nội dung đoạn đầu, nên bổ túc cho hoàn toàn, không có điều sai biệt nhau).

Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm Sở theo phương thức Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ [không có Tâm Khai Môn và Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)**]. Làm duyên theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan). Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan). Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh).

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[127] Pháp Thực Tính Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm Sở theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Uẩn Tâm Sở làm duyên đối với Uẩn Tâm Sở theo phương thức Cận Y Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên, Cận Y Duyên có 3 thời kỳ). Uẩn Tâm Sở làm duyên đối với Tâm theo phương thức Cận Y Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên, Cận Y Duyên có 3 thời kỳ). Uẩn Tâm Sở làm duyên đối với Uẩn Tâm Sở và Tâm theo phương thức Cận Y Duyên (3)

[128] Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Quý Tiết v.v. Ẩm Thực v.v. Trú Xứ và Tâm rồi xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Quý Tiết v.v. Ẩm Thực v.v. Trú Xứ và Tâm làm duyên đối với Tín v.v. Tuệ...tham ái v.v. sự dục vọng...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ... Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm Sở theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Quý Tiết v.v. Ẩm Thực v.v. Trú Xứ và Tâm rồi xả thí v.v. (có 3 thời kỳ tương tự nội dung đoạn đầu, không có điều sai biệt nhau).

Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm Sở theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thời kỳ.

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[129] Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, Tâm mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Tâm theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm Sở theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Thân Thức v.v.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Nhãn Thức v.v. Thân Xứ v.v.Ý Vật làm duyên đối với Uẩn Tâm Sở theo phương thức Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, Tâm và Uẩn tương ưng mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức và Uẩn tương ưng v.v. Xúc Xứ v.v.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức và Uẩn tương ưng v.v. Thân Xứ v.v. Ý Vật làm duyên đối với Tâm và Uẩn tương ưng theo phương Tiền Sinh Duyên (3)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA) VÀ TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[130] Pháp Thực Tính Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở theo phương thức Hậu Sinh Duyên (giản lược)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở theo phương thức Hậu Sinh Duyên (giản lược)

Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở theo phương thức Hậu Sinh Duyên (giản lược)

Pháp Thực Tính Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm Sở theo phương thức Trùng Dụng Duyên (giản lược)

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[131] Pháp Thực Tính Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm Sở theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở làm duyên đối với Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở làm duyên đối với Tâm Dị Thục Quả và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả, Tâm và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA) v.v.

[132] Pháp Thực Tính Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm Sở theo phương thức Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[133] Pháp Thực Tính Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Tâm làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na tái sinh, Tâm làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Tâm làm duyên đối với Ý Vật theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Ý Vật làm duyên đối với Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh đó là Tâm làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm Sở theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là trong sát na tái sinh, Ý Vật làm duyên đối với Uẩn Tâm Sở theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn Tâm Sở theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là trong sát na tái sinh, Ý Vật làm duyên đối với Uẩn Tâm Sở và Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức và Uẩn tương ưng v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức và Uẩn tương ưng v.v. Ý Vật làm duyên đối với Tâm và Uẩn tương ưng theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (3)

Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[134] Pháp Thực Tính Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm Sở theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 1 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (1)

Pháp Thực Tính Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (2)

Pháp Thực Tính Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 1 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (3)

[135] Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm Sở theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là Tâm làm duyên đối với Uẩn Tâm Sở theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na tái sinh, Tâm v.v. Trong sát na tái sinh, Ý Vật làm duyên đối với Uẩn Tâm Sở theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. (Duyên này tương tự Tiền Sinh Duyên, không có điều sai biệt nhau) (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là Tâm làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na tái sinh, Tâm v.v. Trong sát na tái sinh, Ý Vật làm duyên đối với Uẩn Tâm Sở và Tâm theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. (Duyên này tương tự Tiền Sinh Duyên, không có điều sai biệt nhau) (3)

[136] Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm Sở theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn đồng hành Nhãn Thức và Nhãn Xứ làm duyên đối với 2 Uẩn v.v. đồng hành Thân Thức v.v. 1 Uẩn Tâm Sở, Ý Vật và Tâm làm duyên đối với 2 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên. 2 Uẩn v.v.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn Tâm Sở, Ý Vật và Tâm làm duyên đối với 2 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên. 2 Uẩn v.v. (trong sát na tái sinh nên bổ túc cả 2 thời kỳ) (1)

Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là Uẩn đồng hành Nhãn Thức và Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Thức v.v. Uẩn Tâm Sở và Tâm làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Uẩn Tâm Sở, Tâm và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Câu Sinh đó là Uẩn Tâm Sở và Ý Vật làm duyên đối với Tâm theo phương thức Hiện Hữu Duyên (trong sát na tái sinh nên bổ túc cả 3 thời kỳ).

Hậu Sinh đó là Uẩn Tâm Sở và Tâm làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn Tâm Sở, Tâm và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn Tâm Sở, Tâm và Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn đồng hành Nhãn Thức và Nhãn Xứ làm duyên đối với 2 Uẩn và Nhãn Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 1 Uẩn đồng hành Thân Thức và Thân Xứ làm duyên đối với 2 Uẩn và Thân Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên. 2 Uẩn v.v.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn Tâm Sở và Ý Vật làm duyên đối với 2 Uẩn và Tâm theo phương thức Hiện Hữu Duyên. 2 Uẩn v.v. (trong sát na tái sinh nên bổ túc cả 2 thời kỳ) (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[137] Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Vật Thực Duyên

có 9 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 9 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 3 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[138] Pháp Thực Tính Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm Sở theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Hậu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên (3)

[139] Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm Sở theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (3)

[140] Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm Sở theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Tâm Sở theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên và Hậu Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tâm Sở và chẳng phải Tâm Sở theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (3)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[141] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Phi Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[142] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 3 thời kỳ). Phi Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[143] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ (nên bổ túc Câu Mẫu Đề Thuận Tùng Duyên) v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Nhị Đề Tâm Sở

58. NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG TÂM (CITTASAMPAYUTTADUKA)

I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[144] Pháp Thực Tính tương ưng Tâm **(Cittasampayuttadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính tương ưng Tâm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn tương ưng Tâm sinh khởi, 1 Uẩn nương vào 2 Uẩn sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm **(Cittavippayuttadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính tương ưng Tâm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn tương ưng Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính tương ưng Tâm và bất tương ưng Tâm nương vào Pháp Thực Tính tương ưng Tâm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn tương ưng Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

[145] Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi v.v. Trong sát na tái sinh v.v. nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Tâm nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh, Uẩn tương ưng Tâm nương vào Ý Vật sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng Tâm và bất tương ưng Tâm nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh, Uẩn tương ưng Tâm nương vào Ý Vật sinh khởi, Sắc Tái Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (3)

[146] Pháp Thực Tính tương ưng Tâm nương vào Pháp Thực Tính tương ưng Tâm và bất tương ưng Tâm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh, 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn tương ưng Tâm và nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm nương vào Pháp Thực Tính tương ưng Tâm và bất tương ưng Tâm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn tương ưng Tâm và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh nương vào Uẩn tương ưng Tâm và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng Tâm và bất tương ưng Tâm nương vào Pháp Thực Tính tương ưng Tâm và bất tương ưng Tâm sinh khởi do bởi Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh, 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn tương ưng Tâm và nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tái Sinh nương vào Uẩn tương ưng Tâm và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[147] Pháp Thực Tính tương ưng Tâm nương vào Pháp Thực Tính tương ưng Tâm sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn tương ưng Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Tâm nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là trong sát na tái sinh, Uẩn tương ưng Tâm nương vào Ý Vật sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Tâm nương vào Pháp Thực Tính tương ưng Tâm và bất tương ưng Tâm sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là trong sát na tái sinh, 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn tương ưng Tâm và nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. (giản lược) (1)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[148] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 1 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 1 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 9 thời kỳ. Quyền Lực Duyên

có 9 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 9 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[149] Pháp Thực Tính tương ưng Tâm nương vào Pháp Thực Tính tương ưng Tâm sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn Vô Nhân tương ưng Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (1) (theo Phần này nên bổ túc vào cả 9 thời kỳ, nên quy định lời nói rằng "ở phần Vô Nhân" từng mỗi thời kỳ, nên thực hiện một cách duy nhứt Si Căn Nguyên cho hoàn toàn).

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

[150] Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm nương vào Pháp Thực Tính tương ưng Tâm sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn tương ưng Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm nương vào Pháp Thực Tính tương ưng Tâm và bất tương ưng Tâm sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn tương ưng Tâm và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh...nương vào 1 Uẩn (giản lược) (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[151] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 2 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 2 thời kỳ. Phi Đồ Đạo

Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[152] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ v.v. Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[153] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có 6 thời kỳ v.v. Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ v.v. Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

(Giai Đoạn Câu Sinh tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

58. NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG TÂM (CITTASAMPAYUTTADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[154] Pháp Thực Tính tương ưng Tâm tác hành Pháp Thực Tính tương ưng Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên có 1 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Tâm tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng Tâm tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính tương ưng Tâm và bất tương ưng Tâm tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng Tâm tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

[155] Pháp Thực Tính tương ưng Tâm tác hành Pháp Thực Tính tương ưng Tâm và bất tương ưng Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn tác hành 1 Uẩn

tương ưng Tâm và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm tác hành Pháp Thực Tính tương ưng Tâm và bất tương ưng Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn tương ưng Tâm và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính tương ưng Tâm và bất tương ưng Tâm tác hành Pháp Thực Tính tương ưng Tâm và bất tương ưng Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn tác hành 1 Uẩn tương ưng Tâm và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn tương ưng Tâm và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[156] Pháp Thực Tính tương ưng Tâm tác hành Pháp Thực Tính tương ưng Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên có 1 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Tâm tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Uẩn đồng hành Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Uẩn đồng hành Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Uẩn tương ưng Tâm tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Tâm tác hành Pháp Thực Tính tương ưng Tâm và bất tương ưng Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 2 Uẩn tác hành 1 Uẩn đồng hành Nhãn Thức và tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. 2 Uẩn tác hành 1 Uẩn đồng hành Thân Thức và tác thành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi ...tác hành 2 Uẩn v.v. 2 Uẩn tác hành 1 Uẩn tương ưng Tâm và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (giản lược) (1)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[157] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 3 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[158] Pháp Thực Tính tương ưng Tâm tác hành Pháp Thực Tính tương ưng Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan)

Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là...tác hành 1 Sắc Đại Hiển v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Tâm tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Uẩn đồng hành Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành Thân Xứ v.v. Uẩn Vô Nhân tương ưng Tâm tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng Tâm và bất tương ưng Tâm tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Uẩn Vô Nhân tương ưng Tâm tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

Pháp Thực Tính tương ưng Tâm tác hành Pháp Thực Tính tương ưng Tâm và bất tương ưng Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 2 Uẩn tác hành 1 Uẩn đồng hành Nhãn Thức và tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. 2 Uẩn tác hành 1 Uẩn đồng hành Thân Thức và tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. 2 Uẩn tác hành 1 Uẩn Vô Nhân tương ưng Tâm và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (theo Phần này nên bổ túc cả 2 thời kỳ cho thành Thời Kỳ Chuyển Khởi **(Pavattikāla)** và Thời Kỳ Tái Sinh **(Paṭisandhikāla),** giản lược).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[159] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 4 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[160] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[161] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

(Giai Đoạn Y Chỉ tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh).

58. NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG TÂM (CITTASAMPAYUTTADUKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

[162] Pháp Thực Tính tương ưng Tâm sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính tương ưng Tâm vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn tương ưng Tâm…sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v.

Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Cảnh Duyên có 1 thời kỳ. Trưởng Duyên có 1 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 1 thời kỳ). Bất Ly Duyên có 1 thời kỳ.

Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 1 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 1 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 1 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 1 thời kỳ (việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Tương Ưng nên thực hiện như thế này).

58. NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG TÂM (CITTASAMPAYUTTADUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[163] Pháp Thực Tính tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Tâm theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân tương ưng Tâm làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân tương ưng Tâm làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Tâm và bất tương ưng Tâm theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân tương ưng Tâm làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[164] Pháp Thực Tính tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Tâm theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy khai đầu, tham ái mới sinh khởi v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo lại phiền não đã được đoạn tận rồi, tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi, tri đắc phiền não đã từng sinh khởi. Người kiến giải minh lượng Uẩn tương ưng Tâm thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Pháp Thực Tính tương ưng Tâm, Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, Uẩn tương ưng Tâm làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

[165] Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Tâm theo phương thức Cảnh Duyên đó là Bậc Thánh Nhân tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo, Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn bất tương ưng Tâm thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ v.v. Uẩn bất tương ưng Tâm làm duyên đối với Thần Túc Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[166] Pháp Thực Tính tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Tâm theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, hỷ duyệt tâm khoáng thần di,

vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi. Người tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Quả cho thành Cảnh một cách kiên định. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn tương ưng Tâm cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng tương ưng Tâm làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên (1).

Cảnh Trưởng đó là vì thực hiện Uẩn Tâm Sở cho thành Cảnh một cách kiên định, Tâm mới sinh khởi.

Pháp Thực Tính tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng tương ưng Tâm làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Tâm và bất tương ưng Tâm theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng tương ưng Tâm làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (3)

[167] Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Tâm theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là Bậc Thánh Nhân tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo và Quả theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn bất tương ưng Tâm cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi (1)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANATARAPACCAYA) v.v.

[168] Pháp Thực Tính tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Tâm theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn tương ưng Tâm sinh trước trước v.v. làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. Làm duyên theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên có 7 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan, không có Hiệp Lực **(Ghaṭanā)** trong Giai Đoạn Vấn Đề). Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan). Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có 7 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh, không có Hiệp Lực **(Ghaṭanā)** trong Giai Đoạn Vấn Đề).

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[169] Pháp Thực Tính tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Tâm theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi xả thí v.v. có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. sự dục vọng, Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ rồi xả thí v.v. sát tử hữu tình v.v.phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Thân Thọ Khổ làm duyên đối với Tín v.v. Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Tâm theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Cảnh Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Quý Tiết v.v. Ẩm Thực và Trú Xứ rồi xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Quý Tiết v.v. Ẩm Thực và Trú Xứ làm duyên đối với Tín v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[170] Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Tâm theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ v.v.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Nhãn Thức v.v. Thân Xứ v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn tương ưng Tâm theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA) VÀ TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[171] Pháp Thực Tính tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm theo phương thức Hậu Sinh Duyên (giản lược) có 1 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Trùng Dụng Duyên có 1 thời kỳ.

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[172] Pháp Thực Tính tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Tâm theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở tương ưng Tâm làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở tương ưng Tâm làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở tương ưng Tâm làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở tương ưng Tâm làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Tâm và bất tương ưng Tâm theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở tương ưng Tâm làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở tương ưng Tâm làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả, Tâm và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA) VÀ VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA)

[173] Pháp Thực Tính tương ưng Tâm Sở làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Tâm theo phương thức Dị Thục Quả Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Tâm theo phương thức Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm theo phương thức Vật Thực Duyên đó là Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Vật Thực Duyên (1)

QUYỀN LỰC DUYÊN (INDRIYAPACCAYA) v.v.

[174] Pháp Thực Tính tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Tâm theo phương thức Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm theo phương thức Quyền Lực Duyên đó là Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái sinh theo phương thức Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Tâm theo phương thức Quyền Lực Duyên đó là Nhãn Quyền làm duyên đối với Uẩn đồng hành Nhãn Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên v.v. Thân Quyền v.v. (2)

Pháp Thực Tính tương ưng Tâm và bất tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Tâm theo phương thức Quyền Lực Duyên đó là Nhãn Quyền và Xả Quyền **(Upekkhindriya)** làm duyên đối với Uẩn đồng hành Nhãn Thức theo phương thức Quyền

Lực Duyên v.v. Thân Quyền và Lạc Quyền **(Sukhindriya)** v.v. Thân Quyền và Khổ Quyền **(Dukkhindriya)** làm duyên đối với Uẩn đồng hành Thân Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên (1)...Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ ...Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 3 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 1 thời kỳ.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[175] Pháp Thực Tính tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là trong sát na tái sinh, Ý Vật làm duyên đối với Uẩn tương ưng Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Nhãn Thức theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên v.v. Thân Xứ v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn tương ưng Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[176] Pháp Thực Tính tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Tâm theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 1 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (2)

Pháp Thực Tính tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Tâm và bất tương ưng Tâm theo phương thức Hiện Hữu Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (3)

[177] Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Tâm theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là trong sát na tái sinh, Ý Vật làm duyên đối với Uẩn tương ưng Tâm theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. (Duyên này tương tự Tiền Sinh Duyên) (2)

[178] Pháp Thực Tính tương ưng Tâm và bất tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Tâm theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn đồng hành Nhãn Thức và Nhãn Xứ làm duyên đối với 2 Uẩn v.v. 1 Uẩn đồng hành Thân Thức và Thân Xứ làm duyên đối với 2 Uẩn v.v. 1 Uẩn tương ưng Tâm và Ý Vật làm duyên đối với 2 Uẩn v.v. 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Tâm và bất tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm Sở theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 4 thể loại là Câu Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là Uẩn tương ưng Tâm và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Hậu Sinh đó là Uẩn tương ưng Tâm và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn tương ưng Tâm và Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[179] Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Cảnh Duyên có 2 thời kỳ. Trưởng Duyên có 4 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 1 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 1 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 7 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 7 thời kỳ. Cận Y Duyên có 2 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 1 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 1 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 1 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 3 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 6 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 3 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 1 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 7 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 1 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 1 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 7 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[180] Pháp Thực Tính tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Tâm theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm theo phương thức Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Tâm và bất tương ưng Tâm theo phương thức Câu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên (3)

[181] Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm theo phương thức Câu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Tâm theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng Tâm và bất tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Tâm theo phương thức Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Tâm và bất tương ưng Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng Tâm theo phương thức Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (2)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[182] Phi Nhân Duyên có 7 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 7 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 7 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 7 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 7 thời kỳ. Phi Câu Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Phi Y Chỉ Duyên có 6 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 7 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 7 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 7 thời kỳ). Phi Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Hiện Hữu Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 7 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 7 thời kỳ. Phi Bất Ly Duyên có 4 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[183] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 3 thời kỳ). Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[184] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ (nên bổ túc Câu Mẫu Đề Thuận Tùng Duyên) v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 7 thời kỳ.

Kết Thúc Nhị Đề Tương Ưng Tâm

59. NHỊ ĐỀ HỖN TẠP TÂM (CITTASAṄSAṬṬHADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[185] Pháp Thực Tính hỗn tạp với Tâm **(Cittasaṅsaṭṭhadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính hỗn tạp với Tâm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn hỗn tạp với Tâm sinh khởi... nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất hỗn tạp với Tâm **(Cittavisaṅsaṭṭhadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính hỗn tạp với Tâm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn hỗn tạp với Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (2) (nên bổ túc Nhị Đề Hỗn Tạp Tâm tương tự Nhị Đề Tương Ưng Tâm, không có điều sai biệt nhau).

Kết Thúc Nhị Đề Hỗn Tạp Tâm

60. NHỊ ĐỀ TÂM XUẤT SINH XỨ (CITTASAMUṬṬHĀNADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[186] Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ **(Cittasamuṭṭhānadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Tâm nương vào Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Tâm và Sắc Tái Sinh nương vào Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn, Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi...nương vào

2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 2 Uẩn, Tâm và Sắc Tái Sinh nương vào 1 Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

[187] Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh nương vào Tâm sinh khởi, Ý Vật nương vào Tâm sinh khởi, Tâm nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương vào Sắc Địa Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Uẩn tương ưng nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Ý Vật sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh, Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Tâm và Uẩn tương ưng nương vào Ý Vật sinh khởi (3)

[188] Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Ý Vật sinh khởi... nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh nương vào Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương vào Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Tâm nương vào Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Ý Vật sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh, 2 Uẩn và Sắc Tái Sinh nương vào 1 Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 2 Uẩn và Tâm nương vào 1 Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[189] Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Tâm nương vào Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 2 Uẩn và Tâm nương vào 1 Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

[190] Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là trong sát na tái sinh, Tâm nương vào Ý Vật sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Uẩn tương ưng nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Uẩn tương ưng nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Ý Vật sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất xinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là trong sát na tái sinh, Tâm và Uẩn tương ưng nương vào Ý Vật sinh khởi (3)

[191] Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là trong sát na tái sinh, Tâm nương vào Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Ý Vật sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là trong sát na tái sinh, 2 Uẩn và Tâm nương vào 1 Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[192] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 5 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có

9 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 9 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 9 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 9 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[193] Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi ...nương vào 2 Uẩn v.v. nương vào 1 Sắc Đại Hiển có Tâm làm xuất sinh xứ v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi, Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Tâm nương vào Uẩn Vô Nhân có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Tâm và Sắc Tái Sinh nương vào Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 2 Uẩn, Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (3)

[194] Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh Vô Nhân, Sắc Tái Sinh nương vào Tâm sinh khởi, Ý Vật nương vào Tâm sinh khởi, Tâm nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tâm Vô Nhân sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân...nương vào Tâm v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Ý Vật sinh khởi, Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là

trong sát na tái sinh Vô Nhân, Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Tâm và Uẩn tương ưng nương vào Ý Vật sinh khởi (3)

[195] Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh Vô Nhân, Sắc Tái Sinh nương vào Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Sắc Tái Sinh nương vào Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Tâm nương vào Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Ý Vật sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh Vô Nhân, 2 Uẩn và Sắc Tái Sinh nương vào 1 Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, 2 Uẩn và Tâm nương vào 1 Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

[196] Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển có Tâm làm xuất sinh xứ v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là trong sát na tái sinh, Sắc Tái sinh nương vào Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi (2)

[197] Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh nương vào Tâm sinh khởi, Ý Vật nương vào Tâm sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tâm sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Tâm sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tâm và Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh nương vào Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh nương vào Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (giản lược) (2)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[198] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 6 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 6 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 6 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 6 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 6 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 6 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 6 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[199] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ v.v. Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 6 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[161] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ v.v. Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ v.v. Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

(Giai Đoạn Câu Sinh tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

60. NHỊ ĐỀ TÂM XUẤT SINH XỨ (CITTASAMUṬṬHĀNADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[201] Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ tác hành Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ tác hành Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Tâm tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (1)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ tác hành Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi, Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (trong sát na tái sinh nên bổ túc thành 2 thời kỳ) (2)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ tác hành Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Tâm và Uẩn tương ưng tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh có 2 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (3)

[202] Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ tác hành Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn tác hành 1 Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ và tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi…tác hành 2 Uẩn v.v. 2 Uẩn tác hành 1 Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi…tác hành 2 Uẩn v.v. (trong sát na tái sinh nên bổ túc thành 2 thời kỳ tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (1)

Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ tác hành Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Tâm tác hành Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (trong sát na tái sinh nên bổ túc thành 3 thời kỳ tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (2)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ tác hành Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Tâm tác hành 1 Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi…tác hành 2 Uẩn v.v. (trong sát na tái sinh nên bổ túc thành 2 thời kỳ tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[203] Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ tác hành Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ tác hành Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Tâm tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ tác hành Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Uẩn đồng hành Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Uẩn đồng hành Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi, Uẩn tương ưng tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi, Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (trong sát na tái sinh nên bổ túc thành 2 thời kỳ) (2)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ tác hành Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Nhãn Thức và Uẩn tương ưng tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành Thân Xứ v.v. Tâm và Uẩn tương ưng tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

[204] Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ tác hành Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 2 Uẩn tác hành 1 Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ và tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. 2 Uẩn tác hành 1 Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. (trong sát na tái sinh nên bổ túc thành 2 thời kỳ) (1)

Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ tác hành Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Nhãn Thức tác hành Uẩn đồng hành Nhãn Thức và tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành Uẩn đồng hành Thân Thức v.v. Tâm tác hành Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ tác hành Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 2 Uẩn và Nhãn Thức tác hành 1 Uẩn đồng hành Nhãn Thức và tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. đồng hành Thân Thức v.v. 2 Uẩn và Tâm tác hành 1 Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3) (giản lược).

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[205] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[206] Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ tác hành Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên (nên bổ túc thành 9 thời kỳ hết cả thảy tương tự Giai Đoạn Liên Quan, nên bổ túc Ngũ Thức, chỉ có 3 thời kỳ không có Si).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[207] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 6 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 6 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 6 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 6 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 9 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 6 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 6 thời kỳ (việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Y Chỉ nên thực hiện như thế này).

60. NHỊ ĐỀ TÂM XUẤT SINH XỨ (CITTASAMUṬṬHĀNADUKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

[208] Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ...sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ vì Nhân Duyên đó là Tâm sinh hỗn tạp với Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Tâm

sinh hỗn tạp với 1 Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ...sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

[209] Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng sinh hỗn tạp với Tâm. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ và sinh hỗn tạp với Tâm...sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (giản lược) (1)

Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Cảnh Duyên có 5 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 5 thời kỳ). Bất Ly Duyên có 5 thời kỳ.

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ vì Phi Nhân Duyên (nên bổ túc thành 5 thời kỳ, 3 thời kỳ có Si).

Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 5 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 5 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 5 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ (việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Tương Ưng nên thực hiện như thế này)

60. NHỊ ĐỀ TÂM XUẤT SINH XỨ (CITTASAMUṬṬHĀNADUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[210] Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Tâm theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh, Nhân có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Tâm và Sắc Tái sinh theo phương thức Nhân Duyên (2)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[211] Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ khai đầu, Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ mới sinh khởi (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ khai đầu, Tâm mới sinh khởi (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ khai đầu, Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ và Tâm mới sinh khởi (3)

[212] Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Cảnh Duyên đó là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo, Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn không có Tâm làm xuất sinh xứ thể theo thục tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, Tâm mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm không có Tâm làm xuất sinh xứ, Không Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ v.v. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ v.v. Uẩn không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Cảnh Duyên đó là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo v.v. tư khảo Níp Bàn (tương tự nội dung đoạn đầu). Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn không có Tâm làm xuất sinh xứ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn v.v. Sắc Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ v.v. Uẩn không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (2)

Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Cảnh Duyên đó là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo v.v. tư khảo Níp Bàn (tương tự nội dung đoạn đầu). Người kiến giải minh lượng Uẩn không có Tâm làm xuất sinh xứ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, Tâm và Uẩn tương ưng mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức và Uẩn tương ưng v.v. Xúc Xứ v.v. Uẩn không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (3)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Cảnh Duyên có 3 thời kỳ (nên bổ túc lời nói rằng "vì khai đầu").

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[213] Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là vì thực hiện Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (có 3 thời kỳ nên bổ túc cả Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng) (3)

Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo v.v. tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn không có Tâm làm xuất sinh xứ cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, Tâm mới sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo v.v. tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn không có Tâm làm xuất sinh xứ cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (2)

Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo v.v. tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn không có Tâm làm xuất sinh xứ cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Tâm và Uẩn tương ưng mới sinh khởi (3)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** có 3 thời kỳ (đặc biệt chỉ có Cảnh Trưởng).

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) VÀ ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA)

[214] Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ [không có Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)**]

Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Tâm sinh trước trước làm duyên đối với Tâm sinh sau sau v.v. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên (nên thực hiện việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây cho tương tự chính thị Duyên này).

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Vô Gián Duyên [nên bổ túc thành 3 thời kỳ, không có Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)**]. Làm duyên theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên.

CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA) v.v.

[215] Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan). Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan). Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên (tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh).

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[216] Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y (nên thực hiện thành 3 thời kỳ) (3)

Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Quý Tiết v.v. Ẩm Thực v.v. Trú Xứ và Tâm rồi xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Quý Tiết v.v. Ẩm Thực v.v. Trú Xứ và Tâm làm duyên đối với Tâm theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Quý Tiết v.v. Ẩm Thực v.v. Trú Xứ và Tâm rồi xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Quý Tiết v.v. Ẩm Thực v.v. Trú Xứ và Tâm làm duyên đối với Tín v.v. Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (2)

Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Quý Tiết v.v. Ẩm Thực v.v. Trú Xứ và Tâm rồi xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Quý Tiết v.v. Ẩm Thực v.v. Trú Xứ và Tâm làm duyên đối với Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ và Tâm theo phương thức Cận Y Duyên (3)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y có 3 thời kỳ.

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[217] Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Tiền Sinh Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Tiền Sinh** đó là người kiến giải minh lượng Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ v.v. Xúc thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Nhãn Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Tiền Sinh Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Tiền Sinh** đó là người kiến giải minh lượng Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ v.v. Xúc thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Sắc ấy v.v. khai đầu, Tâm mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Tiền Sinh Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Tiền Sinh** đó là người kiến giải minh lượng Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ v.v. Xúc thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Sắc ấy v.v. khai đầu, Tâm và Uẩn tương ưng mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức và Uẩn tương ưng theo phương thức Tiền Sinh Duyên v.v. Xúc Xứ v.v. (3)

[218] Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Thân, Sắc v.v. Xúc và Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, Tâm mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ v.v.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ v.v. Ý Vật làm duyên đối với Tâm theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ v.v.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Nhãn Thức v.v. Thân Xứ v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. vì hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, Tâm và Uẩn tương ưng mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức và Uẩn tương ưng v.v. Xúc Xứ v.v.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức và Uẩn tương ưng v.v. Thân Xứ v.v. Ý Vật làm duyên đối với Tâm và Uẩn tương ưng theo phương thức Tiền Sinh Duyên (3)

[219] Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh** đó là Sắc Xứ có Tâm làm xuất sinh xứ và Nhãn Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ có Tâm làm xuất sinh xứ và Thân Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên. Sắc Xứ có Tâm làm xuất sinh xứ và Ý Vật làm duyên đối với Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Tiền Sinh Duyên v.v. Xúc Xứ có Tâm làm xuất sinh xứ và Ý Vật v.v. (1)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh** đó là Sắc Xứ có Tâm làm xuất sinh xứ và Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ có Tâm làm xuất sinh xứ và Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên. Sắc Xứ có Tâm làm xuất sinh xứ và Ý Vật làm duyên đối với Tâm theo phương thức Tiền Sinh Duyên v.v. Xúc Xứ có Tâm làm xuất sinh xứ và Ý Vật v.v. (2)

Pháp Thực Tính co Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh** đó là

Sắc Xứ có Tâm làm xuất sinh xứ và Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức và Uẩn tương ưng theo phương thức Tiền Sinh Duyên v.v. Xúc Xứ có Tâm làm xuất sinh xứ v.v. Sắc Xứ có Tâm làm xuất sinh xứ và Ý Vật làm duyên đối với Tâm và Uẩn tương ưng theo phương thức Tiền Sinh Duyên v.v. Xúc Xứ có Tâm làm xuất sinh xứ và Ý Vật v.v. (3)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA) VÀ TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[220] Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Hậu Sinh Duyên chỉ có một thể loại là **Hậu Sinh** đó là Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với sắc thân này sinh trước có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Hậu Sinh Duyên (nên giảng giải Hậu Sinh Duyên cho quảng nghĩa theo chính thị trạng thái này). Làm duyên theo phương thức Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ.

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA) VÀ DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

[221] Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Tâm theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Tâm Dị Thục Quả và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả, Tâm và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ.

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA)

[222] Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Vật Thực Duyên đó là Vật Thực có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vật Thực có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Tâm theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. Đoàn Thực có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với sắc thân này không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Vật Thực Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vật Thực có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

[223] Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Vật Thực Duyên đó là trong sát na tái sinh, Vật Thực không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Sắc Tái sinh theo phương thức Vật Thực Duyên. Đoàn Thực không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với sắc thân này không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Vật Thực Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vật Thực không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Trong sát na tái sinh, Vật Thực không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh theo phương thức Vật Thực Duyên (3)

[224] Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh sứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Vật Thực Duyên đó là Vật Thực có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Trong sát na tái sinh, Vật Thực có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Vật Thực Duyên. Đoàn Thực có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với sắc thân này không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Vật Thực Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Trong sát na tái sinh, Vật Thực có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh theo phương thức Vật Thực Duyên (3)

QUYỀN LỰC DUYÊN (INDRIYAPACCAYA) v.v.

[225] Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên đó là trong sát na tái sinh, Quyền Lực không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Sắc Tái sinh theo phương thức Quyền Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. Nhãn Quyền làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Quyền làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Quyền Lực Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Quyền Lực không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. Nhãn Quyền làm duyên đối với Uẩn đồng hành Nhãn Thức v.v. Thân Quyền v.v. (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Trong sát na tái sinh, Quyền Lực không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh theo phương thức Quyền Lực Duyên. Nhãn Quyền làm duyên đối với Nhãn Thức và Uẩn đồng hành Nhãn Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên. Thân Quyền v.v. (3)

[226] Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên đó là Quyền Lực có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. Nhãn Quyền và Xả Quyền làm duyên đối với Uẩn đồng hành Nhãn Thức v.v. Thân Quyền và Lạc Quyền v.v. Thân Quyền và Khổ Quyền làm duyên đối với Uẩn đồng hành Thân Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Trong sát na tái sinh, Quyền Lực có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Quyền Lực Duyên. Nhãn Quyền và Xả Quyền làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Quyền v.v. (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Trong sát na tái sinh, Quyền Lực có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh theo phương thức Quyền Lực Duyên. Nhãn Quyền và Xả Quyền làm duyên đối với Nhãn Thức và Uẩn tương ưng theo phương thức Quyền Lực Duyên. Thân Quyền v.v. (3) ...Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ....Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 3 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ v.v.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[227] Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là trong sát na tái sinh (giản lược) (2)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên chỉ có một thể loại là **Hậu Sinh** (giản lược) (3)

[228] Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là trong sát na tái sinh, Tâm làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Tâm làm duyên đối với Ý Vật theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Ý Vật làm duyên đối với Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với sắc thân này sinh trước không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (2)

Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (3)

[229] Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (2)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (3)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[230] Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 3 thể loại đó là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 4 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh và Vật Thực (giản lược) (2)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (3)

Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (2)

Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 4 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh và Vật Thực (giản lược) (3)

[231] Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn đồng hành Nhãn Thức v.v. (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là Uẩn đồng hành Nhãn Thức và Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. đồng hành Thân Thức v.v.

Câu Sinh đó là Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ v.v. (đối với hết cả thảy 5 thời kỳ nên bổ túc cả Thời Kỳ Chuyển Khởi **(Pavattikāla)** và Thời Kỳ Tái Sinh **(Paṭisandhikāla)** cho tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh).

Hậu Sinh đó là Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ và Tâm làm duyên đối với sắc thân này sinh trước không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ, Tâm và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn có Tâm làm xuất sinh xứ, Tâm và Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn đồng hành Nhãn Thức v.v. (giản lược) (3)

(Giai Đoạn Duyên Sinh tương tự Giai Đoạn Câu Sinh, nên bổ túc Câu rằng "Câu Sinh Duyên vào hết cả thảy")

...Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên...Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên...Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[232] Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Quyền Lực Duyên có 9 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 3 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[233] Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên và Vật Thực Duyên (2)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên (3)

[234] Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Tiền Sinh Duyên và Hậu Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên và Hậu Sinh Duyên (3)

[235] Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên và Hậu Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Cảnh

Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Tâm làm xuất sinh xứ và không có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên và Hậu Sinh Duyên (3)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[236] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Phi Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[237] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[238] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ (nên bổ túc việc đếm Thuận Tùng Duyên) v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Nhị Đề Tâm Xuất Sinh Xứ

61. NHỊ ĐỀ ĐỒNG SINH TÂM (CITTASAHABHŪDUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[239] Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm **(Cittasahabhūdhamma)** nương vào Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ

đồng sinh Tâm nương vào 1 Uẩn đồng sinh Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn đồng sinh Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm nương vào Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ bất đồng sinh Tâm nương vào Uẩn đồng sinh Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Tâm và Sắc Tái Sinh nương vào Uẩn đồng sinh Tâm sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm nương vào Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn, Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm nương vào 1 Uẩn đồng sinh Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 2 Uẩn, Tâm và Sắc Tái Sinh nương vào 1 Uẩn đồng sinh Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

[240] Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm nương vào Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ bất đồng sinh Tâm nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh nương vào Tâm sinh khởi, Ý Vật nương vào Tâm sinh khởi, Tâm nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh bất đồng sinh Tâm nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm nương vào Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ đồng sinh Tâm nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Uẩn tương ưng nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Uẩn đồng sinh Tâm nương vào Ý Vật sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh đồng sinh Tâm nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm nương vào Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Tâm và Uẩn tương ưng nương vào Ý Vật sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (3)

[241] Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm nương vào Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ đồng sinh Tâm nương vào 1 Uẩn đồng sinh Tâm và nương vào Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn đồng sinh Tâm và nương vào Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn đồng sinh Tâm và nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh đồng sinh Tâm nương vào Uẩn đồng sinh Tâm và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm nương vào Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ bất đồng sinh Tâm nương vào Uẩn đồng sinh Tâm và nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh nương vào Uẩn đồng sinh Tâm và nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh,

Tâm nương vào Uẩn đồng sinh Tâm và nương vào Ý Vật sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh bất đồng sinh Tâm nương vào Uẩn đồng sinh Tâm và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm nương vào Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm nương vào 1 Uẩn đồng sinh Tâm và nương vào Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 2 Uẩn và Sắc Tái Sinh tác hành 1 Uẩn đồng sinh Tâm và nương vào Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 2 Uẩn và Tâm nương vào 1 Uẩn đồng sinh Tâm và nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương vào Uẩn đồng sinh Tâm và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (giản lược) (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[242] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ (nên nêu tất cả Vô Sắc lên trình bày tương tự Nhị Đề Tâm Xuất Sinh Xứ). Trưởng Duyên có 9 thời kỳ (nên bổ túc Sắc Đại Hiển trong cả 6 thời kỳ Trưởng Duyên, không có trong 3 thời kỳ). Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 5 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[243] Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm nương vào Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ đồng sinh Tâm nương vào 1 Uẩn Vô Nhân đồng sinh Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (nên bổ túc cả 9 thời kỳ như thế này, nên quy định Câu rằng là Vô Nhân, nên bổ túc 3 thời kỳ có Si tương tự chỗ có được trong Thuận Tùng Duyên, nên bổ túc tương tự trong Nhị Đề Tâm Xuất Sinh Xứ).

PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

[244] Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm nương vào Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Tư Tâm Sở đồng sinh Tâm nương vào Uẩn đồng sinh Tâm sinh khởi.

Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm nương vào Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là...ở phần ngoại bộ v.v. có Vật Thực làm xuất sinh xứ v.v. có Quý Tiết làm xuất sinh xứ v.v.

Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm nương vào Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm sinh khởi vì Phi Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tương ưng nương vào Tâm sinh khởi.

Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm nương vào Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm sinh khởi vì Phi Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tương ưng nương vào Uẩn đồng sinh Tâm và nương vào Tâm sinh khởi.

PHI THIỀN NA DUYÊN (NAJHĀNAPACCAYA)

[245] Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm nương vào Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm sinh khởi vì Phi Thiền Na Duyên đó là...đồng hành Ngũ Thức **(Pañcaviññāṇa)** v.v.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[246] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 6 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ (nên thực hiện việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây như thế này).

(Giai Đoạn Câu Sinh tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

61. NHỊ ĐỀ ĐỒNG SINH TÂM (CITTASAHABHŪDUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[247] Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm tác hành Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm tác hành Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Tâm tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ bất đồng sinh Tâm tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (tương tự Giai Đoạn Liên Quan, nên bổ túc hết tất cả Sắc Đại Hiển) (1)

Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm tác hành Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ đồng sinh Tâm cho thành duyên sinh khởi, Uẩn đồng sinh Tâm tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc hết tất cả Sắc Đại Hiển tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (2)

Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm tác hành Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi, Tâm và Uẩn tương ưng tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (tương tự Giai Đoạn Liên Quan, nên bổ túc hết tất cả Sắc Đại Hiển) (3)

[248] Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm tác hành Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ đồng sinh Tâm tác hành 1 Uẩn đồng sinh Tâm và tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. 2 Uẩn tác hành 1 Uẩn đồng sinh Tâm và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (tương tự Giai Đoạn Liên Quan, nên bổ túc hết tất cả Sắc Đại Hiển) (1)

Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm tác hành Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ bất đồng sinh Tâm tác hành Uẩn đồng sinh với Tâm và tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi, Tâm tác hành Uẩn đồng sinh Tâm và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ bất đồng sinh Tâm tác hành Uẩn đồng sinh Tâm và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (tương tự Giai Đoạn Liên Quan, nên bổ túc hết tất cả Sắc Đại Hiển) (2)

Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm tác hành Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm tác hành 1 Uẩn đồng sinh Tâm và tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi, 2 Uẩn và Tâm tác hành 1 Uẩn đồng sinh Tâm và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (tương tự Giai Đoạn Liên Quan, nên bổ túc hết tất cả Sắc Đại Hiển) (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[249] Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm tác hành Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm tác hành Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên

sinh khởi v.v. tác hành Thân Xứ v.v. (Nhị Đề Tâm Xuất Sinh Xứ này tương tự Cảnh Duyên trong Giai Đoạn Duyên Sinh. Đối với cả 6 thời kỳ này nên bổ túc Pháp Thực Tính có Ngũ Thức **(Pañcaviññāṇa)** làm Căn Nguyên, giản lược).

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[250] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[251] Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm nương vào Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là... tác hành 1 Uẩn Vô Nhân đồng sinh Tâm v.v. (giản lược, nên bổ túc hết tất cả. Đối với Giai Đoạn Duyên Sinh có Ngũ Thức **(Pañcaviññāṇa)** nên thực hiện cho thành Căn Nguyên của cả 6 thời kỳ, hết tất cả Sắc Đại Hiển chỉ có 3 thời kỳ, bổ túc Si vào, giản lược).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[252] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 9 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[253] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Bất Tương

Ưng Duyên với Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[254] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

(Giai Đoạn Y Chỉ tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh).

61. NHỊ ĐỀ ĐỒNG SINH TÂM (CITTASAHABHŪDUKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

[255] Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn đồng sinh Tâm…sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm vì Nhân Duyên đó là Tâm sinh hỗn tạp với Uẩn đồng sinh Tâm. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Tâm sinh hỗn tạp với 1 Uẩn đồng sinh Tâm…sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

[256] Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng sinh hỗn tạp với Tâm. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn đồng sinh Tâm và sinh hỗn tạp với Tâm…sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (giản lược) (2). Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Cảnh Duyên có 5 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 5 thời kỳ). Bất Ly Duyên có 5 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ (3 thời kỳ có Si). Phi Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 5 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 5 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 5 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. (Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Tương Ưng nên bổ túc hết tất cả).

61. NHỊ ĐỀ ĐỒNG SINH TÂM (CITTASAHABHŪDUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[257] Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân đồng sinh Tâm làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ đồng sinh Tâm theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân đồng sinh Tâm làm duyên đối với Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ bất đồng sinh Tâm theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh, Nhân đồng sinh Tâm làm duyên đối với Tâm và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nhân Duyên (2)

Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân đồng sinh Tâm làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm theo phương thức Nhân Duyên (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[258] Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm theo phương thức Cảnh Duyên có 9 thời kỳ (tương tự Nhị Đề Tâm Xuất Sinh Xứ, không có điều sai biệt nhau).

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[259] Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm theo phương thức Trưởng Duyên có 3 thời kỳ (nên bổ túc Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng).

Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm theo phương thức Trưởng Duyên có 3 thời kỳ (Đối với cả 3 thời kỳ này nên bổ túc Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng, cả 9 thời kỳ cũng tương tự Nhị Đề Tâm Xuất Sinh Xứ, trong chỗ cuối có 3 thời kỳ đặc biệt chỉ có Cảnh Trưởng).

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.

[260] Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm theo phương thức Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ (tương tự Nhị Đề Tâm Xuất Sinh Xứ, không có điều sai biệt nhau). Làm duyên theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan). Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan). Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan). Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh). Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên có 9 thời kỳ (tương tự Nhị Đề Tâm Xuất Sinh Xứ).

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[261] Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh có 3 thời kỳ (đặc biệt chỉ có Căn Nguyên được, là Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm tương tự Nhị Đề Tâm Xuất Sinh Xứ có 3 thời kỳ, không có điều sai biệt nhau).

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA) VÀ TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[262] Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm theo phương thức Hậu Sinh Duyên chỉ có một thể loại là **Hậu Sinh** đó là Uẩn đồng sinh Tâm làm duyên đối với sắc thân này sinh trước bất đồng sinh Tâm theo phương thức Hậu Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm theo phương thức Hậu Sinh Duyên v.v. (1)

Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm theo phương thức Hậu Sinh Duyên (giản lược). Làm duyên theo phương thức Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ.

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[263] Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở đồng sinh Tâm làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ đồng sinh Tâm theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở đồng sinh Tâm làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả đồng sinh Tâm theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở đồng sinh Tâm làm duyên đối với Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ bất đồng sinh Tâm theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở đồng sinh Tâm làm duyên đối với Tâm Dị Thục Quả và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở đồng sinh Tâm làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở đồng sinh Tâm làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả, Tâm và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA) v.v.

[264] Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm theo phương thức Dị Thục Quả Duyên (tương tự Nhị Đề Tâm Xuất Sinh Xứ). Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên (tương tự Nhị Đề Tâm Xuất Sinh Xứ, ngay cả Nhị đề này có 1 thời kỳ, tương tự Đoàn Thực).

Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm theo phương thức Quyền Lực Duyên có 9 thời kỳ (tương tự Nhị Đề Tâm Xuất Sinh Xứ, không có điều sai biệt nhau). Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[265] Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh** đó là Uẩn đồng sinh Tâm làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ đồng sinh Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn đồng sinh Tâm làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ bất đồng sinh Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Hậu Sinh đó là Uẩn đồng sinh Tâm làm duyên đối với sắc thân này sinh trước bất đồng sinh với Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (2)

Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu**

Sinh đó là Uẩn đồng sinh Tâm làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (3)

[266] Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Tâm làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ bất đồng sinh Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na tái sinh, Tâm làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Tâm làm duyên đối với Ý Vật theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Ý Vật làm duyên đối với Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên v.v Thân Xứ v.v. Ý Vật làm duyên đối với Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh đó là Tâm làm duyên đối với sắc thân này sinh trước bất đồng sinh Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là Tâm làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ đồng sinh Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Nhãn Thức theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên v.v. Thân Xứ v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn đồng sinh Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là Tâm làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức và Uẩn tương ưng theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên v.v. Thân Xứ v.v. Ý Vật làm duyên đối với Tâm và Uẩn tương ưng theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (3)

[267] Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh** đó là Uẩn đồng sinh Tâm và Tâm làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ đồng sinh Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn đồng sinh Tâm, bất đồng sinh Tâm và Tâm làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ bất đồng sinh Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Hậu Sinh đó là Uẩn đồng sinh Tâm, bất đồng sinh Tâm và Tâm làm duyên đối với sắc thân này sinh trước bất đồng sinh Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (2)

Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên đó là Uẩn đồng sinh Tâm, bất đồng sinh Tâm và Tâm làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (3)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[268] Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm theo phương thức Hiện Hữu Duyên đó là 1 Uẩn đồng sinh Tâm v.v. (tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (1)

Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (2)

Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm theo phương thức Hiện Hữu Duyên đó là 1 Uẩn đồng sinh Tâm v.v. (tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (3)

Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh (giản lược) (3)

[269] Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn đồng hành Nhãn Thức, Nhãn Xứ và Nhãn Thức làm duyên đối với 2 Uẩn v.v. 2 Uẩn v.v. (trong sát na tái sinh nên bổ túc hết tất cả, là cả Câu Sinh và Tiền Sinh) (1)

Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là Uẩn đồng hành Nhãn Thức và Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. Uẩn đồng hành Thân Thức v.v. Uẩn đồng sinh Tâm và Tâm làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ bất đồng sinh Tâm theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Câu Sinh đó là Uẩn đồng sinh Tâm và Ý Vật làm duyên đối với Tâm theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Câu Sinh đó là Uẩn đồng sinh Tâm và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ bất đồng sinh Tâm theo phương thức Hiện Hữu Duyên (trong sát na tái sinh nên bổ túc thành 2 thời kỳ).

Hậu Sinh đó là Uẩn đồng sinh Tâm, bất đồng sinh Tâm và Tâm làm duyên đối với sắc thân này sinh trước bất đồng sinh Tâm theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn đồng sinh Tâm và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này bất đồng sinh Tâm theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn đồng sinh Tâm và Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn đồng hành Nhãn Thức và Nhãn Xứ v.v. (tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh) (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[270] Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 9 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 9 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 3 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[271] Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Hậu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên (3)

[272] Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (3)

[273] Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất đồng sinh Tâm theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng sinh Tâm và bất đồng sinh Tâm theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (3)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[274] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Phi Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[275] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 3 thời kỳ). Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[276] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ (nên bổ túc Câu Mẫu Đề Thuận Tùng Duyên).

Kết Thúc Nhị Đề Đồng Sinh Tâm

62. NHỊ ĐỀ TÙNG TÂM LUÂN CHUYỂN (CITTĀNUPARIVATTIDUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

[277] Pháp Thực Tính hiện hành theo Tâm **(Cittānuparivattidhamma)** nương vào Pháp Thực Tính hiện hành theo Tâm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ hiện hành theo Tâm nương vào 1 Uẩn hiện hành theo Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (nên thực hiện Nhị Đề này cho tương tự Nhị Đề Đồng Sinh Tâm, không có điều sai biệt nhau).

Kết Thúc Nhị Đề Đồng Sinh Tâm

63. NHỊ ĐỀ HỖN TẠP TÂM XUẤT SINH XỨ (CITTASAṄSAṬṬHASAMUṬṬHĀNADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[278] Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi, 1 Uẩn nương vào 2 Uẩn sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Tâm và Sắc Tái Sinh nương vào Uẩn hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn, Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn hỗn tạp

Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

[279] Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh nương vào Tâm sinh khởi, Ý Vật nương vào Tâm sinh khởi, Tâm nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi ví Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Uẩn tương ưng nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Uẩn hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Ý Vật sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Tâm và Uẩn tương ưng nương vào Ý Vật sinh khởi (3)

[280] Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có Tâm làm Xuất Sinh Xứ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Tâm sinh khởi ...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Tâm sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh nương vào Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh nương vào Uẩn hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Tâm nương vào Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Ý Vật sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 2 Uẩn và Sắc Tái Sinh nương vào 1 Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn

v.v. Trong sát na tái sinh, 2 Uẩn và Tâm nương vào 1 Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. (giản lược) (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[281] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 5 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[282] Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn Vô Nhân hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi... nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Vô Nhân hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (2)

Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 2 Uẩn, Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (3)

[283] Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tâm Vô Nhân sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Sắc Tái Sinh nương vào Tâm sinh khởi, Ý Vật nương vào Tâm sinh khởi, Tâm nương vào

Ý Vật sinh khởi…nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng nương vào Tâm Vô Nhân sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Uẩn tương ưng nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Uẩn hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Ý Vật sinh khởi, Si đồng hành hoài nghi và đồng hành hoài nghi nương vào Tâm đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tâm Vô Nhân sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Tâm và Uẩn tương ưng nương vào Ý Vật sinh khởi (3)

[284] Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn Vô Nhân hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Tâm sinh khởi…nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân…nương vào 1 Uẩn hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Tâm v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Ý Vật sinh khởi…nương vào 2 Uẩn v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và nương vào Tâm sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Vô Nhân hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Tâm sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Vô Nhân hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Sắc Tái Sinh nương vào Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Tâm nương vào Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Ý Vật sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Tâm sinh khởi…nương vào 2 Uẩn v.v. (trong sát na tái sinh Vô Nhân nên bổ túc thành 2 thời kỳ) (3)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

[285] Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh nương vào Tâm sinh khởi, Ý Vật nương vào Tâm sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ nương vào Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Tâm sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (trong sát na tái sinh nên bổ túc thành 2 thời kỳ, giản lược) (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[286] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 6 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[287] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ (giản lược).

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[288] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ (giản lược). (Giai Đoạn Câu Sinh tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

63. NHỊ ĐỀ HỖN TẠP TÂM XUẤT SINH XỨ
(CITTASAṄSAṬṬHASAMUṬṬHĀNADUKA)

III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[289] Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ tác hành Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên (giản lược) có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ tác hành Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi, Tâm tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Sắc Đại Hiển) (1)

Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ tác hành Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi, Uẩn hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (trong sát na tái sinh nên bổ túc thành 2 thời kỳ) có 3 thời kỳ (3)

[290] Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ tác hành Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn tác hành 1 Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi…tác hành 2 Uẩn v.v. 2 Uẩn tác hành 1 Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi…tác hành 2 Uẩn v.v. (trong sát na tái sinh nên bổ túc thành 2 thời kỳ) (1)

Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ tác hành Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ tác hành Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi, Sắc bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ tác hành Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, Tâm tác hành Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (trong sát na tái sinh nên bổ túc thành 3 thời kỳ) (2)

Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có tâm làm xuất sinh xứ tác hành Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Sắc hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ tác hành 1 Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi…tác hành 2 Uẩn v.v. 2 uẩn vá Tâm tác hành 1 Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi…tác hành 2 Uẩn v.v. (trong sát na tái sinh nên bổ túc thành 2 thời kỳ) (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[291] Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ tác hành Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ tác hành Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành Thân Xứ v.v. Tâm tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ tác hành Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Uẩn đồng hành Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành Thân Xứ v.v. Uẩn tương ưng tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi, Uẩn hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (trong sát na tái sinh nên bổ túc thành 2 thời kỳ) (2)

Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ tác hành Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Nhãn Thức và Uẩn tương ưng tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành Thân Xứ v.v. Tâm và Uẩn tương ưng tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (trong sát na tái sinh nên bổ túc thành 1 thời kỳ) (3)

[292] Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ tác hành Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp có Tâm làm xuất sinh xứ cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 2 Uẩn tác hành 1 Uẩn đồng hành Nhãn Thức, Nhãn Xứ và tác hành Nhãn Thức cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. đồng hành Thân Thức v.v. 2 Uẩn tác hành 1 Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. 2 Uẩn tác hành 1 Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. (trong sát na tái sinh nên bổ túc thành 2 thời kỳ) (1)

Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ tác hành Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Nhãn Thức tác hành Uẩn đồng hành Nhãn Thức và tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. đồng hành Thân Thức v.v. Tâm tác hành Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (trong sát na tái sinh nên bổ túc thành 1 thời kỳ) (2)

Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ tác hành Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 2 Uẩn và Tâm tác hành 1 Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và tác hành Ý Vật cho thành

duyên sinh khởi…tác hành 2 Uẩn v.v. (trong sát na tái sinh nên bổ túc thành 1 thời kỳ, giản lược) (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[293] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

[294] Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ tác hành Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên (theo Phần này nên bổ túc thành 9 thời kỳ. Trong Giai Đoạn Duyên Sinh nên bổ túc Ngũ Thức, đặc biệt 3 thời kỳ có Si).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[295] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 9 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ. (Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Y Chỉ nên thực hiện như thế này).

63. NHỊ ĐỀ HỖN TẠP TÂM XUẤT SINH XỨ (CITTASAṄSAṬṬHASAMUṬṬHĀNADUKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[296] Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ...sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ vì Nhân Duyên đó là Tâm sinh hỗn tạp với Uẩn hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Tâm sinh hỗn tạp với 1 Uẩn hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ...sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng sinh hỗn tạp với Tâm. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và sinh hỗn tạp với Tâm...sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1) (giản lược).

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[297] Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Cảnh Duyên có 5 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 5 thời kỳ). Bất Ly Duyên có 5 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

[298] Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ vì Phi Nhân Duyên (giản lược, đặc biệt 3 thời kỳ có Si).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[299] Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 5 thời kỳ. Phi Thiền Na

Duyên có 5 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 5 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. (Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Tương Ưng nên thực hiện như thế này).

63. NHỊ ĐỀ HỖN TẠP TÂM XUẤT SINH XỨ (CITTASAṄSAṬṬHASAMUṬṬHĀNADUKA)

VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[300] Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên) Nhân hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên) Nhân hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng , Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[301] Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Uẩn hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ khai đầu, Uẩn hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ khai đầu, Tâm mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ khai đầu, Tâm và Uẩn tương ưng mới sinh khởi (3)

Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Cảnh Duyên đó là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo v.v. tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc v.v. (giản lược, nên bổ túc cho tương tự Cảnh Duyên trong Nhị Đề Đồng Sinh Tâm, không có điều sai biệt nhau, có 9 thời kỳ).

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[302] Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Trưởng Duyên

có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng có 3 thời kỳ (nên bổ túc Trưởng Duyên thành 2 thời kỳ) (3)

Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng có 3 thời kỳ (nên bổ túc Trưởng Duyên thành 2 thời kỳ) (3)

Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** (nên bổ túc duy nhứt chỉ có Trưởng Duyên thôi có 9 thời kỳ, nên bổ túc tương tự Nhị Đề Đồng Sinh Tâm, không có điều sai biệt nhau).

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.

[303] Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Vô Gián Duyên (có 9 thời kỳ, tương tự Nhị Đề Đồng Sinh Tâm). Làm duyên theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan). Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan). Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh). Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên (có 9 thời kỳ tương tự Nhị Đề Đồng Sinh Tâm, không có điều sai biệt nhau).

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA) v.v.

[304] Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh có 3 thời kỳ (tương tự Nhị Đề Đồng Sinh Tâm, không có điều sai biệt nhau).

Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Hậu Sinh Duyên [tương tự Nhị Đề Đồng Sinh Tâm, không có điều sai biệt nhau. Hậu Sinh Duyên có 3 thời kỳ, Pháp Thực Tính có Căn Nguyên chỉ có 2 thời kỳ, có 1 Hiệp Lực **(Ghaṭanā)**]. Làm duyên theo phương thức Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ.

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA) v.v.

[305] Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Nhị Đề Đồng Sinh Tâm, không có điều sai biệt nhau, Câu Sinh

và Dị Thời có 3 thời kỳ). Làm duyên theo phương thức Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên có 9 thời kỳ (tương tự nội dung trong Nhị Đề Đồng Sinh Tâm, duy nhứt chỉ có Đoàn Thực thôi). Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[306] Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là trong sát na tái sinh, Ý Vật làm duyên đối với Uẩn hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Nhãn Thức theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên v.v. Thân Xứ v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là trong sát na tái sinh, Ý Vật làm duyên đối với Tâm và Uẩn tương ưng theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức và Uẩn tương ưng theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên v.v. Thân Xứ v.v. Ý Vật làm duyên đối với Tâm và Uẩn tương ưng theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (3)

Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược).

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[307] Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược).

Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (3)

Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực (Duyên này tương tự Tiền Sinh Duyên, nên bổ túc Tiền Sinh Duyên giản lược hết tất cả, nên giảng giải cho quảng nghĩa) (1)

Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là Tâm làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na tái sinh, Tâm làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na tái sinh, Ý Vật làm duyên đối với Uẩn hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh (Duyên này tương tự Tiền Sinh Duyên, không có điều sai biệt nhau) (2)

Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là Tâm làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na tái sinh, Tâm làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na tái sinh, Ý Vật làm duyên đối với Tâm và Uẩn tương ưng theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh (Duyên này tương tự Tiền Sinh Duyên) (3)

[308] Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn đồng hành Nhãn Thức và Nhãn Thức làm duyên đối với 2 Uẩn v.v. 2 Uẩn v.v. 1 Uẩn đồng hành Nhãn Thức và Nhãn Xứ làm duyên đối với 2 Uẩn v.v. đồng hành Thân Thức v.v. 1 Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và Tâm làm duyên đối với 2 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên. 2 Uẩn v.v. 1 Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và Ý Vật làm duyên đối với 2 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. (trong sát na tái sinh nên bổ túc thành 2 thời kỳ) (1)

Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là Uẩn đồng hành Nhãn Thức và Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. đồng hành Thân Thức v.v. Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và Tâm làm duyên đối với Sắc hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và Ý Vật làm duyên đối với Tâm theo phương thức Hiện Hữu Duyên (trong sát na tái sinh nên bổ túc thành 3 thời kỳ).

Hậu Sinh đó là Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và Tâm làm duyên đối với sắc thân này sinh trước bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ, Tâm và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ, Tâm và Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn đồng hành Nhãn Thức và Nhãn Xứ làm duyên đối với 2 Uẩn và Nhãn Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên. 2 Uẩn v.v. đồng hành Thân Thức v.v.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và Tâm làm duyên đối với 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. 2 Uẩn v.v. 1 Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và Ý Vật làm duyên đối với 2 Uẩn và Tâm theo phương thức Hiện Hữu Duyên. 2 Uẩn v.v. (trong sát na tái sinh nên bổ túc thành 2 thời kỳ) (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[309] Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Vật Thực Duyên

có 9 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 9 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 3 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[310] Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Hậu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên (3)

[311] Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (3)

[312] Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hỗn tạp Tâm và có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và bất hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (3)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[313] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Phi Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[314] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 3 thời kỳ). Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[315] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ nên bổ túc Câu Mẫu Đề Thuận Tùng).

Kết Thúc Nhị Đề Hỗn Tạp Tâm Xuất Sinh Xứ

64. NHỊ ĐỀ ĐỒNG SINH HỖN TẠP TÂM XUẤT SINH XỨ (CITTASAṄSAṬṬHASAMUṬṬHĀNASAHABHŪDUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[316] Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và đồng sinh Tâm nương vào Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và đồng sinh Tâm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và đồng sinh Tâm sinh khởi…nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (ngay cả Nhị Đề này cũng tương tự Nhị Đề Hỗn Tạp Tâm Xuất Sinh Xứ, không có điều sai biệt).

Kết Thúc Nhị Đề Đồng Sinh Hỗn Tạp Tâm Xuất Sinh Xứ

65. NHỊ ĐỀ TÙNG HÀNH HỖN TẠP TÂM LUÂN CHUYỂN (CITTASAṄSAṬṬHASAMUṬṬHĀNĀNUPARIVATTIDUKA)

I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[317] Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và hiện hành theo Tâm nương vào Pháp Thực Tính hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và hiện hành theo Tâm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn hỗn tạp Tâm có Tâm làm xuất sinh xứ và hiện hành theo Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (ngay cả Nhị Đề này cũng tương tự Nhị Đề Hỗn Tạp Tâm Xuất Sinh Xứ, không có điều sai biệt nhau).

Kết Thúc Nhị Đề Tùng Hành Hỗn Tạp Tâm Luân Chuyển

66. NHỊ ĐỀ NỘI BỘ (AJJHATTIKADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[318] Pháp Thực Tính nội bộ **(Ajjhattikadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính nội bộ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh nội bộ nương vào Tâm sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ **(Bāhiradhamma)** nương vào Pháp Thực Tính nội bộ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh ngoại bộ nương vào Tâm sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ nương vào Pháp Thực Tính nội bộ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh, Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh nội bộ và ngoại bộ nương vào Tâm sinh khởi (3)

[319] Pháp Thực Tính ngoại bộ nương vào Pháp Thực Tính ngoại bộ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn ngoại bộ sinh khởi ...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 2 Uẩn và Sắc Tái Sinh ngoại bộ nương vào 1 Uẩn ngoại bộ sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính nội bộ nương vào Pháp Thực Tính ngoại bộ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Tâm nương vào Uẩn ngoại bộ sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Tâm và Sắc Tái Sinh nội bộ nương vào Uẩn ngoại bộ sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Tâm nương vào Ý Vật ngoại bộ sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ nương vào Pháp Thực Tính ngoại bộ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn, Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn ngoại bộ sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 2 Uẩn, Tâm và Sắc Tái Sinh nội bộ và ngoại bộ nương vào 1 Uẩn ngoại bộ sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. Tâm và Uẩn tương ưng nương vào Ý Vật sinh khởi (3)

[320] Pháp Thực Tính nội bộ nương vào Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh nội bộ nương vào Tâm và Uẩn tương ưng sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ nương vào Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn ngoại bộ và nương vào Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tâm và Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh, 2 Uẩn và Sắc Tái Sinh ngoại bộ nương vào 1 Uẩn ngoại bộ và nương vào Tâm sinh khởi... nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tái sinh ngoại bộ nương vào Tâm và Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Uẩn ngoại bộ nương vào Tâm và Ý Vật sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ nương vào Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh, 2 Uẩn và Sắc Tái Sinh nội bộ và ngoại bộ nương vào 1 Uẩn ngoại bộ và nương vào Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[321] Pháp Thực Tính ngoại bộ nương vào Pháp Thực Tính nội bộ sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Uẩn tương ưng nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Uẩn tương ưng nương vào Tâm sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ nương vào Pháp Thực Tính ngoại bộ sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn ngoại bộ sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính nội bộ nương vào Pháp Thực Tính ngoại bộ sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Tâm nương vào Uẩn ngoại bộ sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Tâm nương vào Uẩn ngoại bộ sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Tâm nương vào Ý Vật sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ nương vào Pháp Thực Tính ngoại bộ sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 2 Uẩn và Tâm nương vào 1 Uẩn ngoại bộ sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 2 Uẩn và Tâm nương vào 1 Uẩn ngoại bộ sinh khởi... nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, Tâm và Uẩn tương ưng nương vào Ý Vật sinh khởi (3)

Pháp Thực Tính ngoại bộ nương vào Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn ngoại bộ và nương vào Tâm sinh khởi... nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn ngoại bộ và nương vào Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn ngoại bộ nương vào Tâm và Ý Vật sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. (giản lược) (1)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[322] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 5 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 5 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 5 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 5 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 5 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 5 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 5 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 5 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[323] Pháp Thực Tính nội bộ nương vào Pháp Thực Tính nội bộ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh Vô Nhân, Sắc Tái Sinh nội bộ nương vào Tâm sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ nương vào Pháp Thực Tính nội bộ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tâm Vô Nhân sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh ngoại bộ nương vào Tâm sinh khởi, Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Tâm đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ nương vào Pháp Thực Tính nội bộ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh Vô Nhân, Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh nội bộ và ngoại bộ nương vào Tâm sinh khởi (3)

[324] Pháp Thực Tính ngoại bộ nương vào Pháp Thực Tính ngoại bộ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân ngoại bộ sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng). Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính nội bộ nương vào Pháp Thực Tính ngoại bộ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Tâm nương vào Uẩn Vô Nhân ngoại bộ sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Tâm và Sắc Tái Sinh nội bộ nương vào Uẩn ngoại bộ sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Tâm nương vào Ý Vật sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ nương vào Pháp Thực Tính ngoại bộ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 2 Uẩn, Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân ngoại bộ sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, 2 Uẩn, Tâm và

Sắc Tái Sinh nội bộ và ngoại bộ nương vào 1 Uẩn ngoại bộ sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Tâm và Uẩn tương ưng nương vào Ý Vật sinh khởi (3)

[325] Pháp Thực Tính nội bộ nương vào Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh Vô Nhân, Sắc Tái Sinh nội bộ nương vào Tâm và Uẩn tương ưng sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ nương vào Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân ngoại bộ và nương vào Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tâm Vô Nhân và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, 2 Uẩn và Sắc Tái Sinh ngoại bộ nương vào 1 Uẩn ngoại bộ và nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Sắc Tái Sinh ngoại bộ nương vào Tâm và Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Uẩn ngoại bộ nương vào Tâm và Ý Vật sinh khởi, Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và nương vào Tâm sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ nương vào Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh Vô Nhân, 2 Uẩn và Sắc Tái Sinh nội bộ và ngoại bộ nương vào 1 Uẩn ngoại bộ và nương vào Tâm sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

[326] Pháp Thực Tính nội bộ nương vào Pháp Thực Tính nội bộ sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh nội bộ nương vào Tâm sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ nương vào Pháp Thực Tính nội bộ sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tâm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh ngoại bộ nương vào Tâm sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ nương vào Pháp Thực Tính nội bộ sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh nội bộ và ngoại bộ nương vào Tâm sinh khởi (3)

Pháp Thực Tính ngoại bộ nương vào Pháp Thực Tính ngoại bộ sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn ngoại bộ sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh ngoại bộ nương vào Uẩn ngoại bộ sinh khởi, Ý Vật nương vào Uẩn ngoại bộ sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

Pháp Thực Tính nội bộ nương vào Pháp Thực Tính ngoại bộ sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh nội bộ nương vào Uẩn ngoại bộ sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ nương vào Pháp Thực Tính ngoại bộ sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh nội bộ và ngoại bộ nương vào Uẩn ngoại bộ sinh khởi (3)

[327] Pháp Thực Tính nội bộ nương vào Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh nội bộ nương vào Tâm và Uẩn tương ưng sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ nương vào Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn ngoại bộ và nương vào Tâm sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tâm và Sắc Đại Hiển sinh khởi (trong sát na tái sinh nên bổ túc thành 2 thời kỳ).

Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ nương vào Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh nội bộ và ngoại bộ nương vào Tâm và Uẩn tương ưng sinh khởi v.v. (giản lược) (3)

PHI THIỀN NA DUYÊN (NAJHĀNAPACCAYA)

[328] Pháp Thực Tính ngoại bộ nương vào Pháp Thực Tính nội bộ sinh khởi vì Phi Thiền Na Duyên đó là Uẩn tương ưng nương vào Nhãn Thức sinh khởi v.v. nương vào Thân Thức v.v.

Pháp Thực Tính ngoại bộ nương vào Pháp Thực Tính ngoại bộ sinh khởi vì Phi Thiền Na Duyên đó là 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn đồng hành Nhãn Thức sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. đồng hành Thân Thức v.v. ở phần ngoại bộ v.v. có Vật Thực làm xuất sinh xứ v.v. có Quý Tiết làm xuất sinh xứ v.v. Đối với Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

Pháp Thực Tính nội bộ nương vào Pháp Thực Tính ngoại bộ sinh khởi vì Phi Thiền Na Duyên đó là Nhãn Thức nương vào Uẩn đồng hành Nhãn Thức sinh khởi v.v. Thân Thức nương vào Uẩn đồng hành Thân Thức sinh khởi.

Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ nương vào Pháp Thực Tính ngoại bộ sinh khởi vì Phi Thiền Na Duyên đó là 2 Uẩn và Nhãn Thức nương vào 1 Uẩn đồng hành Nhãn Thức sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. nương vào 1 Uẩn đồng hành Thân Thức v.v. (3)

Pháp Thực Tính ngoại bộ nương vào Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ sinh khởi vì Phi Thiền Na Duyên đó là 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn đồng hành Nhãn Thức và nương vào Nhã Thức sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. đồng hành Thân Thức (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[329] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 5 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[330] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ (giản lược).

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[331] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ v.v. (giản lược).

(Ngay cả Giai Đoạn Câu Sinh tương tự Giai Đoạn Liên Quan)

66. NHỊ ĐỀ NỘI BỘ (AJJHATTIKADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[332] Pháp Thực Tính nội bộ tác hành Pháp Thực Tính nội bộ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính ngoại bộ tác hành Pháp Thực Tính ngoại bộ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn ngoại bộ cho thành duyên sinh khởi…tác hành 2 Uẩn v.v. (trong sát na tái sinh nên bổ túc thành 2 thời kỳ cho đến Sắc Đại Hiển nội bộ). Uẩn ngoại bộ tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi.

Pháp Thực Tính nội bộ tác hành Pháp Thực Tính ngoại bộ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Tâm tác hành Uẩn ngoại bộ cho thành duyên sinh khởi, Tâm tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (trong sát na tái sinh nên bổ túc thành 2 thời kỳ).

Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ tác hành Pháp Thực Tính ngoại bộ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn ngoại bộ cho thành duyên sinh khởi…tác hành 2 Uẩn v.v. Tâm và Uẩn tương ưng tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (trong sát na tái sinh nên bổ túc thành 2 thời kỳ) (3)

[333] Pháp Thực Tính nội bộ tác hành Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh nội bộ tác hành Tâm và Uẩn tương ưng cho thành duyên sinh khởi.

Pháp Thực Tính ngoại bộ tác hành Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn ngoại bộ và tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Tâm và

Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, Uẩn ngoại bộ tác hành Tâm và Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (trong sát na tái sinh nên bổ túc thành 3 thời kỳ).

Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ tác hành Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh, 2 Uẩn và Sắc Tái Sinh nội bộ và ngoại bộ tác hành 1 Uẩn ngoại bộ và tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[334] Pháp Thực Tính nội bộ tác hành Pháp Thực Tính nội bộ cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành Thân Xứ v.v.

Pháp Thực Tính ngoại bộ tác hành Pháp Thực Tính nội bộ cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Uẩn đồng hành Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ và tác hành Nhãn Thức cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành Thân Xứ v.v. Uẩn tương ưng tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ tác hành Pháp Thực Tính nội bộ cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Nhãn Thức và Uẩn tương ưng tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành Thân Xứ v.v. (3)

Pháp Thực Tính ngoại bộ tác hành Pháp Thực Tính ngoại bộ cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 2 Uẩn tác hành 1 Uẩn ngoại bộ cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Uẩn ngoại bộ tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi.

Pháp Thực Tính nội bộ tác hành Pháp Thực Tính ngoại bộ cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Tâm tác hành Uẩn ngoại bộ cho thành duyên sinh khởi, Tâm tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (trong sát na tái sinh nên bổ túc thành 2 thời kỳ).

Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ tác hành Pháp Thực Tính ngoại bộ cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Tâm và Uẩn tương ưng tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (trong sát na tái sinh nên bổ túc thành 1 thời kỳ v.v.) (3)

[335] Pháp Thực Tính nội bộ tác hành Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Nhãn Thức tác hành Uẩn đồng hành Nhãn Thức và tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. đồng hành Thân Thức v.v.

Pháp Thực Tính ngoại bộ tác hành Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 2 Uẩn tác hành 1 Uẩn đồng hành Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ và Nhãn Thức cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. đồng hành Thân Thức v.v. 2 Uẩn tác hành 1 Uẩn ngoại bộ và tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi ...tác hành 2 Uẩn v.v. Uẩn ngoại bộ tác hành Tâm và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (trong sát na tái sinh nên bổ túc thành 2 thời kỳ).

Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ tác hành Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 2 Uẩn và Nhãn Thức tác hành 1 Uẩn đồng hành

Nhãn Thức và tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. (giản lược) (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[336] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 5 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 5 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[337] Pháp Thực Tính nội bộ tác hành Pháp Thực Tính nội bộ cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh Vô Nhân, Sắc Tái Sinh nội bộ tác hành Tâm cho thành duyên sinh khởi, Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi (giản lược) (nên thực hiện thành 9 thời kỳ như thế này, nên bổ túc Ngũ Thức **(Pañca viññāṇa)** đặc biệt 3 thời kỳ có Si).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[338] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 9 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. (Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Y Chỉ nên thực hiện như thế này).

66. NHỊ ĐỀ NỘI BỘ (AJJHATTIKADUKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

[339] Pháp Thực Tính ngoại bộ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính nội bộ vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng sinh hỗn tạp với Tâm. Trong sát na tái sinh, Uẩn tương ưng sinh hỗn tạp với Tâm (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính ngoại bộ vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn ngoại bộ...sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính nội bộ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính ngoại bộ vì Nhân Duyên đó là Tâm sinh hỗn tạp với Uẩn ngoại bộ. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính ngoại bộ vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Tâm sinh hỗn tạp với 1 Uẩn ngoại bộ...sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

Pháp Thực Tính ngoại bộ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn ngoại bộ và hỗn tạp với Tâm...sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (giản lược).

Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Cảnh Duyên có 5 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 5 thời kỳ). Bất Ly Duyên có 5 thời kỳ (nên bổ túc Câu Thuận Tùng Duyên).

Pháp Thực Tính ngoại bộ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính nội bộ vì Phi Nhân Duyên (nên bổ túc thành 5 thời kỳ như thế này, đặc biệt 3 thời kỳ có Si).

Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 5 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 5 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 5 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ (nên bổ túc Câu Đối Nghịch Duyên). (Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Tương Ưng nên thực hiện như thế này).

66. NHỊ ĐỀ NỘI BỘ (AJJHATTIKADUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[340] Pháp Thực Tính ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân ngoại bộ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh, Nhân ngoại bộ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh ngoại bộ theo phương thức Nhân Duyên (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân ngoại bộ làm duyên đối với Tâm theo phương thức Nhân

Duyên. Trong sát na tái sinh, Nhân ngoại bộ làm duyên đối với Tâm và Sắc Tái Sinh nội bộ theo phương thức Nhân Duyên (2)

Pháp Thực Tính ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân ngoại bộ làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh, Nhân ngoại bộ làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tâm và Sắc Tái Sinh nội bộ và ngoại bộ theo phương thức Nhân Duyên (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[341] Pháp Thực Tính nội bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Tâm khai đầu, Tâm mới sinh khởi (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Vì Tâm khai đầu, Uẩn ngoại bộ mới sinh khởi (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Vì Tâm khai đầu, Tâm và Uẩn tương ưng mới sinh khởi (3)

Pháp Thực Tính ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy khai đầu, tham ái v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi, xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo, Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não ngoại bộ đã được đoạn tận rồi, tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi, tri đắc phiền não đã từng sinh khởi. Người kiến giải minh lượng Sắc v.v. Ý Vật và Uẩn ngoại bộ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm ngoại bộ, Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Sắc Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Nhãn Thức theo phương thức Cảnh Duyên v.v. Xúc Xứ v.v. Uẩn ngoại bộ làm duyên đối với Thần Túc Trí, Thâ Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy khai đầu, Tâm mới sinh khởi. Người tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định v.v. (giản lược, nên bổ túc nội dung hết tất cả). Bậc Thánh Nhân trí đắc phiền não đã từng sinh khởi v.v. Người kiến giải minh lượng Sắc v.v. Ý Vật v.v. thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Sắc ấy v.v. khai đầu, Tâm mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn v.v. (giản lược) Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ v.v.

Uẩn ngoại bộ làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (2)

Pháp Thực Tính ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy khai đầu, Tâm và Uẩn tương ưng mới sinh khởi (giản lược, nên bổ túc nội dung hết tất cả). Người kiến giải minh lượng Uẩn ngoại bộ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn ấy khai đầu, Tâm và Uẩn tương ưng mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn v.v. (giản lược) Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức và Uẩn tương ưng v.v. Xúc Xứ v.v. Uẩn ngoại bộ làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (3)

Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ theo phương thức Cảnh Duyên có 3 thời kỳ.

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[342] Pháp Thực Tính nội bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là vì thực hiện Uẩn nội bộ và Tâm cho thành Cảnh một cách kiên định, Tâm mới sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính nội bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là vì thực hiện Tâm cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn ngoại bộ mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng là Tâm làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên).

Cảnh Trưởng đó là vì thực hiện Tâm nội bộ cho thành Cảnh một cách kiên định, Tâm và Uẩn tương ưng mới sinh khởi (3)

Pháp Thực Tính ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí v.v. có 3 thời kỳ (đối với ngay cả 3 thời kỳ, nên bổ túc cả 2 Trưởng Duyên) (3)

Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ theo phương thức Trưởng Duyên có 3 thời kỳ (đối với ngay cả 3 thời kỳ, duy nhứt chỉ có Trưởng Duyên thôi).

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.

[343] Pháp Thực Tính nội bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Tâm sinh trước trước làm duyên đối với Tâm sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn ngoại bộ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc v.v. có 3 thời kỳ (đối với ngay cả 3 thời kỳ cũng tương tự cùng một thời kỳ).

Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ theo phương thức Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan). Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên có 5 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan). Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh).

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[344] Pháp Thực Tính nội bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Tâm làm duyên đối với Tâm theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi xả thí v.v. có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Trú Xứ rồi xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (nên thực hiện cho đủ cả 3 thời kỳ, nên bổ túc lời nói rằng "Tâm và Uẩn tương ưng" với).

Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thời kỳ.

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[345] Pháp Thực Tính nội bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Thân thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, Tâm mới sinh khởi.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính nội bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Thân thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt v.v. ưu thọ mới sinh khởi.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính nội bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Thân thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. vì Nhãn ấy v.v. khai đầu, Tâm và Uẩn tương ưng mới sinh khởi.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức và Uẩn tương ưng v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức và Uẩn tương ưng theo phương thức Tiền Sinh Duyên (3)

[346] Pháp Thực Tính ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Sắc v.v. Xúc v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn ngoại bộ theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Sắc v.v. Xúc v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. vì việc kiến giải minh lượng Sắc ấy v.v. khai đầu, Tâm mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Tâm theo phương thức Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Sắc v.v. Xúc v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. vì Sắc ấy v.v. khai đầu, Tâm và Uẩn tương ưng mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Tâm và Uẩn tương ưng theo phương thức Tiền Sinh Duyên (3)

[347] Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh** đó là Nhãn Xứ và Ý Vật làm duyên đối với Tâm v.v. Thân Xứ và Ý Vật làm duyên đối với Tâm theo phương thức Tiền Sinh Duyên. Sắc Xứ và Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ và Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh** đó là Nhãn Xứ và Ý Vật làm duyên đối với Uẩn ngoại bộ theo phương thức Tiền Sinh Duyên v.v. Thân Xứ và Ý Vật làm duyên đối với Uẩn ngoại bộ theo phương thức Tiền Sinh Duyên. Sắc Xứ và Nhãn Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Nhãn Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên v.v. Xúc Xứ và Thân Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh** đó là Nhãn Xứ và Ý Vật làm duyên đối với Tâm và Uẩn tương ưng theo phương thức Tiền Sinh Duyên v.v. Thân Xứ và Ý Vật v.v. Sắc Xứ và Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức và Uẩn tương ưng theo phương thức Tiền Sinh Duyên v.v. Xúc Xứ v.v. (3)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA) VÀ TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[348] Pháp Thực Tính nội bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ theo phương thức Hậu Sinh Duyên chỉ có một thể loại là **Hậu Sinh** đó là Uẩn nội bộ làm duyên đối với nội bộ sắc thân này sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên).

Hậu Sinh đó là Uẩn nội bộ làm duyên đối với ngoại bộ sắc thân này sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên).

Hậu Sinh đó là Uẩn nội bộ làm duyên đối với nội bộ và ngoại bộ sắc thân này sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên (nên bổ túc thành 9 thời kỳ như thế này).

Làm duyên theo phương thức Trùng Dụng Duyên (nên bổ túc thành 9 thời kỳ).

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA) VÀ DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

[349] Pháp Thực Tính ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở ngoại bộ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở ngoại bộ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả ngoại bộ và Sắc Tái sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở ngoại bộ làm duyên đối với Tâm theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở ngoại bộ làm duyên đối với Tâm Dị Thục Quả và Sắc Tái sinh nội bộ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở ngoại bộ làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở ngoại bộ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả, Tâm và Sắc Tái sinh nội bộ và ngoại bộ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3). Làm duyên theo phương thức Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ.

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA)

[350] Pháp Thực Tính nội bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ theo phương thức Vật Thực Duyên đó là trong sát na tái sinh, Vật Thực nội bộ làm duyên đối với Sắc Tái Sinh nội bộ theo phương thức Vật Thực Duyên (1)

Pháp Thực Tính nội bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ theo phương thức Vật Thực Duyên đó là Vật Thực nội bộ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na tái sinh, Vật Thực nội bộ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh ngoại bộ theo phương thức Vật Thực Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Trong sát na tái sinh, Vật Thực nội bộ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh nội bộ và ngoại bộ theo phương thức Vật Thực Duyên (3)

[351] Pháp Thực Tính ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ theo phương thức Vật Thực Duyên đó là Vật Thực ngoại bộ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. Đoàn Thực ngoại bộ làm duyên đối với ngoại bộ sắc thân này theo phương thức Vật Thực Duyên (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ theo phương thức Vật Thực Duyên đó là Vật Thực ngoại bộ làm duyên đối với Tâm theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na tái sinh, Vật Thực ngoại bộ làm duyên đối với Tâm và Sắc Tái Sinh nội bộ theo phương thức Vật Thực Duyên. Đoàn Thực ngoại bộ làm duyên đối với nội bộ sắc thân này theo phương thức Vật Thực Duyên (2)

Pháp Thực Tính ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ theo phương thức Vật Thực Duyên đó là Vật Thực ngoại bộ làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na tái sinh, Vật Thực ngoại bộ làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tâm và Sắc Tái Sinh nội bộ và ngoại bộ theo phương thức Vật Thực Duyên. Đoàn Thực ngoại bộ làm duyên đối với nội bộ và ngoại bộ sắc thân này theo phương thức Vật Thực Duyên (3)

[352] Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ theo phương thức Vật Thực Duyên đó là trong sát na tái sinh, Vật Thực nội bộ và ngoại bộ làm duyên đối với Sắc Tái Sinh nội bộ theo phương thức Vật Thực Duyên (1)

Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ theo phương thức Vật Thực Duyên đó là Vật Thực nội bộ và ngoại bộ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na tái sinh, Vật Thực nội bộ và ngoại bộ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh ngoại bộ theo phương thức Vật Thực Duyên (2)

Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ theo phương thức Vật Thực Duyên đó là trong sát na tái sinh, Vật Thực nội bộ và ngoại bộ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh nội bộ và ngoại bộ theo phương thức Vật Thực Duyên (3)

QUYỀN LỰC DUYÊN (INDRIYAPACCAYA)

[353] Pháp Thực Tính nội bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ theo phương thức Quyền Lực Duyên đó là trong sát na tái sinh, Quyền Lực nội bộ làm duyên đối với Sắc Tái sinh nội bộ theo phương thức Quyền Lực Duyên. Nhãn Quyền làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Quyền làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính nội bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ theo phương thức Quyền Lực Duyên đó là Quyền Lực nội bộ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên. Trong sát na tái sinh, Quyền Lực nội bộ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh ngoại bộ theo phương thức Quyền Lực Duyên. Nhãn Quyền làm duyên đối với Uẩn đồng hành Nhãn Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên v.v. Thân Quyền làm duyên đối với Uẩn đồng hành Thân Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính nội bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ theo phương thức Quyền Lực Duyên đó là trong sát na tái sinh, Quyền Lực nội bộ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh nội bộ và ngoại bộ theo phương thức Quyền Lực Duyên. Nhãn Quyền làm duyên đối với Nhãn Thức và Uẩn tương ưng v.v. Thân Quyền làm duyên đối với Thân Thức và Uẩn tương ưng theo phương thức Quyền Lực Duyên (3)

[354] Pháp Thực Tính ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ theo phương thức Quyền Lực Duyên đó là Quyền Lực ngoại bộ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên. Trong sát na tái sinh, Quyền Lực ngoại bộ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh ngoại bộ theo phương thức Quyền Lực Duyên. Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh ngoại bộ theo phương thức Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ theo phương thức Quyền Lực Duyên đó là Quyền Lực ngoại bộ làm duyên đối với Tâm theo phương thức

Quyền Lực Duyên. Trong sát na tái tục, Quyền Lực ngoại bộ làm duyên đối với Tâm và Sắc Tái Sinh nội bộ theo phương thức Quyền Lực Duyên. Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh nội bộ theo phương thức Quyền Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ theo phương thức Quyền Lực Duyên đó là Quyền Lực ngoại bộ làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên. Trong sát na tái sinh, Quyền Lực ngoại bộ làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tâm và Sắc Tái Sinh nội bộ và ngoại bộ theo phương thức Quyền Lực Duyên. Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh nội bộ và ngoại bộ theo phương thức Quyền Lực Duyên (3)

[355] Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ theo phương thức Quyền Lực Duyên đó là trong sát na tái sinh, Quyền Lực nội bộ và ngoại bộ làm duyên đối với Sắc Tái sinh nội bộ theo phương thức Quyền Lực Duyên. Nhãn Quyền và Xả Quyền làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên v.v. Thân Quyền và Lạc Quyền v.v. Thân Quyền và Khổ Quyền làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ theo phương thức Quyền Lực Duyên đó là Quyền Lực nội bộ và ngoại bộ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên. Trong sát na tái sinh, Quyền Lực nội bộ và ngoại bộ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh ngoại bộ theo phương thức Quyền Lực Duyên. Nhãn Quyền và Xả Quyền làm duyên đối với Uẩn đồng hành Nhãn Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên v.v. Thân Quyền và Lạc Quyền v.v. Thân Quyền và Khổ Quyền làm duyên đối với Uẩn đồng hành Thân Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ theo phương thức Quyền Lực Duyên đó là trong sát na tái sinh, Quyền Lực nội bộ và ngoại bộ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh nội bộ và ngoại bộ theo phương thức Quyền Lực Duyên. Nhãn Quyền và Xả Quyền làm duyên đối với Nhãn Thức và Uẩn tương ưng theo phương thức Quyền Lực Duyên. Thân Quyền v.v. (3)

THIỀN NA DUYÊN (JHĀNAPACCAYA) v.v.

[356] Pháp Thực Tính ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ theo phương thức Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[357] Pháp Thực Tính nội bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh (1)

Câu Sinh đó là trong sát na tái sinh, Tâm làm duyên đối với Sắc Tái Sinh nội bộ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn nội bộ làm duyên đối với nội bộ sắc thân này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

Pháp Thực Tính nội bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn nội bộ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Thân Thức theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn nội bộ làm duyên đối với ngoại bộ sắc thân này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (2)

Pháp Thực Tính nội bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là trong sát na tái sinh, Uẩn nội bộ làm duyên đối với Sắc Tái Sinh nội bộ và ngoại bộ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức và Uẩn tương ưng v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức và Uẩn tương ưng theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn nội bộ làm duyên đối với nội bộ và ngoại bộ sắc thân này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (3)

[358] Pháp Thực Tính ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn ngoại bộ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. Uẩn làm duyên đối với Ý Vật theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn ngoại bộ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn ngoại bộ làm duyên đối với ngoại bộ sắc thân này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là trong sát na tái sinh, Uẩn ngoại bộ làm duyên đối với Sắc Tái Sinh nội bộ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na tái sinh, Ý Vật làm duyên đối với Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn ngoại bộ làm duyên đối với nội bộ sắc thân này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (2)

Pháp Thực Tính ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (3)

[359] Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là trong sát na tái sinh, Uẩn nội bộ và ngoại bộ làm duyên đối với Sắc Tái Sinh nội bộ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh đó là...sinh phía sau (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (2)

Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là trong sát na tái sinh, Uẩn nội bộ và ngoại bộ v.v. (giản lược) (3)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA) v.v.

[360] Pháp Thực Tính nội bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là trong sát na tái sinh, Tâm làm duyên đối với Sắc Tái Sinh nội bộ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Thân thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. (Duyên này tương tự Tiền Sinh Duyên, không có điều sai biệt nhau).

Hậu Sinh (nên bổ túc cho tương tự Hậu Sinh Duyên) (1)

Pháp Thực Tính nội bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn nội bộ đồng sinh nhau làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên (giản lược) (2)

(Hiện Hữu Duyên trong chỗ này, trong mỗi chỗ Câu Sinh nên thực hiện cho tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh, thực hiện Tiền Sinh cho tương tự Tiền Sinh Duyên, thực hiện Hậu Sinh cho tương tự Hậu Sinh Duyên, không có điều sai biệt nhau).

Pháp Thực Tính nội bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (3)

[361] Pháp Thực Tính ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực (nên giảng giải cho quảng nghĩa hết tất cả) (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực (giản lược) (2)

Pháp Thực Tính ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực (giản lược) (3)

[362] Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là Uẩn đồng hành Nhãn Thức và Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. Uẩn đồng hành Thân Thức v.v. Trong sát na tái sinh, Uẩn nội bộ và ngoại bộ làm duyên đối với Sắc Tái sinh nội bộ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ và Ý Vật làm duyên đối với Tâm theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. Thân Xứ và Ý Vật làm duyên đối với Tâm theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Xứ và Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ và Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn nội bộ và ngoại bộ làm duyên đối với nội bộ sắc thân này sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn nội bộ, ngoại bộ và Đoàn Thực làm duyên đối với nội bộ sắc thân này sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn nội bộ, ngoại bộ và Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái sinh nội bộ theo phương thức Hiện Hữu Duyên (1)

Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn đồng hành Nhãn Thức, Nhãn Xứ và Nhãn Thức làm duyên đối với 2 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. (Câu Sinh tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh, không có điều sai biệt nhau, chính thị tương tự với nội dung đoạn đầu, nên phân chia hết mỗi Câu theo phần Hiệp Lực **(Ghaṭanā)** trước) (2)

Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn đồng hành Nhãn Thức và Nhãn Xứ làm duyên đối với 2 Uẩn và Nhãn Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên (giản lược, nên phân chia hết mỗi Câu theo phần Hiệp Lực **(Ghaṭanā)** trước) (3)

Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức theo Ly Khứ Duyên. Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[363] Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 5 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 9 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 9 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 3 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[364] Pháp Thực Tính nội bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên và Hậu Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính nội bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên và Hậu Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính nội bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên và Hậu Sinh Duyên (3)

[365] Pháp Thực Tính ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (3)

[366] Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ và ngoại bộ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (3)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[367] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Phi Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[368] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 3 thời kỳ). Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[369] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ (nên bổ túc Câu Mẫu Đề Thuận Tùng Duyên) v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Nhị Đề Nội Bộ

67. NHỊ ĐỀ Y SINH (UPĀDĀDUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[370] Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính Sắc y sinh sinh khởi vì Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh, Uẩn chẳng phải Sắc y sinh nương vào Ý Vật sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần chẳng phải Sắc

y sinh nương vào 1 Uẩn chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 3 Uẩn và Sắc Tái sinh ở phần chẳng phải Sắc y sinh nương vào 1 Uẩn chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. 2 Sắc Đại Hiển nương vào 2 Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc y sinh nương vào Uẩn chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc y sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh nương vào 1 Uẩn chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi vì Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn chẳng phải Sắc y sinh và nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[371] Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính Sắc y sinh sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là trong sát na tái sinh, Uẩn chẳng phải Sắc y sinh nương vào Ý Vật sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là trong sát na tái sinh, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn chẳng phải Sắc y sinh và nương vào Ý Vật sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[372] Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi vì Trưởng Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần chẳng phải Sắc y sinh nương vào 1 Uẩn chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi vì Trưởng Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc y sinh nương vào Uẩn chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc y sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi vì Trưởng Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở

phần Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh nương vào 1 Uẩn chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

Vì Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Vì Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Vì Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ.

HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA)

[373] Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính Sắc y sinh sinh khởi vì Hỗ Tương Duyên đó là trong sát na tái sinh, Uẩn chẳng phải Sắc y sinh nương vào Ý Vật sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi vì Hỗ Tương Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Đối với Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. 2 Sắc Đại Hiển nương vào 2 Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi vì Hỗ Tương Duyên đó là trong sát na tái sinh, Ý Vật nương vào Uẩn chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi vì Hỗ Tương Duyên đó là trong sát na tái sinh, 3 Uẩn và Ý Vật nương vào 1 Uẩn chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi vì Hỗ Tương Duyên đó là trong sát na tái sinh, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn chẳng phải Sắc y sinh và nương vào Ý Vật sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (giản lược) (1)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[374] Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Trưởng Duyên có 3 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 5 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 5 thời kỳ. Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 1 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 1 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 5 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 5 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 5 thời kỳ). Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 5 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[375] Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính Sắc y sinh sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh Vô Nhân, Uẩn chẳng phải Sắc y sinh nương vào Ý Vật sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần chẳng phải Sắc y sinh nương vào 1 Uẩn Vô Nhân chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. nương vào 1 Sắc Đại Hiển sinh khởi v.v. Đối với Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, 3 Sắc Đại Hiển nương vào 1 Sắc Đại Hiển sinh khởi v.v. 2 Sắc Đại Hiển nương vào 2 Sắc Đại Hiển sinh khởi, Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc y sinh nương vào Uẩn Vô Nhân chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc y sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (2)

Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh nương vào 1 Uẩn Vô Nhân chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh Vô Nhân, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn chẳng phải Sắc y sinh và nương vào Ý Vật sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.

[376] Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần chẳng phải Sắc y sinh nương vào Uẩn chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng), 2 Sắc Đại Hiển nương vào 2 Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc y sinh nương vào Uẩn chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc y sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (2)

Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh nương vào Uẩn chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

Vì Phi Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Vì Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ v.v. Vì Phi Cận Y Duyên có 5 thời kỳ. Vì Phi Tiền Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Vì Phi Hậu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Vì Phi Trùng Dụng Duyên có 5 thời kỳ.

PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

[377] Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi vì Phi Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tương ưng nương vào Uẩn chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi, ở phần ngoại bộ, có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ, có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. 2 Sắc Đại Hiển nương vào 2 Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi vì Phi Nghiệp Lực Duyên đó là Sắc y sinh nương vào Sắc Đại Hiển ngoại bộ, có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ, có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ (2)

Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi vì Phi Nghiệp Lực Duyên đó là 3 Sắc Đại Hiển và Sắc y sinh nương vào 1 Sắc Đại Hiển ngoại bộ, có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ, có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ sinh khởi v.v. nương vào 2 Sắc Đại Hiển v.v. (3)

PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA)

[378] Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi vì Phi Dị Thục Quả Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần chẳng phải Sắc y sinh nương vào 1 Uẩn chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng. theo Phần này có 3 thời kỳ trong Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh làm Căn Nguyên).

PHI VẬT THỰC DUYÊN (NAĀHĀRAPACCAYA)

[379] Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi vì Phi Vật Thực Duyên đó là...nương vào 1 Sắc Đại Hiển ngoại bộ của Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. 2 Sắc Đại Hiển nương vào 2 Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi vì Phi Vật Thực Duyên đó là Sắc y sinh nương vào Sắc Đại Hiển ngoại bộ của Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi vì Phi Vật Thực Duyên đó là 3 Sắc Đại Hiển và Sắc y sinh nương vào 1 Sắc Đại Hiển ngoại bộ của Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. nương vào 2 Sắc Đại Hiển v.v. (3)

PHI QUYỀN LỰC DUYÊN (NAINDRIYAPACCAYA)

[380] Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi vì Phi Quyền Lực Duyên đó là...nương vào 1 Sắc Đại Hiển ngoại bộ, có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ, có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. (1)

Pháp Thực Tính Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi vì Phi Quyền Lực Duyên đó là Sắc Mạng Quyền nương vào Sắc Đại Hiển ngoại bộ của Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ, có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ.

Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi vì Phi Quyền Lực Duyên đó là...nương vào 1 Sắc Đại Hiển ngoại bộ, có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ, có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. (3)

PHI THIỀN NA DUYÊN (NAJHĀNAPACCAYA) v.v.

[381] Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi vì Phi Thiền Na Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn đồng hành Ngũ Thức **(Pañcaviññāṇa)** sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. của Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng ở phần ngoại bộ, có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ, có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. 2 Sắc Đại Hiển nương vào 2 Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi vì Phi Thiền Na Duyên đó là Sắc Tái Sinh ở phần Sắc y sinh nương vào Sắc Đại Hiển ngoại bộ của Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ, có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi vì Phi Thiền Na Duyên đó là 3 Sắc Đại Hiển nương vào 1 Sắc Đại Hiển ngoại bộ của Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ, có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ sinh khởi v.v. nương vào 2 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tái Sinh ở phần Sắc y sinh và Sắc y sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính Sắc y sinh sinh khởi vì Phi Đồ Đạo Duyên có 5 thời kỳ. Vì Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ.

PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NAVIPPAYUTTAPACCAYA) v.v.

[382] Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi vì Phi Bất Tương Ưng Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. nương vào 1 Sắc Đại Hiển ngoại bộ của Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ, có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. (1)

Pháp Thực Tính Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi vì Phi Bất Tương Ưng Duyên đó là Sắc Tái Sinh ở phần Sắc y sinh và Sắc y sinh nương vào Sắc Đại Hiển ngoại bộ của Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ, có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh sinh khởi vì Phi Bất Tương Ưng Duyên đó là 3 Sắc Đại Hiển và Sắc y sinh nương vào 1 Sắc Đại Hiển ngoại bộ, có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ, có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ sinh khởi v.v. 2 Sắc Đại Hiển và Sắc y sinh nương vào 2 Sắc Đại Hiển sinh khởi. Đối với Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, 3 Sắc Đại Hiển và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc y sinh nương vào 1 Sắc Đại Hiển sinh khởi v.v. 2 Sắc Đại Hiển và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc y sinh nương vào 2 Sắc Đại Hiển sinh khởi vì Phi Vô Hữu Duyên. Vì Phi Ly Khứ Duyên (3)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[338] Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 3 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 5 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[384] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 5 thời kỳ v.v. Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[385] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ v.v. Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ.

(Giai Đoạn Câu Sinh tương tự Giai Đoạn Liên Quan)

67. NHỊ ĐỀ Y SINH (UPĀDĀDUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[386] Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh tác hành Pháp Thực Tính Sắc y sinh cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn chẳng phải Sắc y sinh tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên có 3 thời kỳ. (Câu có Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh làm Căn Nguyên có 3 thời kỳ tương tự Giai Đoạn Liên Quan, không có điều sai biệt nhau) (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh tác hành Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn chẳng phải Sắc y sinh và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[387] Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh tác hành Pháp Thực Tính Sắc y sinh cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi, Uẩn chẳng phải Sắc y sinh tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên có 1 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh tác hành Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn đồng hành Nhãn Thức và tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v.

đồng hành Thân Thức v.v. 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn chẳng phải Sắc y sinh và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (giản lược) (1)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[388] Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 5 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 5 thời kỳ. Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 3 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 5 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 5 thời kỳ (nên đếm như thế này).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[389] Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh tác hành Pháp Thục Tính Sắc y sinh cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi, Uẩn Vô Nhân chẳng phải Sắc y sinh tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần chẳng phải Sắc y sinh tác hành 1 Uẩn Vô Nhân chẳng phải Sắc y sinh cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. tác hành 1 Sắc Đại Hiển v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng). Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi (có 3 thời kỳ tương tự Giai Đoạn Liên Quan, không có điều sai biệt nhau) (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh tác hành Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn đồng hành Nhãn Thức và tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. đồng hành Thân Thức v.v. 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn Vô Nhân chẳng phải Sắc y sinh và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1) Vì Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Vì Phi Trùng Dụng Duyên có 5 thời kỳ.

PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA) v.v.

[390] Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh tác hành Pháp Thực Tính Sắc y sinh cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở chẳng phải Sắc y sinh tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tương ưng tác hành Uẩn chẳng phải Sắc y sinh cho thành duyên sinh khởi...ở phần ngoại bộ, có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ, có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. 2 Sắc Đại Hiển tác hành 2 Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Sắc y sinh tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nghiệp Lực Duyên đó là Sắc y sinh tác hành Sắc Đại Hiển ngoại bộ, có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ, có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nghiệp Lực Duyên đó là 3 Sắc Đại Hiển và Sắc y sinh tác hành 1 Sắc Đại Hiển...ở phần ngoại bộ, có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ, có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Sắc Đại Hiển v.v. (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh tác hành Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở chẳng phải Sắc y sinh tác hành Uẩn chẳng phải Sắc y sinh và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1) Vì Phi Dị Thục Quả Duyên có 5 thời kỳ. Vì Phi Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ. Vì Phi Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ.

PHI THIỀN NA DUYÊN (NAJHĀNAPACCAYA) v.v.

[391] Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh tác hành Pháp Thực Tính Sắc y sinh cho thành duyên sinh khởi vì Phi Thiền Na Duyên đó là Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh cho thành duyên sinh khởi vì Phi Thiền Na Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn đồng hành Ngũ Thức **(Pañcaviññāṇa)** cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. của Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng ở phần ngoại bộ, có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ, có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. 2 Sắc Đại Hiển tác hành 2 Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Sắc y sinh tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh cho thành duyên sinh khởi vì Phi Thiền Na Duyên đó là Sắc Tái Sinh ở phần Sắc y sinh tác hành Sắc

Đại Hiển ngoại bộ của Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ, có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh cho thành duyên sinh khởi vì Phi Thiền Na Duyên đó là 3 Sắc Đại Hiển và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc y sinh tác hành 1 Sắc Đại Hiển ngoại bộ của Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ, có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Sắc Đại Hiển v.v. (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh tác hành Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh cho thành duyên sinh khởi vì Phi Thiền Na Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn đồng hành Nhãn Thức và tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (1). Vì Phi Đồ Đạo Duyên có 5 thời kỳ. Vì Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Vì Phi Bất Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Vì Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Vì Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[392] Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 5 thời kỳ v.v. Phi Nghiệp Lực Duyên có 5 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 5 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 5 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ. (Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Y Chỉ nên thức hiện như thế này).

67. NHỊ ĐỀ Y SINH (UPĀDĀDUKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

[393] Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn chẳng phải Sắc y sinh v.v. 2 Uẩn sinh hỗn tạp với 2 Uẩn. Trong sát na tái sinh v.v. (giản lược).

Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Cảnh Duyên có 1 thời kỳ. Trưởng Duyên có 1 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 1 thời kỳ). Bất Ly Duyên có 1 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn Vô Nhân chẳng phải Sắc y sinh v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. Si đồng hành hoài

nghi và đồng hành trạo cử sinh hỗn tạp với Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử (giản lược).

Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 1 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 1 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 1 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 1 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

(Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Tương Ưng nên thực hiện như thế này)

67. NHỊ ĐỀ Y SINH (UPĀDĀDUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[394] Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Nhân Duyên Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc y sinh theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc y sinh theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[395] Pháp Thực Tính Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Cảnh Duyên đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Thân v.v. Sắc v.v. Vị và Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Vị Xứ làm duyên đối với Thiệt Thức theo phương thức Cảnh Duyên. Uẩn Sắc y sinh làm duyên đối với Thần Túc Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy khai đầu, tham ái mới sinh khởi v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo, Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não đã được đoạn tận rồi, tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi v.v. tri đắc phiền não đã từng sinh khởi v.v. Người kiến giải minh lượng Xúc và Uẩn chẳng phải Sắc y sinh thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm chẳng phải Sắc y sinh, Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Cảnh Duyên. Uẩn chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[396] Pháp Thực Tính Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Thân v.v. Sắc v.v. Vị và Ý Vật cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi. Người tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. tư khảo lại Quả v.v. tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo và Quả theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Xúc, Uẩn chẳng phải Sắc y sinh cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Xúc ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc y sinh theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc y sinh theo phương thức Trưởng Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Trưởng Duyên (3)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.

[397] Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn chẳng phải Sắc y sinh sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Sắc y sinh sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên (1)...Làm duyên theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên...Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan) ...Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan)...Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên (tương tự Y Chỉ Duyên trong Giai Đoạn Duyên Sinh).

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[398] Pháp Thực Tính Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Cảnh Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào sự thành tựu về Nhãn **(Cakkhusampatti)** v.v. sự thành tựu về Thân **(Kāyasampatti),** sự thành tựu hảo sắc **(Vaṇṇasampatti),** sự thành tựu hảo thinh **(Saddasampatti),** sự thành tựu hảo khí **(Gandhasampatti),** sự thành tựu hảo vị **(Rasasampatti)** và Ẩm Thực rồi xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Sự thành tựu về Nhãn **(Cakkhusampatti)** v.v. sự thành tựu về Thân **(Kāyasampatti),** sự thành tựu hảo sắc **(Vaṇṇasampatti),** sự thành tựu hảo thinh **(Saddasampatti),** sự thành tựu hảo khí **(Gandhasampatti),** sự thành tựu hảo vị **(Rasasampatti)** và Ẩm Thực làm duyên đối với Tín v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Tuệ...tham ái v.v. sự dục vọng...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ...Quý Tiết...Trú Xứ rồi xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[399] Pháp Thực Tính Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Vị Xứ làm duyên đối với Thiệt Thức v.v.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Tiền Sinh Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Tiền Sinh** đó là người kiến giải minh lượng Xúc thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi, Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh** đó là Xúc Xứ và Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên. Xúc Xứ và Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA) VÀ TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[400] Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Hậu Sinh Duyên chỉ có một thể loại là **Hậu Sinh** đó là Uẩn chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với sắc thân này chẳng phải Sắc y sinh sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên).

Hậu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với sắc thân này sinh trước ở phần Sắc y sinh theo phương thức Hậu Sinh Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên).

Hậu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với sắc thân này sinh trước ở phần Sắc Y Sinh và chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Hậu Sinh Duyên (3)

Làm duyên theo phương thức Trùng Dụng Duyên có 1 thời kỳ.

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[401] Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Sinh chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc y sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc y sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Sắc Tái Sinh ở phần Sắc y sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

[402] Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Dị Thục Quả Duyên đó là 1 Uẩn Dị Thục Quả chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với 3 Uẩn v.v. 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. có 3 thời kỳ.

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA)

[403] Pháp Thực Tính Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc y sinh theo phương thức Vật Thực Duyên đó là Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này ở phần Sắc y sinh theo phương thức Vật Thực Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này ở phần chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Vật Thực Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này ở phần Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Vật Thực Duyên (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh làm duyên làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên đó là Vật Thực chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (Câu có Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh làm Căn Nguyên có 3 thời kỳ. Trong sát na tái sinh nên bổ túc thành 3 thời kỳ) (3)

QUYỀN LỰC DUYÊN (INDRIYAPACCAYA)

[404] Pháp Thực Tính Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc y sinh theo phương thức Quyền Lực Duyên đó là Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh ở phần Sắc y sinh theo phương thức Quyền Lực Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Nhãn Quyền làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Quyền làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh ở phần chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Quyền Lực Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh ở phần Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc y sinh theo phương thức Quyền Lực Duyên đó là Nhãn Quyền và Nhãn Thức làm duyên đối với Uẩn đồng hành Nhãn Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên v.v. Thân Quyền v.v.

THIỀN NA DUYÊN (JHĀNAPACCAYA) v.v.

[405] Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 3 thời kỳ. Trong sát na tái sinh v.v. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 1 thời kỳ.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[406] Pháp Thực Tính Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là trong sát na tái sinh, Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na tái sinh, Uẩn chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Sắc Tái Sinh ở phần chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với sắc thân này sinh trước ở phần chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc y sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc y sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Hậu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với sắc thân này sinh trước ở phần Sắc y sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Hậu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với sắc thân này sinh trước ở phần Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (3)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[407] Pháp Thực Tính Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc y sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là **Vật Thực** và **Quyền Lực** đó là Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này ở phần Sắc y sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh ở phần Sắc y sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (1)

Pháp Thực Tính Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 4 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là trong sát na tái sinh, Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. (giản lược, Duyên này tương tự Tiền Sinh Duyên, không có điều sai biệt nhau). Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh ở phần chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là **Vật Thực** và **Quyền Lực** đó là Đoàn Thực làm duyên đối với Sắc Tái Sinh ở phần Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh ở phần Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (3)

[408] Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh

Câu Sinh đó là 1 Uẩn chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. 1 Sắc Đại Hiển làm duyên đối với 3 Sắc Đại Hiển theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Sắc Đại Hiển làm duyên đối với 2 Sắc Đại Hiển theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. (nên bổ túc nội dung cho đ16n Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng).

Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Xúc thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi, Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với sắc thân này sinh trước ở phần chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc y sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc y sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Hậu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với sắc thân này sinh trước ở phần Sắc y sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên. 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v.

Hậu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với sắc thân này sinh trước ở phần Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (3)

[409] Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc y sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 3 thể loại là Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Hậu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Sắc y sinh và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này ở phần Sắc y sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Sắc y sinh và Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh ở phần Sắc y sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (1)

Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn đồng hành Nhãn Thức và Nhãn Xứ làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. 1 Uẩn chẳng phải Sắc y sinh và Ý Vật làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 1 Uẩn chẳng phải Sắc y sinh và Ý Vật làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v.

Tiền Sinh đó là Xúc Xứ và Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Xúc Xứ và Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Sắc y sinh và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này ở phần chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Sắc y sinh và Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái sinh ở phần chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 3 thể loại là Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Hậu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Sắc y sinh và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này ở phần Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Sắc y sinh và Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh ở phần Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[410] Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Cảnh Duyên có 2 thời kỳ. Trưởng Duyên có 4 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 1 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 1 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 5 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 5 thời kỳ. Cận Y Duyên có 2 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 1 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 3 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 6 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 7 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 3 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 1 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 4 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 1 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 1 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[411] Pháp Thực Tính Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc y sinh theo phương thức Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (3)

[412] Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc y sinh theo phương thức Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên (3)

Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc y sinh theo phương thức Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc y sinh theo phương thức Câu Sinh Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc y sinh và chẳng phải Sắc y sinh theo phương thức Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (3)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[413] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Phi Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Hiện Hữu Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Phi Bất Ly Duyên có 4 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[414] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián

Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 3 thời kỳ). Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[415] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ v.v. (nên giảng giải Câu Mẫu Đề Thuận Tùng Duyên cho quảng nghĩa) v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Nhị Đề Y Sinh

68. NHỊ ĐỀ Y LUYẾN THỦ (UPĀDINNADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[416] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến nương vào Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 3 Uẩn và Sắc Tái Sinh nương vào 1 Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn sinh khởi Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tái Sinh ở phần Sắc y sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nương vào Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nương vào Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nương vào Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái

Dục và bất chấp thủ Tà Kiến sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nương vào Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[417] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến nương vào Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nương vào Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[418] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nương vào Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến sinh khởi vì Trưởng Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc y sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (giản lược).

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[419] Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Cảnh Duyên có 2 thời kỳ. Trưởng Duyên có 1 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 2 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 2 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 2 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 5 thời kỳ. Cận Y Duyên có 2 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 1 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 5 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 5 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 5 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 5 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 5 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 5 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 5 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 2 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 2 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 5 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[420] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến nương vào Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn Vô Nhân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, 3 Uẩn và Sắc Tái sinh nương vào 1 Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tái Sinh ở phần Sắc y sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Đối với Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tái Sinh ở phần Sắc y sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nương vào Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Vô Nhân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nương vào Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

[421] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nương vào Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc y sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển ở phần ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. Sắc y sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi, Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nương vào Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Vô Nhân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

[422] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến nương vào Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh nương vào Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh khởi, Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tái Sinh ở phần Sắc y sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Đối với Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tái Sinh ở phần Sắc y sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nương vào Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nương vào Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. nương vào 1 Sắc Đại Hiển ở phần ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. Sắc Y Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nương vào Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA) v.v.

[423] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến nương vào Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên. Vì Phi Vô Gián Duyên. Vì Phi Đẳng Vô Gián Duyên. Vì Phi Hỗ Tương Duyên. Vì Phi Cận Y Duyên.

PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA) v.v.

[424] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến nương vào Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 3 Uẩn và Sắc Tái Sinh nương vào 1 Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh khởi v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nương vào Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nương vào Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến sinh khởi ...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nương vào Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Vì Phi Hậu Sinh Duyên. Vì Phi Trùng Dụng Duyên (1)

PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

[425] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nương vào Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến sinh khởi vì Phi Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nương vào Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến sinh khởi... ở phần ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. Sắc Y Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA)

[426] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến nương vào Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh khởi vì Phi Dị Thục Quả Duyên đó là đối với Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tái Sinh ở phần Sắc y sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nương vào Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến sinh khởi vì Phi Dị Thục Quả Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến lời nói rằng "có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ).

PHI VẬT THỰC DUYÊN (NAĀHĀRAPACCAYA)

[427] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến nương vào Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh khởi vì Phi Vật Thực Duyên đó là đối với Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nương vào Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến sinh khởi vì Phi Vật Thực Duyên đó là...ở phần ngoại bộ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. (1)

PHI QUYỀN LỰC DUYÊN (NAINDRIYAPACCAYA)

[428] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến nương vào Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh khởi vì Phi Quyền Lực Duyên đó là đối với Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Mạng Quyền nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nương vào Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến sinh khởi vì Phi Quyền Lực Duyên đó là...ở phần ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. (1)

PHI THIỀN NA DUYÊN (NAJHĀNAPACCAYA) v.v.

[429] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến nương vào Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh khởi vì Phi Thiền Na Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn đồng hành Ngũ Thức **(Pañcaviññāṇa)** sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Đối với Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nương vào Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến sinh khởi vì Phi Thiền Na Duyên đó là...ở phần ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v.

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến nương vào Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh khởi vì Phi Đồ Đạo Duyên (Duyên này tương tự Phi Nhân Duyên, không có Si). Vì Phi Tương Ưng Duyên.

PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NAVIPPAYUTTAPACCAYA) v.v.

[430] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến nương vào Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh khởi vì Phi Bất Tương Ưng Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Đối với Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v.

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nương vào Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến sinh khởi vì Phi Bất Tương Ưng Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. ở phần ngoại bộ ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v.

Vì Phi Vô Hữu Duyên. Vì Phi Ly Khứ Duyên.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[431] Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 4 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 4 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 4 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 2 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 2 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 2 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 5 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 4 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 4 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 4 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[432] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 5 thời kỳ v.v. Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ v.v. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[433] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có 5 thời ky v.v. Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời

kỳ. Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ. (Giai Đoạn Câu Sinh tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

68. NHỊ ĐỀ Y LUYẾN THỦ (UPĀDINNADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[434] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tái Sinh tác hành 1 Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 3 Uẩn và Sắc Tái Sinh tác hành 1 Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Ý Vật tác hành Uẩn cho thành duyên sinh khởi, Uẩn tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi...tác hành 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tái Sinh ở phần Sắc y sinh tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến cho thành duyên sinh khởi, Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. tác hành 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc y sinh tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và

bất chấp thủ Tà Kiến và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[435] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Uẩn tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi, Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (1)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[436] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến cho thành duyên sinh khởi vì Trưởng Duyên đó là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến cho thành duyên sinh khởi vì Trưởng Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. tác hành 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc y sinh tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến cho thành duyên sinh khởi vì Trưởng Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (1) (giản lược).

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[437] Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Cảnh Duyên có 4 thời kỳ. Trưởng Duyên có 3 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 4 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 5 thời kỳ. Cận Y Duyên có 4 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 4 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 3 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 5 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 5 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 5 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[438] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn Vô Nhân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. Ý Vật tác hành Uẩn cho thành duyên sinh khởi, Uẩn tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi...tác hành 1 sắc Đại Hiển v.v, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc y sinh tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi. Đối với Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...tác hành 1 Sắc Đại Hiển v.v. Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi, Uẩn Vô Nhân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Vô Nhân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến cho thành duyên sinh khởi, Uẩn Vô Nhân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và

Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn Vô Nhân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (3)

[439] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn Vô Nhân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. tác hành 1 Sắc Đại Hiển v.v. ở phần ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Vô Nhân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn Vô Nhân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1) (giản lược)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[440] Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 4 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 4 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 4 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 2 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 2 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 2 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 5 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 4 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 4 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 4 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[441] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 5 thời kỳ v.v. Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với

Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[442] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ v.v. Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ.

(Giai Đoạn Y Chỉ tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh).

68. NHỊ ĐỀ Y LUYẾN THỦ (UPĀDINNADUKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

[443] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. (1)

Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Cảnh Duyên có 2 thời kỳ. Trưởng Duyên có 1 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 2 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 2 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 2 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 2 thời kỳ. Cận Y Duyên có 2 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 2 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 2 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 2 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

[444] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn Vô Nhân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn Vô Nhân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh hỗn tạp với Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử (1)

Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 2 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

(Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Tương Ưng nên thực hiện như thế này)

68. NHỊ ĐỀ Y LUYẾN THỦ (UPĀDINNADUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[445] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh, Nhân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nhân Duyên (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[446] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Cảnh Duyên đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Thân và Sắc Nghiệp Lực phối hợp

Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến…Khí…Vị…Xúc…Ý Vật và Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Khi Tâm Đồng Lực Thiện và Bất Thiện đã diệt mất rồi, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** Dị Thục Quả mới sinh khởi theo phần Na Cảnh. Sắc Xứ Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Khí Xứ Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Tỵ Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Cảnh Duyên (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Cảnh Duyên đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Thân và Sắc Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến…Khí…Vị…Xúc…Ý Vật và Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến với Thiên Nhãn, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến, Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (2)

[447] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy khai đầu, tham ái v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo, Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não đã được đoạn tận rồi v.v. tư khảo lại đã được ức chế rồi v.v. tri đắc phiền não đã từng sinh khởi v.v. Người kiến giải minh lượng Sắc Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến v.v. Thinh v.v. Xúc và Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người với Thiên Nhãn khán kiến Sắc Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến, Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Cảnh Duyên đó là người kiến giải minh lượng Sắc Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến v.v. Thinh v.v. Xúc và Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà

Kiến thể thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Khi Tâm Đồng Lực Thiện và Bất Thiện đã diệt mất rồi, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** Dị Thục Quả mới sinh khởi theo phần Na Cảnh. Thiện Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Dị Thục Quả Thức Vô Biên Xứ v.v. Thiện Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Dị Thục Quả Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Sắc Xứ Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thinh Xứ v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Cảnh Duyên (2)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[448] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Thân và Sắc Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến ...Khí...Vị...Xúc...Ý Vật và Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi. Người tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Quả v.v. tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo và Quả theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Sắc Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến v.v. Thinh v.v. Xúc và Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (1)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[449] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến sinh sau sau

theo phương thức Vô Gián Duyên. Ngũ Thức **(Pañcaviññāṇa)** làm duyên đối với Ý Giới **(Manodhātu)** Dị Thục Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. Ý Giới Dị Thục Quả làm duyên đối với Ý Thức Giới **(Manoviññāṇadhātu)** Dị Thục Quả theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Tâm Hữu Phần làm duyên đối với Tâm Khai Môn, Ý Thức Giới Dị Thục Quả làm duyên đối với Ý Thức Giới Duy Tác theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

[450] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Tâm Khai Môn làm duyên đối với Ngũ Thức **(Pañcaviññāṇa)** v.v. Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên.

Làm duyên theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên.

Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan). Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên có 2 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan). Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có 5 thời kỳ (tương tự Y Chỉ Duyên trong Giai Đoạn Duyên Sinh).

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[451] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Thân Thọ Lạc làm duyên đối với Thân Thọ Lạc và Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên. Thân Thọ Khổ v.v. Quý Tiết Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến v.v. Ẩm Thực làm duyên đối với Thân Thọ Lạc và Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên. Thân Thọ Lạc v.v. Thân Thọ Khổ v.v. Quý Tiết v.v. Ẩm Thực làm duyên đối với Thân Thọ Lạc và Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Thân Thọ Lạc rồi xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Nương vào Thân Thọ Khổ v.v. Quý Tiết Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến v.v. Ẩm Thực rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi, sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Thân Thọ Lạc v.v. Thân Thọ Khổ v.v. Quý Tiết v.v. Ẩm Thực làm duyên đối với Tín v.v. sự dục vọng, Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (2)

[452] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi xả thí, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. sự dục vọng v.v. Quý Tiết v.v. Ẩm Thực v.v. Trú Xứ rồi xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. sự dục vọng v.v. Quý Tiết v.v. Ẩm Thực v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín v.v. sự dục vọng, Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi làm cho bản thân phải khốn khổ, làm cho bản thân tiêu táo bất an, thường cảm thọ khổ có sự tầm cầu làm khởi nhân. Nương vào Giới v.v. sự dục vọng v.v. Quý Tiết v.v. Ẩm Thực v.v. Trú Xứ rồi làm cho bản thân phải khốn khổ, làm cho bản thân tiêu táo bất an, thường cảm thọ khổ có sự tầm cầu làm khởi nhân v.v. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Thân Thọ Lạc và Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên. Thiện và Bất Thiện Nghiệp Lực làm duyên đối với Dị Thục Quả theo phương thức Cận Y Duyên (2)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[453] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Thân và Sắc Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến...Xúc và Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Khi Tâm Đồng Lực Thiện và Bất Thiện đã diệt mất rồi, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** Dị Thục Quả mới sinh khởi theo phần Na Cảnh, Sắc Xứ Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Khí Xứ v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Thân và Sắc Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến...Khí...Vị...Xúc và Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến với Thiên Nhãn.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Tiền Sinh Duyên (2)

[454] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Tiền Sinh Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Tiền Sinh** đó là người kiến giải minh lượng Sắc Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến v.v. Thinh v.v. Khí v.v. Xúc thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Tiền Sinh Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Tiền Sinh** đó là người kiến giải minh lượng Sắc Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến v.v. Khí v.v. Xúc thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Khi Tâm Đồng Lực Thiện và Bất Thiện đã diệt mất rồi, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** Dị Thục Quả mới sinh khởi theo phần Na Cảnh, Sắc Xứ Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thinh Xứ v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Tiền Sinh Duyên **(*)** (2)

[(*): không hiện bày trong Phiên Bản Kiết Tập lần thứ sáu **(Chaṭṭhasaṅgīti)** 2533].

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh** đó là Sắc Xứ **(Rūpāyatana)** Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và Nhãn Xứ **(Cakkhāyatana)** làm duyên đối với Nhãn Thức **(Cakkhuviññāṇa)** v.v. Thinh Xứ **(Saddāyatana)** và Nhĩ Xứ **(Sotāyatana)** v.v. Xúc Xứ và Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên. Sắc Xứ Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và Ý Vật v.v. Xúc Xứ và Ý Vật làm duyên đối với Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh** đó là Sắc Xứ Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và Ý Vật v.v. Xúc Xứ và Ý Vật làm duyên đối với Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Tiền Sinh Duyên (2)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA) VÀ TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[455] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Hậu Sinh Duyên chỉ có một thể loại là **Hậu Sinh** đó là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến này sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Hậu Sinh Duyên chỉ có một thể loại là **Hậu Sinh** đó là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến này sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Hậu Sinh Duyên (giản lược) (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Hậu Sinh Duyên (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Hậu Sinh Duyên (giản lược) (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Hậu Sinh Duyên (giản lược) (3)

[456] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Trùng Dụng Duyên có 1 thời kỳ (giản lược).

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[457] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến theo phương thức

Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh, Tư Tâm Sở Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Nghiệp Lực Duyên chỉ có một thể loại là **Dị Thời** đó là Tư Tâm Sở Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (2)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

[458] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Dị Thục Quả Duyên đó là 1 Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến (giản lược, Câu có Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm Căn Nguyên có 3 thời kỳ).

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Dị Thục Quả Duyên đó là 1 Uẩn Dị Thục Quả Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. (1)

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA)

[459] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Vật Thực Duyên đó là Vật Thực Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến này theo phương thức Vật Thực Duyên (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Vật Thực Duyên đó là Vật Thực Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ v.v. Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến này theo phương thức Vật Thực Duyên (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Vật Thực Duyên đó là Vật Thực Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ v.v. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến này theo phương thức Vật Thực Duyên (3)

[460] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Vật Thực Duyên đó là Vật Thực Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến này theo phương thức Vật Thực Duyên (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Vật Thực Duyên đó là Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến này theo phương thức Vật Thực Duyên (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Vật Thực Duyên đó là Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến này theo phương thức Vật Thực Duyên (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực

phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Vật Thực Duyên đó là Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến này theo phương thức Vật Thực Duyên (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Vật Thực Duyên đó là Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến này theo phương thức Vật Thực Duyên (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Vật Thực Duyên đó là Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến này theo phương thức Vật Thực Duyên (3)

QUYỀN LỰC DUYÊN (INDRIYAPACCAYA) v.v.

[461] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Quyền Lực Duyên đó là Quyền Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Quyền Lực Duyên (1) Trong sát na tái sinh, Quyền Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh theo phương thức Quyền Lực Duyên. Nhãn Quyền làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Quyền v.v. Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Quyền Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến v.v. (Câu có Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm Căn Nguyên có 3 thời kỳ, đặc biệt chỉ có Câu đầu có Sắc Mạng Quyền thôi, ngoài ra đây thì không có) (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Quyền Lực Duyên đó là Quyền Lực Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến theo phương thức

Thiền Na Duyên có 4 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 4 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[462] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là trong sát na tái sinh, Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Uẩn làm duyên đối với Ý Vật theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến này theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên chỉ có một thể loại là **Hậu Sinh** đó là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (3)

[463] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên chỉ có một thể loại là **Hậu Sinh** đó là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên chỉ có một thể loại là **Hậu Sinh** đó là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (3)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA) v.v.

[464] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực (giản lược, nên phân chia Câu theo chỗ đặt để cho hoàn toàn) (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 4 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh và Vật Thực (giản lược, nên giảng giải Câu theo chỗ đặt để cho quảng nghĩa) (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Hậu Sinh và Vật Thực (giản lược, nên giảng giải Câu theo chỗ đặt để cho quảng nghĩa) (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 4 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh và Vật Thực (giản lược, nên phân chia Câu theo chỗ đặt để) (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 3 thể loại là Tiền Sinh, Hậu Sinh và Vật Thực.

Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Sắc Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến v.v. Thinh v.v. Khí v.v. Vị v.v. Xúc thể theo thực tướng là Vô Thường v.v.

ưu thọ mới sinh khởi. Khi Tâm Đồng Lực Thiện và Bất Thiện đã diệt mất rồi, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** Dị Thục Quả mới sinh khởi theo phần Na Cảnh, Sắc Xứ Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v.

Hậu Sinh đó là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến này sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến này theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Hậu Sinh và Vật Thực.

Hậu Sinh đó là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến này sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến này sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên (3)

[465] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 4 thể loại là Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Tiền Sinh đó là Sắc Xứ Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Xứ Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và Ý Vật v.v. Xúc Xứ và Ý Vật làm duyên đối với Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 4 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh và Vật Thực.

Câu Sinh đó là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và Ý Vật làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v.

Tiền Sinh đó là Sắc Xứ Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và Ý Vật làm duyên đối với Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. Xúc Xứ và Ý Vật làm duyên đối với Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến này theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Hiện Hữu Duyên chỉ có một thể loại là **Vật Thực** đó là Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Hiện Hữu Duyên (3)...Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên...Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên...Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[466] Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Cảnh Duyên có 4 thời kỳ. Trưởng Duyên có 2 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 2 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 5 thời kỳ. Cận Y Duyên có 4 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 1 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 5 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 4 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 9 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 4 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 4 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 4 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 4 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 4 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[467] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên và Vật Thực Duyên (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên và Vật Thực Duyên (3)

[468] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên **(*),** Hậu Sinh Duyên và Vật Thực Duyên (1)

[(*): không hiện bày trong Phiên Bản Kiết Tập lần thứ sáu **(Chaṭṭhasaṅgīti)** 2533].

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên và Vật Thực Duyên (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục vá bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Hậu Sinh Duyên và Vật Thực Duyên (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Câu Sinh Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên và Vật Thực Duyên (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến theo phương thức Vật Thực Duyên (3)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[469] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Phi Vật Thực Duyên có 8 thời kỳ v.v. Phi Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Phi

Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hiện Hữu Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Phi Bất Ly Duyên có 4 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[470] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ v.v. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[471] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ (nên bổ túc Câu Mẫu Đề Thuận Tùng Duyên) v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Nhị Đề Y Luyến Thủ
Kết Thúc Nhị Đề Cực Kỳ Nghiêm Trọng

XI. QUẦN ĐOÀN CHẤP THỦ (UPĀDĀNAGOCCHAKA)
69. NHỊ ĐỀ CHẤP THỦ (UPĀDĀNADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[1] Pháp Thực Tính chấp thủ **(Upādānadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính chấp thủ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Dục Chấp Thủ **(Kāmupādāna)** nương vào Kiến Chấp Thủ **(Diṭṭhupādāna)** sinh khởi, Kiến Chấp Thủ nương vào Dục Chấp Thủ sinh khởi, Dục Chấp Thủ nương vào Giới Cấm Thủ **(Sīlabbatupādāna)** sinh khởi, Giới Cấm Thủ nương vào Dục Chấp Thủ sinh khởi, Dục Chấp Thủ nương vào Ngã Luận Chấp Thủ **(Attavādu pādāna)** sinh khởi, Ngã Luận Chấp Thủ nương vào Dục Chấp Thủ sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính chấp thủ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào chấp thủ sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính chấp thủ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Dục chấp thủ, Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ

nương vào Kiến chấp thủ sinh khởi…nương vào Dục chấp thủ v.v. (nên thực hiện thành luân chuyển **[cakkanaya]** hết tất cả) (3)

[2] Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải chấp thủ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 3 Uẩn và Sắc Tái Sinh nương vào 1 Uẩn chẳng phải chấp thủ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi…nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc y sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là chấp thủ nương vào Uẩn chẳng phải chấp thủ sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, chấp thủ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải chấp thủ sinh khởi v.v. 2 Uẩn, chấp thủ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 2 Uẩn sinh khởi (3)

[3] Pháp Thực Tính chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Dục chấp thủ nương vào Kiến chấp thủ và Uẩn tương ưng sinh khởi (nên thực hiện thành luân chuyển **[cakkanaya]** hết tất cả) (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải chấp thủ và nương vào chấp thủ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào chấp thủ và Sắc Đại Hiển sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, Dục chấp thủ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải chấp thủ và nương vào Kiến chấp thủ sinh khởi…nương vào 2 Uẩn v.v. (nên thực hiện thành luân chuyển **[cakkanaya]**) (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[4] Pháp Thực Tính chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính chấp thủ sinh khởi vì Cảnh Duyên (nên bổ túc thành 9 thời kỳ, nên loại trừ Sắc).

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[5] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[6] Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân chẳng phải chấp thủ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v.Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc y sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi...ở phần ngoại bộ v.v. có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ v.v. có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. Đối với Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (1)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.

[7] Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính chấp thủ sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào chấp thủ sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn chẳng phải chấp thủ sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh nương vào Uẩn chẳng phải chấp thủ sinh khởi, Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào chấp thủ và Uẩn tương ưng sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào chấp thủ và Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)...vì Phi Trưởng Duyên. Vì Phi Vô Gián Duyên v.v. Vì Phi Đẳng Vô Gián Duyên.

PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA)

[8] Pháp Thực Tính chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính chấp thủ sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, Dục chấp thủ nương vào Ngã luận chấp thủ sinh khởi, Ngã luận chấp thủ nương vào Dục chấp thủ sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính chấp thủ sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, Uẩn tương ưng nương vào chấp thủ sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào chấp thủ sinh khởi (giản lược, có 9 thời kỳ. Trong Vô Sắc Địa Giới có 2 chấp thủ).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[9] Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[10] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ v.v. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[11] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 1 thời kỳ). Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ.

(Giai Đoạn Câu Sinh tương tự Giai Đoạn Liên Quan, học giả khi sẽ phân chia Kiến chấp thủ nên bổ túc lời nói rằng Dục chấp thủ đồng sinh với nhau).

69. NHỊ ĐỀ CHẤP THỦ (UPĀDĀNADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[12] Pháp Thực Tính chấp thủ tác hành Pháp Thực Tính chấp thủ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Dục chấp thủ tác hành Kiến chấp thủ cho thành duyên sinh khởi có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan)

Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành

1 Uẩn chẳng phải chấp thủ cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật tác hành Uẩn cho thành duyên sinh khởi v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Sắc Đại Hiển nội bộ). Uẩn chẳng phải chấp thủ tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chấp thủ tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là chấp thủ tác hành Uẩn chẳng phải chấp thủ cho thành duyên sinh khởi, chấp thủ tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, chấp thủ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn chẳng phải chấp thủ cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. chấp thủ tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, chấp thủ và Uẩn tương ưng tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (3)

[13] Pháp Thực Tính chấp thủ tác hành Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Dục chấp thủ tác hành Kiến chấp thủ và Uẩn tương ưng cho thành duyên sinh khởi, Kiến chấp thủ tác hành Dục chấp thủ và Uẩn tương ưng cho thành duyên sinh khởi (nên thực hiện thành luân chuyển **[cakkanaya]**). Dục chấp thủ tác hành Kiến chấp thủ và Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (nên thực hiện thành luân chuyển **[cakkanaya]**) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ tác hành Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn chẳng phải chấp thủ và tác hành chấp thủ cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (nên thực hiện thành luân chuyển **[cakkanaya]**). Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành chấp thủ và Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, Uẩn chẳng phải chấp thủ tác hành chấp thủ và Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ tác hành Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, Dục chấp thủ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn chẳng phải chấp thủ và tác hành Kiến chấp thủ cho thành duyên sinh khởi v.v. (nên thực hiện thành luân chuyển **[cakkanaya]**). Dục chấp thủ và Uẩn tương ưng tác hành Kiến chấp thủ và Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. (nên thực hiện thành luân chuyển **[cakkanaya]**) (3)

...vì Cảnh Duyên (trong Cảnh Duyên, Câu có Pháp Thực Tính không có Chấp Thủ làm Căn Nguyên nên bổ túc 5 Xứ **(Āyatana)** và Ý Vật).

Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

[14] Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là...tác hành 1 Uẩn Vô Nhân chẳng

phải chấp thủ v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng). Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi, Uẩn Vô Nhân chẳng phải chấp thủ tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi.

Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ v.v. Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan) v.v. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

69. NHỊ ĐỀ CHẤP THỦ (UPĀDĀNADUKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[15] Pháp Thực Tính chấp thủ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính chấp thủ vì Nhân Duyên đó là Dục chấp thủ sinh hỗn tạp với Kiến chấp thủ, Kiến chấp thủ sinh hỗn tạp với Dục chấp thủ (nên thực hiện thành luân chuyển **[cakkanaya],** theo Phần này nên bổ túc thành 9 thời kỳ).

Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ v.v. Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

[16] Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn Vô Nhân chẳng phải chấp thủ v.v. sinh hỗn tạp với 2 uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh hỗn tạp với Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử.

Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

(Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Tương Ưng nên thực hiện như thế này)

69. NHỊ ĐỀ CHẤP THỦ (UPĀDĀNADUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[17] Pháp Thực Tính chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân chấp thủ làm duyên đối với chấp thủ tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Nhân chấp thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Nhân chấp thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng chấp thủ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (3)

[18] Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với chấp thủ tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Nhân chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (3)

[19] Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân chấp thủ và chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với chấp thủ tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Nhân chấp thủ và chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Nhân chấp thủ và chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng chấp thủ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[20] Pháp Thực Tính chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì chấp thủ khai đầu, chấp thủ mới sinh khởi có 3 thời kỳ (nên bổ túc lời nói rằng "vì khai đầu")

Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm

khoáng thần di Thiện ấy khai đầu, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi, hoài nghi v.v. trạo cử v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo Níp bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo, Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não chẳng phải chấp thủ đã được đoạn tận rồi, tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi, tri đắc phiền não đã từng sinh khởi v.v. Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải chấp thủ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm chẳng phải chấp thủ, Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Uẩn chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy khai đầu, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi. Người tư khảo lại Thiện đã từng lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải chấp thủ, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định v.v. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải chấp thủ, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, chấp thủ và Uẩn tương ưng mới sinh khởi (3)

Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên có 3 thời kỳ (nên bổ túc lời nói rằng "vì khai đầu").

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[21] Pháp Thực Tính chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là vì thực hiện chấp thủ cho thành Cảnh một cách kiên định, chấp thủ mới sinh khởi có 3 thời kỳ (đặc biệt chỉ có Cảnh Trưởng Duyên).

[22] Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v.xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định cho thành Cảnh một cách kiên định, hỷ duyệt tâm khoáng thần di. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. làm duyên đối với Quả theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải chấp thủ cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi. Người tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải chấp thủ cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với chấp thủ tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. tư khảo lại Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải chấp thủ cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, chấp thủ và Uẩn tương ưng mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng, chấp thủ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (3)

Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ theo phương thức Trưởng Duyên có 3 thời kỳ, theo phương thức Cảnh Trưởng Duyên có 3 thời kỳ (nên bổ túc lời nói rằng "vì khai đầu", đặc biệt chỉ có Cảnh Trưởng Duyên).

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.

[23] Pháp Thực Tính chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ theo phương thức Vô Gián Duyên đó là chấp thủ sinh trước trước làm duyên đối với chấp thủ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Chấp thủ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn chẳng phải chấp thủ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Chấp thủ làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Chấp thủ sinh trước trước làm duyên đối với chấp thủ và Uẩn tương ưng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

[24] Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn chẳng phải chấp thủ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn chẳng phải chấp thủ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn chẳng phải chấp thủ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn chấp thủ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với chấp thủ theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn chẳng phải chấp thủ sinh trước trước làm duyên đối với chấp thủ và Uẩn tương ưng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với chấp thủ và Uẩn tương ưng theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

[25] Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ theo phương thức Vô Gián Duyên đó là chấp thủ và Uẩn tương ưng sinh trước trước làm duyên đối với chấp thủ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Chấp thủ và Uẩn tương ưng sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn chẳng phải chấp thủ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Chấp thủ và Uẩn tương ưng làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc làm Căn Nguyên). Chấp thủ và Uẩn tương ưng sinh trước trước làm duyên đối với chấp thủ và Uẩn tương ưng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)...Làm duyên theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan). Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan). Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên (tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh).

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[26] Pháp Thực Tính chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là chấp thủ làm duyên đối với chấp thủ theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thời kỳ.

[27] Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sự dục vọng... Thân Thọ Lạc v.v. Trú Xứ rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến, sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ theo phương thức Cận Y Duyên chỉ có một thể loại là **Thường Cận Y** đó là người nương vào Tín rồi có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Trú Xứ rồi thâu đạo tài vật, vọng ngữ v.v. ly gián ngữ v.v. hồ ngôn loạn ngữ, cắt chận nơi giao lộ để cướp đoạt không cho dư sót v.v. thực hiện việc cướp đoạt chỉ trong một nhà v.v. đứng rình trấn lột nơi đường vắng vẻ v.v. mạo phạm vợ của người v.v. thực hiện việc sát lược thôn dân v.v. thực hiện việc sát lược thị dân. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với chấp thủ theo phương thức Cận Y Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Người nương vào Tín rồi có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Trú Xứ rồi thâu đạo tài vật, vọng ngữ v.v. ly gián ngữ v.v. hồ ngôn loạn ngữ, cắt chận nơi giao lộ để cướp đoạt không cho dư sót v.v. thực hiện việc cướp đoạt chỉ trong một nhà v.v. đứng rình trấn lột nơi đường vắng vẻ v.v. mạo phạm vợ của người v.v. thực hiện việc sát lược thôn dân v.v. thực hiện việc sát lược thị dân. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với chấp thủ và Uẩn tương ưng theo phương thức Cận Y Duyên (3)

Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y có 3 thời kỳ.

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[28] Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải chấp thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với chấp thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, chấp thủ và Uẩn tương ưng mới sinh khởi

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với chấp thủ và Uẩn tương ưng theo phương thức Tiền Sinh Duyên (3)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA) VÀ TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[29] Pháp Thực Tính chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên (giản lược) (1)

...Làm duyên theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[30] Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với chấp thủ tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở chẳng phải chấp

thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng chấp thủ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA) v.v.

[31] Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên đó là 1 Uẩn Dị Thục Quả chẳng phải chấp thủ v.v. có 1 thời kỳ.

Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ theo phương thức Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ (đặc biệt duy nhứt chỉ có Đoàn Thực). Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ (Sắc Mạng Quyền chỉ có 1 thời kỳ thôi). Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ theo phương thức Đồ Đạo Duyên đó là Chi Đồ Đạo chấp thủ làm duyên đối với chấp thủ tương ưng theo phương thức Đồ Đạo Duyên (với nguyên nhân này nên bổ túc thành 9 thời kỳ). Làm duyên theo phương Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[32] Pháp Thực Tính chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là chấp thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh đó là chấp thủ sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ Tâm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên chỉ có một thể loại là **Tiền Sinh** đó là Ý Vật làm duyên đối với chấp thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên chỉ có một thể loại là **Tiền Sinh** đó là Ý Vật làm duyên đối với chấp thủ và Uẩn tương ưng theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (3)

[33] Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là chấp thủ và Uẩn tương ưng làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh đó là chấp thủ và Uẩn tương ưng làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[34] Pháp Thực Tính chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên đó là Kiến chấp thủ làm duyên đối với Dục chấp thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên (nên thực hiện thành luân chuyển **[cakkanaya]**) (1)

Pháp Thực Tính chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là chấp thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là chấp thủ làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên (giản lược, tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (3)

[35] Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực (giản lược, nên giảng giải cho quảng nghĩa) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh (tương tự Câu Sinh Duyên).

Tiền Sinh (tương tự Tiền Sinh Duyên) (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là **Câu Sinh** và **Tiền Sinh** (giản lược, nên phân chia Câu Sinh tương tự Câu Sinh Duyên, Tiền Sinh tương tự Tiền Sinh Duyên) (3)

[36] Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là Kiến chấp thủ và Uẩn tương ưng làm duyên đối với Dục chấp thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên (nên thực hiện thành luân chuyển **[cakkanaya]**).

Câu Sinh đó là Kiến chấp thủ và Ý Vật làm duyên đối với Dục chấp thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên (nên thực hiện thành luân chuyển **[cakkanaya]**) (1)

Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn chẳng phải chấp thủ và chấp thủ làm duyên đối với 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v.

Câu Sinh đó là chấp thủ và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Câu Sinh đó là chấp thủ và Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải chấp thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là chấp thủ và Uẩn tương ưng làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là chấp thủ, Uẩn tương ưng và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là chấp thủ, Uẩn tương ưng và Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn chẳng phải chấp thủ và Kiến chấp thủ làm duyên đối với 3 Uẩn, Dục chấp thủ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. (nên thực hiện thành luân chuyển **[cakkanaya]**).

Câu Sinh đó là Kiến chấp thủ và Ý Vật làm duyên đối với Dục chấp thủ và Uẩn tương ưng theo phương thức Hiện Hữu Duyên (nên thực hiện thành luân chuyển **[cakka naya]**) (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[37] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[38] Pháp Thực Tính chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (3)

[39] Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (3)

[40] Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ và chẳng phải chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (3)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[41] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Phi Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[42] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ v.v. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[43] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ (nên bổ túc Câu Mẫu Đề Thuận Tùng Duyên) v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Nhị Đề Chấp Thủ

70. NHỊ ĐỀ CẢNH CHẤP THỦ (UPĀDĀNIYADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

[44] Pháp Thực Tính cảnh chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính cảnh chấp thủ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn cảnh chấp thủ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (nên thực hiện tương tự Nhị Đề Hiệp Thế, không có điều sai biệt nhau).

Kết Thúc Nhị Đề Cảnh Chấp Thủ

71. NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG CHẤP THỦ (UPĀDĀNASAMPAYUTTADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

[45] Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn tương ưng chấp thủ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn tương ưng chấp thủ sinh khởi, Tham và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn tương ưng chấp thủ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. 3 Uẩn, Tham và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

[46] Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn bất tương ưng chấp thủ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tham bất tương ưng Kiến sinh khởi. Trong sát na tái sinh, 3 Uẩn và Sắc Tái Sinh nương vào 1 Uẩn bất tương ưng chấp thủ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng nương vào Tham bất tương ưng Kiến sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tham bất tương ưng Kiến sinh khởi (3)

[47] Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và nương vào Tham sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn tương ưng chấp thủ và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và nương vào Tham sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và nương vào Tham sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[48] Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn tương ưng chấp thủ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Tham nương vào Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn và Tham nương vào 1 Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

[49] Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là...nương vào 1 Uẩn bất tương ưng chấp thủ v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Uẩn tương ưng nương vào Tham bất tương ưng Kiến sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và nương vào Tham sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3) (giản lược)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[50] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 6 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 6 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 6 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời

kỳ. Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 6 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 6 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 6 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 6 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[51] Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân bất tương ưng chấp thủ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (1)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.

[52] Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn tương ưng chấp thủ sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn bất tương ưng chấp thủ sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tham bất tương ưng Kiến sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn tương ưng chấp thủ và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và nương vào Tham sinh khởi (1)

...vì Phi Trưởng Duyên. Vì Phi Vô Gián Duyên. Vì Phi Đẳng Vô Gián Duyên. Vì Phi Cận Y Duyên.

PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA) v.v.

[53] Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn tương ưng chấp thủ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, Tham nương vào Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn tương ưng chấp thủ sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, 3 Uẩn và Tham nương vào 1 Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

[54] Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn bất tương ưng chấp thủ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn bất tương ưng chấp thủ sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tham bất tương ưng Kiến sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, Uẩn tương ưng nương vào Tham bất tương ưng Kiến sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và nương vào Tham sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn bất tương ưng chấp thủ và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và nương vào Tham sinh khởi (2) ...vì Phi Hậu Sinh Duyên. Vì Phi Trùng Dụng Duyên.

PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

[55] Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ sinh khởi vì Phi Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tương ưng nương vào Uẩn tương ưng chấp thủ sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ sinh khởi vì Phi Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tương ưng nương vào Uẩn bất tương ưng chấp thủ sinh khởi v.v. ở phần ngoại bộ v.v. có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ v.v. có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. (1)

Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ sinh khởi vì Phi Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tương ưng nương vào Tham bất tương ưng Kiến sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ sinh khởi vì Phi Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tương ưng nương vào Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và nương vào Tham sinh khởi (1) (giản lược).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[56] Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 7 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

(Nên thực hiện việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Câu Sinh tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

71. NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG CHẤP THỦ (UPĀDĀNASAMPAYUTTADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[57] Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ tác hành Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là...tác hành 1 Uẩn bất tương ưng chấp thủ v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Sắc Đại Hiển nội bộ). Uẩn bất tương ưng chấp thủ tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Tham bất tương ưng Kiến tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng chấp thủ tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Uẩn tương ưng tác hành Tham bất tương ưng Kiến cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng chấp thủ tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Tham bất tương ưng Kiến cho thành duyên sinh khởi, Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (3)

[58] Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ tác hành Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn tương ưng chấp thủ và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và tác hành Tham cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ tác hành Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn tương ưng chấp thủ và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và tác hành Tham cho thành duyên sinh khởi, Tham tác hành Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ tác hành Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn tương ưng chấp thủ và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn tương ưng chấp thủ và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, 3 Uẩn và Tham tác hành 1 Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (3) (giản lược, trong Cảnh Duyên nên bổ túc Ngũ Thức vào với).

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[59] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[60] Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ tác hành Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là...tác hành 1 Uẩn Vô Nhân bất tương ưng chấp thủ v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng)

Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành Thân Xứ v.v. Uẩn Vô Nhân bất tương ưng chấp thủ tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi, đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (giản lược)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[61] Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 7 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

(Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Y Chỉ nên thực hiện như thế này).

71. NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG CHẤP THỦ (UPĀDĀNASAMPAYUTTADUKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

[62] Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ vì Nhân Duyên đó là...sinh hỗn tạp với 1 Uẩn tương ưng chấp thủ v.v. có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ vì Nhân Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan, đặc biệt chỉ nên bổ túc Vô Sắc Địa Giới thôi).

Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ vì Nhân Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan, đặc biệt chỉ nên bổ túc Vô Sắc Địa Giới thôi).

Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ vì Nhân Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan, đặc biệt chỉ nên bổ túc Vô Sắc Địa Giới thôi).

Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Cảnh Duyên có 6 thời kỳ. Trưởng Duyên có 6 thời kỳ. (từng mỗi Duyên có 6 thời kỳ). Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 6 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ vì Phi Nhân Duyên (giản lược).

Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 6 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

(Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Tương Ưng nên thực hiện như thế này)

71. NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG CHẤP THỦ (UPĀDĀNASAMPAYUTTADUKA)

VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[63] Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Nhân đồng hành Tham bất tương ưng Kiến làm duyên đối với Tham bất tương ưng Kiến và sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Nhân tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Nhân đồng hành Tham bất tương ưng Kiến làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tham và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (3)

[64] Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Tham bất tương ưng Kiến làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc làm Căn Nguyên). Tham bất tương ưng Kiến làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Tham bất tương ưng Kiến làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (3)

[65] Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ theo phương thức Nhân Duyên đó là Si đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức

Nhân Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Si đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ theo phương thức Nhân Duyên đó là Si đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[66] Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Uẩn tương ưng chấp thủ khai đầu, Uẩn tương ưng chấp thủ mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn tương ưng chấp thủ khai đầu, Uẩn bất tương ưng chấp thủ và Tham mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn tương ưng chấp thủ khai đầu, Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham mới sinh khởi (3)

[67] Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiền Định ấy khai đầu, tham ái bất tương ưng Kiến v.v. hoài nghi v.v. trạo cử v.v. khi Thiền Định bị táng thất rồi ưu thọ mới sinh khởi đối với người có sự tiêu táo bất an. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo, Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não bất tương ưng chấp thủ đã được đoạn tận rồi v.v. tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi v.v. tri đắc phiền não đã từng sinh khởi v.v. Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật, Uẩn bất tương ưng chấp thủ và Tham thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái bất tương ưng Kiến v.v. hoài nghi v.v. trạo cử v.v. ưu thọ v.v. (nên bổ túc hết tất cả cho hoàn toàn). Khán kiến Sắc với Thiên Nhãn (nên bổ túc nội dung cho đến Thân Thức). Uẩn bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí v.v. tư khảo lại Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, Uẩn bất tương ưng chấp thủ và Tham, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Nhãn v.v.

Ý Vật, Uẩn bất tương ưng chấp thủ và Tham khai đầu, Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham mới sinh khởi (3)

[68] Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham khai đầu, Uẩn tương ưng chấp thủ mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham khai đầu, Uẩn bất tương ưng chấp thủ và Tham mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham khai đầu, Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham mới sinh khởi (3)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[69] Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là vì thực hiện Uẩn tương ưng chấp thủ cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn tương ưng chấp thủ mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên) có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là vì thực hiện Uẩn tương ưng chấp thủ cho thành Cảnh một cách kiên định, Tham bất tương ưng Kiến mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. Pháp Trưởng đồng hành Tham bất tương ưng Kiến làm duyên đối với Tham và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên) có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là vì thực hiện Uẩn tương ưng chấp thủ cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. Pháp Trưởng đồng hành Tham bất tương ưng Kiến làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tham và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (3)

[70] Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định cho thành Cảnh một cách kiên định, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiền Định ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái bất tương ưng Kiến mới sinh khởi v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo v.v. làm

duyên đối với Quả theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, Uẩn bất tương ưng chấp thủ và Tham cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái bất tương ưng Kiến sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là người đã xả thí v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, Uẩn bất tương ưng chấp thủ và Tham cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là vì thực hiện Nhãn v.v. Ý Vật, Uẩn bất tương ưng chấp thủ và Tham cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham mới sinh khởi (3)

[71] Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là vì thực hiện Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn tương ưng chấp thủ mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì thực hiện Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham cho thành Cảnh một cách kiên định, Tham bất tương ưng Kiến mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì thực hiện Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và và Tham cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham mới sinh khởi (3)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[72] Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn tương ưng chấp thủ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn tương ưng chấp thủ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến sinh trước trước làm duyên đối với Tham bất tương ưng Kiến sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

[73] Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Tham bất tương ưng Kiến sinh

trước trước làm duyên đối với Tham bất tương ưng Kiến sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn bất tương ưng chấp thủ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn bất tương ưng chấp thủ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tham bất tương ưng Kiến làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Tham bất tương ưng Kiến sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn tương ưng chấp thủ theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Tham bất tương ưng Kiến sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

[74] Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham sinh trước trước làm duyên đối với Tham bất tương ưng Kiến sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3).

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA) v.v.

[75] Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan) có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan) có 6 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên (tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh) có 9 thời kỳ.

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[76] Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Uẩn tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng chấp thủ theo phương thức Cận Y Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Uẩn bất tương ưng chấp thủ và Tham theo phương thức Cận Y

Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham theo phương thức Cận Y Duyên (3)

[77] Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Tuệ...tham ái bất tương ưng chấp thủ...ngã mạn...sự dục vọng v.v. Trú Xứ rồi xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín v.v. Tuệ...tham ái bất tương ưng chấp thủ... ngã mạn...sự dục vọng...Thân Thọ Lạc v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ theo phương thức Cận Y Duyên (Cận Y Duyên có 3 thời kỳ) đó là người nương vào Tín rồi có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Tuệ...tham ái bất tương ưng chấp thủ...ngã mạn...sự dục vọng...Trú Xứ rồi rồi thâu đạo tài vật, vọng ngữ v.v. ly gián ngữ v.v. hồ ngôn loạn ngữ, cắt chận nơi giao lộ để cướp đoạt không cho dư sót v.v. thực hiện việc cướp đoạt chỉ trong một nhà v.v. đứng rình trấn lột nơi đường vắng vẻ v.v. mạo phạm vợ của người v.v. thực hiện việc sát lược thôn dân v.v. thực hiện việc sát lược thị dân. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với tham ái tương ưng chấp thủ...si...ngã mạn ...tà kiến...sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi có ngã mạn. Nương vào Giới v.v. Tuệ...tham ái bất tương ưng chấp thủ v.v. Trú Xứ v.v. thực hiện việc sát lược thôn dân v.v. thực hiện việc sát lược thị dân. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham theo phương thức Cận Y Duyên (3)

[78] Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ theo phương thức Cận Y Duyên đó là Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham làm duyên đối với Uẩn tương ưng chấp thủ theo phương thức Cận Y Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham làm duyên đối với Uẩn bất tương ưng chấp thủ và Tham theo phương thức Cận Y Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham làm duyên đối với Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham theo phương thức Cận Y Duyên (3)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[79] Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ v.v.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn bất tương ưng chấp thủ và Tham theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn tương ưng chấp thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là vì Nhãn khai đầu v.v. Ý Vật, Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham mới sinh khởi.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham theo phương thức Tiền Sinh Duyên (3)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA) VÀ TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[80] Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên (giản lược) (1)

Làm duyên theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA) VÀ DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

[81] Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Tư Tâm Sở đồng hành Tham bất tương ưng Kiến làm duyên đối với Tham và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Tư Tâm Sở đồng hành Tham bất tương ưng Kiến làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tham và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3).

[82] Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên đó là 1 Uẩn Dị Thục Quả bất tương ưng chấp thủ v.v. có 1 thời kỳ.

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA) v.v.

[83] Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ theo phương thức Vật Thực Duyên.

Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên.

(Trong cả 4 Duyên này nên trình bày cho tương tự chỗ trình bày Tham bất tương ưng Kiến trong Nghiệp Lực Duyên, từng mỗi Duyên có 4 thời kỳ).

Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[84] Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên chỉ có một thể loại là **Tiền Sinh** đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn tương ưng chấp thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên chỉ có một thể loại là **Tiền Sinh** đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (3).

Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh đó là v.v. (1)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA) v.v.

[85] Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 1 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (1)

Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (2).

Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (3)

[86] Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh (giản lược) (2)

Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là

Câu Sinh và Tiền Sinh (trong cả 2 Duyên này, Câu Sinh Hiện Hữu tương tự Câu Sinh, Tiền Sinh Hiện Hữu tương tự Tiền Sinh) (3)

[87] Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn tương ưng chấp thủ và Ý Vật làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là Uẩn tương ưng chấp thủ và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Câu Sinh đó là Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Câu Sinh đó là Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Ý Vật làm duyên đối với Tham theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến, Tham và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến, Tham và Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Tham làm duyên đối với 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn đồng hành Tham bất tương ưng Kiến và Ý Vật làm duyên đối với 3 Uẩn và Tham theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. (3)

Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức theo Ly Khứ Duyên. Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[88] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời

kỳ. Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 4 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 4 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 4 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[89] Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Hậu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (3)

[90] Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (3)

[91] Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (3)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)

2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[92] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Phi Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[93] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[94] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ (nên bổ túc Câu Mẫu Đề Thuận Tùng Duyên) v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Nhị Đề Tương Ưng Chấp Thủ

72. NHỊ ĐỀ CHẤP THỦ CẢNH CHẤP THỦ (UPĀDĀNAUPĀDĀNIYADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[95] Pháp Thực Tính chấp thủ và cảnh chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính chấp thủ và cảnh chấp thủ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Dục chấp thủ nương vào Kiến chấp thủ sinh khởi, Kiến chấp thủ nương vào Dục chấp thủ sinh khởi (nên thực hiện thành luân chuyển **[cakkanaya]**) (1)

Pháp Thực Tính cảnh chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính chấp thủ và cảnh chấp thủ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào chấp thủ sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính chấp thủ cảnh chấp thủ và cảnh chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính chấp thủ và cảnh chấp thủ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Dục chấp thủ, Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Kiến chấp thủ sinh khởi (nên thực hiện thành luân chuyển **[cakkanaya]**) (3)

[96] Pháp Thực Tính cảnh chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính cảnh chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn cảnh chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Sắc Đại Hiển ở phần nội bộ) (1)

Pháp Thực Tính chấp thủ và cảnh chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính cảnh chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là chấp thủ nương vào Uẩn cảnh chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính chấp thủ cảnh chấp thủ và cảnh chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính cảnh chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, chấp thủ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn cảnh chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

[97] Pháp Thực Tính chấp thủ và cảnh chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính chấp thủ cảnh chấp thủ và cảnh chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Dục chấp thủ nương vào Kiến chấp thủ và Uẩn tương ưng sinh khởi (nên thực hiện thành luân chuyển **[cakkanaya]**) (1)

Pháp Thực Tính cảnh chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính chấp thủ cảnh chấp thủ và cảnh chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn cảnh chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ và nương vào chấp thủ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào chấp thủ và Sắc Đại Hiển sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính chấp thủ cảnh chấp thủ và cảnh chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính chấp thủ cảnh chấp thủ và cảnh chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, Dục chấp thủ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn cảnh chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ và nương vào Kiến chấp thủ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (nên thực hiện thành luân chuyển **[cakkanaya]**) (3)

(Theo Phần này, Giai Đoạn Liên Quan, Giai Đoạn Câu Sinh, Giai Đoạn Duyên Sinh, Giai Đoạn Y Chỉ, Giai Đoạn Hỗn Tạp và Giai Đoạn Tương Ưng nên thực hiện tương tự Nhị Đề Chấp Thủ, không có điều sai biệt nhau, nhưng việc nêu rõ về người thì sai biệt).

72. NHỊ ĐỀ CHẤP THỦ CẢNH CHẤP THỦ (UPĀDĀNAUPĀDĀNIYADUKA)

VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[98] Pháp Thực Tính chấp thủ và cảnh chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ và cảnh chấp thủ theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân chấp thủ và cảnh chấp thủ làm duyên đối với chấp thủ tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (1)

Pháp Thực Tính chấp thủ và cảnh chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ theo Nhân Duyên đó là Nhân chấp thủ và cảnh chấp thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (tương tự Nhị Đề Chấp Thủ, không có điều sai biệt nhau, có 9 thời kỳ).

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[99] Pháp Thực Tính chấp thủ và cảnh chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ và cảnh chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì chấp thủ khai đầu, chấp thủ mới sinh khởi có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính cảnh chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiền Định ấy khai đầu, tham ái v.v. tà kiến v.v. hoài nghi v.v. trạo cử v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại Chuyển Tộc, tư khảo lại Dũ Tịnh, tư khảo lại phiền não đã được đoạn tận rồi, tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi, tri đắc phiền não đã từng sinh khởi v.v. Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật v.v. (giản lược) làm duyên đối với Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

Pháp Thực Tính cảnh chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ và cảnh chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên (giản lược 2 thời kỳ ngoài ra đây tương tự Nhị Đề Chấp Thủ) (3)

Pháp Thực Tính chấp thủ cảnh chấp thủ và cảnh chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ và cảnh chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên có 3 thời kỳ (trong phía sau Trưởng Duyên có 3 thời kỳ tương tự Nhị Đề Chấp Thủ)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[100] Pháp Thực Tính cảnh chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định cho thành Cảnh một cách kiên định, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiền Định ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái v.v. tà kiến mới sinh khởi. Bậc Hữu Học tư khảo lại Chuyển Tộc cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. tư khảo lại Dũ Tịnh cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn cảnh chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến v.v. Uẩn cảnh chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng cảnh chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (Ngay cả phần còn lại của cả 2 Cảnh Trưởng Duyên và Câu Sinh Trưởng Duyên tương tự Nhị Đề Chấp Thủ) (3)

(Phần Hiệp Lực **(Ghaṭanā)** Trưởng Duyên có 3 thời kỳ tương tự Nhị Đề Chấp Thủ. Tất cả Duyên cũng tương tự Nhị Đề Chấp Thủ. Trong Pháp Thực Tính cảnh chấp thủ không có Siêu Thế. Đối Nghịch Duyên và việc đếm cả 2 thể loại ngoài ra đây tương tự Nhị Đề Chấp Thủ).

Kết Thúc Nhị Đề Chấp Thủ Cảnh Chấp Thủ

73. NHỊ ĐỀ CHẤP THỦ TƯƠNG ƯNG CHẤP THỦ (UPĀDĀNAUPĀDĀNASAMPAYUTTADUKA)

I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[101] Pháp Thực Tính chấp thủ và tương ưng chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính chấp thủ và tương ưng chấp thủ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Dục chấp thủ nương vào Kiến chấp thủ sinh khởi (nên thực hiện thành luân chuyển **[cakkanaya]**) (1)

Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính chấp thủ và tương ưng chấp thủ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng nương vào chấp thủ sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính chấp thủ tương ưng chấp thủ và tương ưng chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính chấp thủ và tương ưng chấp thủ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Dục chấp thủ và Uẩn tương ưng nương vào Kiến chấp thủ sinh khởi (nên thực hiện thành luân chuyển **[cakkanaya]**) (3)

...nương vào Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ v.v. (giản lược việc nêu nội dung có điều sai biệt nhau tương tự Nhị Đề Chấp Thủ có 9 thời kỳ, không có Sắc Pháp, nên giảng giải tất cả thời kỳ cho quảng nghĩa như thế này, đặc biệt chỉ có Vô Sắc Pháp thôi).

73. NHỊ ĐỀ CHẤP THỦ TƯƠNG ƯNG CHẤP THỦ (UPĀDĀNAUPĀDĀNASAMPAYUTTADUKA)

VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[102] Pháp Thực Tính chấp thủ và tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ và tương ưng chấp thủ theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân chấp thủ và tương ưng chấp thủ làm duyên đối với chấp thủ tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Nhân chấp thủ và tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Nhân chấp thủ và tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và chấp thủ theo phương thức Nhân Duyên (3)

[103] Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân tương ưng chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Nhân tương ưng chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với chấp thủ tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Nhân tương ưng chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và chấp thủ theo phương thức Nhân Duyên (3)

[104] Pháp Thực Tính chấp thủ tương ưng chấp thủ và tương ưng chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ và tương ưng chấp thủ theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân chấp thủ, tương ưng chấp thủ và tương ưng chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với tương ưng chấp thủ theo phương thức Nhân Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Nhân chấp thủ, tương ưng chấp thủ và tương ưng chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Nhân chấp thủ tương ưng chấp thủ và tương ưng chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và chấp thủ theo phương thức Nhân Duyên (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[105] Pháp Thực Tính chấp thủ và tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ và tương ưng chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì chấp thủ khai đầu, chấp thủ mới sinh khởi (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Vì chấp thủ khai đầu, Uẩn tương ưng chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ mới sinh khởi (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Vì chấp thủ khai đầu, chấp thủ và Uẩn tương ưng mới sinh khởi (3)

Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Uẩn tương ưng chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ khai đầu, Uẩn tương ưng chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ mới sinh khởi (nên thực hiện cho thành 3 thời kỳ, trong Hiệp Lực **(Ghaṭanā)** cũng nên thực hiện cho thành 3 thời kỳ).

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[106] Pháp Thực Tính chấp thủ và tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ và tương ưng chấp thủ theo phương thức Trưởng Duyên có 3 thời kỳ (3)

Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng (có 3 thời kỳ, ngay cả trong 3 thời kỳ cũng bổ túc cả 2 Trưởng Duyên, ngay cả phần Hiệp Lực **(Ghaṭanā)** của Trưởng Duyên cũng có 3 thời kỳ).

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[107] Pháp Thực Tính chấp thủ và tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ và tương ưng chấp thủ theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn chấp thủ và tương ưng chấp thủ sinh trước trước làm duyên đối với chấp thủ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên [nên thực hiện thành 9 thời kỳ như thế này, không có cả Tâm Khai Môn và Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)**]

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA) v.v.

[108] Pháp Thực Tính chấp thủ và tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ và tương ưng chấp thủ theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ.

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[109] Pháp Thực Tính chấp thủ và tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ và tương ưng chấp thủ theo phương thức Cận Y Duyên v.v. có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Uẩn tương ưng chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ theo phương thức Cận Y Duyên (có 3 thời kỳ, ngay cả phần Hiệp Lực **(Ghaṭanā)** trong Cận Y Duyên cũng có 3 thời kỳ). Làm duyên theo Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ.

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA) v.v.

[110] Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ.

Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[111] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[112] Pháp Thực Tính chấp thủ và tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ và tương ưng chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính chấp thủ và tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (2)

Pháp Thực Tính chấp thủ và tương ưng chấp thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính chấp thủ, tương ưng chấp thủ và tương ưng chấp thủ nhưng chẳng phải chấp thủ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (nên thực hiện thành 9 thời kỳ như thế này. Trong Căn Nguyên của từng mỗi Duyên có Căn Nguyên có 3 thời kỳ).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[113] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Phi Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[114] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Phi Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[115] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ v.v. (nên bổ túc Câu Mẫu Đề Thuận Tùng Duyên)

Kết Thúc Nhị Đề Chấp Thủ Tương Ưng Chấp Thủ

74. NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG CHẤP THỦ CẢNH CHẤP THỦ (UPĀDĀNAVIPPAYUTTAUPĀDĀNIYADUKA)

I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[116] Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ nhưng cảnh chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ nhưng cảnh chấp thủ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn bất tương ưng chấp thủ nhưng cảnh chấp thủ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc y sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ và chẳng phải cảnh chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ và chẳng phải cảnh chấp thủ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn bất tương ưng chấp thủ và chẳng phải cảnh chấp thủ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ nhưng cảnh chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ và chẳng phải cảnh chấp thủ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn bất tương ưng chấp thủ và chẳng phải cảnh chấp thủ sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ nhưng cảnh chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ chẳng phải cảnh chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ và chẳng

phải cảnh chấp thủ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn bất tương ưng chấp thủ và chẳng phải cảnh chấp thủ sinh khởi v.v. (3)

Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ nhưng cảnh chấp thủ nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng chấp thủ nhưng cảnh chấp thủ và bất tương ưng chấp thủ chẳng phải cảnh chấp thủ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn bất tương ưng chấp thủ và chẳng phải cảnh chấp thủ và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1).

Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Cảnh Duyên có 2 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 5 thời kỳ.

(Nhị Đề này tương tự Nhị Đề Hiệp Thế trong Nhị Đề Tiểu Lý Diện, không có điều sai biệt nhau).

Kết Thúc Nhị Đề Bất Tương Ưng Chấp Thủ Cảnh Chấp Thủ
Kết Thúc Quần Đoàn Chấp Thủ

XII. QUẦN ĐOÀN PHIỀN NÃO (KILESAGOCCHAKA)
75. NHỊ ĐỀ PHIỀN NÃO (KILESADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[1] Pháp Thực Tính phiền não **(Kilesadhamma)** nương vào Pháp Thực Tính phiền não sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Si **(Moha),** Kiến **(Diṭṭhi),** Hôn Trầm **(Thīna),** Trạo Cử **(Uddhacca),** Vô Tàm **(Ahirika)** và Vô Quý **(Anottappa)** nương vào Tham **(Lobha)** sinh khởi; Si, Kiến, Trạo Cử, Vô Tàm và Vô Quý nương vào Tham sinh khởi; Si, Ngã Mạn **(Māna),** Hôn Trầm, Trạo Cử, Vô Tàm và Vô Quý nương vào Tham sinh khởi; Si, Ngã Mạn, Trạo Cử, Vô Tàm và Vô Quý nương vào Tham sinh khởi; Si, Hôn Trầm, Trạo Cử, Vô Tàm và Vô Quý nương vào Tham sinh khởi; Si, Trạo Cử, Vô Tàm và Vô Quý nương vào Tham sinh khởi; Si, Hôn Trầm, Trạo Cử, Vô Tàm và Vô Quý nương vào Sân sinh khởi; Si, Trạo Cử, Vô Tàm và Vô Quý nương vào Sân sinh khởi; Si, Trạo Cử, Vô Tàm và Vô Quý nương vào Hoài Nghi **(Vicikicchā)** sinh khởi; Si, Vô Tàm và Vô Quý nương vào Trạo Cử sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não nương vào Pháp Thực Tính phiền não sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào phiền não sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não nương vào Pháp Thực Tính phiền não sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Si, Kiến, Hôn Trầm, Trạo Cử, Vô Tàm, Vô Quý, Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tham sinh khởi (nên thực hiện thành luân chuyển **[cakkanaya]**) (3)

[2] Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải phiền não sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính phiền não nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não sinh khởi vì Nhân Duyên đó là phiền não nương vào Uẩn chẳng phải phiền não sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, phiền não và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải phiền não sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

[3] Pháp Thực Tính phiền não nương vào Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Si, Kiến, Hôn Trầm, Trạo Cử, Vô Tàm và Vô Quý nương vào Tham và Uẩn tương ưng sinh khởi (nên thực hiện thành luân chuyển **[cakkanaya]**) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não nương vào Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải phiền não và nương vào phiền não sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào phiền não và Sắc Đại Hiển sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não nương vào Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, Si, Kiến, Hôn Trầm, Trạo Cử, Vô Tàm, Vô Quý và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải phiền não và nương vào Tham sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (nên thực hiện thành luân chuyển **[cakkanaya],** giản lược).

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[4] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[5] Pháp Thực Tính phiền não nương vào Pháp Thực Tính phiền não sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si nương vào Hoài Nghi sinh khởi, Si nương vào Trạo Cử sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn

Vô Nhân chẳng phải phiền não sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

Pháp Thực Tính phiền não nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính phiền não nương vào Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và nương vào hoài nghi sinh khởi, Si đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành trạo cử và nương vào trạo cử sinh khởi (1)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.

[6] Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não nương vào Pháp Thực Tính phiền não sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào phiền não sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn chẳng phải phiền não sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não nương vào Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào phiền não và Uẩn tương ưng sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào phiền não và Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

...vì Phi Trưởng Duyên...vì Phi Vô Gián Duyên...vì Phi Đẳng Vô Gián Duyên...vì Phi Hỗ Tương Duyên...vì Phi Cận Y Duyên.

PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA) v.v.

[7] Pháp Thực Tính phiền não nương vào Pháp Thực Tính phiền não sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, Si, Kiến, Hôn Trầm, Trạo Cử, Vô Tàm và Vô Quý nương vào Tham sinh khởi; Si, Kiến, Trạo Cử, Vô Tàm và Vô Quý nương vào Tham sinh khởi; Si, Ngã Mạn, Hôn Trầm, Trạo Cử, Vô Tàm và Vô Quý nương vào Tham sinh khởi; Si, Ngã Mạn, Trạo Cử, Vô Tàm và Vô Quý nương vào Tham sinh khởi; Si, Hôn Trầm, Trạo Cử, Vô Tàm và Vô Quý nương vào Tham sinh khởi; Si, Trạo Cử, Vô Tàm và Vô Quý nương vào Tham sinh khởi; Si, Trạo Cử, Vô Tàm và Vô Quý nương vào Hoài Nghi sinh khởi; Si, Vô Tàm và Vô Quý nương vào Trạo Cử sinh khởi (trong Vô Sắc Địa Giới, không có Câu "có Sân làm Căn Nguyên) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não nương vào Pháp Thực Tính phiền não sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, Uẩn tương ưng nương vào phiền não sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào phiền não sinh khởi (nên thực hiện thành 9 thời kỳ như thế này). ...vì Phi Hậu Sinh Duyên...vì Phi Trùng Dụng Duyên.

PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

[8] Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não nương vào Pháp Thực Tính phiền não sinh khởi vì Phi Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tương ưng nương vào phiền não sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não sinh khởi vì Phi Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tương ưng nương vào Uẩn chẳng phải phiền não sinh khởi...ở phần ngoại bộ v.v. có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ v.v. có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não nương vào Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não sinh khởi vì Phi Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tương ưng nương vào phiền não và Uẩn tương ưng sinh khởi (1) (nên bổ túc các Duyên như thế này).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[9] Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

(Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Câu Sinh nên thực hiện như thế này).

75. NHỊ ĐỀ PHIỀN NÃO (KILESADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[10] Pháp Thực Tính phiền não tác hành Pháp Thực Tính phiền não cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn chẳng phải phiền não cho thành duyên sinh khởi v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Sắc Đại Hiển ở phần nội bộ), Uẩn chẳng phải phiền não tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính phiền não tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là phiền não tác hành Uẩn chẳng phải phiền não cho thành duyên sinh khởi, phiền não tác hành Uẩn cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, phiền não và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn chẳng phải phiền não cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. phiền não tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, phiền não và Uẩn tương ưng tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (3)

[11] Pháp Thực Tính phiền não tác hành Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Si, Kiến, Hôn Trầm, Trạo Cử, Vô Tàm và Vô Quý tác hành Tham và Uẩn tương ưng cho thành duyên sinh khởi (nên thực hiện thành luân chuyển **[cakkanaya]**), phiền não tác hành Tham và Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não tác hành Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn chẳng phải phiền não và tác hành phiền não cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành phiền não và Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, Uẩn chẳng phải phiền não tác hành phiền não và Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não tác hành Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, Si, Kiến, Hôn Trầm, Trạo Cử, Vô Tàm, Vô Quý và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn chẳng phải phiền não và tác hành Tham cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (nên thực hiện thành luân chuyển **[cakkanaya]**); Si, Kiến, Hôn Trầm, Trạo Cử, Vô Tàm, Vô Quý và Uẩn tương ưng tác hành Tham và Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (nên thực hiện thành luân chuyển **[cakkanaya]**) (3)

[Trong Cảnh Duyên, Câu có "Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não" làm Căn Nguyên nên bổ túc Ngũ Thức **(Pañcaviññāṇa)**]

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[12] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[13] Pháp Thực Tính phiền não tác hành Pháp Thực Tính phiền não cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi tác hành hoài nghi cho thành duyên sinh khởi, Si đồng hành trạo cử tác hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng), Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Xứ v.v. Uẩn Vô Nhân chẳng phải phiền não tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính phiền não tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi, đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính phiền não tác hành Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi tác hành Uẩn tương ưng hoài nghi và Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Si đồng hành trạo cử tác hành Uẩn tương ưng trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (giản lược) (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[14] Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ v.v. Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ v.v. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

(Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Y Chỉ nên thực hiện như thế này).

75. NHỊ ĐỀ PHIỀN NÃO (KILESADUKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

[15] Pháp Thực Tính phiền não sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính phiền não vì Nhân Duyên đó là Si, Kiến, Hôn Trầm, Trạo Cử, Vô Tàm và Vô Quý sinh hỗn tạp với Tham (nên thực hiện thành luân chuyển **[cakkanaya],** nên bổ túc thành 9 thời kỳ như thế này).

Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

Pháp Thực Tính phiền não sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính phiền não vì Phi Nhân Duyên (Theo Phần này nên thực hiện thời kỳ của Phi Nhân Duyên thành 4 thời kỳ).

Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

(Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Tương Ưng nên thực hiện như thế này)

75. NHỊ ĐỀ PHIỀN NÃO (KILESADUKA)

VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[16] Pháp Thực Tính phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân phiền não làm duyên đối với phiền não tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Nhân phiền não làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Nhân phiền não làm duyên đối với Uẩn tương ưng, phiền não và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân chẳng phải phiền não làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[17] Pháp Thực Tính phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì phiền não khai đầu, phiền não mới sinh khởi (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Vì phiền não khai đầu, Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não mới sinh khởi (nên viện dẫn Câu làm Căn Nguyên). Vì phiền não khai đầu, phiền não và Uẩn tương ưng mới sinh khởi (3)

[18] Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiền Định ấy khai đầu, tham ái v.v. tà kiến v.v. hoài nghi v.v. trạo cử v.v.

ưu thọ mới sinh khởi. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo v.v. làm duyên đối với Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải phiền não thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính ấm thanh với Thiên Nhĩ Giới v.v. làm duyên đối với Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiền Định, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiền Định ấy khai đầu, tham ái v.v. tà kiến v.v. hoài nghi v.v. trạo cử mới sinh khởi. Khi Thiền Định bị táng thất rồi, ưu thọ mới sinh khởi đối với người có sự tiêu táo bất an. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải phiền não, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái v.v. ưu thọ mới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải phiền não, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, phiền não và Uẩn tương ưng mới sinh khởi (3)

Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não theo phương thức Cảnh Duyên có 3 thời kỳ.

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[19] Pháp Thực Tính phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là vì thực hiện phiền não cho thành Cảnh một cách kiên định, phiền não mới sinh khởi, có 3 thời kỳ (đặc biệt có Cảnh Trưởng Duyên thôi) (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi. Người tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. làm duyên đối với Quả theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải phiền não cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến v.v.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng chẳng phải phiền não làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí v.v. tư khảo lại Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải phiền não cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến v.v.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng chẳng phải phiền não làm duyên đối với phiền não tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí v.v. tư khảo lại Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải phiền não cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, phiền não và Uẩn tương ưng sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng chẳng phải phiền não làm duyên đối với Uẩn tương ưng phiền não và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (3)

Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não theo phương thức Trưởng Duyên có 3 thời kỳ (đặc biệt chỉ có Cảnh Trưởng Duyên thôi) (3)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.

[20] Pháp Thực Tính phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não theo phương thức Vô Gián Duyên đó là phiền não sinh trước trước làm duyên đối với phiền não sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Phiền não sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn chẳng phải phiền não sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Phiền não làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Phiền não sinh trước trước làm duyên đối với phiền não và Uẩn tương ưng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

[21] Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn chẳng phải phiền não sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn chẳng phải phiền não sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên v.v. làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn chẳng phải phiền não sinh trước trước làm duyên đối với phiền não sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với phiền não theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn chẳng phải phiền não sinh trước trước làm duyên đối với phiền não và Uẩn tương ưng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với phiền não và Uẩn tương ưng theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

[22] Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não theo phương thức Vô Gián Duyên đó là phiền não và Uẩn tương ưng sinh trước trước làm duyên đối với phiền não sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Phiền não và Uẩn tương ưng sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn chẳng phải phiền não sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Phiền não và Uẩn tương ưng làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Phiền não và Uẩn tương ưng sinh trước trước làm duyên đối với phiền não và Uẩn tương ưng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

...Làm duyên theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên...Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên...Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên...Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên.

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[23] Pháp Thực Tính phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là phiền não làm duyên đối với phiền não theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thời kỳ.

[24] Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi xả thí v.v. có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Tuệ v.v. tham ái...sân...si...ngã mạn...tà kiến...sự dục vọng... Thân Thọ Lạc v.v. Trú Xứ rồi xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Trú Xứ rồi sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với phiền não theo phương thức Cận Y Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Trú Xứ rồi sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với phiền não và Uẩn tương ưng theo phương thức Cận Y Duyên (3)

Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thời kỳ.

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[25] Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ v.v.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải phiền não theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái v.v. ưu thọ mới sinh khởi.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với phiền não theo phương thức Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, phiền não và Uẩn tương ưng mới sinh khởi.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với phiền não và Uẩn tương ưng theo phương thức Tiền Sinh Duyên (3)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA) VÀ TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[26] Pháp Thực Tính phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não theo phương thức Hậu Sinh Duyên (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não theo phương thức Hậu Sinh Duyên (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não theo phương thức Hậu Sinh Duyên (giản lược) (1)

...Làm duyên theo phương thức Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ.

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[27] Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở chẳng phải phiền não làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở chẳng phải phiền não làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở chẳng phải phiền não làm duyên đối với phiền não theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở chẳng phải phiền não làm duyên đối với Uẩn tương ưng, phiền não và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA) v.v.

[28] Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não theo phương thức Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ.

Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA) v.v.

[29] Pháp Thực Tính phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não theo phương thức Bất Tương Ưng Duên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên chỉ có một thể loại là **Tiền Sinh** đó là Ý Vật làm duyên đối với phiền não theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên chỉ có một thể loại là **Tiền Sinh** đó là Ý Vật làm duyên đối với phiền não và Uẩn tương ưng theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (3)

Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược, nên giảng giải cho quảng nghĩa).

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA) v.v.

[30] Pháp Thực Tính phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 1 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (1)

Pháp Thực Tính phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (2).

Pháp Thực Tính phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não theo phương thức Hiện Hữu Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh (giản lược, Câu Sinh Hiện Hữu tương tự Câu Sinh, Tiền Sinh Hiện Hữu tương tự Tiền Sinh)

Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh (Câu Sinh Hiện Hữu tương tự Câu Sinh, Tiền Sinh Hiện Hữu tương tự Tiền Sinh) (3)

[31] Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là Tham và Uẩn tương ưng làm duyên đối với Si, Kiến, Hôn Trầm, Trạo Cử, Vô Tàm và Vô Quý theo phương thức Hiện Hữu Duyên (nên thực hiện thành luân chuyển **[cakkanaya]**).

Câu Sinh đó là Tham và Ý Vật làm duyên đối với Si, Kiến, Hôn Trầm, Trạo Cử, Vô Tàm và Vô Quý theo phương thức Hiện Hữu Duyên (nên thực hiện thành luân chuyển **[cakkanaya]**) (1)

Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn chẳng phải phiền não và phiền não làm duyên đối với 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v.

Câu Sinh đó là phiền não và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Câu Sinh đó là phiền não và Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải phiền não theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là phiền não và Uẩn tương ưng làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là phiền não, Uẩn tương ưng và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là phiền não, Uẩn tương ưng và Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn chẳng phải phiền não và Tham làm duyên đối với 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Si, Tà Kiến, Hôn Trầm, Trạo Cử, Vô Tàm và Vô Quý theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v.

Câu Sinh đó là Tham và Ý Vật làm duyên đối với Si, Kiến, Hôn Trầm, Trạo Cử, Vô Tàm, Vô Quý và Uẩn tương ưng theo phương thức Hiện Hữu Duyên (nên thực hiện thành luân chuyển **[cakkanaya]**) (3)

...Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên...Làm duyên theo phương thức theo Ly Khứ Duyên...Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[32] Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[33] Pháp Thực Tính phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (3)

[34] Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (3)

[35] Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải phiền não theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não và chẳng phải phiền não theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (3)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[36] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Phi Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[37] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 4 thời kỳ). Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[38] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ (nên bổ túc Câu Mẫu Đề Thuận Tùng Duyên) v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Nhị Đề Phiền Não

76. NHỊ ĐỀ CẢNH PHIỀN NÃO (SAṄKILESIKADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

[39] Pháp Thực Tính cảnh phiền não nương vào Pháp Thực Tính cảnh phiền não sionh khởi vì Nhân Duyên.

(Nhị Đề này tương tự Nhị Đề Hiệp Thế, không có điều sai biệt nhau).

Kết Thúc Nhị Đề Cảnh Phiền Não

77. NHỊ ĐỀ SẦU MUỘN ÂM TRẦM (SAṄKILIṬṬHADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[40] Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nương vào Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn phiền não làm cho sầu muộn âm trầm sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nương vào Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn phiền não làm cho sầu muộn âm trầm sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và không làm cho sầu muộn âm trầm nương vào Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn phiền não làm cho sầu muộn âm trầm sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nương vào Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nương vào Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và không làm cho sầu muộn âm trầm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (giản lược) (1)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[41] Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Cảnh Duyên có 2 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 2 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 2 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 2 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 5 thời kỳ. Cận Y Duyên có 2 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 5 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 5 thời kỳ (giản lược). Bất Ly Duyên có 5 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[42] Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nương vào Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nương vào Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[43] Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 2 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

(Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Câu Sinh nên thực hiện như thế này).

77. NHỊ ĐỀ SẦU MUỘN ÂM TRẦM (SAṄKILIṬṬHADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

[44] Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm tác hành Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm tác hành Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Sắc Đại Hiển nội bộ). Uẩn phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm tác hành Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn phiền não làm cho sầu muộn âm trầm tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và không làm cho sầu muộn âm trầm tác hành Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn phiền não làm cho sầu muộn âm trầm tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi (3)

[45] Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm tác hành Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và không làm cho sầu muộn âm trầm cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm tác hành Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và không làm cho sầu muộn âm trầm cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và không làm cho sầu muộn âm trầm tác hành Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và không làm cho sầu muộn âm trầm cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi (giản lược) (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[46] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 4 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 4 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 4 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 4 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 4 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 9

thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 9 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 9 thời kỳ v.v. Ly Khứ Duyên có 4 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[47] Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm tác hành Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm tác hành Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là...tác hành 1 Uẩn Vô Nhân phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng). Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi, Uẩn Vô Nhân phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm tác hành Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm tác hành Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và không làm cho sầu muộn âm trầm cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi, đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[48] Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

(Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Y Chỉ nên thực hiện như thế này).

77. NHỊ ĐỀ SẦU MUỘN ÂM TRẦM (SAṄKILIṬṬHADUKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṄSAṬṬHAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[49] Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn phiền não làm cho sầu muộn âm trầm v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Cảnh Duyên có 2 thời kỳ. Trưởng Duyên có 2 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 2 thời kỳ). Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 2 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

[50] Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh hỗn tạp với Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử (1)

Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn Vô Nhân phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (1)

Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 2 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 2 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

(Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Tương Ưng nên thực hiện như thế này)

77. NHỊ ĐỀ SẦU MUỘN ÂM TRẦM (SAṄKILIṬṬHADUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[51] Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (1)

Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (2)

Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và không làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (3)

Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[52] Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Cảnh Duyên đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di tham ái, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di tham ái ấy khai đầu, tham ái v.v. tà kiến v.v. hoài nghi v.v. trạo cử v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Hỷ duyệt tà kiến v.v. [tương tự Tam Đề Thiện **(Kusalatika)**], vì hoài nghi khai đầu v.v. vì trạo cử khai đầu v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Tà kiến v.v. hoài nghi v.v. trạo cử mới sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Cảnh Duyên đó là Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não đã được đoạn tận rồi, tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi, tri đắc phiền não đã từng sinh khởi v.v. Kiến giải minh lượng Uẩn phiền não làm cho sầu muộn âm trầm thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm phiền não làm cho sầu muộn âm trầm, Uẩn phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (2)

[53] Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo v.v. làm duyên đối với Tâm Khai Môn theo

phương thức Cảnh Duyên. Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. khán kiến Sắc với Thiên Nhãn v.v. làm duyên đối với Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái v.v. ưu thọ mới sinh khởi (2)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[54] Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di tham ái cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di tham ái ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi. Hỷ duyệt tâm khoáng thần di tà kiến cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di tà kiến ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến v.v.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (2)

Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và không làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (3)

[55] Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định cho thành Cảnh một cách kiên định. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Níp Bàn làm duyên đối với Quả theo phương thức Trưởng Duyên.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi (2)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.

[56] Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn phiền não làm cho sầu muộn âm trầm sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn phiền não làm cho sầu muộn âm trầm sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn phiền não làm cho sầu muộn làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

[57] Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm sinh sau sau v.v. làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính sinh không làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn phiền não làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

...Làm duyên theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên có 2 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có 7 thời kỳ.

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[58] Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào tham ái rồi sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Nương vào sân v.v. sự dục vọng rồi sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tham ái v.v. sự dục vọng làm duyên đối với tham ái v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào tham ái rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi...Nương vào sân v.v. sự dục vọng rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi. Tham ái v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín...Tuệ...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ...Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (2)

[59] Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm lam duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi. Nương vào Giới v.v. Tuệ...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ...Quý Tiết ...Ẩm Thực và Trú Xứ rồi xả thí...thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Tuệ...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ...Quý Tiết...Ẩm Thực và Trú Xứ rồi sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với tham ái v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên (2)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[60] Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh (giản lược)

Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh (giản lược) (2)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA) VÀ TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[61] Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Hậu Sinh Duyên (giản lược).

Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Hậu Sinh Duyên (giản lược). ...Làm duyên theo phương thức Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ.

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[62] Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm đối với Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả phiền não làm cho sầu muộn âm trầm (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên) đó là Tư Tâm Sở phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3)

Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA) v.v.

[63] Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ.

Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA) v.v.

[64] Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên chỉ có một thể loại là **Tiền Sinh** đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn phiền não làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (2)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA) v.v.

[65] Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 1 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược).

Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và không làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Hiện Hữu Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (3)

Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực (giản lược)

Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh (giản lược) (2)

[66] Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và không làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và Ý Vật làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và không làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 4 thể loại là Câu Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là Uẩn phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

...Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên...Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên...Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[67] Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Cảnh Duyên có 4 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 2 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 7 thời kỳ. Cận Y Duyên có 4 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 4 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 4 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 4 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 7 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 4 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 4 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 7 thời kỳ.

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[68] Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Hậu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và không làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Câu Sinh Duyên (3)

[69] Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và không làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và không làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (2)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[70] Phi Nhân Duyên có 7 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 7 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 7 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 7 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 7 thời kỳ. Phi Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 5 thời kỳ. Phi Y Chỉ Duyên có 5 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 7 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 7 thời kỳ v.v. Phi Đồ Đạo Duyên có 7 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hiện Hữu Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 7 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 7 thời kỳ. Phi Bất Ly Duyên có 4 thời kỳ.

3. THUẬN – NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[71] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ v.v. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Ly Khứ với Nhân Duyên có 4 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[72] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ (nên bổ túc Câu Mẫu Đề Thuận Tùng Duyên) v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 7 thời kỳ.

Kết Thúc Nhị Đề Sầu Muộn Âm Trầm

78. NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG PHIỀN NÃO (KILESASAMPAYUTTADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

[73] Pháp Thực Tính tương ưng phiền não nương vào Pháp Thực Tính tương ưng phiền não sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn tương ưng phiền não sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất tương ưng phiền não nương vào Pháp Thực Tính tương ưng phiền não sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn tương ưng phiền não sinh khởi (2)

(Nhị Đề Tương Ưng Phiền Não tương tự Nhị Đề Sầu Muộn Âm Trầm, không có điều sai biệt nhau).

Kết Thúc Nhị Đề Tương Ưng Phiền Não

79. NHỊ ĐỀ PHIỀN NÃO CẢNH PHIỀN NÃO (KILESASAṄKILESIKADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[74] Pháp Thực Tính phiền não và cảnh phiền não nương vào Pháp Thực Tính phiền não và cảnh phiền não sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Si, Kiến, Hôn Trầm, Trạo Cử, Vô Tàm và Vô Quý nương vào Tham sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (1)

Pháp Thực Tính cảnh phiền não nhưng chẳng phải phiền não nương vào Pháp Thực Tính phiền não và cảnh phiền não sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào phiền não sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính phiền não cảnh phiền não và cảnh phiền não nhưng chẳng phải phiền não nương vào Pháp Thực Tính phiền não và cảnh phiền não sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Si, Kiến, Hôn Trầm, Trạo Cử, Vô Tàm, Vô Quý, Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tham sinh khởi (3)

(Theo Phần này, Giai Đoạn Liên Quan, Giai Đoạn Câu Sinh, Giai Đoạn Duyên Sinh, Giai Đoạn Y Chỉ, Giai Đoạn Hỗn Tạp và Giai Đoạn Tương Ưng cũng tương tự Nhị Đề Phiền Não, không có điều sai biệt nhau. Còn việc nêu rõ nội dung sai biệt).

79. NHỊ ĐỀ PHIỀN NÃO CẢNH PHIỀN NÃO (KILESASAṄKILESIKADUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[75] Pháp Thực Tính phiền não và cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não và cảnh phiền não theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân phiền não và cảnh phiền não làm duyên đối với phiền não tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (theo Phần này mới có 4 thời kỳ, tương tự Nhị Đề Phiền Não) (4)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[76] Pháp Thực Tính phiền não và cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não và cảnh phiền não theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì phiền não khai đầu, Uẩn phiền não mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì phiền não khai đầu, Uẩn cảnh phiền não nhưng chẳng phải phiền não mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì phiền não khai đầu, phiền não và Uẩn tương ưng mới sinh khởi (3)

[77] Pháp Thực Tính cảnh phiền não nhưng chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh phiền não nhưng chẳng phải phiền não theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiền Định ấy khai đầu, tham ái mới sinh khởi v.v. trạo cử v.v. Khi Thiền Định đã bị táng thất rồi ưu thọ mới sinh khởi đối với người có sự tiêu táo bất an. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại Chuyển Tộc, tư khảo lại Dũ Tịnh. Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn cảnh phiền não nhưng chẳng phải phiền não thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn v.v. làm duyên đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (hai thời kỳ ngoài ra đây tương tự Nhị Đề Phiền Não, ngay cả Cảnh Hiệp Lực cũng tương tự Nhị Đề Phiền Não)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[78] Pháp Thực Tính phiền não và cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não và cảnh phiền não theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính cảnh phiền não nhưng chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh phiền não nhưng chẳng phải phiền não theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định cho thành Cảnh một cách kiên định. Bậc Hữu Học tư khảo lại Chuyển Tộc cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Dũ Tịnh cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn cảnh phiền não nhưng chẳng phải phiền não cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn cảnh phiền não nhưng chẳng phải phiền não mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng cảnh phiền não nhưng chẳng phải phiền não làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (2 thể loại thời kỳ ngoài ra đây tương tự Nhị Đề Phiền Não, ngay cả Trưởng Hiệp Lực cũng tương tự Nhị Đề Phiền Não).

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.

[79] Pháp Thực Tính phiền não và cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não và cảnh phiền não theo phương thức Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Nhị Đề Phiền Não).

Pháp Thực Tính cảnh phiền não nhưng chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh phiền não nhưng chẳng phải phiền não theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn cảnh phiền não nhưng chẳng phiền não sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn cảnh phiền não nhưng chẳng phải phiền não sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn cảnh phiền não nhưng chẳng phải phiền não theo phương thức Vô Gián Duyên.

(2 thời kỳ Vô Gián Duyên ngoài ra đây tương tự Nhị Đề Phiền Não trong Vô Gián Duyên, không có điều sai biệt nhau, ngay cả Vô Gián Hiệp Lực và tất cả các Duyên cũng tương tự Nhị Đề Phiền Não, không có điều sai biệt nhau. Trong Cận Y Duyên không có Siêu Thế, Nhị Đề này tương tự Nhị Đề Phiền Não, không có điều sai biệt nhau).

Kết Thúc Nhị Đề Phiền Não Cảnh Phiền Não

80. NHỊ ĐỀ PHIỀN NÃO SẦU MUỘN ÂM TRẦM (KILESASAṄKILIṬṬHADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[80] Pháp Thực Tính phiền não và phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nương vào Pháp Thực Tính phiền não và phiền não làm cho sầu muộn âm trầm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Si, Kiến, Hôn Trầm, Trạo Cử, Vô Tàm và Vô Quý nương vào Tham sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (1)

Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não nương vào Pháp Thực Tính phiền não và phiền não làm cho sầu muộn âm trầm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng nương vào phiền não sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính phiền não nơi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não nương vào Pháp Thực Tính phiền não và

phiền não làm cho sầu muộn âm trầm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Si, Kiến, Hôn Trầm, Trạo Cử, Vô Tàm, Vô Quý và Uẩn tương ưng nương vào Tham sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (3)

[81] Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não nương vào Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính phiền não và phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nương vào Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não sinh khởi vì Nhân Duyên đó là phiền não nương vào Uẩn phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính phiền não nơi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não nương vào Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và phiền não nương vào 1 Uẩn phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

[82] Pháp Thực Tính phiền não và phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nương vào Pháp Thực Tính phiền não nơi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Si, Kiến, Hôn Trầm, Trạo Cử, Vô Tàm và Vô Quý nương vào Tham và Uẩn tương ưng sinh khởi (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (1)

Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não nương vào Pháp Thực Tính phiền não nơi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não và nương vào phiền não sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (2)

Pháp Thực Tính phiền não nơi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và bị phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não nương vào Pháp Thực Tính phiền não nơi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, Si, Kiến, Hôn Trầm, Trạo Cử, Vô Tàm và Vô Quý nương vào 1 Uẩn phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não và nương vào Tham sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**) (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[83] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 9 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
1. GIAO ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[84] Pháp Thực Tính phiền não và phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nương vào Pháp Thực Tính phiền não và phiền não làm cho sầu muộn âm trầm sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi nương vào hoài nghi sinh khởi, Si đồng hành trạo cử nương vào trạo cử sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính phiền não và phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nương vào Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính phiền não và phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nương vào Pháp Thực Tính phiền não nơi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và nương vào hoài nghi và trạo cử sinh khởi (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[85] Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ.

(Theo Phần này, việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây, Giai Đoạn Câu Sinh, Giai Đoạn Duyên Sinh, Giai Đoạn Y Chỉ, Giai Đoạn Hỗn Tạp và Giai Đoạn Tương Ưng tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

80. NHỊ ĐỀ PHIỀN NÃO SẦU MUỘN ÂM TRẦM (KILESASAṄKILIṬṬHADUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[86] Pháp Thực Tính phiền não và phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não và phiền não làm cho sầu muộn âm trầm theo phương

thức Nhân Duyên đó là Nhân phiền não và phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với phiền não tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (1)

Pháp Thực Tính phiền não và phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân phiền não và phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (2)

Pháp Thực Tính phiền não và phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não nơi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân phiền não và phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Uẩn tương ưng và phiền não theo phương thức Nhân Duyên (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[87] Pháp Thực Tính phiền não và phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não và phiền não làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì phiền não khai đầu, phiền não mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì phiền não khai đầu, Uẩn phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì phiền não khai đầu, phiền não và Uẩn tương ưng mới sinh khởi (3)

[88] Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Uẩn phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não khai đầu, Uẩn phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não khai đầu, phiền não mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não khai đầu, phiền não và Uẩn tương ưng mới sinh khởi (3) (nên thực hiện thời kỳ ngoài ra đây cho thành 3 thời kỳ).

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[89] Pháp Thực Tính phiền não và phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não và phiền não làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là...vì thực hiện Uẩn phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. có 3 thời kỳ (Trưởng Duyên có 2 thể loại nên bổ túc cho thành 3 thời kỳ, nên bổ túc ngay cả 2 thể loại Trưởng Duyên ngoài ra đây cho thành 3 thời kỳ).

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.

[90] Pháp Thực Tính phiền não và phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não và phiền não làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc thành 9 thời kỳ, không có Tâm Khai Môn và Sinh Xuất). Làm duyên theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên có 9 thời kỳ (không có cả Tiền Sinh Duyên và Hậu Sinh Duyên). Làm duyên theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA) v.v.

[91] Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não và phiền não làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não làm duyên đối với phiền não tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não nơi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở phiền não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng chẳng phải phiền não làm duyên đối với Uẩn tương ưng và phiền não theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3)

...Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ ...Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[92] Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 3 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 3 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 3 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 3 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[93] Pháp Thực Tính phiền não và phiền não làm cho sầu muộn âm trầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính phiền não và phiền não làm cho sầu muộn âm trầm theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (có 9 thời kỳ, chỉ nên bổ túc 3 Câu thôi).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[94] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Phi Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

3. THUẬN – NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[95] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[96] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ (nên bổ túc Câu Mẫu Đề Thuận Tùng Duyên) v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Nhị Đề Phiền Não Sầu Muộn Âm Trầm

81. NHỊ ĐỀ PHIỀN NÃO TƯƠNG ƯNG PHIỀN NÃO (KILESAKILESASAMPAYUTTADUKA)

I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

[97] Pháp Thực Tính phiền não và tương ưng phiền não nương vào Pháp Thực Tính phiền não và tương ưng phiền não sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Si, Kiến, Hôn Trầm, Trạo Cử, Vô Tàm và Vô Quý nương vào Tham sinh khởi.

(Nhị Đề này tương tự Nhị Đề Phiền Não Sầu Muộn Âm Trầm, không có điều sai biệt nhau, nên giảng giải hết tất cả thời kỳ cho quảng nghĩa).

Kết Thúc Nhị Đề Phiền Não Tương Ưng Phiền Não

82. NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG PHIỀN NÃO CẢNH PHIỀN NÃO (KILESAVIPPAYUTTASAṄKILESIKADUKA)

I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

[98] Pháp Thực Tính bất tương ưng phiền não nhưng cảnh phiền não nương vào Pháp Thực Tính bất tương ưng phiền não nhưng cảnh phiền não sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn bất tương ưng phiền não nhưng cảnh phiền não sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v.

(Nhị Đề này không có điều sai biệt nhau tương tự Nhị Đề Hiệp Thế).

Kết Thúc Nhị Đề Bất Tương Ưng Phiền Não Cảnh Phiền Não
Kết Thúc Quần Đoàn Phiền Não

XIII. NHỊ ĐỀ TINH PHẦN (PIṬṬHADUKA)

83. NHỊ ĐỀ KIẾN GIẢI ĐOẠN TRỪ (DASSANENAPAHĀTABBADUKA)

1. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[1] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương vào Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương vào Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ (2)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương vào Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương vào Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương vào Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (giản lược).

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[2] Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Cảnh Duyên có 2 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 2 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 2 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 2 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 5 thời kỳ. Cận Y Duyên có 2 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 5 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 5 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 5 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[3] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương vào Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương vào Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là...nương vào 1 Uẩn Vô Nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng). Si đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành trạo cử sinh khởi (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[4] Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 2 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

(Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Câu Sinh nên thực hiện như thế này).

83. NHỊ ĐỀ KIẾN GIẢI ĐOẠN TRỪ (DASSANENAPAHĀTABBADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[5] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

[6] Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Sắc Đại Hiển nội bộ), Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (3)

[7] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành duyên sinh

khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA).

[8] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 4 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[9] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn Vô Nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng), Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi, Uẩn Vô Nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Si đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi, Si đồng hành trạo cử tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[10] Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

(Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Y Chỉ nên thực hiện như thế này).

83. NHỊ ĐỀ KIẾN GIẢI ĐOẠN TRỪ (DASSANENAPAHĀTABBADUKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṄSAṬṬHAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

[11] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ vì Nhân Duyên (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ vì Nhân Duyên (giản lược) (1)

Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Cảnh Duyên có 2 thời kỳ. Trưởng Duyên có 2 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 2 thời kỳ). Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 2 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

[12] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi sinh hỗn tạp với Uẩn đồng hành hoài nghi (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ vì Phi Nhân Duyên (giản lược) (1)

Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ. Phi

Nghiệp Lực Duyên có 2 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 2 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

(Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Tương Ưng nên thực hiện như thế này)

83. NHỊ ĐỀ KIẾN GIẢI ĐOẠN TRỪ (DASSANENAPAHĀTABBADUKA)

VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[13] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[14] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di tham ái cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di tham ái ấy khai đầu, tham ái cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới sinh khởi, tà kiến v.v. hoài nghi v.v. ưu thọ cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới sinh khởi. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di tà kiến cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di tà kiến ấy khai đầu, tham ái cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới sinh khởi. Tà kiến v.v. hoài nghi v.v. ưu thọ cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới sinh khởi. Vì hoài nghi khai đầu, hoài nghi mới sinh khởi, tà kiến v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Vì ưu thọ cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khai đầu, ưu thọ cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi, hoài nghi mới sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên đó là Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ đã được đoạn tận rồi, tri đắc phiền não đã từng sinh khởi v.v. Kiến giải minh lượng Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ, Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối

với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (2)

[15] Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy khai đầu, tham ái không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới sinh khởi, trạo cử v.v. ưu thọ không cần phải Thất Lai Đạo mới sinh khởi. Người tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo v.v. làm duyên đối với Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ đã được đoạn tận rồi, tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi, tri đắc phiền não đã từng sinh khởi v.v. Kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới sinh khởi, trạo cử v.v. ưu thọ không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn v.v. làm duyên đối với Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới sinh khởi, tà kiến v.v. hoài nghi v.v. ưu thọ cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới sinh khởi (2)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[16] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di tham ái cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di tham ái ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. tà kiến mới sinh khởi. Hỷ duyệt tâm khoáng thần di tà kiến cho thành Cảnh một cách kiên định v.v.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại

là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (2)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (3)

[17] Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiền Định ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới sinh khởi. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. làm duyên đối với Quả theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là người đã xả thí v.v. tư khảo lại Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi (2)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[18] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián

Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên), Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh trước trước làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên), Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

...Làm duyên theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên có 5 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên có 2 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có 7 thời kỳ.

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[19] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tham Ái cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ rồi sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Nương vào Sân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. si v.v. tà kiến v.v. sự dục vọng rồi sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tham ái cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. sự dục vọng làm duyên đối với tham ái cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tham Ái cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi. Nương vào Sân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. si v.v. tà kiến v.v. sự dục vọng rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi. Tham Ái cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín v.v. Tuệ...tham ái không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ...sân...si...ngã mạn..sự dục vọng...Thân Thọ Lạc v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (2)

[20] Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi có ngã mạn. Nương vào Giới v.v. Tuệ v.v. tham ái không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ...sân...si...ngã mạn...sự dục vọng...Thân Thọ Lạc v.v. Trú Xứ rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi có ngã mạn. Tín v.v. Tuệ v.v. tham ái không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. sự dục vọng v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín v.v. Tuệ...tham ái không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. sự dục vọng...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ...Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Tuệ v.v. tham ái không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ...sân...si...ngã mạn...sự dục vọng...Thân Thọ Lạc v.v. Trú Xứ rồi sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với tham ái cần phảo Thất Lai Đạo đoạn trừ...sân...si...tà kiến và sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên (2)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[21] Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. trạo cử v.v. ưu thọ không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. tà kiến v.v. hoài nghi v.v. ưu thọ cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới sinh khởi.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Tiền Sinh Duyên (2)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA) VÀ TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[22] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Hậu Sinh Duyên (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Hậu Sinh Duyên (giản lược)

...Làm duyên theo phương thức Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ.

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[23] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3)

[24] Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA) v.v.

[25] Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên có 4 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên có 4 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 4 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[26] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh (giản lược)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên chỉ có một thể loại là **Tiền Sinh** đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (2)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[27] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (3)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực (giản lược)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên chỉ có một thể loại là **Tiền Sinh** đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. (giản lược, tương tự Tiền Sinh Duyên) (2)

[28] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và Ý Vật làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 4 thể loại là Câu Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

...Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên...Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên...Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[29] Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Cảnh Duyên có 4 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 2 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 7 thời kỳ. Cận Y Duyên có 4 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 4 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 4 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 4 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 7 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 4 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 4 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 7 thời kỳ.

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[30] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Hậu Sinh và Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Câu Sinh Duyên (3)

[31] Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (2)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[32] Phi Nhân Duyên có 7 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 7 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 7 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 7 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 7 thời kỳ. Phi Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 5 thời kỳ. Phi Y Chỉ Duyên có 5 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 7 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 7 thời kỳ v.v. Phi Đồ Đạo Duyên có 7 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hiện Hữu Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 7 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 7 thời kỳ. Phi Bất Ly Duyên có 4 thời kỳ.

3. THUẬN – NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[33] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 4 thời kỳ). Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[34] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ (nên bổ túc Câu Mẫu Đề Thuận Tùng Duyên) v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 7 thời kỳ.

Kết Thúc Nhị Đề Kiến Giải Đoạn Trừ

84. NHỊ ĐỀ TU TẬP ĐOẠN TRỪ (BHĀVANĀYAPAHĀTABBADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

[35] Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ nương vào Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ sinh khởi vì Nhân Duyên (nên giảng giải cho quảng nghĩa tương tự Nhị Đề Kiến Giải Đoạn Trừ, không có điều sai biệt nhau)

Nhân Duyên có 5 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 5 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương vào Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành trạo cử sinh khởi.

Pháp Thực Tính không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương vào Pháp Thực Tính không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là ...nương vào 1 Uẩn Vô Nhân không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng), Si đồng hành hoài nghi nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi sinh khởi (giản lược)

Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ v.v. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

(Phi Nhân Duyên đồng hành trạo cử trong Đối Nghịch Duyên của Giai Đoạn Duyên Sinh có 3 thời kỳ, nên nêu Si lên trình bày, ngay cả hết tất cả thời kỳ tương tự Nhị Đề Kiến Giải Đoạn Trừ, ngay cả Trạo Cử - Đối Nghịch **(Uddhaccanīya)** cũng sai biệt).

84. NHỊ ĐỀ TU TẬP ĐOẠN TRỪ (BHĀVANĀYAPAHĀTABBADUKA)

VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[36] Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Nhân Duyên (giản lược) (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[37] Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di tham ái cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di tham ái ấy khai đầu, tham ái cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ v.v.

trạo cử v.v. ưu thọ ở ba thượng tằng Đạo nên đoạn trừ v.v. Vì trạo cử khai đầu, trạo cử mới sinh khởi, ưu thọ cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới sinh khởi. Vì ưu thọ cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khai đầu, ưu thọ cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ v.v. trạo cử mới sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên đó là Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ đã được đoạn tận rồi v.v. tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi v.v. tri đắc phiền não đã từng sinh khởi v.v. Kiến giải minh lượng Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn ấy khai đầu, tham ái không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới sinh khởi, tà kiến v.v. hoài nghi v.v. ưu thọ không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới sinh khởi. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ, Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (2)

[38] Pháp Thực Tính không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy khai đầu, tham ái không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới sinh khởi. Tà kiến v.v. hoài nghi v.v. ưu thọ không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới sinh khởi. Người tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo v.v. làm duyên đối với Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ đã được đoạn tận rồi v.v. Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới sinh khởi, tà kiến v.v. hoài nghi v.v. ưu thọ không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn v.v. làm duyên đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

Pháp Thực Tính không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật v.v. tư khảo lại Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới sinh khởi. Trạo cử v.v. ưu thọ cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới sinh khởi (2)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[39] Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di tham ái cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di tham ái ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di tham ái cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di tham ái ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (2)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (3)

[40] Pháp Thực Tính không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là người đã xả thí v.v. tư khảo lại Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái cần phải ba thương tằng Đạo đoạn trừ mới sinh khởi (2)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.

[41] Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ (Tu Tập tương tự Nhị Đề Kiến Giải Đoạn Trừ, không có điều sai biệt nhau).

Làm duyên theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên có 2 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có 7 thời kỳ.

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[42] Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là tham ái cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ...sân...si...ngã mạn...sự dục vọng làm duyên đối với tham ái cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ...sân ...si...ngã mạn...và sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào tham ái cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi, sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Nương vào sân, ba thượng tằng Đạo nên đoạn trừ v.v. Si v.v. ngã mạn v.v. sự dục vọng rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi, sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tham ái cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín v.v. Tuệ v.v. tham ái không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ...sân...si...tà kiến...sự dục vọng...Thân Thọ Lạc v.v. Thân Thọ Khổ v.v. Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (2)

[43] Pháp Thực Tính không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối vói Pháp Thực Tính không phải ba thượng tằng Đạo nên đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Tuệ v.v. tham ái không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ v.v. sân v.v. si v.v. ngã mạn v.v. tà kiến v.v. sự dục vọng v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Thân Thọ Khổ v.v. Trú Xứ v.v. sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín v.v. Tuệ v.v. tham ái không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ v.v. sân v.v. si v.v. tà kiến v.v. sự dục vọng v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Thân Thọ Khổ v.v. Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi có ngã mạn v.v. Nương vào Giới v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sự dục vọng v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Thân Thọ Khổ v.v. Trú Xứ rồi có ngã mạn. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với tham ái ở ba thượng tằng Đạo nên đoạn trừ v.v. sân v.v. si v.v. ngã mạn v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên (2)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[44] Pháp Thực Tính không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi, hoài nghi mới sinh khởi, ưu thọ không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới sinh khởi, trạo cử mới sinh khởi, ưu thọ cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới sinh khởi.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Tiền Sinh Duyên (2)

[45]...Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Tư Tâm Sở cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Tư Tâm Sở cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3)

Pháp Thực Tính không cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở không cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở không cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

...Làm duyên theo phương thức Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ v.v...Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên (Tất cả Duyên tương tự Nhị Đề Kiến Giải Đoạn Trừ, Tu Tập không có điều sai biệt nhau).

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[46] Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Cảnh Duyên có 4 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 2 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 7 thời kỳ. Cận Y Duyên có 4 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 4 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 4 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 4 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 7 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 4 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 4 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 7 thời kỳ.

(Việc phân chia Phần Phân Tích Đối Nghịch Duyên cho tương tự Nhị Đề Kiến Giải Đoạn Trừ, ngay cả việc đếm cả 3 thời kỳ cũng nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nhị Đề Tu Tập Đoạn Trừ

85. NHỊ ĐỀ KIẾN GIẢI ĐOẠN TRỪ TÁC NHÂN (DASSANENAPAHĀTABBAHETUKADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[47] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương vào Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương vào Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương vào Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

[48] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương vào Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Si đồng hành hoài nghi sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Sắc Đại Hiển nội bộ) (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương vào Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng nương vào Si đồng hành hoài nghi sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương vào Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Si đồng hành hoài nghi sinh khởi (3)

[49] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương vào Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn đồng hành hoài nghi và nương vào Si sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương vào Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và nương vào Si sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương vào Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn đồng hành hoài nghi và nương vào Si sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[50] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương vào Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương vào Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương vào Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn và Si nương vào 1 Uẩn đồng hành hoài nghi sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

[51] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương vào Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương vào Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Uẩn tương ưng nương vào Si đồng hành hoài nghi sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương vào Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn đồng hành hoài nghi và nương vào Si sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1) (giản lược)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[52] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 6 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 6 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 6 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 6 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 6 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 9 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 9 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 9 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 6 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 6 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[53] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương vào Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương vào Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh khởi v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng), Si đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành trạo cử sinh khởi (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[54] Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 7 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

3. THUẬN – NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[55] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ v.v. Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có 7 thời kỳ v.v. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[56] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ v.v. Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ v.v. Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. (Giai Đoạn Câu Sinh tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

85. NHỊ ĐỀ KIẾN GIẢI ĐOẠN TRỪ TÁC NHÂN (DASSANENAPAHĀTABBAHETUKADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

[57] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Sắc Đại Hiển nội bộ), Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Uẩn tương ưng tác hành Si đồng hành hoài nghi cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Si đồng hành hoài nghi cho thành duyên sinh khởi (3)

[58] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn đồng hành hoài nghi và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi và tác hành Si cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và tác nhân Sắc Đại Hiển cho

thành duyên sinh khởi, 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn đồng hành hoài nghi và tác hành Si cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[59] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi sinh khởi v.v. Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Si đồng hành hoài nghi tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Uẩn tương ưng tác hành Si đồng hành hoài nghi cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Uẩn và Si đồng hành hoài nghi tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (3)

[60] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn đồng hành hoài nghi và tác hành Si cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành duyên sinh khởi vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. 3 Uẩn và Si tác hành 1 Uẩn đồng hành hoài nghi và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[61] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[62] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là...tác hành Uẩn Vô Nhân có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng), Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Si đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (giản lược) (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[63] Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 7 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

(Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Y Chỉ nên thực hiện như thế này)

85. NHỊ ĐỀ KIẾN GIẢI ĐOẠN TRỪ TÁC NHÂN (DASSANENAPAHĀTABBAHETUKADUKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṄSAṬṬHAVĀRA)
DUYÊN TỨ PHẦN (PACCAYACATUKKANAYA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[64] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng sinh hỗn tạp với Si đồng hành hoài nghi (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn đồng hành hoài nghi và Si v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[65] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ vì Cảnh Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ vì Cảnh Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ vì Cảnh Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ vì Cảnh Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan, giản lược) (1)

[66] Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Cảnh Duyên có 6 thời kỳ. Trưởng Duyên có 2 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 6 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 6 thời kỳ). Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 6 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

[67] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi sinh hỗn tạp với Uẩn đồng hành hoài nghi (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn Vô Nhân có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. Si đồng hành trạo cử sinh hỗn tạp với Uẩn đồng hành trạo cử (1)

Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 6 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ v.v. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ.

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ v.v. Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ.

(Giai Đoạn Tương Ưng tương tự Giai Đoạn Hỗn Tạp)

85. NHỊ ĐỀ KIẾN GIẢI ĐOẠN TRỪ TÁC NHÂN (DASSANENAPAHĀTABBAHETUKADUKA)

VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[68] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên), Nhân có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên), Nhân có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (3)

[69] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Si đồng hành hoài nghi làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Si đồng hành hoài nghi làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Si đồng hành hoài nghi làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[70] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khai đầu, Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khai đầu, Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và Si mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khai đầu, Uẩn đồng hành hoài nghi và Si mới sinh khởi (3)

[71] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo Thiện ấy, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy khai đầu, tham ái có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới sinh khởi, trạo cử mới sinh khởi, ưu thọ có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới sinh khởi. Người tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo v.v. làm duyên đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ đã được đoạn tận rồi, tư khảo lại phiền não đã ức chế rồi v.v. tri đắc phiền não đã từng sinh khởi. Kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật, Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái có tác nhân không cần

phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới sinh khởi, trạo cử mới sinh khởi, ưu thọ có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn v.v. làm duyên đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, Tâm Khai Môn và Si theo phương thức Cảnh Duyên.

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí v.v. tư khảo lại Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và Si, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới sinh khởi, tà kiến v.v. hoài nghi v.v. ưu thọ có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới sinh khởi.

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Nhãn v.v. Ý Vật, Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và Si khai đầu, Uẩn đồng hành hoài nghi và Si mới sinh khởi (3)

[72] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Uẩn đồng hành hoài nghi và Si khai đầu, Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn đồng hành hoài nghi và Si khai đầu, Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và Si mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn đồng hành hoài nghi và Si khai đầu, Uẩn đồng hành hoài nghi và Si mới sinh khởi (3)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[73] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là vì thực hiện Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất

Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (3)

[74] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới sinh khởi. Người tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. làm duyên đối với Quả theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới sinh khởi, tà kiến v.v. (2)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[75] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn đồng hành hoài nghi sinh trước trước làm duyên đối với Si đồng hành hoài nghi sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn đồng hành hoài nghi sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn đồng hành hoài nghi và Si sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

[76] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi sinh trước trước làm duyên đối với Si đồng hành hoài nghi sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh trước trước v.v. làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Si đồng hành hoài nghi sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn đồng hành hoài nghi sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Si đồng hành hoài nghi sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn đồng hành hoài nghi và Si sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn đồng hành hoài nghi và Si theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

[77] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn đồng hành hoài nghi và Si sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn đồng hành hoài nghi sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn đồng hành hoài nghi và Si sinh trước trước làm duyên đối với Si đồng hành hoài nghi sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn đồng hành hoài nghi và Si làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn đồng hành hoài nghi và Si sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn đồng hành hoài nghi và Si sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

...Làm duyên theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ.

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[78] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên, cả 2 thời kỳ còn lại, có cả Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và Si theo phương thức Cận Y Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn đồng hành hoài nghi và Si theo phương thức Cận Y Duyên (3)

[79] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi có ngã mạn. Nương vào Giới v.v. Tuệ v.v. tham ái có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ...sân...si...ngã mạn...sự dục vọng...Thân Thọ Lạc... Thân Thọ Khổ...Quý Tiết...Ẩm Thực và Trú Xứ rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín v.v. Tuệ v.v. tham ái có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. sự dục vọng và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Tuệ...tham ái có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ...sân...si...ngã mạn ...sự dục vọng...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ v.v. Trú Xứ rồi sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với tham ái có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ...sân...si...tà kiến và sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Cảnh Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Tín v.v. Tuệ v.v. tham ái có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ...sân...si...ngã mạn...sự dục vọng...Thân Thọ Lạc v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành hoài nghi và Si theo phương thức Cận Y Duyên (3)

[80] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Uẩn đồng hành hoài nghi và Si làm duyên đối với Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn đồng hành hoài nghi và Si làm duyên đối với Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và Si theo phương thức Cận Y Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn đồng hành hoài nghi và Si làm duyên đối với Uẩn đồng hành hoài nghi và Si theo phương thức Cận Y Duyên (3)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[81] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới sinh khởi, trạo cử v.v. ưu thọ có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn v.v. (giản lược, Vật Tiền Sinh giản lược) (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới sinh khởi, tà kiến v.v. hoài nghi v.v. ưu thọ có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới sinh khởi (Vật Tiền Sinh giản lược) (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là vì Nhãn v.v. Ý Vật khai đầu, Uẩn đồng hành hoài nghi và Si mới sinh khởi (Vật Tiền Sinh giản lược) (3)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA) VÀ TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[82] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Hậu Sinh Duyên (giản lược).

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Hậu Sinh Duyên (giản lược)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Hậu Sinh Duyên (giản lược)

…Làm duyên theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA) v.v.

[83] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Nghiệp Lực

Duyên đó là Tư Tâm Sở có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên) có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

...Làm duyên theo phương thức Dị Thục Quả Duyên...Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên...Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên...Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên...Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên...Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ.

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA) v.v.

[84] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực (giản lược).

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh (giản lược)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần

phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh (giản lược) (3)

[85] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và Ý Vật làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. 1 Uẩn đồng hành hoài nghi và Si làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v.

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực (giản lược)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh (giản lược) (3)

...Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên...Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên...Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[86] Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 4 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 4 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 4 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[87] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên.

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Hậu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên.

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (3)

[88] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên.

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên.

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (3)

[89] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên.

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải đoạn trừ Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên.

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (3)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[90] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Phi Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

3. THUẬN – NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[91] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián

Duyên với Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 6 thời kỳ v.v. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 6 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[92] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ (nên giảng giải Câu Mẫu Đề Thuận Tùng Duyên cho quảng nghĩa) v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Nhị Đề Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân

86. NHỊ ĐỀ TU TẬP ĐOẠN TRỪ TÁC NHÂN (BHĀVANĀYAPAHĀTABBAHETUKADUKA)

I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

[93] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương vào Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v.

(Theo Phần này, Giai Đoạn Liên Quan, Giai Đoạn Câu Sinh, Giai Đoạn Duyên Sinh, Giai Đoạn Y Chỉ, Giai Đoạn Hỗn Tạp và Giai Đoạn Tương Ưng tương tự Nhị Đề Kiến Giải Đoạn Trừ Tu Tập. Si đồng hành trạo cử nên đặt để trong vị trí của Si đồng hành hoài nghi).

86. NHỊ ĐỀ TU TẬP ĐOẠN TRỪ TÁC NHÂN (BHĀVANĀYAPAHĀTABBAHETUKADUKA)

VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[94] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân ba thượng tằng Đạo nên đoạn trừ theo phương thức Nhân Duyên có 6 thời kỳ v.v. (tương tự Nhị Đề Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân).

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[95] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên có 3 thời kỳ (nên bổ túc lời nói rằng "vì khai đầu" tương tự Nhị Đề Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân).

[96] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy khai đầu, tham ái có tác nhân không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới sinh khởi, tà kiến v.v. hoài nghi v.v. ưu thọ có tác nhân không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới sinh khởi. Người tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo v.v. làm duyên đối với Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não có tác nhân không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ đã được đoạn tận rồi v.v. tri đắc phiền não đã từng sinh khởi v.v. Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật, Uẩn có tác nhân không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và Si thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái có tác nhân không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới sinh khởi, tà kiến v.v. hoài nghi v.v. ưu thọ có tác nhân không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn v.v. làm duyên đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, Tâm Khai Môn và Si theo phương thức Cảnh Duyên (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật v.v. tư khảo lại Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, Uẩn có tác nhân không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và Si, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới sinh khởi, trạo cử v.v. ưu thọ có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Nhãn v.v. Ý Vật, Uẩn có tác nhân không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và Si khai đầu, Uẩn đồng hành trạo cử và Si mới sinh khởi (nên thực hiện Cảnh Hiệp Lực cho thành 3 thời kỳ) (3)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA) v.v.

[97] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di tham ái có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di tham ái ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di tham ái có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di tham ái ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái có tác nhân không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới sinh khởi, tà kiến v.v.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (3)

[98] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái có tác nhân không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới sinh khởi, tà kiến v.v. Người tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo v.v. làm duyên đối với Quả theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn có tác nhân không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái có tác nhân không cần phải ba thượng tằng Đạo mới sinh khởi, tà kiến v.v.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng có tác nhân không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là người đã xả thí v.v. xuất khỏi

Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn có tác nhân không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới sinh khởi (2)

(Trong Vô Gián Duyên không nên bổ túc Si đồng hành hoài nghi bởi vì lý do của Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ, nhưng nên bổ túc Si đồng hành trạo cử).

...Làm duyên theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên...Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ.

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[99] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn có tác nhân không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và Si theo phương thức Cận Y Duyên. Sự hỷ duyệt với mãnh lực sự mãn ý trong vật phẩm của mình **(Chandarāga sakabhaṇḍa – Tham dục vật phẩm bản thân)** làm duyên đối với sự hỷ duyệt với mãnh lực sự mãn ý trong vật phẩm của tha nhân theo phương thức Cận Y Duyên. Sự hỷ duyệt với mãnh lực sự mãn ý trong vật phẩm trân ái **(Chandarāga parabhaṇḍa – Tham dục vật phẩm trân ái)** của mình làm duyên đối với sự hỷ duyệt với mãnh lực sự mãn ý trong vật phẩm trân ái của tha nhân theo phương thức Cận Y Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn đồng hành trạo cử và Si theo phương thức Cận Y Duyên (3)

[100] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Tuệ v.v. tham ái có tác nhân không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ...sân...si...ngã mạn...tà kiến...sự dục vọng ...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ v.v. Trú Xứ rồi xả thí v.v. sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín v.v. Tuệ v.v. tham ái có tác nhân không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ...sân...si...tà kiến...sự dục vọng...Thân Thọ Lạc v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi có ngã mạn v.v. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với tham ái có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ...sân...si... ngã mạn và sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Tín v.v. Tuệ v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Uẩn đồng hành trạo cử và Si theo phương thức Cận Y Duyên (ngay cả Cận Y Hiệp Lực cũng nên thực hiện thành 3 thời kỳ) (3)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA) v.v.

[101] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 3 thời kỳ.

...Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên có 3 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (Dị Thời có được trong tác nhân của việc phân chia Pháp Thực Tính không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ) v.v...Làm duyên theo Phi Ly Khứ Duyên.

(Giản lược, Duyên trong Nhị Đề Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân, Đối Nghịch Duyên, Sự Phân Tích và việc đếm tương tự Nhị Đề Kiến Giải Đoạn Trừ, không có điều sai biệt).

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. (hơn nữa, nên bổ túc "Sự hỷ duyệt với mãnh lực sự mãn ý trong vật phẩm của mình **(Chandarāga sakabhaṇḍa – Tham dục vật phẩm bản thân)** vào với).

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ v.v. (hơn nữa, nên bổ túc "Sự hỷ duyệt với mãnh lực sự mãn ý trong vật phẩm của mình **(Chandarāga sakabhaṇḍa – Tham dục vật phẩm bản thân)** vào với).

Kết Thúc Nhị Đề Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân

87. NHỊ ĐỀ HỮU TẦM (SAVITAKKADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

[102] Pháp Thực Tính hữu Tầm nương vào Pháp Thực Tính hữu Tầm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn hữu Tầm sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính bất hữu Tầm nương vào Pháp Thực Tính hữu Tầm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Tầm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn hữu Tầm sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm nương vào Pháp Thực Tính hữu Tầm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, Tầm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn hữu Tầm sinh khởi v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

[103] Pháp Thực Tính bất hữu Tầm nương vào Pháp Thực Tính bất hữu Tầm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn bất hữu Tầm sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tầm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, 3 Uẩn và Sắc Tái Sinh nương vào 1 Uẩn bất hữu Tầm sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tái Sinh nương vào Tầm sinh khởi, Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi, Ý Vật nương vào Tầm sinh khởi, Tầm nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính hữu Tầm nương vào Pháp Thực Tính bất hữu Tầm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng nương vào Tầm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Uẩn tương ưng nương vào Tầm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Uẩn hữu Tầm nương vào Ý Vật sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm nương vào Pháp Thực Tính bất hữu Tầm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tầm sinh khởi, Uẩn hữu Tầm nương vào Tầm sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh nương vào Tầm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Uẩn hữu Tầm nương vào Tầm sinh khởi, Sắc Tái Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Uẩn hữu Tầm nương vào Ý Vật sinh khởi, Sắc Tái Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Tầm và Uẩn tương ưng nương vào Ý Vật sinh khởi (3)

[104] Pháp Thực Tính hữu Tầm nương vào Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn hữu Tầm và nương vào Tầm sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn hữu Tầm và nương vào Tầm sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn hữu Tầm và nương vào Ý Vật sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Tầm nương vào Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn hữu Tầm và nương vào Tầm và Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh nương vào Uẩn hữu

Tầm, Tầm và Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Tầm nương vào Uẩn hữu Tầm và nương vào Ý Vật sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm nương vào Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn hữu Tầm và nương vào Tầm sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn hữu Tầm và nương vào Tầm sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn hữu Tầm và nương vào Tầm và Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh, 3 Uẩn và Sắc Tái Sinh nương vào 1 Uẩn hữu Tầm và nương vào Tầm sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn hữu Tầm và nương vào Tầm sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tái Sinh nương vào Uẩn hữu Tầm, Tầm và Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh, 3 Uẩn và Tầm nương vào 1 Uẩn hữu Tầm và nương vào Ý Vật sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3) (giản lược)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[105] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ v.v. Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 6 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

1. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[106] Pháp Thực Tính hữu Tầm nương vào Pháp Thực Tính hữu Tầm sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn Vô Nhân hữu Tầm sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (nên bổ túc cả 2 thời kỳ còn lại có Pháp Thực Tính hữu Tầm làm Căn Nguyên là Vô Nhân, không có điều sai biệt nhau) (3)

Pháp Thực Tính bất hữu Tầm nương vào Pháp Thực Tính bất hữu Tầm sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn Vô Nhân bất hữu Tầm sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Tầm Vô Nhân sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Sắc Tái Sinh nương vào Tầm sinh khởi, Ý Vật nương vào Tầm sinh khởi, Tầm nương vào Ý Vật sinh khởi…nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính hữu Tầm nương vào Pháp Thực Tính bất hữu Tầm sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng nương vào Tầm Vô Nhân sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Uẩn tương ưng nương vào Tầm sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Uẩn Vô Nhân

hữu Tầm nương vào Ý Vật sinh khởi, Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Tầm sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm nương vào Pháp Thực Tính bất hữu Tầm sinh khởi vì Phi Nhân Duyên (giản lược, tương tự Nhân Duyên nên quy định rằng là Vô Nhân) (3)

Pháp Thực Tính hữu Tầm nương vào Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn Vô Nhân hữu Tầm và nương vào Tầm sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn hữu Tầm và nương vào Tầm sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn hữu Tầm và nương vào Ý Vật và Tầm sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi, đồng hành trạo cử và nương vào Tầm sinh khởi (2 thời kỳ còn lại tương tự Nhân Duyên, không có điều sai biệt nhau, nên quy định rằng là Vô Nhân) (3)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[107] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

3. THUẬN – NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[108] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 3 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[109] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ v.v. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ v.v. Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có

9 thời kỳ v.v. Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ).

(Giai Đoạn Câu Sinh tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

87. NHỊ ĐỀ HỮU TẦM (SAVITAKKADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[110] Pháp Thực Tính hữu Tầm tác hành Pháp Thực Tính hữu Tầm cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính bất hữu Tầm tác hành Pháp Thực Tính bất hữu Tầm cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn bất hữu Tầm cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Tầm cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh, 3 Uẩn và Sắc Tái Sinh tác hành 1 Uẩn bất hữu Tầm cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh tác hành Tầm cho thành duyên sinh khởi, Ý Vật tác hành Uẩn cho thành duyên sinh khởi, Uẩn tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Ý Vật tác hành Tầm cho thành duyên sinh khởi, Tầm tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, 3 Sắc Đại Hiển tác hành 1 Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi v.v. Uẩn bất hữu Tầm tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Tầm tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi.

Pháp Thực Tính hữu Tầm tác hành Pháp Thực Tính bất hữu Tầm cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng tác hành Tầm cho thành duyên sinh khởi, Uẩn hữu Tầm tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (ngay cả trong tái sinh cũng có 2 thời kỳ).

Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm tác hành Pháp Thực Tính bất hữu Tầm cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Tầm cho thành duyên sinh khởi, Uẩn tương ưng tác hành Tầm cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, Uẩn hữu Tầm tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, Tầm và Uẩn Tương Ưng tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. [ngay cả trong Thời Kỳ Tái Sinh **(Paṭisandhi kāla)** chính thị cũng tương tự Thời Kỳ Chuyển Khởi **(Pavattikāla)**] (3)

[111] Pháp Thực Tính hữu Tầm tác hành Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn hữu Tầm và tác hành Tầm cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn hữu Tầm và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (trong sát na tái sinh nên bổ túc thành 2 thời kỳ) (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Tầm tác hành Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn hữu Tầm và tác hành Tầm cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn hữu Tầm và tác hành Tầm và Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, Tầm tác hành Uẩn hữu Tầm và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (có 3 thời kỳ ngay cả trong tái sinh) (2)

Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm tác hành Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn hữu Tầm và tác hành Tầm cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn hữu Tầm, Tầm và Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn hữu Tầm và tác hành Tầm và Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi, 3 Uẩn và Tầm tác hành 1 Uẩn hữu Tầm và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[112] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

[113] Pháp Thực Tính hữu Tầm tác hành Pháp Thực Tính hữu Tầm cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên (nên bổ túc thành 9 thời kỳ, nên quy định rằng là Vô Nhân chỉ có 3 thời kỳ thôi, nên nêu Si lên trình bày, thời kỳ cũng tương tự Nhân Duyên. Chính thị trong sát na tái sinh, Ngũ Thức là Pháp Thực Tính đặc biệt, Si và Tầm cũng nên nêu lên trình bày).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[114] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

(Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Y Chỉ nên thực hiện như thế này).

87. NHỊ ĐỀ HỮU TẦM (SAVITAKKADUKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṄSAṬṬHAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[115] Pháp Thực Tính hữu Tầm sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính hữu Tầm vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn hữu Tầm v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính bất hữu Tầm sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính hữu Tầm vì Nhân Duyên đó là Tầm sinh hỗn tạp với Uẩn hữu Tầm. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính hữu Tầm vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Tầm sinh hỗn tạp với 1 Uẩn hữu Tầm v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

Pháp Thực Tính bất hữu Tầm sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính bất hữu Tầm vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn bất hữu Tầm v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính hữu Tầm sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính bất hữu Tầm vì Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng sinh hỗn tạp với Tầm. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

Pháp Thực Tính hữu Tầm sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn hữu Tầm và hỗn tạp với Tầm v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1) (giản lược).

Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Cảnh Duyên có 6 thời kỳ. Trưởng Duyên có 6 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 6 thời kỳ). Bất Ly Duyên có 6 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

Pháp Thực Tính hữu Tầm sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính hữu Tầm vì Phi Nhân Duyên (nên bổ túc thành 6 thời kỳ như thế này tương tự Thuận Tùng Duyên, nên thực hiện quy định rằng là Vô Nhân chỉ có 3 thời kỳ thôi, nên nêu Si lên trình bày)

Phi Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 6 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 6 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

(Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Tương Ưng nên thực hiện như thế này).

87. NHỊ ĐỀ HỮU TẦM (SAVITAKKADUKA)

VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[116] Pháp Thực Tính hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân hữu Tầm làm duyên đối Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Tầm theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân hữu Tầm làm duyên đối với Tầm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Nhân hữu Tầm làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tầm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

Pháp Thực Tính bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Tầm theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân bất hữu Tầm làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[117] Pháp Thực Tính hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Uẩn hữu Tầm khai đầu, Uẩn hữu Tầm mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn hữu Tầm khai đầu, Uẩn bất hữu Tầm và Tầm mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn hữu Tầm khai đầu, Uẩn bất hữu Tầm và Tầm mới sinh khởi (3)

[118] Pháp Thực Tính bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Tầm theo phương thức Cảnh Duyên đó là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Thiền Định bất hữu Tầm rồi tư khảo lại Thiền Định bất hữu Tầm, xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Đạo bất hữu Tầm, Quả và Tầm theo phương thức Cảnh Duyên. Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật, Uẩn bất hữu Tầm và Tầm thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, Tầm mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm bất hữu Tầm, Không Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ v.v. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ v.v. Uẩn bất hữu Tầm làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tầm theo phương thức Cảnh Duyên. Vì Uẩn bất hữu Tầm và Tầm khai đầu, Uẩn bất hữu Tầm và Tầm mới sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm theo phương thức Cảnh Duyên đó là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Thiền Định bất hữu Tầm v.v.

xuất khỏi Đạo v.v. xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo hữu Tầm, Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Người khán kiến minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật, Uẩn bất hữu Tầm và Tầm thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái mới sinh khởi v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Vì Uẩn bất hữu Tầm và Tầm khai đầu, Uẩn hữu Tầm mới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm theo phương thức Cảnh Duyên đó là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Thiền Định bất hữu Tầm v.v. xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo hữu Tầm, Quả, Tâm Khai Môn và Tầm theo phương thức Cảnh Duyên. Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật, Uẩn bất hữu Tầm và Tầm thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, Uẩn hữu Tầm và Tầm mới sinh khởi. Vì Uẩn bất hữu Tầm và Tầm khai đầu, Uẩn hữu Tầm và Tầm mới sinh khởi (3)

[119] Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Uẩn hữu Tầm và Tầm khai đầu, Uẩn hữu Tầm mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn hữu Tầm và Tầm khai đầu, Uẩn bất hữu Tầm và Tầm mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn hữu Tầm và Tầm khai đầu, Uẩn hữu Tầm và Tầm mới sinh khởi (3)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[120] Pháp Thực Tính hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là vì thực hiện Uẩn hữu Tầm cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn hữu Tầm mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng hữu Tầm làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Tầm theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là vì thực hiện Uẩn hữu Tầm cho thành Cảnh một cách kiên định, Tầm mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng hữu Tầm làm duyên đối với Tầm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (2)

Pháp Thực Tính hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là vì thực hiện Uẩn hữu Tầm cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn hữu Tầm và Tầm mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng hữu Tầm làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tầm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (3)

[121] Pháp Thực Tính bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Tầm theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Thiền Định bất hữu Tầm v.v. xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo v.v. xuất khỏi Quả rồi tư khỏi lại Quả cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định, Níp Bàn làm duyên đối với Đạo bất hữu Tầm, Quả và Tầm theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, Uẩn bất hữu Tầm và Tầm cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, Tầm mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng bất hữu Tầm làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. Vì thực hiện Uẩn bất hữu Tầm và Tầm cho thành Cảnh một cách kiên định, Tầm mới sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Thiền Định bất hữu Tầm rồi tư khảo lại Thiền Định v.v. xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Quả cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo hữu Tầm và Quả theo phương thức Trưởng Duyên. Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật, Uẩn bất hữu Tầm và Tầm cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi. Vì thực hiện Uẩn bất hữu Tầm và Tầm cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn hữu Tầm mới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Thiền Định bất hữu Tầm v.v. xuất khỏi Đạo v.v. xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Quả cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo hữu Tầm, Quả và Tầm theo phương thức Trưởng Duyên. Người thực hiện Nhãn v.v. Ý Vật, Uẩn bất hữu Tầm và Tầm cho thành Cảnh một cách kiên định, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi. Vì thực hiện Uẩn bất hữu Tầm và Tầm cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn hữu Tầm và Tầm mới sinh khởi (3)

Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là vì thực hiện Uẩn hữu Tầm và Tầm cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn hữu Tầm mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì thực hiện Uẩn hữu Tầm và Tầm cho thành Cảnh một cách kiên định, Tầm mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì thực hiện Uẩn hữu Tầm và Tầm cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn hữu Tầm và Tầm mới sinh khởi (3)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.

[122] Pháp Thực Tính hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn hữu Tầm sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn hữu Tầm sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn hữu Tầm sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn bất hữu Tầm sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Tử **(Cuticitta)** hữu Tầm làm duyên đối với Tâm Tái Sinh **(Uppatticitta)** bất hữu Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với 5 Thức theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn hữu Tầm làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** bất hữu Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên. Chuẩn Bị Nhị Thiền làm duyên đối với Nhị Thiền theo phương thức Vô Gián Duyên. Chuẩn Bị Tam Thiền v.v. Chuẩn Bị Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Chuẩn Bị Thiên Nhãn v.v. Chuẩn Bị Thiên Nhĩ Giới v.v. Chuẩn Bị Thần Túc Trí v.v. Tha Tâm Trí v.v. Túc Mạng Tùy Niệm Trí v.v. Chuẩn Bị Tùy Nghiệp Thú Trí làm duyên đối với Tùy Nghiệp Thú Trí v.v. Chuẩn Bị Vị Lai Tiên Giác Trí làm duyên đối với Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Vô Gián Duyên. Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo bất hữu Tầm, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo bất hữu Tầm, Thuận Tùng làm duyên đối với Nhập Thiền Quả bất hữu Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

Pháp Thực Tính hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn hữu Tầm sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn hữu Tầm và Tầm sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

[123] Pháp Thực Tính bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Tầm sinh trước trước làm duyên đối với Tầm sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn bất hữu Tầm sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn bất hữu Tầm sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Đạo bất hữu Tầm làm duyên đối với Quả bất hữu Tầm v.v. Quả bất hữu Tầm làm duyên đối với Quả bất hữu Tầm v.v. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả Duyên bất hữu Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên đó là (Uẩn bất hữu Tầm) sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn hữu Tầm sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Tử **(Cuticitta)** bất hữu Tầm làm duyên đối với Tâm Tái Sinh **(Uppatticitta)** hữu Tầm, Tâm Hữu Phần bất hữu Tầm làm duyên đối với Tâm Khai Môn, Uẩn bất hữu Tầm làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** hữu Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Tầm sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn hữu Tầm và Tầm sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

[124] Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn hữu Tầm và Tầm sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn hữu Tầm sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn hữu Tầm và Tầm sinh trước trước làm duyên đối với Tầm sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Tử **(Cuticitta)** hữu Tầm và Tầm làm duyên đối với Tâm Tái Sinh **(Uppatticitta)** bất hữu Tầm v.v. Tâm Khai Môn và Tầm làm duyên đối với 5 Thức v.v. Uẩn hữu Tầm và Tầm làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** bất hữu Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên. Chuẩn Bị Nhị Thiền và Tầm v.v. (nội dung viết để trong ban đầu cũng nên thấu hiểu với lý do này). Thuận Tùng và Tầm làm duyên đối với Nhập Thiền Quả bất hữu Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn hữu Tầm và Tầm sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn hữu Tầm và Tầm sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

...Làm duyên theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ.

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[125] Pháp Thực Tính hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Uẩn hữu Tầm làm duyên đối với Uẩn hữu Tầm theo phương thức Cận Y Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn hữu Tầm làm duyên đối với Uẩn bất hữu Tầm và Tầm theo phương thức Cận Y Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn hữu Tầm làm duyên đối với Uẩn hữu Tầm và Tầm theo phương thức Cận Y Duyên (3)

[126] Pháp Thực Tính bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Tầm theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín bất hữu Tầm rồi thực hiện Thiền Định bất hữu Tầm cho sinh khởi, thực hiện Đạo cho sinh khởi, thực hiện Thắng Trí cho sinh khởi, thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi. Nương vào Giới bất hữu Tầm v.v. Tuệ v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Thân Thọ Khổ v.v. Quý Tiết v.v. Ẩm Thực v.v. Trú Xứ và Tầm rồi thực hiện Thiền Định bất hữu Tầm v.v. Đạo v.v. Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định cho sinh khởi. Tín bất hữu Tầm v.v. Trú Xứ và Tầm làm duyên đối với Tín bất hữu Tầm v.v. Tuệ...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ...Đạo bất hữu Tầm và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm theo phương thức Cận Y Duyên (có 3 thời kỳ, nên bổ túc Cận Y Duyên vào trong hết mọi nơi) đó là người nương vào Tín bất hữu Tầm rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp

lực, thực hiện Thiền Định hữu Tầm v.v. Minh Sát Tuệ v.v. Đạo v.v. Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định cho sinh khởi, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới bất hữu Tầm v.v. Trú Xứ và Tầm rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi, sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín bất hữu Tầm v.v. Trú Xứ và Tầm làm duyên đối với Tín hữu Tầm v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sự dục vọng...Đạo hữu Tầm và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm theo phương thức Cận Y Duyên đó là người nương vào Tín bất hữu Tầm rồi xả thí v.v. (nên bổ túc Câu viết trong thời kỳ thứ hai **(Dutiyavāra)** vào hết tất cả), thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Tuệ v.v. Trú Xứ và Tầm rồi xả thí v.v. sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín bất hữu Tầm v.v. Trú Xứ và Tầm làm duyên đối với Tín hữu Tầm v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sự dục vọng...Đạo hữu Tầm...Nhập Thiền Quả và Tầm theo phương thức Cận Y Duyên (3)

[127] Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm theo phương thức Cận Y Duyên đó là Uẩn hữu Tầm và Tầm làm duyên đối với Uẩn theo phương thức Cận Y Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn hữu Tầm và Tầm làm duyên đối với Uẩn bất hữu Tầm và Tầm theo phương thức Cận Y Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn hữu Tầm và Tầm làm duyên đối với Uẩn hữu Tầm và Tầm theo phương thức Cận Y Duyên (3)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[128] Pháp Thực Tính bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Tầm theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần đi, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần đi Nhãn ấy v.v. khai đầu, Tầm mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn bất hữu Tầm và Tầm theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Pháp Thực Tính bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần đi, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần đi Nhãn ấy v.v. khai đầu, Uẩn hữu Tầm mới sinh khởi.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn hữu Tầm theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Pháp Thực Tính bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, Uẩn hữu Tầm và Tầm mới sinh khởi.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn hữu Tầm và Tầm theo phương thức Tiền Sinh Duyên (3)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA) VÀ TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[129] Pháp Thực Tính hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Tầm theo phương thức Hậu Sinh Duyên (Hậu Sinh Duyên có 3 thời kỳ). Làm duyên theo phương thức Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ.

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA) v.v.

[130] Pháp Thực Tính hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở hữu Tầm làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở hữu Tầm làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả hữu Tầm theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (Theo Phần này mới có 4 thời kỳ nên bổ túc cả Câu Sinh và Dị Thời).

...Làm duyên theo phương thức Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên có 4 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên có 9 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ.

[131] Pháp Thực Tính hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Tầm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh (giản lược)

Pháp Thực Tính bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh (giản lược)

Pháp Thực Tính bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là trong sát na tái sinh, Ý Vật làm duyên đối với Tầm và Uẩn tương ưng theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Tầm và Uẩn tương ưng theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (3)

Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Tầm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA) v.v.

[132] Pháp Thực Tính hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm theo phương thức Hiện Hữu Duyên (có 1 thời kỳ tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Tầm theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược)

Pháp Thực Tính bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm theo phương thức Hiện Hữu Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (3)

Pháp Thực Tính bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Tầm theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực (giản lược)

Pháp Thực Tính bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh (giản lược)

Pháp Thực Tính bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là Tầm làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na tái sinh, Tầm làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na tái sinh, Ý Vật làm duyên đối với Tầm và Uẩn tương ưng theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, Tầm và Uẩn tương ưng mới sinh khởi, Ý Vật làm duyên đối với Tầm và Uẩn tương ưng theo phương thức Hiện Hữu Duyên (3)

[133] Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn hữu Tầm và Tầm làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn hữu Tầm và Ý Vật làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. (trong sát na tái sinh nên thực hiện ngay cả Câu Sinh cho thành 2 thời kỳ) (1)

Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Tầm theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là Uẩn hữu Tầm và Tầm làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Câu Sinh đó là Uẩn hữu Tầm và Ý Vật làm duyên đối với Tầm theo phương thức Hiện Hữu Duyên (trong sát na tái sinh có 3 thời kỳ).

Hậu Sinh đó là Uẩn hữu Tầm và Tầm làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn hữu Tầm, Tầm và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn hữu Tầm, Tầm và Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn hữu Tầm và Tầm làm duyên đối với 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn hữu Tầm và Ý Vật làm duyên đối với 3 Uẩn và Tầm theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. (ngay cả trong sát na tái sinh cũng có 2 thời kỳ) (3)

...Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên...Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên...Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[134] Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 4 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 9 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRA)

[135] Pháp Thực Tính hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên.

Pháp Thực Tính hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Tầm theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Hậu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên.

Pháp Thực Tính hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên (3)

[136] Pháp Thực Tính bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Tầm theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên.

Pháp Thực Tính bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên.

Pháp Thực Tính bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (3)

[137] Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên.

Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Tầm theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên.

Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Tầm và bất hữu Tầm theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (3)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[138] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Trong Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

3. THUẬN – NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[139] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ v.v. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ v.v. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên vớ Nhân Duyên có 4 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[140] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ v.v. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ (nên giảng giải Câu Mẫu Đề Thuận Tùng Duyên cho quảng nghĩa) v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Nhị Đề Hữu Tầm

88. NHỊ ĐỀ HỮU TỨ (SAVICĀRADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

[141] Pháp Thực Tính hữu Tứ nương vào Pháp Thực Tính hữu Tứ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn có Tứ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (nên thực hiện Nhị Đề này cho tương tự Nhị Đề Hữu Tầm, không có điều sai biệt nhau. Đồ Đạo Duyên trong Nhị Đề này nên bổ túc thành 4 thời kỳ và trong Nhị Đề Hữu Tứ có điều sai biệt này thôi).

Kết Thúc Nhị Đề Hữu Tứ

89. NHỊ ĐỀ HỮU HỶ (SAPPĪTIKADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[142] Pháp Thực Tính hữu Hỷ nương vào Pháp Thực Tính hữu Hỷ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn hữu Hỷ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ nương vào Pháp Thực Tính hữu Hỷ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Hỷ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn hữu Hỷ sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính hữu Hỷ và bất hữu Hỷ nương vào Pháp Thực Tính hữu Hỷ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, Hỷ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn hữu Hỷ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ nương vào Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn bất hữu Hỷ sinh khởi v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Hỷ sinh khởi. Trong sát na tái sinh, 3 Uẩn và Sắc Tái Sinh nương vào 1 Uẩn bất hữu Hỷ sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tái Sinh nương vào Hỷ sinh khởi, Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi, Ý Vật nương vào Hỷ sinh khởi, Hỷ nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (nên bổ túc Nhị Đề Hữu Hỷ cho tương tự Nhị Đề Hữu Tầm trong hết mọi nơi, trong hết mọi

nơi Thời Kỳ Chuyển Khởi **(Pavattikāla)** và Thời Kỳ Tái Sinh **(Paṭisandhikāla)** có 9 thời kỳ).

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[143] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ v.v. Tiền Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[144] Pháp Thực Tính hữu Hỷ nương vào Pháp Thực Tính hữu Hỷ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn Vô Nhân hữu Hỷ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v.

Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ nương vào Pháp Thực Tính hữu Hỷ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Hỷ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Vô Nhân hữu Hỷ sinh khởi.

Pháp Thực Tính hữu Hỷ và bất hữu Hỷ nương vào Pháp Thực Tính hữu Hỷ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn, Hỷ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân hữu Hỷ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ nương vào Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân bất hữu Hỷ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Hỷ sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, 3 Uẩn và Sắc Tái Sinh nương vào 1 Uẩn bất hữu Hỷ sinh khởi v.v. 2 Uẩn và Sắc Tái Sinh nương vào 2 Uẩn sinh khởi, Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng), Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi.

Pháp Thực Tính hữu Hỷ nương vào Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Uẩn hữu Hỷ nương vào Hỷ Vô Nhân sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn hữu Hỷ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Hỷ sinh khởi (3)

[145] Pháp Thực Tính hữu Hỷ nương vào Pháp Thực Tính hữu Hỷ và bất hữu Hỷ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn Vô Nhân hữu Hỷ và nương vào Hỷ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v.

Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ nương vào Pháp Thực Tính hữu Hỷ và bất hữu Hỷ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Vô Nhân hữu Hỷ và

nương vào Hỷ sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Vô Nhân hữu Hỷ và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi.

Pháp Thực Tính hữu Hỷ và bất hữu Hỷ nương vào Pháp Thực Tính hữu Hỷ và bất hữu Hỷ sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân hữu Hỷ và nương vào Hỷ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn Vô Nhân hữu Hỷ và nương vào Hỷ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Vô Nhân hữu Hỷ và nương vào Hỷ và Sắc Đại Hiển sinh khởi (3)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[146] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

(Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Câu Sinh nên thực hiện như thế này).

89. NHỊ ĐỀ HỮU HỶ (SAPPĪTIKADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

[147] Pháp Thực Tính hữu Hỷ tác hành Pháp Thực Tính hữu Hỷ cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên (giản lược, Thời Kỳ Chuyển Khởi và Thời Kỳ Tái Sinh có 9 thời kỳ hoàn toàn tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh. Phía Thuận Tùng Duyên trong Nhị Đề Hữu Tầm, Hỷ không có điều sai biệt nhau).

Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

Pháp Thực Tính hữu Hỷ tác hành Pháp Thực Tính hữu Hỷ cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ tác hành Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên (nên bổ túc cả Thời Kỳ Chuyển Khởi và Thời Kỳ Tái Sinh tương tự Giai Đoạn Liên Quan, nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô

Tưởng) Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi, Uẩn Vô Nhân bất hữu Hỷ và Hỷ tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi, đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (tương tự Thuận Tùng Duyên có 9 thời kỳ, chỉ có Thời Kỳ Chuyển Khởi thôi, không có Thời kỳ Tái Sinh, duy nhứt chỉ có Si thôi).

Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

(Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Y Chỉ nên thực hiện như thế này)

89. NHỊ ĐỀ HỮU HỶ (SAPPĪTIKADUKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṄSAṬṬHAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

[148] Pháp Thực Tính hữu Hỷ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính hữu Hỷ vì Nhân Duyên v.v. Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Cảnh Duyên có 6 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 6 thời kỳ). Bất Ly Duyên có 6 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

Phi Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 6 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 6 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

(Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Tương Ưng nên thực hiện như thế này)

89. NHỊ ĐỀ HỮU HỶ (SAPPĪTIKADUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[149] Pháp Thực Tính hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Hỷ theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân hữu Hỷ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân hữu Hỷ làm duyên đối với Hỷ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên) Nhân hữu Hỷ làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Hỷ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân bất hữu Hỷ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[150] Pháp Thực Tính hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Hỷ theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Uẩn hữu Hỷ khai đầu, Uẩn hữu Hỷ mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn hữu Hỷ khai đầu, Uẩn bất hữu Hỷ và Hỷ mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn hữu Hỷ khai đầu, Uẩn hữu Hỷ và Hỷ mới sinh khởi (3)

[151] Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực với Tâm bất hữu Hỷ, tư khảo lại với Tâm bất hữu Hỷ, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy khai đầu, tham ái bất hữu Hỷ mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi, hoài nghi mới sinh khởi, trạo cử mới sinh khởi, ưu thọ mới sinh khởi. Người xuất khỏi Thiền Định bất hữu Hỷ v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo v.v. xuất khỏi Quả rồi, tư khảo lại Quả với Tâm bất hữu Hỷ. Bậc Thánh Nhân tư khảo Níp Bàn với Tâm bất hữu Hỷ, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo, Quả, Tâm Khai Môn bất hữu Hỷ và Hỷ theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não bất hữu Hỷ đã được đoạn tận rồi với Tâm hữu Hỷ v.v. tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi v.v. tri đắc phiền não đã từng sinh khởi v.v. Kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật, Uẩn bất hữu Hỷ và Hỷ với Tâm bất hữu Hỷ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái bất hữu Hỷ mới sinh khởi v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Cảnh Duyên. Uẩn bất hữu Hỷ làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí, Tâm Khai Môn và Hỷ theo phương thức Cảnh Duyên. Vì Uẩn bất hữu Hỷ và Hỷ khai đầu, Uẩn bất hữu Hỷ và Hỷ mới sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Hỷ theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực với Tâm bất hữu Hỷ, tư khảo lại với Tâm hữu Hỷ , hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy khai đầu, tham ái hữu Hỷ mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi. Người xuất khỏi Thiền Định bất hữu Hỷ v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo v.v. xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Quả với Tâm hữu Hỷ. Bậc Thánh Nhân tư khảo Níp Bàn với Tâm hữu Hỷ, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo và Quả hữu Hỷ theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não bất hữu Hỷ đã được đoạn tận rồi v.v. tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi v.v. tri đắc phiền não đã từng sinh khởi v.v. Kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật, Uẩn bất hữu Hỷ và Hỷ với Tâm hữu Hỷ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái hữu Hỷ mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi. Vì Uẩn bất hữu Hỷ và Hỷ khai đầu, Uẩn hữu Hỷ mới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Hỷ và bất hữu Hỷ theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực với Tâm bất hữu Hỷ, tư khảo lại với Tâm hữu Hỷ, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy khai đầu, Uẩn hữu Hỷ và Hỷ mới sinh khởi. Người xuất khỏi Thiền Định bất hữu Hỷ v.v. xuất khỏi Đạo v.v. xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Quả với Tâm hữu Hỷ. Bậc Thánh Nhân tư khảo Níp Bàn với Tâm hữu Hỷ, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo, Quả hữu Hỷ và Hỷ theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não bất hữu Hỷ đã được đoạn tận rồi, tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi v.v. tri đắc phiền não đã từng sinh khởi v.v. Kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật, Uẩn bất hữu Hỷ và Hỷ với Tâm hữu Hỷ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái hữu Hỷ mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi. Vì Uẩn bất hữu Hỷ và Hỷ khai đầu, Uẩn hữu Hỷ và Hỷ mới sinh khởi. Vì Uẩn bất hữu Hỷ và Hỷ khai đầu, Uẩn hữu Hỷ và Hỷ mới sinh khởi (3)

[152] Pháp Thực Tính hữu Hỷ và bất hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Hỷ theo phương thức Cảnh Duyên đó là vì Uẩn hữu Hỷ và Hỷ khai đầu, Uẩn hữu Hỷ mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn hữu Hỷ và Hỷ khai đầu, Uẩn bất hữu Hỷ và Hỷ mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì Uẩn hữu Hỷ và Hỷ khai đầu, Uẩn hữu Hỷ và Hỷ mới sinh khởi (3)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[153] Pháp Thực Tính hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Hỷ theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là vì thực hiện Uẩn hữu Hỷ cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn hữu Hỷ mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng hữu Hỷ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là vì thực hiện Uẩn hữu Hỷ cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn bất hữu Hỷ và Hỷ mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng hữu Hỷ làm duyên đối với Hỷ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (2)

Pháp Thực Tính hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Hỷ và bất hữu Hỷ theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là vì thực hiện Uẩn hữu Hỷ cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn bất hữu Hỷ và Hỷ mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng hữu Hỷ làm duyên đối với Uẩn tương ưng Hỷ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (3)

[154] Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực với Tâm bất hữu Hỷ v.v. tư khảo lại Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định với Tâm bất hữu Hỷ, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái bất hữu Hỷ mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi. Người xuất khỏi Thiền Định bất hữu Hỷ v.v. xuất khỏi Đạo v.v. xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Quả cho thành Cảnh một cách kiên định với Tâm bất hữu Hỷ. Bậc Thánh Nhân tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định với Tâm bất hữu Hỷ, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo và Nhập Thiền Quả bất hữu Hỷ và Hỷ theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, Uẩn bất hữu Hỷ và Hỷ cho thành Cảnh một cách kiên định với Tâm bất hữu Hỷ. Vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái bất hữu Hỷ mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi. Vì thực hiện Uẩn bất hữu Hỷ và Hỷ cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn bất hữu Hỷ và Hỷ mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng bất hữu Hỷ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Hỷ theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực với Tâm bất hữu Hỷ v.v. (giản lược). Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo và Quả hữu Hỷ theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, Uẩn bất hữu Hỷ và Hỷ cho thành Cảnh một cách kiên định với Tâm hữu Hỷ. Vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái hữu Hỷ mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi. Vì thực hiện Uẩn bất hữu Hỷ và Hỷ cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn hữu Hỷ mới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Hỷ và bất hữu Hỷ theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là người đã xả thí v.v. (giản lược) Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo và Quả hữu Hỷ và Hỷ theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. Ý Vật, Uẩn bất hữu Hỷ và Hỷ cho thành Cảnh một cách kiên định với Tâm hữu Hỷ, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái hữu Hỷ v.v. tà kiến mới sinh khởi. Vì thực hiện Uẩn bất hữu Hỷ và Hỷ cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn hữu Hỷ và Hỷ mới sinh khởi (3)

[155] Pháp Thực Tính hữu Hỷ và bất hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Hỷ theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là vì thực hiện Uẩn hữu Hỷ và Hỷ cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn hữu Hỷ mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì thực hiện Uẩn hữu Hỷ và Hỷ cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn bất hữu Hỷ và Hỷ mới sinh khởi (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Vì thực hiện Uẩn hữu Hỷ và Hỷ cho thành Cảnh một cách kiên định, Uẩn hữu Hỷ và Hỷ mới sinh khởi (3)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.

[156] Pháp Thực Tính hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Hỷ theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn hữu Hỷ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn hữu Hỷ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn hữu Hỷ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn bất hữu Hỷ và Hỷ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Tử **(Cuticitta)** hữu Hỷ làm duyên đối với Tâm Tái Sinh **(Uppatticitta)** bất hữu Hỷ, Tâm Hữu Phần hữu Hỷ làm duyên đối với Tâm Khai Môn, Uẩn hữu Hỷ làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** bất hữu Hỷ, Ý Thức Giới Dị Thục Quả đồng hành Hỷ làm duyên đối với Ý Thức Giới Duy Tác, Tâm Hữu Phần hữu Hỷ làm duyên đối với Tâm Hữu Phần bất hữu Hỷ, Thiện và Bất Thiện hữu Hỷ làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** bất hữu Hỷ, Duy Tác làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna),** Quả làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn hữu Hỷ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn hữu Hỷ và Hỷ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

[157] Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Hỷ sinh trước trước làm duyên đối với Hỷ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn bất hữu Hỷ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn bất hữu Hỷ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc v.v. Nhập Thiền Quả bất hữu Hỷ và Hỷ theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Hỷ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn hữu Hỷ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Tử **(Cuticitta)** bất hữu Hỷ làm duyên đối với Tâm Tái Sinh **(Uppatticitta)** hữu Hỷ, Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn hữu Hỷ, Uẩn bất hữu Hỷ làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** hữu Hỷ, Ý Giới Dị Thục Quả làm

duyên đối với Ý Thức Giới Dị Thục Quả hữu Hỷ, Tâm Hữu Phần bất hữu Hỷ làm duyên đối với Tâm Hữu Phần hữu Hỷ, Thiện và Bất Thiện bất hữu Hỷ làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** hữu Hỷ, Duy Tác làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna),** Quả làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả hữu Hỷ theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Hỷ và bất hữu Hỷ theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Hỷ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn hữu Hỷ và Hỷ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

[158] Pháp Thực Tính hữu Hỷ và bất hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Hỷ theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn hữu Hỷ và Hỷ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn hữu Hỷ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính hữu Hỷ và bất hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn hữu Hỷ và Hỷ sinh trước trước làm duyên đối với Hỷ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Tử **(Cuticitta)** hữu Hỷ và Hỷ làm duyên đối với Tâm Tái Sinh **(Uppatticitta)** bất hữu Hỷ, Tâm Hữu Phần hữu Hỷ và Hỷ làm duyên đối với Tâm Khai Môn, Uẩn hữu Hỷ và Hỷ làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** bất hữu Hỷ, Ý Thức Giới Dị Thục Quả hữu Hỷ và Hỷ làm duyên đối với Ý Thức Giới Duy Tác, Tâm Hữu Phần hữu Hỷ và Hỷ làm duyên đối với Tâm Hữu Phần bất hữu Hỷ, Thiện và Bất Thiện hữu Hỷ và Hỷ làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** không có Hỷ, Duy Tác làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)**, Quả làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

Pháp Thực Tính hữu Hỷ và bất hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Hỷ và bất hữu Hỷ theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn hữu Hỷ và Hỷ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn hữu Hỷ và Hỷ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

...Làm duyên theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ.

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[159] Pháp Thực Tính hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Hỷ theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Uẩn hữu Hỷ làm duyên đối với Uẩn hữu Hỷ theo phương thức Cận Y Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn hữu Hỷ làm duyên đối với Uẩn bất hữu Hỷ và Hỷ theo phương thức Cận Y Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn hữu Hỷ làm duyên đối với Uẩn hữu Hỷ và Hỷ theo phương thức Cận Y Duyên (3)

[160] Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín bất hữu Hỷ rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực với Tâm bất hữu Hỷ, thực hiện Thiền Định bất hữu Hỷ v.v. Minh Sát Tuệ v.v. Đạo v.v. Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định cho sinh khởi, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới bất hữu Hỷ v.v. Tuệ v.v. Thắng Trí...tham ái... sân...si...ngã mạn...tà kiến...sự dục vọng...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ...Quý Tiết... Ẩm Thực v.v. Trú Xứ và Hỷ rồi xả thí với Tâm bất hữu Hỷ v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi, sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín bất hữu Hỷ v.v. Trú Xứ và Hỷ làm duyên đối với Tín bất hữu Hỷ v.v. sự dục vọng...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ...Đạo...Nhập Thiền Quả và Hỷ theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Hỷ theo phương thức Cận Y Duyên (Cận Y Duyên có 3 thể loại) đó là người nương vào Tín bất hữu Hỷ rồi xả thí với Tâm hữu Hỷ v.v. xuất khỏi Thiền Định bất hữu Hỷ v.v. có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới bất hữu Hỷ v.v. Trú Xứ và Hỷ rồi xả thí với Tâm hữu Hỷ v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi, thâu đạo tài vật với Tâm hữu Hỷ v.v. vọng ngữ v.v. ly gián ngữ v.v. hồ ngôn loạn ngữ v.v. cắt chận nơi giao lộ để cướp đoạt không cho dư sót v.v. thực hiện việc cướp đoạt chỉ trong một nhà v.v. đứng rình trấn lột nơi đường vắng vẻ v.v. mạo phạm vợ của người v.v. thực hiện việc sát lược thôn dân v.v. thực hiện việc sát lược thị dân. Tín bất hữu Hỷ v.v. Trú Xứ và Hỷ làm duyên đối với Tín có Hỷ v.v. Tuệ...tham ái...sân...si...ngã mạn...tà kiến...sự dục vọng...Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Hỷ và bất hữu Hỷ theo phương thức Cận Y Duyên (Cận Y Duyên có 3 thể loại) đó là người nương vào Tín bất hữu Hỷ rồi xả thí với Tâm hữu Hỷ v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới bất hữu Hỷ v.v. Trú Xứ và Hỷ rồi xả thí với Tâm hữu Hỷ v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi, thâu đạo tài vật với Tâm có Hỷ v.v. [tương tự thời kỳ thứ hai **(Dutiyavāra)**] thực hiện việc sát lược thị dân. Tín bất hữu Hỷ v.v. Trú Xứ và Hỷ làm duyên đối với Tín hữu Hỷ v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. si v.v. ngã mạn v.v. tà kiến v.v. sự dục vọng v.v. Đạo...Nhập Thiền Quả và Hỷ theo phương thức Cận Y Duyên (3)

Pháp Thực Tính hữu Hỷ và bất hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Hỷ theo phương thức Cận Y Duyên (Cận Y Duyên có 3 thể loại) đó là Tín hữu Hỷ và Hỷ làm duyên đối với Uẩn bất hữu Hỷ theo phương thức Cận Y Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn hữu Hỷ và Hỷ làm duyên đối với Uẩn hữu Hỷ và Hỷ theo phương thức Cận Y Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn hữu Hỷ và Hỷ làm duyên đối với Uẩn hữu Hỷ và Hỷ theo phương thức Cận Y Duyên (3)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[161] Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật với Tâm bất hữu Hỷ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái bất hữu Hỷ v.v. ưu thọ v.v. Hỷ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn bất hữu Hỷ và Hỷ theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Hỷ theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật với Tâm bất hữu Hỷ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái hữu Hỷ mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn hữu Hỷ theo phương thức Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Hỷ và bất hữu Hỷ theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật với Tâm bất hữu Hỷ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, Hỷ và Uẩn tương ưng mới sinh khởi.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn hữu Hỷ và Hỷ theo phương thức Tiền Sinh Duyên (3)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA) v.v.

[162] Pháp Thực Tính hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ theo phương thức Hậu Sinh Duyên có 3 thời kỳ.

...Làm duyên theo phương thức Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 6 thời kỳ (nên bổ túc Câu Sinh và Dị Thời, Dị Thời có 2 thời kỳ)...Làm duyên theo phương thức Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên có 4 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên có 9 thời kỳ... Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 4 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ (giản lược, nên bổ túc cho tương tự Nhị Đề Hữu Tầm)...Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên...làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên...Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (SAṄKHAYĀVĀRA)

[163] Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 6 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 4 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 9 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 4 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRA)

[164] Pháp Thực Tính hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Hỷ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên.

Pháp Thực Tính hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Hậu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên.

Pháp Thực Tính hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Hỷ và bất hữu Hỷ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên (3)

[165] Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên.

Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Hỷ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên.

Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Hỷ và bất hữu Hỷ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (3)

[166] Pháp Thực Tính hữu Hỷ và bất hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Hỷ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên.

Pháp Thực Tính hữu Hỷ và bất hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất hữu Hỷ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên.

Pháp Thực Tính hữu Hỷ và bất hữu Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính hữu Hỷ và bất hữu Hỷ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên.

(Ngay cả việc đếm Phần Phân Tích Đối Nghịch Duyên cũng tương tự Nhị Đề Hữu Tầm. Ngay cả nếu như vẫn không ứng hợp nhau, cũng nên tính lấy Phần Thuận Tùng Duyên này vào để khảo sát, với cả nên thực hiện việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây).

90. NHỊ ĐỀ ĐỒNG HÀNH HỶ (PĪTISAHAGATADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

[167] Pháp Thực Tính đồng hành Hỷ nương vào Pháp Thực Tính đồng hành Hỷ sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn đồng hành Hỷ sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v.

(Nên giảng giải Nhị Đề Đồng Hành Hỷ cho quảng nghĩa như thế này, tương tự Nhị Đề Hữu Hỷ, không có điều sai biệt nhau, việc nêu rõ nội dung không sai biệt nhau).

Kết Thúc Nhị Đề Đồng Hành Hỷ

91. NHỊ ĐỀ ĐỒNG HÀNH LẠC (SUKHASAHAGATADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[168] Pháp Thực Tính đồng hành Lạc nương vào Pháp Thực Tính đồng hành Lạc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn đồng hành Lạc sinh khởi, 1 Uẩn nương vào 2 Uẩn sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính bất đồng hành Lạc nương vào Pháp Thực Tính đồng hành Lạc sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Lạc và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn đồng hành Lạc sinh khởi.

(Nên giảng giải Nhị Đề Đồng Hành Lạc cho quảng nghĩa, tương tự Phần Thuận Tùng Duyên của Nhị Đề Hữu Hỷ ở Giai Đoạn Liên Quan).

Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ v.v. Tiền Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 6 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

[169] Pháp Thực Tính đồng hành Lạc nương vào Pháp Thực Tính đồng hành Lạc sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn Vô Nhân đồng hành Lạc sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Lạc và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Vô Nhân đồng hành Lạc sinh khởi.

Pháp Thực Tính đồng hành Lạc và bất đồng hành Lạc nương vào Pháp Thực Tính đồng hành Lạc sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 2 Uẩn, Lạc và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân đồng hành Lạc sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

Pháp Thực Tính bất đồng hành Lạc nương vào Pháp Thực Tính bất đồng hành Lạc sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân bất đồng hành Lạc sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Lạc Vô Nhân sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, 3 Uẩn và Sắc Tái Sinh nương vào 1 Uẩn bất đồng hành Lạc sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng). Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (không có điều sai biệt nhau, tương tự Phi Nhân Duyên. Trong Nhị Đề Hữu Hỷ, từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ).

Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 6 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

(Theo Phần này, việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Câu Sinh tương tự Giai Đoạn Liên Quan. Trong Giai Đoạn Duyên Sinh nên giảng giải Thời Kỳ Chuyển Khởi và Thời Kỳ Tái sinh cho quảng nghĩa, ngay cả trong Đối Nghịch Duyên của Giai Đoạn Duyên Sinh trong Nhị Đề Hữu Hỷ cũng nên giảng giải Ý Vật trong Thời Kỳ Chuyển Khởi cho quảng nghĩa, và trong Nhị Đề Hữu Hỷ đặc biệt duy nhứt chỉ có Si thôi, nên thực hiện việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây, Giai Đoạn Y Chỉ, Giai Đoạn Hỗn Tạp và Giai Đoạn Tương Ưng cũng như thế ấy, nên thực hiện cho tương tự Nhị Đề Hữu Hỷ).

91. NHỊ ĐỀ ĐỒNG HÀNH LẠC (SUKHASAHAGATADUKA)

VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[170] Pháp Thực Tính đồng hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng hành Lạc theo phương thức Nhân Duyên có 4 thời kỳ (Trong Cảnh Duyên và Trưởng Duyên tương tự Nhị Đề Hữu Hỷ, từ ngữ Lạc là điều sai biệt nhau).

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.

[171] Pháp Thực Tính đồng hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng hành Lạc theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn đồng hành Lạc sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn đồng hành Lạc sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn đồng hành Lạc sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn bất đồng hành Lạc sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Tử **(Cuticitta)** đồng hành Lạc làm duyên đối với Tâm Tái Sinh **(Uppatticitta)** bất đồng hành Lạc, Tâm Hữu Phần đồng hành Lạc làm duyên đối với Tâm Khai Môn, Thân Thức đồng hành Lạc làm duyên đối với Ý Giới Dị Thục Quả, Ý Thức Giới Dị Thục Quả đồng hành Lạc làm duyên đối với Ý Thức Giới Duy Tác, Tâm Hữu Phần đồng hành Lạc làm duyên đối với Tâm Hữu Phần không đồng hành Lạc, Thiện và Bất Thiện đồng hành Lạc làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** bất đồng hành Lạc, Duy Tác làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna),** Quả làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn đồng hành Lạc sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn đồng hành Lạc và Lạc sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

Pháp Thực Tính bất đồng hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất đồng hành Lạc theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn bất đồng hành Lạc sinh trước trước v.v. (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên có 3 thời kỳ tương tự Nhị Đề Hữu Hỷ).

[172] Pháp Thực Tính đồng hành Lạc và bất đồng hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng hành Lạc theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn đồng hành Lạc và Lạc sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn đồng hành Lạc sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn đồng hành Lạc và Lạc sinh trước trước làm duyên đối với Lạc sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Tử **(Cuticitta)** đồng hành Lạc và Lạc làm duyên đối với Tâm Tái Sinh **(Uppatticitta)** bất đồng hành Lạc, Tâm Hữu Phần đồng hành Lạc và Lạc làm duyên đối với Tâm Khai Môn, Thân Thức đồng hành Lạc và Lạc làm duyên đối với Ý Giới Dị Thục Quả, Ý Thức Giới Dị Thục Quả đồng hành Lạc và Lạc làm duyên đối với Ý Thức Giới Duy Tác, Tâm Hữu Phần đồng hành Lạc và Lạc làm duyên đối với Tâm Hữu Phần bất đồng hành Lạc, Thiện và Bất Thiện đồng hành Lạc và Lạc làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** bất đồng hành Lạc, Duy Tác làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)**, Quả làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn đồng hành Lạc và Lạc sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn đồng hành Lạc và Lạc sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

...Làm duyên theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên...Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên...Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên...Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên.

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[173] Pháp Thực Tính đồng hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng hành Lạc theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính bất đồng hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất đồng hành Lạc theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín bất đồng hành Lạc rồi xả thí, tuân thủ giới luật với Tâm bất đồng hành Lạc v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới bất đồng hành Lạc v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sự dục vọng v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Thân Thọ Khổ v.v. Quý Tiết v.v. Ẩm Thực v.v. Trú Xứ và Lạc rồi xả thí với Tâm không đồng hành Lạc v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi, sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín bất đồng hành Lạc v.v. Trú Xứ và Lạc làm duyên đối với Tín bất đồng hành Lạc v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sân v.v. sự dục vọng v.v. Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ...Đạo...Nhập Thiền Quả và Lạc theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất đồng hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng hành Lạc theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín bất đồng hành Lạc rồi xả thí với Tâm đồng hành Lạc v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới bất đồng hành Lạc v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sự dục vọng v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Trú Xứ và Lạc rồi xả thí với Tâm đồng hành Lạc v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi, thâu đạo tài vật với Tâm đồng hành Lạc, vọng ngữ v.v. ly gián ngữ v.v. hồ ngôn loạn ngữ, cắt chận nơi giao lộ để cướp đoạt không cho dư sót v.v. thực hiện việc cướp đoạt chỉ trong một nhà v.v. đứng rình trấn lột nơi đường vắng vẻ v.v. mạo phạm vợ của người v.v. thực hiện việc sát lược thôn dân v.v. thực hiện việc sát lược thị dân. Tín không đồng hành Lạc v.v. Trú Xứ và Lạc làm duyên đối với Uẩn đồng hành Lạc v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. ngã mạn v.v. tà kiến v.v. sự dục vọng v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất đồng hành Lạc làm làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng hành Lạc và bất đồng hành Lạc theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín bất đồng hành Lạc rồi xả thí với Tâm đồng hành Lạc v.v. (tương tự nội dung đoạn thứ 2) có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới bất đồng hành Lạc v.v. Trú Xứ và Lạc rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi, thâu đạo tài vật với Tâm đồng hành Lạc v.v. Tín bất đồng hành Lạc v.v. Trú Xứ và Lạc làm duyên đối với Tín đồng hành Lạc v.v. sự dục vọng... Thân Thọ Lạc...Đạo...Nhập Thiền Quả và Lạc theo phương thức Cận Y Duyên (3)

Pháp Thực Tính đồng hành Lạc và bất đồng hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng hành Lạc theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thời kỳ.

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA) v.v.

[174] Pháp Thực Tính bất đồng hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất đồng hành Lạc theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vât Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật với Tâm bất đồng hành Lạc thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái bất đồng hành Lạc v.v. ưu thọ mới sinh khởi, Lạc mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ lám duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn bất đồng hành Lạc và Lạc theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất đồng hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng hành Lạc theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật với Tâm đồng hành Lạc thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái đồng hành Lạc mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn đồng hành Lạc theo phương thức Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất đồng hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng hành Lạc và bất đồng hành Lạc theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật với Tâm đồng hành Lạc thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái đồng hành Lạc mới sinh khởi, tà kiến v.v.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn đồng hành Lạc và Lạc theo phương thức Tiền Sinh Duyên (3)

...Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên có 3 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ.

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA) v.v.

[175] Pháp Thực Tính đồng hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng hành Lạc theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời (Nghiệp Lực Duyên có 6 thời kỳ là nên bổ túc cả Câu Sinh và Dị Thời thành 4 thời kỳ, bổ túc Dị Thời thành 2 thời kỳ).

...Làm duyên theo phương thức Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Quyền Lực

Duyên có 9 thời kỳ…Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên có 9 thời kỳ…Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 4 thời kỳ…Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ…Làm duyên theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ…Làm duyên theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ…Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ…Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ…Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[176] Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 6 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 9 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 9 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 4 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

(Theo Phần này nên thực hiện Phần Phân Tích Đối Nghịch Duyên và việc đếm cho tương tự Nhị Đề Hữu Hỷ, nếu giả như vẫn còn có sự thắc mắc, nên kiểm tra Phần Thuận Tùng Duyên rồi đếm thôi).

Kết Thúc Nhị Đề Đồng Hành Lạc

92. NHỊ ĐỀ ĐỒNG HÀNH XẢ (UPEKKHĀSAHAGATAKADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[177] Pháp Thực Tính đồng hành Xả nương vào Pháp Thực Tính đồng hành Xả sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn đồng hành Xả sinh khởi…nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính bất đồng hành Xả nương vào Pháp Thực Tính đồng hành Xả sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Xả và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn đồng hành Xả sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính đồng hành Xả và bất đồng hành Xả nương vào Pháp Thực Tính đồng hành Xả sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn, Xả và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn đồng hành Xả sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

Pháp Thực Tính bất đồng hành Xả nương vào Pháp Thực Tính bất đồng hành Xả sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn bất đồng hành Xả sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Xả sinh khởi. Trong sát na tái sinh, 3 Uẩn và Sắc Tái Sinh nương vào 1 Uẩn bất đồng hành Xả sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh nương vào Xả sinh khởi, Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi, Ý Vật nương vào Xả sinh khởi, Xả nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (tương tự Nhị Đề Hữu Hỷ, trong Thuận Tùng Duyên có 9 thời kỳ).

2. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[178] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ v.v. Tiền Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 6 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[179] Pháp Thực Tính đồng hành Xả nương vào Pháp Thực Tính đồng hành Xả sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn Vô Nhân đồng hành Xả sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi.

Pháp Thực Tính bất đồng hành Xả nương vào Pháp Thực Tính đồng hành Xả sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Xả và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Vô Nhân đồng hành Xả sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v.

Pháp Thực Tính đồng hành Xả và bất đồng hành Xả nương vào Pháp Thực Tính đồng hành Xả sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 2 Uẩn, Xả và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân đồng hành Xả sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (3)

[180] Pháp Thực Tính bất đồng hành Xả nương vào Pháp Thực Tính bất đồng hành Xả sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân bất đồng hành Xả sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Xả Vô Nhân sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. Ý Vật nương vào Xả

sinh khởi, Xả nương vào Ý Vật sinh khởi…nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng).

Pháp Thực Tính đồng hành Xả nương vào Pháp Thực Tính bất đồng hành Xả sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng nương vào Xả Vô Nhân sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Uẩn tương ưng nương vào Xả sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Ý Vật nương vào Xả sinh khởi, Uẩn đồng hành Xả nương vào Ý Vật sinh khởi, Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Xả đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi.

Pháp Thực Tính đồng hành Xả và bất đồng hành Xả nương vào Pháp Thực Tính bất đồng hành Xả sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Xả Vô Nhân sinh khởi, Uẩn tương ưng nương vào Xả Vô Nhân sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh nương vào Xả sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Uẩn tương ưng nương vào Xả sinh khởi, Sắc Tái Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Uẩn đồng hành Xả nương vào Ý Vật sinh khởi, Sắc Tái Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Xả và Uẩn tương ưng nương vào Ý Vật sinh khởi (3)

[181] Pháp Thực Tính đồng hành Xả nương vào Pháp Thực Tính đồng hành Xả và bất đồng hành Xả sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn Vô Nhân đồng hành Xả và nương vào Xả sinh khởi…nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn đồng hành Xả và nương vào Xả sinh khởi…nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn đồng hành Xả và nương vào Ý Vật sinh khởi…nương vào 2 Uẩn v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi, đồng hành trạo cử và nương vào Xả sinh khởi.

Pháp Thực Tính bất đồng hành Xả nương vào Pháp Thực Tính đồng hành Xả và bất đồng hành Xả sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Vô Nhân đồng hành Xả và nương vào Xả sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Vô Nhân đồng hành Xả và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Sắc Tái Sinh nương vào Uẩn đồng hành Xả và nương vào Xả sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Sắc Tái Sinh nương vào Uẩn đồng hành Xả và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, Xả nương vào Uẩn đồng hành Xả và nương vào Ý Vật sinh khởi.

Pháp Thực Tính đồng hành Xả và bất đồng hành Xả nương vào Pháp Thực Tính đồng hành Xả và bất đồng hành Xả sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân đồng hành Xả và nương vào Xả sinh khởi …nương vào 2 Uẩn v.v. 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn Vô Nhân đồng hành Xả và nương vào Xả sinh khởi…nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Vô Nhân đồng hành Xả và nương vào Xả và Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, 2 Uẩn và Sắc Tái Sinh nương vào 1 Uẩn đồng hành Xả và nương vào Xả sinh khởi… nương vào 2 Uẩn v.v. 2 Uẩn nương vào 1 Uẩn đồng hành Xả và nương vào Xả sinh khởi …nương vào 2

Uẩn v.v. Sắc Tái Sinh nương vào Uẩn Vô Nhân đồng hành Xả và nương vào Xả và Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh Vô Nhân, 2 Uẩn và Xả nương vào 1 Uẩn đồng hành Xả và nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 2 Uẩn v.v. (giản lược) (3)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[182] Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 9 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

(Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Câu Sinh nên thực hiện như thế này).

92. NHỊ ĐỀ ĐỒNG HÀNH XẢ (UPEKKHĀSAHAGATAKADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[183] Pháp Thực Tính đồng hành Xả tác hành Pháp Thực Tính đồng hành Xả cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn tác hành 1 Uẩn đồng hành Xả cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (tương tự Nhị Đề Hữu Tầm. Trong Giai Đoạn Duyên Sinh vẫn có điều sai biệt nhau trong từ ngữ Xả, nên bổ túc thành 9 thời kỳ có cả Thời Kỳ Tái Sinh và Thời Kỳ Chuyển Khởi và Ý Vật).

Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ v.v. Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 9 thời kỳ). Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

[184] Pháp Thực Tính đồng hành Xả tác hành Pháp Thực Tính đồng hành Xả cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 2 Uẩn tác hành 1 Uẩn Vô Nhân đồng hành Xả cho thành duyên sinh khởi...tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi.

(Theo Phần này mới có 9 thời kỳ cả Thời Kỳ Chuyển Khởi và Thời Kỳ Tái Sinh, nên thực hiện tương tự thời kỳ của Nhị Đề Hữu Tầm. Si chỉ có 3 thời kỳ thôi. Trong Thời Kỳ Chuyển Khởi nên bổ túc Ý Vật).

Phi Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

(Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Y Chỉ nên thực hiện như thế này)

92. NHỊ ĐỀ ĐỒNG HÀNH XẢ (UPEKKHĀSAHAGATAKADUKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṄSAṬṬHAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[185] Pháp Thực Tính đồng hành Xả sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính đồng hành Xả vì Nhân Duyên đó là 2 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn đồng hành Xả...sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (Nhị Đề này nên thực hiện tương tự Nhị Đề Hữu Tầm ở phần Giai Đoạn Tương Ưng).

Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Cảnh Duyên có 6 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 6 thời kỳ). Bất Ly Duyên có 6 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

Pháp Thực Tính đồng hành Xả sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính đồng hành Xả vì Phi Nhân Duyên đó là 2 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn Vô Nhân đồng hành Xả...sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh hỗn tạp với Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử (Theo Phần này nên thực hiện cả 5 thời kỳ tương tự trong Nhị Đề Hữu Tầm).

Phi Nhân Duyên có 6 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 6 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 6 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 6 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

(Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Tương Ưng nên thực hiện như thế này)

92. NHỊ ĐỀ ĐỒNG HÀNH XẢ (UPEKKHĀSAHAGATAKADUKA)

VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA) v.v.

[186] Pháp Thực Tính đồng hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng hành Xả theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân đồng hành Xả làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (cả 4 thời kỳ tương tự Nhị Đề Hữu Tầm).

Pháp Thực Tính đồng hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng hành Xả theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Trưởng Duyên (Cảnh Duyên và Trưởng Duyên nên giảng giải cho quảng nghĩa tương tự Nhị Đề Hữu Hỷ, đặc biệt chỉ có khác biệt từ ngữ Xả).

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.

[187] Pháp Thực Tính đồng hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng hành Xả theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn đồng hành Xả sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn đồng hành Xả sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính đồng hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất đồng hành Xả theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn đồng hành hoài nghi sinh trước trước làm duyên đối với Xả sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Tử **(Cuticitta)** đồng hành Xả làm duyên đối với Tâm Tái Sinh **(Uppatticitta)** đồng hành Xả, Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn không đồng hành Xả, Ý Giới Dị Thục Quả làm duyên đối với Ý Thức Giới Dị Thục Quả bất đồng hành Xả, Tâm Hữu Phần đồng hành Xả làm duyên đối với Tâm Hữu Phần bất đồng hành Xả, Thiện và Bất Thiện đồng hành Xả làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** bất đồng hành Xả, Duy Tác làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)**, Quả làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)**, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả bất đồng hành Xả theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

Pháp Thực Tính đồng hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng hành Xả và bất đồng hành Xả theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn đồng hành Xả sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn đồng hành Xả và Xả sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

[188] Pháp Thực Tính bất đồng hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất đồng hành Xả theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Xả sinh trước trước làm duyên đối với Xả

sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn bất đồng hành Xả sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn bất đồng hành Xả sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc v.v. Thuận Tùng làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Xả sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn đồng hành Xả sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Tử **(Cuticitta)** bất đồng hành Xả làm duyên đối với Tâm Tái Sinh **(Uppatticitta)** đồng hành Xả, Tâm Hữu Phần bất đồng hành Xả làm duyên đối với Tâm Khai Môn, Thân Thức Giới làm duyên đối với Ý Giới Dị Thục Quả, Ý Thức Giới Dị Thục Quả bất đồng hành Xả làm duyên đối với Ý Thức Giới Duy Tác, Tâm Hữu Phần bất đồng hành Xả làm duyên đối với Tâm Hữu Phần đồng hành Xả, Thiện và Bất Thiện bất đồng hành Xả làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** đồng hành Xả, Duy Tác làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna),** Quả làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

Pháp Thực Tính bất đồng hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng hành Xả và bất đồng hành Xả theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Xả sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn đồng hành Xả và Xả sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

[189] Pháp Thực Tính đồng hành Xả và bất đồng hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng hành Xả theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn đồng hành Xả và Xả sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn đồng hành Xả sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn đồng hành Xả và Xả sinh trước trước làm duyên đối với Xả sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Tử **(Cuticitta)** đồng hành Xả và Xả làm duyên đối với Tâm Tái Sinh **(Uppatticitta)** bất đồng hành Xả, Tâm Khai Môn và Xả làm duyên đối với Uẩn bất đồng hành Xả, Ý Giới Dị Thục Quả và Xả làm duyên đối với Ý Thức Giới Dị Thục Quả bất đồng hành Xả, Tâm Hữu Phần bất đồng hành Xả và Xả làm duyên đối với Tâm Hữu Phần bất đồng hành Xả, Thiện và Bất Thiện đồng hành Xả và Xả làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** bất đồng hành Xả, Duy Tác và Xả làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna),** Quả và Xả làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna),** Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt và Xả làm duyên đối với Nhập Thiền Quả bất đồng hành Xả theo phương thức Vô Gián Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Uẩn đồng hành Xả và Xả sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn đồng hành Xả và Xả sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên (3)

...Làm duyên theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ.

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[190] Pháp Thực Tính đồng hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng hành Xả theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính bất đồng hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất đồng hành Xả theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín bất đồng hành Xả rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực với Tâm bất đồng hành Xả v.v. thực hiện Thiền Định bất đồng hành Xả v.v. Minh Sát Tuệ v.v. Đạo v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới bất đồng hành Xả v.v. Tuệ v.v. tham ái...sân...si...ngã mạn...tà kiến...sự dục vọng...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ ...Quý Tiết...Ẩm Thực v.v. Trú Xứ và Xả rồi xả thí với Tâm bất đồng hành Xả v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi, sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín bất đồng hành Xả v.v. Trú Xứ và Xả làm duyên đối với Tín bất đồng hành Xả v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sự dục vọng v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Thân Thọ Khổ v.v. Đạo...Nhập Thiền Quả và Xả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất đồng hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng hành Xả theo phương thức Cận Y Duyên (Cận Y Duyên có 3 thể loại) đó là người nương vào Tín bất đồng hành Xả rồi xả thí với Tâm đồng hành Xả v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới bất đồng hành Xả v.v. Trú Xứ và Xả rồi xả thí với Tâm đồng hành Xả v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi. Người có Tâm đồng hành Xả thâu đạo tài vật, vọng ngữ, ly gián ngữ v.v. thô ác ngữ v.v. hồ ngôn loạn ngữ, cắt chận nơi giao lộ để cướp đoạt không cho dư sót v.v. thực hiện việc cướp đoạt chỉ trong một nhà v.v. đứng rình trấn lột nơi đường vắng vẻ v.v. mạo phạm vợ của người v.v. thực hiện việc sát lược thôn dân v.v. thực hiện việc sát lược thị dân. Tín không đồng hành Xả v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín đồng hành Xả v.v. sự dục vọng v.v. Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên.

Pháp Thực Tính bất đồng hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng hành Xả và bất đồng hành Xả theo phương thức Cận Y Duyên (Cận Y Duyên có 3 thể loại tương tự nội dung đoạn thứ 2) (3)

Pháp Thực Tính đồng hành Xả và bất đồng hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính đồng hành Xả theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thời kỳ.

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[191] Pháp Thực Tính bất đồng hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất đồng hành Xả theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Nhị Đề Hữu Hỷ).

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA) v.v.

[192] Pháp Thực Tính đồng hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất đồng hành Xả theo phương thức Hậu Sinh Duyên có 3 thời kỳ.

...Làm duyên theo phương thức Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 6 thời kỳ (nên bổ túc Câu Sinh và Dị Thời thành 4 thời kỳ và bổ túc Dị Thời thành 2 thời kỳ).

...Làm duyên theo phương thức Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên có 9 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên có 9 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 4 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

(Nên phân chia các thể loại Duyên này theo phần của Nhị Đề Hữu Hỷ).

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[193] Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Cảnh Duyên có 9 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 9 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 9 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 9 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 3 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 6 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 9 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 9 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 4 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 9 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

(Phần Phân Tích Đối Nghịch Duyên và việc đếm 3 thể loại ngoài ra đây nên thực hiện cho tương tự Nhị Đề Hữu Hỷ như thế này).

Kết Thúc Nhị Đề Đồng Hành Xả

93. NHỊ ĐỀ DỤC GIỚI (KĀMĀVACARADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[194] Pháp Thực Tính Dục Giới nương vào Pháp Thực Tính Dục Giới sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Dục Giới sinh khởi

v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (giản lược)

Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới nương vào Pháp Thực Tính Dục Giới sinh khởi vì Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh, Uẩn chẳng phải Dục Giới nương vào Ý Vật sinh khởi.

Pháp Thực Tính Dục Giới và chẳng phải Dục Giới nương vào Pháp Thực Tính Dục Giới sinh khởi vì Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh, Uẩn chẳng phải Dục Giới nương vào Ý Vật sinh khởi, Sắc Tái Sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (3)

[195] Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn chẳng phải Dục Giới sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính Dục Giới nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn chẳng phải Dục Giới sinh khởi v.v. Trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh nương vào Uẩn chẳng phải Dục Giới sinh khởi.

Pháp Thực Tính Dục Giới và chẳng phải Dục Giới nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải Dục Giới sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

[196] Pháp Thực Tính Dục Giới nương vào Pháp Thực Tính Dục Giới và chẳng phải Dục Giới sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn chẳng phải Dục Giới và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh nương vào Uẩn chẳng phải Dục Giới và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi.

Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới nương vào Pháp Thực Tính Dục Giới và chẳng phải Dục Giới sinh khởi vì Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn chẳng phải Dục Giới và nương vào Ý Vật sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v.

Pháp Thực Tính Dục Giới và chẳng phải Dục Giới nương vào Pháp Thực Tính Dục Giới và chẳng phải Dục Giới sinh khởi vì Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn chẳng phải Dục Giới và nương vào Ý Vật sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tái Sinh nương vào Uẩn chẳng phải Dục Giới và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (3) (giản lược)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[197] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 4 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 4 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 9 thời kỳ. Quyền Lực Duyên

có 9 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 9 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 4 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 4 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 4 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[198] Pháp Thực Tính Dục Giới nương vào Pháp Thực Tính Dục Giới sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân Dục Giới sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng). Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (1)

...Vì Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ.

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA) v.v.

[199] Pháp Thực Tính Dục Giới nương vào Pháp Thực Tính Dục Giới sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên đó là Pháp Trưởng chẳng phải Dục Giới nương vào Uẩn chẳng phải Dục Giới sinh khởi, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn Dị Thục Quả chẳng phải Dục Giới sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính Dục Giới nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Dị Thục Quả chẳng phải Dục Giới sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính Dục Giới và chẳng phải Dục Giới nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Dị Thục Quả chẳng phải Dục Giới sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

Pháp Thực Tính Dục Giới nương vào Pháp Thực Tính Dục Giới và chẳng phải Dục Giới sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Dị Thục Quả chẳng phải Dục Giới và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (2 thời kỳ ngoài ra đây hiện hành theo chính thường)....Vì Phi Đẳng Vô Gián Duyên v.v...vì Phi Tiền Sinh Duyên...vì Phi Hậu Sinh Duyên.

PHI TRÙNG DỤNG DUYÊN (NAĀSEVANAPACCAYA)

[200] Pháp Thực Tính Dục Giới nương vào Pháp Thực Tính Dục Giới sinh khởi vì Phi Trùng Dụng Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới sinh khởi vì Phi Trùng Dụng Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn Dị Thục Quả chẳng phải Dục Giới sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính Dục Giới nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới sinh khởi vì Phi Trùng Dụng Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn chẳng phải Dục Giới sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên), 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Dị Thục Quả chẳng phải Dục Giới sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3) (3 thời kỳ còn lại hiện hành theo chính thường, giản lược)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[201] Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 2 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ (nên bổ túc việc đếm còn lại và Giai Đoạn Câu Sinh).

93. NHỊ ĐỀ DỤC GIỚI (KĀMĀVACARADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[202] Pháp Thực Tính Dục Giới tác hành Pháp Thực Tính Dục Giới cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn Dục Giới cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Sắc Đại Hiển ở phần nội bộ), Uẩn Dục Giới tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi.

Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới tác hành Pháp Thực Tính Dục Giới cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn chẳng phải Dục Giới tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính Dục Giới và chẳng phải Dục Giới tác hành Pháp Thực Tính Dục Giới cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn chẳng phải Dục Giới tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới tác hành Pháp Thực Tính Dục Giới cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính Dục Giới tác hành Pháp Thực Tính Dục Giới và chẳng phải Dục Giới cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới tác hành Pháp Thực Tính Dục Giới và chẳng phải Dục Giới cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn chẳng phải Dục Giới và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính Dục Giới và chẳng phải Dục Giới tác hành Pháp Thực Tính Dục Giới và chẳng phải Dục Giới cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn chẳng phải Dục Giới và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn chẳng phải Dục Giới và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (3) (giản lược)

Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 4 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 4 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 4 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 4 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[203] Pháp Thực Tính Dục Giới tác hành Pháp Thực Tính Dục Giới cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là...tác hành 1 Uẩn Vô Nhân Dục Giới v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Xứ v.v. Uẩn Vô Nhân Dục Giới tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi, đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)...Vì Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ.

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA) v.v.

[204] Pháp Thực Tính Dục Giới tác hành Pháp Thực Tính Dục Giới cho thành duyên sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên có 1 thời kỳ (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng).

Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới tác hành Pháp Thực Tính Dục Giới cho thành duyên sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên đó là Pháp Trưởng chẳng phải Dục Giới tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Uẩn Dị Thục Quả chẳng phải Dục Giới tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính Dục Giới và chẳng phải Dục Giới tác hành Pháp Thực Tính Dục Giới cho thành duyên sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên đó là Uẩn Dị Thục Quả chẳng phải Dục Giới tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới cho thành duyên sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính Dục Giới tác hành Pháp Thực Tính Dục Giới chẳng phải Dục Giới cho thành duyên sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan, nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Pháp Trưởng chẳng phải Dục Giới tác hành Uẩn chẳng phải Dục Giới và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn Dị Thục Quả chẳng phải Dục Giới và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên), 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn Dị Thục Quả Dục Giới và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Dị Thục Quả chẳng phải Dục Giới và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên) (3)

...Vì Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ...Vì Phi Trùng Dụng Duyên (trong toàn bộ Pháp Thực Tính và chỗ sinh hỗn hòa với Danh Pháp **(Nāma)** nên quy định từ ngữ Dị Thục Quả, tuy nhiên trong Pháp Thực Tính sinh hỗn tạp với Sắc Pháp **(Rūpa)** không có Dị Thục Quả, giản lược)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

(Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Y Chỉ nên thực hiện như thế này)

93. NHỊ ĐỀ DỤC GIỚI (KĀMĀVACARADUKA)

V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṄSAṬṬHAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[205] Pháp Thực Tính Dục Giới sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Dục Giới vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn Dục Giới v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn chẳng phải Dục Giới v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Cảnh Duyên có 2 thời kỳ. Trưởng Duyên có 2 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 2 thời kỳ). Bất Ly Duyên có 2 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

Pháp Thực Tính Dục Giới sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Dục Giới vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp 1 Uẩn Vô Nhân Dục Giới v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh hỗn tạp với Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử.

Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 2 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 2 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

(Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Tương Ưng nên thực hiện như thế này)

93. NHỊ ĐỀ DỤC GIỚI (KĀMĀVACARADUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[206] Pháp Thực Tính Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dục Giới theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân Dục Giới làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dục Giới theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên), Uẩn chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[207] Pháp Thực Tính Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dục Giới theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy khai đầu, tham ái v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại Chuyển Tộc, tư khảo lại Dũ Tịnh, tư khảo lại phiền não đã được đoạn tận rồi v.v. tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi v.v. tri đắc Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn Dục Giới thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Cảnh Duyên (1)

Pháp Thực Tính Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới theo phương thức Cảnh Duyên đó là người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm Dục Giới, Uẩn Dục Giới làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí và Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cảnh Duyên (2)

[208] Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới theo phương thức Cảnh Duyên đó là Níp bàn làm duyên đối với Đạo và Quả theo phương thức Cảnh Duyên. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm chẳng phải Dục Giới, Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Uẩn chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí và Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cảnh Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dục Giới theo phương thức Cảnh Duyên đó là người xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy khai đầu, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Người tư khảo lại Không Vô Biên Xứ, tư khảo lại Thức Vô Biên Xứ, tư khảo lại Vô Sở Hữu Xứ, tư khảo lại Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ,

tư khảo lại Thiên Nhãn, tư khảo lại Thiên Nhĩ Giới, tư khảo lại Thần Túc Trí, tư khảo lại Tha Tâm Trí v.v. Túc Mạng Tùy Niệm Trí v.v. Tùy Nghiệp Thú Trí v.v. tư khảo lại Vị Lai Tiên Giác Trí. Người kiến giải minh lượng Uẩn chẳng phải Dục Giới thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi (2)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[209] Pháp Thực Tính Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dục Giới có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi cho thành Cảnh một cách kiên định, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi. Bậc Hữu Học tư khảo lại Chuyển Tộc cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Dũ Tịnh cho thành Cảnh một cách kiên định. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn Dục Giới cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng Dục Giới làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (1)

[210] Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo và Quả theo phương thức Trưởng Duyên.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dục Giới theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định cho thành Cảnh một cách kiên định, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiền Định ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Quả v.v. tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc và Dũ Tịnh theo phương thức Trưởng Duyên. Người tư khảo lại Không Vô Biên Xứ cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Thức Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ v.v. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Thiên Nhãn v.v. Thiên Nhĩ Giới v.v. Thần Túc Trí v.v. Vị Lai Tiên Giác Trí cho thành Cảnh một cách kiên định. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn chẳng phải Dục Giới cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dục Giới và chẳng phải Dục Giới theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (3)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.

[211] Pháp Thực Tính Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dục Giới theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn Dục Giới sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Dục Giới sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn Dục Giới theo phương thức Vô Gián Duyên.

Pháp Thực Tính Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Tâm Tử **(Cuticitta)** Dục Giới làm duyên đối với Tâm Tái Sinh **(Uppatticitta)** chẳng phải Dục Giới, Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Dục Giới theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn Dục Giới làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** chẳng phải Dục Giới theo phương thức Vô Gián Duyên. Chuẩn Bị Sơ Thiền làm duyên đối với Sơ Thiền theo phương thức Vô Gián Duyên v.v. Chuẩn Bị Tứ Thiền v.v. Chuẩn Bị Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Chuẩn Bị Thiên Nhãn v.v. Thiên Nhĩ Giới v.v. Thần Túc Trí v.v. Tha Tâm Trí v.v. Túc Mạng Tùy Niệm Trí v.v. Tùy Nghiệp Thú Trí v.v. Chuẩn Bị Vị Lai Tiên Giác Trí làm duyên đối với Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Vô Gián Duyên. Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo, Thuận Tùng làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

[212] Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn chẳng phải Dục Giới sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Dục Giới sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Đạo làm duyên đối với Quả, Quả làm duyên đối với Quả, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên.

Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dục Giới theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Tâm Tử **(Cuticitta)** chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với Tâm Tái Sinh **(Uppatticitta)** Dục Giới, Tâm Hữu Phần chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với Tâm Khai Môn, Uẩn chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** Dục Giới theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

...Làm duyên theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên...Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên có 7 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có 7 thời kỳ.

[213] Pháp Thực Tính Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dục Giới theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín Dục Giới rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. thực hiện Minh Sát Tuệ cho sinh khởi, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới Dục Giới v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sự dục vọng v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Thân Thọ Khổ v.v. Quý Tiết v.v. Ẩm Thực v.v. Trú Xứ rồi xả thí v.v. thực hiện Minh Sát Tuệ cho sinh khởi, sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín Dục Giới v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín Dục Giới v.v. sự dục vọng...Thân Thọ Lạc và Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín Dục Giới rồi thực hiện Thiền Định chẳng phải Dục Giới cho sinh khởi, thực hiện Đạo v.v. Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định cho sinh khởi. Nương vào Giới Dục Giới v.v. Trú Xứ rồi thực hiện Thiền Định chẳng phải Dục Giới cho sinh khởi, thực hiện Đạo v.v. Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định cho sinh khởi. Tín Dục Giới v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín chẳng phải Dục Giới v.v. Tuệ...Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. Chuẩn Bị Sơ Thiền làm duyên đối với Sơ Thiền v.v. Tứ Thiền v.v. Không Vô Biên Xứ v.v. Sơ Đạo v.v. Chuẩn Bị Tứ Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên (2)

[214] Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín chẳng phải Dục Giới rồi thực hiện Thiền Định cho sinh khởi, thực hiện Đạo v.v. Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định cho sinh khởi. Nương vào Giới chẳng phải Dục Giới v.v. Tuệ rồi thực hiện Thiền Định chẳng phải Dục Giới cho sinh khởi v.v. thực hiện Đạo v.v. Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định cho sinh khởi. Tín chẳng phải Dục Giới v.v. Tuệ làm duyên đối với Tín chẳng phải Dục Giới v.v. Tuệ...Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. Sơ Thiền làm duyên đối với Nhị Thiền theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Tam Thiền v.v. Tứ Thiền v.v. Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cận Y Duyên. Sơ Đạo làm duyên đối với Nhị Đạo v.v. Nhị Đạo làm duyên đối với Tam Đạo v.v. Tam Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên. Đạo làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dục Giới theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín chẳng phải Dục Giới rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. thực hiện Minh Sát Tuệ cho sinh khởi, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới chẳng phải Dục Giới v.v. Tuệ rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. thực hiện Minh Sát Tuệ cho sinh khởi, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Tín chẳng phải Dục Giới v.v. Tuệ làm duyên đối với Tín Dục Giới v.v. Tuệ...tham ái...sự dục vọng...Thân Thọ Lạc và Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi kiến giải minh lượng Pháp Hành **(Saṅkhāra – Pháp Hữu Vi)** thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Đạo của Bậc Thánh Nhân làm duyên đối với Nghĩa Vô Ngại Giải **(Atthapaṭisambhidā),** Pháp Vô Ngại Giải **(Dhamma paṭisambhidā),** Từ Vô Ngại Giải **(Niruttipaṭisambhidā),** Biện Vô Ngại Giải **(Paṭibhāṇa paṭisambhidā)** và việc tác thành Bậc thông tuệ trong Xứ **(Ṭhāna)** và Phi Xứ **(Aṭṭhāna)** theo phương thức Cận Y Duyên. Nhập Thiền Quả làm duyên đối với Thân Thọ Lạc theo phương thức Cận Y Duyên (2)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA) v.v.

[215] Pháp Thực Tính Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dục Giới theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn Dục Giới theo phương thức Tiền Sinh Duyên (1)

Pháp Thực Tính Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Dục Giới theo phương thức Tiền Sinh Duyên (2)

...Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên có 2 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Trùng Dụng Duyên có 3 thời kỳ.

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA) v.v.

[216] Pháp Thực Tính Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dục Giới theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời (giản lược)

Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời (giản lược)

Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dục Giới theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời (giản lược)

Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dục Giới và chẳng phải Dục Giới theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời (giản lược) (3)

...Làm duyên theo phương thức Dị Thục Quả Duyên có 4 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên có 4 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên có 4 thời kỳ..Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 4 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[217] Pháp Thực Tính Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dục Giới theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh (giản lược)

Pháp Thực Tính Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là (giản lược) trong sát na tái sinh, Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Dục Giới theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Dục Giới theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dục Giới theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh.

Câu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Hậu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA) v.v.

[218] Pháp Thực Tính Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dục Giới theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực (giản lược)

Pháp Thực Tính Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh

Câu Sinh đó là trong sát na tái sinh, Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Dục Giới theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh đó là người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn v.v. (tương tự Tiền Sinh Duyên) (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới theo phương thức Hiện Hữu Duyên chỉ có một thể loại là Câu Sinh (giản lược).

Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dục Giới theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (tương tự Bất Tương Ưng Duyên)

Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dục Giới và chẳng phải Dục Giới theo phương thức Hiện Hữu Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan) (3)

[219] Pháp Thực Tính Dục Giới và chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dục Giới theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 4 thể loại là Câu Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Dục Giới và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Hậu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Dục Giới và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn chẳng phải Dục Giới và Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Pháp Thực Tính Dục Giới và chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn chẳng phải Dục Giới và Ý Vật làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (2)

...Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên...Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên...Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[220] Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Cảnh Duyên có 4 thời kỳ. Trưởng Duyên có 4 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 7 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 7 thời kỳ. Cận Y Duyên có 4 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 3 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 4 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 4 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 4 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 4 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 7 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 4 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 4 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 7 thời kỳ.

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRA)

[221] Pháp Thực Tính Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dục Giới theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên.

Pháp Thực Tính Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (2)

[222] Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên.

Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dục Giới theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Hậu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên.

Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dục Giới và chẳng phải Dục Giới theo phương thức Câu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên (3)

Pháp Thực Tính Dục Giới và chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dục Giới theo phương thức Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên.

Pháp Thực Tính Dục Giới và chẳng phải Dục Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Dục Giới theo phương thức Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên (2)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[223] Phi Nhân Duyên có 7 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 7 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 7 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 7 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 7 thời kỳ. Phi Câu Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Phi Y Chỉ Duyên có 6 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 7 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 6 thời kỳ v.v. Phi Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Hiện Hữu Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 7 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 7 thời kỳ. Phi Bất Ly Duyên có 5 thời kỳ.

3. THUẬN – NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[224] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ v.v. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[225] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ (nên bổ túc Câu Mẫu Đề Thuận Tùng Duyên) v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 7 thời kỳ.

Kết Thúc Nhị Đề Dục Giới

94. NHỊ ĐỀ SẮC GIỚI (RŪPĀVACARADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[226] Pháp Thực Tính Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính Sắc Giới sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn Sắc Giới sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính Sắc Giới sinh khởi vì Nhân Giới đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Sắc Giới sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính Sắc Giới và chẳng phải Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính Sắc Giới sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Sắc Giới sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

[227] Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải Sắc Giới sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v.

Pháp Thực Tính Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới sinh khởi vì Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh, Uẩn Sắc Giới nương vào Ý Vật sinh khởi.

Pháp Thực Tính Sắc Giới và chẳng phải Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới sinh khởi vì Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh, Uẩn Sắc Giới nương vào Ý Vật sinh khởi, Sắc Tái sinh nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (3)

[228] Pháp Thực Tính Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính Sắc Giới và chẳng phải Sắc Giới sinh khởi vì Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn Sắc Giới và nương vào Ý Vật sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v.

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính Sắc Giới và chẳng phải Sắc Giới sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Sắc Giới và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh, Sắc Tái Sinh nương vào Uẩn Sắc Giới nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi.

Pháp Thực Tính Sắc Giới và chẳng phải Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính Sắc Giới và chẳng phải Sắc Giới sinh khởi vì Nhân Duyên đó là trong sát na tái sinh, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn Sắc Giới và nương vào Ý Vật sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tái sinh nương vào Uẩn Sắc Giới và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (giản lược) (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[229] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 4 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 4 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 9 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 9 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 9 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 9 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 4 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 9 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 9 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 4 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 4 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)
PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA) VÀ

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

[230] Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân chẳng phải Sắc Giới sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi... nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng), Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (1) ...Vì Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ.

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA) v.v.

[231] Pháp Thực Tính Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính Sắc Giới sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên đó là Pháp Trưởng Sắc Giới nương vào Uẩn Sắc Giới sinh khởi, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn Dị Thục Quả Sắc Giới sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính Sắc Giới sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Dị Thục Quả Sắc Giới sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính Sắc Giới và chẳng phải Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính Sắc Giới sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Dị Thục Quả Sắc Giới sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải Sắc Giới sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. có 3 thời kỳ (Nhị Đề này tương tự Giai Đoạn Liên Quan Dục Giới, không có điều sai biệt nhau. Trong chỗ này nên bổ túc tất cả Sắc Đại Hiển) (3)

[232] Pháp Thực Tính Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính Sắc Giới và chẳng phải Sắc Giới sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên đó là trong sát na tái sinh, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn Sắc Giới và nương vào Ý Vật sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v.

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính Sắc Giới và chẳng phải Sắc Giới sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Dị Thục Quả Sắc Giới và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính Sắc Giới và chẳng phải Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính Sắc Giới và chẳng phải Sắc Giới sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên đó là trong sát na tái sinh, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn Sắc Giới và nương vào Ý Vật sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tái sinh nương vào Uẩn Sắc Giới và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (3)

...Vì Phi Vô Gián Duyên v.v...Vì Phi Cận Y Duyên.

PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA) v.v.

[233] Pháp Thực Tính Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính Sắc Giới sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong sát na tái sinh, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn Sắc Giới sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v.

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính Sắc Giới sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Sắc Giới sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính Sắc Giới và chẳng phải Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính Sắc Giới sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong sát na tái sinh, 3 Uẩn và Sắc Tái Sinh nương vào 1 Uẩn Sắc Giới sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn chẳng phải Sắc Giới sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn chẳng phải Sắc Giới sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến

Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, nên bổ túc 5 thời kỳ ngoài ra đây nên thực hiện theo Thuận Tùng Duyên)...Vì Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ.

PHI TRÙNG DỤNG DUYÊN (NAĀSEVANAPACCAYA) v.v.

[234] Pháp Thực Tính Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính Sắc Giới sinh khởi vì Phi Trùng Dụng Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn Dị Thục Quả Sắc Giới sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính Sắc Giới sinh khởi vì Phi Trùng Dụng Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Sắc Giới sinh khởi v.v. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính Sắc Giới và chẳng phải Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính Sắc Giới sinh khởi vì Phi Trùng Dụng Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Dị Thục Quả Sắc Giới sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới sinh khởi vì Phi Trùng Dụng Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính Sắc Giới và chẳng phải Sắc Giới sinh khởi vì Phi Trùng Dụng Duyên (giản lược, nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên, nên bổ túc thời kỳ ngoài ra đây).

...Vì Phi Nghiệp Lực Duyên có 2 thời kỳ v.v...Vì Phi Tương Ưng Duyên.

[235] Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới sinh khởi vì Phi Bất Tương Ưng Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn chẳng phải Sắc Giới sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v...ở phần ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. (giản lược)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[236] Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 2 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 1 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ (việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Câu Sinh nên thực hiện như vầy).

94. NHỊ ĐỀ SẮC GIỚI (RŪPĀVACARADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[237] Pháp Thực Tính Sắc Giới tác hành Pháp Thực Tính Sắc Giới cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn chẳng phải Sắc Giới cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Sắc Đại Hiển nội bộ), Uẩn chẳng phải Sắc Giới tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi.

Pháp Thực Tính Sắc Giới tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn Sắc Giới tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính Sắc Giới và chẳng phải Sắc Giới tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn Sắc Giới tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

[238] Pháp Thực Tính Sắc Giới tác hành Pháp Thực Tính Sắc Giới và chẳng phải Sắc Giới cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn Sắc Giới và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới tác hành Pháp Thực Tính Sắc Giới và chẳng phải Sắc Giới cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Sắc Giới và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính Sắc Giới và chẳng phải Sắc Giới tác hành Pháp Thực Tính Sắc Giới và chẳng phải Sắc Giới cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn Sắc Giới và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Sắc Giới và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (3) (giản lược)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[239] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 4 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9

thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 4 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 4 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 4 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[240] Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn Vô Nhân chẳng phải Sắc Giới cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi, Uẩn Vô Nhân chẳng phải Sắc Giới tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi, đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1) (giản lược)

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

[241] Pháp Thực Tính Sắc Giới tác hành Pháp Thực Tính Sắc Giới cho thành duyên sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới cho thành duyên sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan)

Pháp Thực Tính Sắc Giới tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới cho thành duyên sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên đó là Pháp Trưởng Sắc Giới tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Uẩn Dị Thục Quả Sắc Giới tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính Sắc Giới và chẳng phải Sắc Giới tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới cho thành duyên sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên đó là Uẩn Dị Thục Quả Sắc Giới tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

[242] Pháp Thực Tính Sắc Giới tác hành Pháp Thực Tính Sắc Giới và chẳng phải Sắc Giới cho thành duyên sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên đó là Pháp Trưởng Sắc Giới tác hành Uẩn Sắc Giới và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn Dị Thục Quả Sắc Giới và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn Sắc Giới và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v.

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới tác hành Pháp Thực Tính Sắc Giới và chẳng phải Sắc Giới sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Dị Thục Quả Sắc Giới và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính Sắc Giới và chẳng phải Sắc Giới tác hành Pháp Thực Tính Sắc Giới và chẳng phải Sắc Giới cho thành duyên sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn Dị Thục Quả Sắc Giới và tác hành Ý Vật sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Dị Thục Quả Sắc Giới và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (3) (giản lược)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[243] Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ (trong toàn bộ Vô Sắc và Vô Sắc sinh hỗn tạp, nên quy định rằng là Dị Thục Quả). Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 1 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ (việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Y Chỉ nên thực hiện như thế này).

94. NHỊ ĐỀ SẮC GIỚI (RŪPĀVACARADUKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṄSAṬṬHAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[244] Pháp Thực Tính Sắc Giới sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Sắc Giới vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn Sắc Giới v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn chẳng phải Sắc Giới v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Cảnh Duyên có 2 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 2 thời kỳ). Bất Ly Duyên có 2 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới vì Phi Nhân Duyên (giản lược)

Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 2 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 2 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 1 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

(Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Tương Ưng nên thực hiện như thế này)

94. NHỊ ĐỀ SẮC GIỚI (RŪPĀVACARADUKA)

VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[245] Pháp Thực Tính Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc Giới theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân Sắc Giới làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên) Nhân Sắc Giới làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên) Nhân Sắc Giới làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân chẳng phải Sắc Giới làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[246] Pháp Thực Tính Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc Giới theo phương thức Cảnh Duyên đó là người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm Sắc Giới, Uẩn Sắc Giới làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí và Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cảnh Duyên.

Pháp Thực Tính Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới theo phương thức Cảnh Duyên đó là người tư khảo lại Sơ Thiền v.v. tư khảo lại Tứ Thiền, tư khảo lại Thiên Nhãn, tư khảo lại Thiên Nhĩ Giới v.v. Thần Túc Trí v.v. Tha Tâm Trí v.v.

Túc Mạng Tùy Niệm Trí v.v. Tùy Nghiệp Thú Trí v.v. tư khảo lại Vị Lai Tiên Giác Trí. Người kiến giải minh lượng Uẩn Sắc Giới thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi (2)

[247] Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy khai đầu, tham ái v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo, Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não đã được đoạn tận rồi v.v. phiền não đã được ức chế rồi v.v. tri đắc phiền não đã từng sinh khởi v.v. Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải Sắc Giới thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi, Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Cảnh Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc Giới theo phương thức Cảnh Duyên đó là người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm chẳng phải Sắc Giới, Uẩn chẳng phải Sắc Giới làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí và Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cảnh Duyên (2)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[248] Pháp Thực Tính Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc Giới theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng Sắc Giới làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

Pháp Thực Tính Sắc Giới làm duyên theo phương thức Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người tư khảo lại Sơ Thiền cho thành Cảnh một cách kiên định, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiền Định ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến v.v. Người tư khảo lại Tứ Thiền v.v. Thiên Nhãn v.v. Thiên Nhĩ Giới v.v. Thần Túc Trí v.v. Tha Tâm Trí v.v. Túc Mạng Tùy Niệm Trí v.v. Tùy Nghiệp Thú Trí v.v. Vị Lai Tiên Giác Trí cho thành Cảnh một cách kiên định, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Tứ Thiền ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn Sắc Giới cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng Sắc Giới làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

Pháp Thực Tính Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc Giới và chẳng phải Sắc Giới theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng Sắc Giới làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (3)

[249] Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi cho thành Cảnh một cách kiên định, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Quả v.v. tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo và Quả theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải Sắc Giới cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi. Người tư khảo lại Không Vô Biên Xứ cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. tư khảo lại Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ cho thành Cảnh một cách kiên định.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng chẳng phải Sắc Giới làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (1)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.

[250] Pháp Thực Tính Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc Giới theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn Sắc Giới sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Sắc Giới sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

Pháp Thực Tính Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Tâm Tử **(Cuticitta)** Sắc Giới làm duyên đối với Tâm Tái Sinh **(Uppatticitta)** chẳng phải Sắc Giới theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần Sắc Giới làm duyên đối với Tâm Khai Môn, Uẩn Sắc Giới làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** chẳng phải Sắc Giới theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

[251] Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn chẳng phải Sắc Giới sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Sắc Giới sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc v.v. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên.

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc Giới theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Tâm Tử **(Cuticitta)** chẳng phải Sắc Giới làm duyên đối với Tâm Tái Sinh **(Uppatticitta)** Sắc Giới theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn chẳng phải Sắc Giới làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** Sắc Giới theo phương thức Vô Gián Duyên. Chuẩn Bị Sơ Thiền làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên v.v. Chuẩn Bị Tứ Thiền v.v. Thiên Nhãn v.v. Thiên Nhĩ Giới v.v. Thần Túc Trí v.v. Tha Tâm Trí v.v. Túc Mạng Tùy Niệm Trí v.v. Tùy Nghiệp Thú Trí v.v. Chuẩn Bị Vị Lai Tiên Giác Trí làm duyên đối với Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

...Làm duyên theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên có 7 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có 7 thời kỳ.

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[252] Pháp Thực Tính Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc Giới theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín Sắc Giới rồi thực hiện Thiền Định Sắc Giới cho sinh khởi, thực hiện Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định cho sinh khởi. Nương vào Giới Sắc Giới v.v. Tuệ rồi thực hiện Thiền Định Sắc Giới v.v. thực hiện Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định cho sinh khởi. Tín Sắc Giới v.v. Tuệ làm duyên đối với Tín Sắc Giới v.v. Tuệ theo phương thức Cận Y Duyên. Sơ Thiền làm duyên đối với Nhị Thiền theo phương thức Cận Y Duyên. Nhị Thiền làm duyên đối với Tam Thiền v.v. Tam Thiền làm duyên đối với Tứ Thiền theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín Sắc Giới rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực, thực hiện Thiền Định Sắc Giới v.v. thực hiện Minh Sát Tuệ v.v. Đạo v.v. Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định cho sinh khởi, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới Sắc Giới v.v. Tuệ rồi xả thí v.v. có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Tín Sắc Giới v.v. Tuệ làm duyên đối với Tín chẳng phải Sắc Giới v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sự dục vọng...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ...Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (2)

[253] Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín chẳng phải Sắc Giới rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực, thực hiện Thiền Định chẳng phải Sắc Giới v.v. thực hiện Minh Sát Tuệ v.v. Đạo v.v. Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định cho sinh khởi, có ngã mạn,

chấp thủ tà kiến. Nương vào Tín chẳng phải Sắc Giới v.v. Tuệ v.v. Trú Xứ rồi xả thí v.v. có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Tín chẳng phải Sắc Giới v.v. Tuệ v.v. làm duyên đối với Tín chẳng phải Sắc Giới v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sự dục vọng...Thân Thọ Lạc v.v. Thân Thọ Khổ v.v. Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc Giới theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín chẳng phải Sắc Giới rồi thực hiện Thiền Định Sắc Giới v.v. Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định cho sinh khởi. Nương vào Giới chẳng phải Sắc Giới v.v. Trú Xứ rồi thực hiện Thiền Định Sắc Giới v.v. Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định cho sinh khởi. Tín chẳng phải Sắc Giới v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín Sắc Giới v.v. Tuệ theo phương thức Cận Y Duyên. Chuẩn Bị Sơ Thiền làm duyên đối với Sơ Thiền theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Chuẩn Bị Tứ Thiền v.v. Thiên Nhãn v.v. Thiên Nhĩ Giới v.v. Thần Túc Trí v.v. Tha Tâm Trí v.v. Túc Mạng Tùy Niệm Trí v.v. Tùy Nghiệp Thú Trí v.v. Chuẩn Bị Vị Lai Tiên Giác Trí làm duyên đối với Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cận Y Duyên (2)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA) v.v.

[254] Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Sắc Giới theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc Giới theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn Sắc Giới theo phương thức Tiền Sinh Duyên (2)

...Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên có 2 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Trùng Dụng Duyên có 3 thời kỳ.

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA) v.v.

[255] Pháp Thực Tính Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc Giới theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở Sắc Giới làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở Sắc Giới làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả Sắc Giới theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Pháp Thực Tính Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở Sắc Giới làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở Sắc Giới làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Pháp Thực Tính Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc Giới và chẳng phải Sắc Giới theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở Sắc Giới làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở Sắc Giới làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả Sắc Giới và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở chẳng phải Sắc Giới làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na tái sinh v.v.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở chẳng phải Sắc Giới làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả chẳng phải Sắc Giới và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

...Làm duyên theo phương thức Dị Thục Quả Duyên có 4 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên có 4 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên có 4 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 4 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[256] Pháp Thực Tính Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh (giản lược)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc Giới theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là trong sát na tái sinh, Ý Vật làm duyên đối với Uẩn Sắc Giới theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn Sắc Giới theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (2)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA) v.v.

[257] Pháp Thực Tính Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc Giới theo phương thức Hiện Hữu Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh.

Pháp Thực Tính Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc Giới và chẳng phải Sắc Giới theo phương thức Hiện Hữu Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực (giản lược)

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc Giới theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là trong sát na tái sinh, Ý Vật làm duyên đối với Uẩn Sắc Giới theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh đó là người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Ý Vật làm duyên đối với Uẩn Sắc Giới theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

[258] Pháp Thực Tính Sắc Giới và chẳng phải Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc Giới theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn Sắc Giới và Ý Vật làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính Sắc Giới và chẳng phải Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 4 thể loại là Câu Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là Uẩn Sắc Giới và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v.

Hậu Sinh đó là Uẩn Sắc Giới và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn Sắc Giới và Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

...Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên...Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên...Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[259] Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Cảnh Duyên có 4 thời kỳ. Trưởng Duyên có 4 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 7 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 7 thời kỳ. Cận Y Duyên có 4 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 3 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 4 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 4 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 4 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 4 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 7 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 4 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 4 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 7 thời kỳ.

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[260] Pháp Thực Tính Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc Giới theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên.

Pháp Thực Tính Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Hậu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên.

Pháp Thực Tính Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc Giới và chẳng phải Sắc Giới theo phương thức Câu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên (3)

[261] Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên.

Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc Giới theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính Sắc Giới và chẳng phải Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Sắc Giới theo phương thức Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên.

Pháp Thực Tính Sắc Giới và chẳng phải Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Sắc Giới theo phương thức Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (2)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)

2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[262] Phi Nhân Duyên có 7 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 7 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 7 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 7 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 7 thời kỳ. Phi Câu Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 6 thời kỳ. Phi Y Chỉ Duyên có 6 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 7 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 7 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 7 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 6 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ.

Phi Hiện Hữu Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 7 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 7 thời kỳ. Phi Bất Ly Duyên có 5 thời kỳ.

3. THUẬN – NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[263] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[264] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ (nên giảng giải Câu Mẫu Đề Thuận Tùng Duyên cho quảng nghĩa) v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 7 thời kỳ.

Kết Thúc Nhị Đề Sắc Giới

95. NHỊ ĐỀ VÔ SẮC GIỚI (ARŪPĀVACARADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[265] Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn Vô Sắc Giới sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Vô Sắc Giới sinh khởi.

Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới và chẳng phải Vô Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Sắc Giới sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

[266] Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải Vô Sắc Giới sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh, 3 Uẩn và Sắc Tái Sinh nương vào 1 Uẩn chẳng phải Vô Sắc Giới sinh khởi v.v. nương vào

2 Uẩn v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi ...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Vô Sắc Giới và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1) (giản lược)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[267] Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Cảnh Duyên có 2 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 2 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 2 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 2 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 5 thời kỳ. Cận Y Duyên có 2 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 5 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 2 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 5 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 5 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA) VÀ PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

[268] Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân chẳng phải Vô Sắc Giới sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (1)...Vì Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ.

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA) v.v.

[269] Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên đó là Pháp Trưởng Vô Sắc Giới nương vào Uẩn Vô Sắc Giới sinh khởi, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn Dị Thục Quả Vô Sắc Giới sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải Vô Sắc Giới sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

...Vì Phi Vô Gián Duyên v.v...Vì Phi Cận Y Duyên.

PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA) v.v.

[270] Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn Vô Sắc Giới sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (Trong sát na tái sinh) v.v. (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên) Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Vô Sắc Giới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn chẳng phải Vô Sắc Giới sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới và chẳng phải Vô Sắc Giới sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Vô Sắc Giới và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

...Vì Phi Hậu Sinh Duyên.

PHI TRÙNG DỤNG DUYÊN (NAĀSEVANAPACCAYA)

[271] Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới sinh khởi vì Phi Trùng Dụng Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn Dị Thục Quả Vô Sắc Giới sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v.

Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới sinh khởi vì Phi Trùng Dụng Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Vô Sắc Giới sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới sinh khởi vì Phi Trùng Dụng Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải Vô Sắc Giới sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới nương vào Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới và chẳng phải Vô Sắc Giới sinh khởi vì Phi Trùng Dụng Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn Vô Sắc Giới và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1) (giản lược)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[272] Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 4 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 2 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1

thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ (nên đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Câu Sinh nên thực hiện như thế này)

95. NHỊ ĐỀ VÔ SẮC GIỚI (ARŪPĀVACARADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[273] Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới tác hành Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan)

Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là...tác hành 1 Uẩn chẳng phải Vô Sắc Giới v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Sắc Đại Hiển nội bộ), Uẩn chẳng phải Vô Sắc Giới tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi.

Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn Vô Sắc Giới tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (Uẩn Vô Sắc Giới tác hành Uẩn chẳng phải Vô Sắc Giới cho thành duyên sinh khởi)

Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới và chẳng phải Vô Sắc Giới tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn Vô Sắc Giới tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi (3)

[274] Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới tác hành Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới và chẳng phải Vô Sắc Giới cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn Vô Sắc Giới và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v.

Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới tác hành Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới và chẳng phải Vô Sắc Giới cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Vô Sắc Giới và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi.

Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới và chẳng phải Vô Sắc Giới tác hành Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới và chẳng phải Vô Sắc Giới cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn Vô Sắc Giới và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Vô Sắc Giới và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[275] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 4 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 4 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 4 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 4 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 4 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 2 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA) v.v.

[276] Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là...tác hành 1 Uẩn Vô Nhân chẳng phải Vô Sắc Giới v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi, Uẩn Vô Nhân chẳng phải Vô Sắc Giới tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi, đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

...Vì Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới tác hành Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới cho thành duyên sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên đó là Pháp Trưởng Vô Sắc Giới tác hành Uẩn Vô Sắc Giới cho thành duyên sinh khởi...nương vào 1 Uẩn Dị Thục Quả Vô Sắc Giới v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới cho thành duyên sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên đó là...tác hành 1 Uẩn chẳng phải Vô Sắc Giới v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi, Uẩn chẳng phải Vô Sắc Giới tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[277] Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 4 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo

Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ (nên đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Y Chỉ nên thực hiện như thế này).

95. NHỊ ĐỀ VÔ SẮC GIỚI (ARŪPĀVACARADUKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṄSAṬṬHAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[278] Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn Vô Sắc Giới v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn chẳng phải Vô Sắc Giới v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Nhân Duyên có 2 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 2 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 2 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 2 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ (việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Tương Ưng nên thực hiện như thế này)

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

95. NHỊ ĐỀ VÔ SẮC GIỚI (ARŪPĀVACARADUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[279] Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân Vô Sắc Giới làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên) Nhân Vô Sắc Giới làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên

(nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên) Nhân Vô Sắc Giới làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân chẳng phải Vô Sắc Giới làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[280] Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới theo phương thức Cảnh Duyên đó là Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ theo phương thức Cảnh Duyên, Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cảnh Duyên.

Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới theo phương thức Cảnh Duyên đó là người tư khảo lại Không Vô Biên Xứ, tư khảo lại Thức Vô Biên Xứ, tư khảo lại Vô Sở Hữu Xứ, tư khảo lại Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, kiến giải minh lượng Uẩn Vô Sắc Giới thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm Vô Sắc Giới, Uẩn Vô Sắc Giới làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy khai đầu, tham ái v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo, Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não đã được đoạn tận rồi, tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi v.v. tri đắc phiền não đã từng sinh khởi v.v. Kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải Vô Sắc Giới thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm chẳng phải Vô Sắc Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Uẩn chẳng phải Vô Sắc Giới làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[281] Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng Vô Sắc Giới làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng,

Cảnh Trưởng đó là người tư khảo lại Không Vô Biên Xứ cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. tư khảo lại Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ cho thành Cảnh một cách kiên định, hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn Vô Sắc Giới cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng Vô Sắc Giới làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Pháp Trưởng Vô Sắc Giới làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (3)

[282] Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi. Người tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Quả v.v. tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo và Quả theo phương thức Trưởng Duyên. Hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải Vô Sắc Giới cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng chẳng phải Vô Sắc Giới làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (1)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.

[283] Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn Vô Sắc Giới sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Vô Sắc Giới sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Tâm Tử **(Cuticitta)** Vô Sắc Giới làm duyên đối với Tâm Tái Sinh **(Uppatticitta)** chẳng phải Vô Sắc Giới, Tâm Hữu Phần Vô Sắc Giới làm duyên đối với Tâm Khai Môn, Uẩn Vô Sắc Giới làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhā**

na) chẳng phải Vô Sắc Giới, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

[284] Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn chẳng phải Vô Sắc Giới sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Vô Sắc Giới sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên Chuyển Tộc v.v. Thuận Tùng làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên.

Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Tâm Tử **(Cuticitta)** chẳng phải Vô Sắc Giới làm duyên đối với Tâm Tái Sinh **(Uppatticitta)** Vô Sắc Giới theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn chẳng phải Vô Sắc Giới làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** Vô Sắc Giới theo phương thức Vô Gián Duyên. Chuẩn Bị Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Không Vô Biên Xứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Chuẩn Bị Thức Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ v.v. Chuẩn Bị Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

...Làm duyên theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên có 5 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên có 2 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có 7 thời kỳ.

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[285] Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ theo phương thức Cận Y Duyên. Thức Vô Biên Xứ làm duyên đối với Vô Sở Hữu Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cận Y Duyên.

Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín Vô Sắc Giới rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực, thực hiện Thiền Định chẳng phải Vô Sắc Giới cho sinh khởi, thực hiện Minh Sát Tuệ v.v. Đạo v.v. Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định cho sinh khởi, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới Vô Sắc Giới v.v. Tuệ rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Tín Vô Sắc Giới v.v. Tuệ làm duyên đối với Tín chẳng phải Vô Sắc Giới v.v. Tuệ...tham ái v.v. sự dục vọng... Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ...Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (2)

[286] Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín chẳng phải Vô Sắc Giới rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực, thực hiện Thiền Định chẳng phải Vô Sắc Giới cho sinh khởi, thực hiện Minh Sát Tuệ v.v. Đạo v.v. Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định cho sinh khởi, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới chẳng phải Vô Sắc Giới v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sự dục vọng v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Thân Thọ Khổ...Quý Tiết...Ẩm Thực...Trú Xứ rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi, sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín chẳng phải Vô Sắc Giới v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín chẳng phải Vô Sắc Giới v.v. sự dục vọng...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ...Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v

Thường Cận Y đó là Chuẩn Bị Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Không Vô Biên Xứ theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Chuẩn Bị Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cận Y Duyên (2)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[287] Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải Vô Sắc Giới theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới theo phương thức Tiền Sinh Duyên chỉ có một thể loại là **Vật Tiền Sinh** đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn Vô Sắc Giới theo phương thức Tiền Sinh Duyên (2)

...Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên có 2 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Trùng Dụng Duyên có 3 thời kỳ.

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[288] Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời v.v.

Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở Vô Sắc Giới làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Uẩn Vô Sắc Giới theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (nên bổ

túc Câu làm Căn Nguyên). Tư Tâm Sở Vô Sắc Giới làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở chẳng phải Vô Sắc Giới làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (giản lược) (1)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA) v.v.

[289] Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới theo phương thức Dị Thục Quả Duyên (giản lược)

Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới theo phương thức Dị Thục Quả Duyên (giản lược)

...Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên có 4 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên có 4 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 4 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[290] Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh và Hậu Sinh (giản lược)

Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên chỉ có một thể loại là **Tiền Sinh** đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn Vô Sắc Giới theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (2)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA) v.v.

[291] Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới theo phương thức Hiện Hữu Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh** v.v.

Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh v.v.

Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới và chẳng phải Vô Sắc Giới theo phương thức Hiện Hữu Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh** (giản lược) (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới theo phương thức Hiện Hữu Duyê có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực (giản lược)

Pháp Thực Tính chẳng phảu Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới theo phương thức Hiện Hữu Duyên chỉ có một thể loại là **Tiền Sinh** đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn Vô Sắc Giới theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

[292] Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới và chẳng phải Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh.

Câu Sinh đó là 1 Uẩn Vô Sắc Giới và Ý Vật làm duyên đối với 3 Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. 2 Uẩn v.v.

Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới và chẳng phải Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 4 thể loại là Câu Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là Uẩn Vô Sắc Giới và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn Vô Sắc Giới và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn Vô Sắc Giới và Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

...Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên...Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên...Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[293] Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Trưởng Duyên có 4 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 2 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 7 thời kỳ. Cận Y Duyên có 4 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 3 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 2 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 4 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 4 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 4 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 7 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 4 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 4 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 7 thời kỳ.

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[294] Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên.

Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên.

Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới và chẳng phải Vô Sắc Giới theo phương thức Câu Sinh Duyên (3)

[294] Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên.

Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới theo phương thức Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới và chẳng phải Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới theo phương thức Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên.

Pháp Thực Tính Vô Sắc Giới và chẳng phải Vô Sắc Giới làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải Vô Sắc Giới theo phương thức Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (2)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)

2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[296] Phi Nhân Duyên có 7 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 7 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 7 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 7 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 7 thời kỳ. Phi Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 5 thời kỳ. Phi Y Chỉ Duyên có 5 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 7 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 7 thời kỳ v.v. Phi Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hiện Hữu Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 7 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 7 thời kỳ. Phi Bất Ly Duyên có 4 thời kỳ.

3. THUẬN – NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[297] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ v.v. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[298] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ (nên giảng giải Câu Mẫu Đề Thuận Tùng Duyên cho quảng nghĩa) v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 7 thời kỳ.

Kết Thúc Nhị Đề Vô Sắc Giới

96. NHỊ ĐỀ TƯƠNG QUAN LIÊN LUÂN HỒI (PARIYĀPANNADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

[299] Pháp Thực Tính tương quan liên trong sinh tử chuyển hồi **(Vaṭṭadukkha)** nương vào Pháp Thực Tính tương quan liên với sinh tử chuyển hồi sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn tương quan liên sinh tử chuyển hồi sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (nên thực hiện Nhị Đề này cho tương tự Nhị Đề Hiệp Thế trong Nhị Đề Tiểu Lý Diện, không có điều sai biệt nhau).

Kết Thúc Nhị Đề Tương Quan Liên Luân Hồi

97. NHỊ ĐỀ PHỔ ĐỘ XUẤT LY (NIYYĀNIKADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

[300] Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi nương vào Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v.

Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi nương vào Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi sinh khởi.

Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi và chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi nương vào Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v.

Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi nương vào Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi và chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[301] Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Cảnh Duyên có 2 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 2 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 2 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 2 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 5 thời kỳ. Cận Y Duyên có 2 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 5 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 5 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 5 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA) VÀ PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

[302] Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 2 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. Ý Vật nương vào Uẩn sinh khởi, Uẩn nương vào Ý Vật sinh khởi...nương vào 1 Sắc Đại Hiển v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (1)

...Vì Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ.

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA) v.v.

[303] Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi nương vào Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên đó là Pháp Trưởng tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi nương vào Uẩn tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

...Vì Phi Vô Gián Duyên...Vì Phi Đẳng Vô Gián Duyên...Vì Phi Hỗ Tương Duyên v.v.

PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA) v.v.

[304] Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi nương vào Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới...nương vào 1 Uẩn tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi v.v.

Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi nương nhờ Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi nương hờ Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là trong Vô Sắc Địa Giới, 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi sinh khởi. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi nương vào Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi và chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi sinh khởi vì Phi Tiền Sinh Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi và nương vào Sắc Đại Hiển sinh khởi (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[305] Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 1 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 2 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

(Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Câu Sinh nên thức hiện như thế này).

97. NHỊ ĐỀ PHỔ ĐỘ XUẤT LY (NIYYĀNIKADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[306] Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi tác hành Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Sắc Đại Hiển nội bộ) Uẩn chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi.

Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v.

Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi và chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Uẩn tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi (3)

[307] Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi tác hành Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi và chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v.

Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi tác hành Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi và chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi.

Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi và chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi tác hành Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi và chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh

tử chuyển hồi và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành duyên sinh khởi (3)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[308] Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 4 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 4 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 9 thời kỳ. Cận Y Duyên có 4 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 4 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 4 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 9 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[309] Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn Vô Nhân chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi cho thành duyên sinh khởi v.v. 2 Uẩn v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi, Uẩn Vô Nhân chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi, Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi, đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.

[310] Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi tác hành Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi cho thành duyên sinh khởi vì Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ.

Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi tác hành Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi cho thành duyên sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên đó là Pháp Trưởng tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi tác hành Uẩn tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi cho thành duyên

sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên đó là...tác hành 1 Uẩn chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi, Uẩn chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi.

Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi cho thành duyên sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên đó là Pháp Trưởng tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi tác hành Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi và chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi cho thành duyên sinh khởi vì Phi Trưởng Duyên đó là Pháp Trưởng tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi tác hành Uẩn tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[311] Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ v.v. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 1 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

(Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Y Chỉ nên thực hiện như thế này).

97. NHỊ ĐỀ PHỔ ĐỘ XUẤT LY (NIYYĀNIKADUKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṄSAṬṬHAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

[312] Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi Sinh tử chuyển hồi sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn sinh hỗn tạp với 1 Uẩn chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi v.v. sinh hỗn tạp với 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Cảnh Duyên có 2 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 2 thời kỳ). Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 2 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 1 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 2 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 2 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

(Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Tương Ưng nên thực hiện như thế này)

97. NHỊ ĐỀ PHỔ ĐỘ XUẤT LY (NIYYĀNIKADUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[313] Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân làm tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Nhân làm tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Nhân làm tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi theo phương thức Nhân Duyên đó là Nhân chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na tái sinh v.v. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[314] Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi theo phương thức Cảnh Duyên đó là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm làm tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử

chuyển hồi, Uẩn tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy khai đầu, tham ái v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não đã được đoạn tận rồi, tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi, tri đắc phiền não đã từng sinh khởi v.v. Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi, Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Uẩn chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi theo phương thức Cảnh Duyên đó là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo theo phương thức Cảnh Duyên (2)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[315] Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Pháp Trưởng tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (3)

[316] Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khởi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khởi sinh tử chuyển hồi theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái v.v. tà kiến mới sinh khởi. Người tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại Quả cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh và Quả theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khởi sinh tử chuyển hồi cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khởi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khởi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khởi sinh tử chuyển hồi theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trưởng Duyên (2)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.

[317] Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khởi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khởi sinh tử chuyển hồi theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Đạo làm duyên đối với Quả theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khởi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khởi sinh tử chuyển hồi theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khởi sinh tử chuyển hồi sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khởi sinh tử chuyển hồi sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Quả làm duyên đối với Quả. Thuận Tùng làm duyên đối với Nhập Thiền Quả, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên.

Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khởi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khởi sinh tử chuyển hồi theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

...Làm duyên theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên có 2 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có 7 thời kỳ.

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[318] Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi chỉ có một thể loại là **Thường Cận Y** đó là Sơ Đạo làm duyên đối với Nhị Đạo theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Tạm Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên.

Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi thực hiện Nhập Thiền Định vẫn chưa sinh cho sinh khởi, Nhập Thiền Định đã từng sinh khởi rồi, kiến giải minh lượng Pháp Hành **(Saṅkhāra – Pháp Hữu Vi)** thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Đạo của Bậc Thánh Nhân làm duyên đối với Nghĩa Vô Ngại Giải **(Atthapaṭisambhidā),** Pháp Vô Ngại Giải **(Dhammapaṭisambhidā),** Từ Vô Ngại Giải **(Niruttipaṭisambhidā),** Biện Vô Ngại Giải **(Paṭibhāṇapaṭisambhidā)** và việc tác thành Bậc thông tuệ trong Xứ **(Ṭhāna)** và Phi Xứ **(Aṭṭhāna)** theo phương thức Cận Y Duyên. Đạo làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (2)

[319] Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực, thực hiện Thiền Định chi sinh khởi, thực hiện Minh Sát Tuệ v.v. Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định cho sinh khởi, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sự dục vọng v.v. Quý Tiết v.v. Ẩm Thực v.v. Trú Xứ rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi, sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi v.v. sự dục vọng v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Thân Thọ Khổ v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên.

Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là Chuẩn Bị Sơ Đạo làm duyên đối với Sơ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Chuẩn Bị Tứ Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên (2)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA) v.v.

[320] Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ (nên bổ túc cho tương tự Nhị Đề Vô Sắc Giới). Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ.

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[321] Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Quả **(Phala)** theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Tư Tâm Sở tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Cận Y Duyên (3)

[322] Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh (giản lược)

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở chẳng tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Quả **(Phala)** theo phương thức Nghiệp Lực Duyên

...Làm duyên theo phương thức Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ thôi...Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên có 4 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên có 4 thời kỳ... Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 4 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ (nên thực hiện cho tương tự Nhị Đề Vô Sắc Giới)...Làm duyên theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 7 thời kỳ (nên thực hiện cho tương tự Nhị Đề Vô Sắc Giới, việc hỗn tạp nội

dung chỉ khác biệt nhau về Câu thôi)...Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên có 7 thời kỳ.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[323] Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 2 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 7 thời kỳ. Cận Y Duyên có 4 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 4 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 4 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 4 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 7 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 7 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẢN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[324] Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi theo phương thức Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên.

Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên.

Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi và chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi theo phương thức Câu Sinh Duyên (3)

[325] Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên.

Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi theo phương thức Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi và chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi theo phương thức Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên.

Pháp Thực Tính tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi và chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải tác nhân dẫn dắt xuất khỏi sinh tử chuyển hồi theo phương thức Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (2)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[326] Phi Nhân Duyên có 7 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 7 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 7 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 7 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 7 thời kỳ. Phi Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 5 thời kỳ. Phi Y Chỉ Duyên có 5 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 7 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 7 thời kỳ v.v. Phi Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hiện Hữu Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 7 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 7 thời kỳ. Phi Bất Ly Duyên có 4 thời kỳ.

3. THUẬN – NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[327] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ v.v. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[328] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ (nên giảng giải Câu Mẫu Đề Thuận Tùng Duyên cho quảng nghĩa) v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 7 thời kỳ.

Kết Thúc Nhị Đề Phổ Độ Xuất Ly

98. NHỊ ĐỀ KHẲNG ĐỊNH (NIYATADUKA)
1 – 6. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA) v.v.

[329] Pháp Thực Tính cho quả tất định nương vào Pháp Thực Tính cho quả tất định sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn cho quả tất định sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v.

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống ấy nương vào Pháp Thực Tính cho quả tất định sinh khởi vì Nhân Duyên đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào Uẩn cho quả tất định sinh khởi (giản lược, nên thực hiện thành 5 thời kỳ. Giai Đoạn Liên Quan, Giai Đoạn Câu Sinh, Giai Đoạn Duyên Sinh, Giai Đoạn Y Chỉ, Giai Đoạn Hỗn Tạp và Giai Đoạn Tương Ưng nên thực hiện tương tự Nhị Đề Phổ Độ Xuất Ly, không có điều sai biệt nhau, việc hỗn tạp nội dung sai biệt nhau).

98. NHỊ ĐỀ KHẲNG ĐỊNH (NIYATADUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[330] Pháp Thực Tính cho quả tất định làm duyên đối với Pháp Thực Tính cho quả tất định theo phương thức Nhân Duyên có 4 thời kỳ (tương tự Nhị Đề Phổ Độ Xuất Ly, không có điều sai biệt nhau).

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[331] Pháp Thực Tính cho quả tất định làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống ấy theo phương thức Cảnh Duyên đó là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại phiền não cho quả tất định đã được đoạn tận rồi, tri đắc phiền não đã từng sinh khởi v.v. Người kiến giải minh lượng Uẩn cho quả tất định thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm cho quả tất định, Uẩn cho quả tất định làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thắng Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống ấy làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống ấy theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiền Định ấy khai đầu, tham ái cho quả bất định mới sinh khởi, tà kiến v.v. hoài nghi v.v. trạo cử v.v. ưu thọ cho quả bất định mới sinh khởi. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não cho quả bất định đã được đoạn tận rồi, tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi, tri đắc phiền não đã từng sinh khởi v.v. Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn cho quả bất định thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người

khán kiến Sắc với Thiên Nhãn v.v. làm duyên đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống ấy làm duyên đối với Pháp Thực Tính cho quả tất định theo phương thức Cảnh Duyên đó là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo theo phương thức Cảnh Duyên. Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với nghiệp lực sát tử mẫu thân, nghiệp lực sát tử phụ thân, nghiệp lực sát tử Bậc Vô Sinh và nghiệp lực chích thân huyết Đức Như Lai theo phương thức Cảnh Duyên. Uẩn có thực tính thố ngộ và cho quả tất định của Bậc kiên thủ Ý Vật cho sinh khởi, Ý Vật ấy làm duyên đối với Uẩn có thực tính thố ngộ và cho quả tất định theo phương thức Cảnh Duyên. (2)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[332] Pháp Thực Tính cho quả tất định làm duyên đối với Pháp Thực Tính cho quả tất định theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng cho quả tất định làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

Pháp Thực Tính cho quả tất định làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống ấy theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng cho quả tất định làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

Pháp Thực Tính cho quả tất định làm duyên đối với Pháp Thực Tính cho quả tất định và cho quả bất định theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng cho quả tất định làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (3)

[333] Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống ấy làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống ấy theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, hỷ duyệt tâm khoáng thần di, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái cho quả bất định mới sinh khởi v.v. tà kiến v.v. Người tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại Quả cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh và Quả theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn cho quả bất định cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái cho quả bất định mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng cho quả bất định làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống ấy làm duyên đối với Pháp Thực Tính cho quả tất định theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trưởng Duyên (2)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.

[334] Pháp Thực Tính cho quả tất định làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống ấy theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Đạo làm duyên Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn cho quả tất định làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhā na)** theo phương thức Vô Gián Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống ấy làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn cho quả bất định sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn cho quả bất định sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Quả làm duyên đối với Quả, Thuận Tùng làm duyên đối với Nhập Thiền Quả, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên.

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống ấy làm duyên đối với Pháp Thực Tính cho quả tất định theo phương thức Vô Gián Duyên đó là ưu thọ cho quả bất định làm duyên đối với ưu thọ cho quả tất định, tà kiến cho quả bất định làm duyên đối với tà kiến cho quả tất định theo phương thức Vô Gián Duyên. Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

...Làm duyên theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên...Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên có 2 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có 7 thời kỳ.

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[335] Pháp Thực Tính cho quả tất đạo làm duyên đối với Pháp Thực Tính cho quả tất định theo phương thức Cận Y Duyên chỉ có một thể loại là **Thường Cận Y** đó là nghiệp lực sát tử mẫu thân làm duyên đối với nghiệp lực sát tử mẫu thân, nghiệp lực sát tử phụ thân, nghiệp lực sát tử Bậc Vô Sinh, nghiệp lực chích thân huyết Đức Như Lai, nghiệp lực phá hòa hợp Tăng Đoàn và chuẩn xác tà kiến theo phương thức Cận Y Duyên (nên triển nhiễu theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Sơ Đạo làm duyên đối với Nhị Đạo v.v. Nhị Đạo làm duyên đối với Tam Đạo v.v. Tam Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên.

Pháp Thực Tính cho quả tất định làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống ấy theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người đã sát mạng mẫu thân rồi v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn, kỳ vọng để sẽ thanh trừ Ác Nghiệp Lực ấy mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực. Bậc Thánh Nhân nương vào Đạo rồi thực hiện Nhập Thiền Định vẫn chưa sinh cho sinh khởi, Nhập Thiền Định đã sinh khởi rồi v.v. làm duyên đối với việc tác thành Bậc thông tuệ trong Xứ **(Ṭhāna)** và Phi Xứ **(Aṭṭhāna)** theo phương thức Cận Y Duyên. Đạo làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (2)

[336] Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống ấy làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống ấy theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín cho quả bất định rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. thực hiện Thiền Định v.v. Minh Sát Tuệ v.v. Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định cho sinh khởi, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới cho quả bất định v.v. Tuệ...tham ái...sự dục vọng...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ v.v. Trú Xứ rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi, sát tử hữu tình v.v. thực hiện việc sát lược thị dân. Tín cho quả bất định v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín cho quả bất định v.v. sự dục vọng...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống ấy làm duyên đối với Pháp Thực Tính cho quả tất định theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào tham ái cho quả bất định rồi đã sát mạng mẫu thân v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Nương vào ưu thọ cho quả bất định v.v. Trú Xứ rồi sát mạng mẫu thân v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn, tham ái cho quả bất định, ưu thọ v.v. Trú Xứ làm duyên đối với nghiệp lực sát tử mẫu thân v.v. nghiệp lực phá hòa hợp Tăng Đoàn theo phương thức Cận Y Duyên. Chuẩn Bị Sơ Đạo làm duyên đối với Sơ Đạo v.v. Chuẩn Bị Tứ Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên (2)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA) v.v.

[337] Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống ấy làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống ấy theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh (giản lược)

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống ấy làm duyên đối với Pháp Thực Tính cho quả tất định theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Cảnh Tiền Sinh đó là Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với nghiệp lực sát tử mẫu thân, nghiệp lực sát tử phụ thân, nghiệp lực sát tử Bậc Vô Sinh, nghiệp lực chích thân huyết Đức Như Lai theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn cho quả tất định theo phương thức Tiền Sinh Duyên (2)

...Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên có 2 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ.

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[338] Pháp Thực Tính cho quả tất định làm duyên đối với Pháp Thực Tính cho quả tất định theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở cho quả tất định làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Pháp Thực Tính cho quả tất định làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống ấy theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở cho quả tất định làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở cho quả tất định làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Tư Tâm Sở cho quả tất định làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3)

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống ấy làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống ấy theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời (giản lược)

...Làm duyên theo phương thức Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên có 4 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên có 4 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 4 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ (tương tự Nhị Đề Vô Sắc Giới)...Làm duyên theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 7 thời kỳ (tương tự Nhị Đề Vô Sắc Giới)...Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên...Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên...Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên có 7 thời kỳ.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[339] Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 2 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 7 thời kỳ. Cận Y Duyên có 4 thời

kỳ. Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 4 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 4 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 4 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 7 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 7 thời kỳ.

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[340] Pháp Thực Tính cho quả tất định làm duyên đối với Pháp Thực Tính cho quả tất định theo phương thức Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên.

Pháp Thực Tính cho quả tất định làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống ấy theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Hậu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên.

Pháp Thực Tính cho quả tất định làm duyên đối với Pháp Thực Tính cho quả tất định và bất định ở cả hai tình huống ấy theo phương thức Câu Sinh Duyên (3)

[341] Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống ấy làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống ấy theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên.

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống ấy làm duyên đối với Pháp Thực Tính cho quả tất định theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính cho quả tất định và bất định ở cả hai tình huống ấy làm duyên đối với Pháp Thực Tính cho quả tất định theo phương thức Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên.

Pháp Thực Tính cho quả tất định và bất định ở cả hai tình huống ấy làm duyên đối với Pháp Thực Tính cho quả tất định theo phương thức Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (2)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[342] Phi Nhân Duyên có 7 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 7 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 7 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 7 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 7 thời kỳ. Phi Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 5 thời kỳ. Phi Y Chỉ Duyên có 5 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 7 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 7 thời kỳ v.v. Phi Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hiện Hữu Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 7 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 7 thời kỳ. Phi Bất Ly Duyên có 4 thời kỳ.

3. THUẬN – NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[343] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ v.v. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ.

NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[344] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 3 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ (nên giảng giải Câu Mẫu Đề Thuận Tùng Duyên cho quảng nghĩa) v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 7 thời kỳ.

Kết Thúc Nhị Đề Khẳng Định

99. NHỊ ĐỀ HỮU PHÁP CAO THƯỢNG (SAUTTARADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

[345] Pháp Thực Tính có Pháp khác cao thượng hơn nương vào Pháp Thực Tính có Pháp khác cao thượng hơn sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn có Pháp khác cao thượng hơn sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Sắc Đại Hiển nội bộ, tương tự Nhị Đề Hiệp Thế trong Nhị Đề Tiểu Lý Diện, không có điều sai biệt nhau).

Kết Thúc Nhị Đề Hữu Pháp Cao Thượng

100. NHỊ ĐỀ Y THÁC HOÀI NIỆM (SARAṆADUKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[346] Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít nương vào Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn nương vào 1 Uẩn nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (Có 5 thời kỳ, tương tự Nhị Đề Vô Sắc Giới và tương tự Giai Đoạn Liên Quan phía Thuận Tùng Duyên).

Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Cảnh Duyên có 2 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ v.v. Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 5 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít nương vào Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử nương vào Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít nương vào Pháp Thực Tính chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương vào 1 Uẩn Vô Nhân chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) (1)

Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 2 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 5 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

(Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Câu Sinh nên thực hiện như thế này)

100. NHỊ ĐỀ Y THÁC HOÀI NIỆM (SARAṆADUKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
1. DUYÊN TỨ PHẦN (PACCAYACATUKKANAYA)

[347] Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít tác hành Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít cho thành duyên sinh khởi vì Nhân Duyên đó là 3 Uẩn tác hành 1 Uẩn nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít cho thành duyên sinh khởi v.v. nương vào 2 Uẩn v.v. (nên thực hiện tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh của Nhị Đề Vô Sắc Giới).

Nhân Duyên có 9 thời kỳ. Cảnh Duyên có 4 thời kỳ. Trưởng Duyên có 9 thời kỳ v.v. Bất Ly Duyên có 9 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

[348] Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít tác hành Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử cho thành duyên sinh khởi (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là 3 Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành 1 Uẩn chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít cho thành duyên sinh khởi v.v. tác hành 2 Uẩn v.v. Trong sát na tái sinh Vô Nhân v.v. (nên bổ túc nội dung cho đến Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng) Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành duyên sinh khởi v.v.

Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít tác hành Pháp Thực Tính chẳng phải nguyên làm cho hữu tình khóc thút thít cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (2)

Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít tác hành Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít và chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít cho thành duyên sinh khởi vì Phi Nhân Duyên đó là Si đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử tác hành Uẩn đồng hành hoài nghi và đồng hành trạo cử và tác hành Ý Vật cho thành duyên sinh khởi (1)

Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 3 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 3 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 3 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 3 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 9 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 9 thời kỳ. Phi Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 9 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Quyền Lực Duyên có 1 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 3 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 3 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

(Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây, Giai Đoạn Y Chỉ và Giai Đoạn Hỗn Tạp nên thức hiện như thế này, nên bổ túc thành 2 thời kỳ trong hết mọi nơi).

Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Cảnh Duyên có 2 thời kỳ (từng mỗi Duyên có 2 thời kỳ). Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 2 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 2 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Phi Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ. Phi

Nghiệp Lực Duyên có 2 thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên có 2 thời kỳ. Phi Thiền Na Duyên có 1 thời kỳ. Phi Đồ Đạo Duyên có 1 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. (Việc đếm 2 thể loại ngoài ra đây và Giai Đoạn Tương Ưng nên thức hiện như thế này)

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

100. NHỊ ĐỀ Y THÁC HOÀI NIỆM (SARAṆADUKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[349] Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Nhân Duyên (tương tự Nhị Đề Vô Sắc Giới có 4 thời kỳ).

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[350] Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Cảnh Duyên đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di tham ái, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di tham ái ấy khai đầu, tham ái mới sinh khởi, tà kiến v.v. hoài nghi v.v. trạo cử v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di tà kiến, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di tà kiến ấy khai đầu, tham ái mới sinh khởi, tà kiến v.v. hoài nghi v.v. trạo cử v.v. Vì ưu thọ khai đầu, ưu thọ mới sinh khởi, tà kiến v.v. hoài nghi v.v. trạo cử mới sinh khởi.

Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Cảnh Duyên đó là Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não đã được đoạn tận rồi, tư khảo lại phiền não đã được ức chế rồi, tri đắc phiền não đã từng sinh khởi, kiến giải minh lượng Uẩn nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm là nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít, Uẩn nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên (2)

[351] Pháp Thực Tính chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy, tư khảo lại Thiệ đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo

Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo, Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. khán kiến Sắc với Thiên Nhãn v.v. làm duyên đối với Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

Pháp Thực Tính chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Cảnh Duyên đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy khai đầu, tham ái mới sinh khởi v.v. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái v.v. ưu thọ mới sinh khởi (2)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[352] Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di tham ái cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di tham ái ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di tà kiến cho thành Cảnh một cách kiên định.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít và chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Câu Sinh Trưởng** đó là Pháp Trưởng nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên (3)

[353] Pháp Thực Tính chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Trưởng Duyên có 2 thể loại là Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Cảnh Trưởng đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi tư khảo lại Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Thiện đã từng tích

lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi, tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Quả v.v. tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo và Quả theo phương thức Trưởng Duyên.

Câu Sinh Trưởng đó là Pháp Trưởng chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

Pháp Thực Tính chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Trưởng Duyên chỉ có một thể loại là **Cảnh Trưởng** đó là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực rồi hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi v.v. tà kiến mới sinh khởi. Người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Thiện đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật và Uẩn chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít cho thành Cảnh một cách kiên định, vì thực hiện sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái mới sinh khởi, tà kiến mới sinh khởi v.v. (2)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.

[354] Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

[355] Pháp Thực Tính chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Uẩn chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên.

Pháp Thực Tính chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Vô Gián Duyên đó là Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

...Làm duyên theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên...Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên có 2 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có 7 thời kỳ.

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[356] Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào tham ái rồi sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Nương vào sân v.v. sự dục vọng rồi sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tham ái v.v. sự dục vọng làm duyên đối với tham ái v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên.

Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Cận Y Duyên có 2 thể loại là Cảnh Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tham Ái rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực v.v. thực hiện Thiền Định v.v. Minh Sát Tuệ v.v. Đạo v.v. Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định cho sinh khởi. Nương vào Sân v.v. sự dục vọng rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi, tham ái v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín v.v. Tuệ...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ...Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (2)

[357] Pháp Thực Tính chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi. Nương vào Giới v.v. Tuệ...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ...Quý Tiết ...Ẩm Thực v.v. Trú Xứ rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho sinh khởi. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín v.v. Tuệ...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ...Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên (1)

Pháp Thực Tính chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Cận Y Duyên có 3 thể loại là Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y và Thường Cận Y v.v.

Thường Cận Y đó là người nương vào Tín rồi có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Trú Xứ rồi sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với tham ái v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên (2)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA) v.v.

[358] Pháp Thực Tính chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh v.v.

Cảnh Tiền Sinh đó là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Ý Vật thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. khán kiến Sắc với Thiên Nhãn, khuynh thính âm thanh với Thiên Nhĩ Giới, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v.

Vật Tiền Sinh đó là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Pháp Thực Tính chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Tiền Sinh Duyên có 2 thể loại là Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh v.v.

Cảnh Tiền Sinh đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái mới sinh khởi v.v. ưu thọ mới sinh khởi.

Vật Tiền Sinh đó là Ý Vật làm duyên đối với Uẩn nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Tiền Sinh Duyên (2)

...Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên có 2 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ.

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[359] Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Nghiệp Lực Duyên đó là Tư Tâm Sở nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên) có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời v.v.

Câu Sinh đó là Tư Tâm Sở nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời đó là Tư Tâm Sở nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (nên bổ túc Câu làm Căn Nguyên). Tư Tâm Sở nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (3)

Pháp Thực Tính chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Nghiệp Lực Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Dị Thời.

Câu Sinh (giản lược) (1)

...Làm duyên theo phương thức Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Quyền Lực

Duyên có 4 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên có 4 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên có 4 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ...Làm duyên theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ (tương tự Nhị Đề Vô Sắc Giới).

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[360] Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Hiện Hữu Duyên (giản lược)

Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Hậu Sinh (giản lược)

Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít và chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Hiện Hữu Duyên (giản lược)

[361] Pháp Thực Tính chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 5 thể loại là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực (giản lược)

Pháp Thực Tính chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Hiện Hữu Duyên chỉ có một thể loại là **Tiền Sinh** đó là người hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Ý Vật, vì sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. khai đầu, tham ái mới sinh khởi v.v. ưu thọ mới sinh khởi. Ý Vật làm duyên đối với Uẩn nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít và chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 2 thể loại là Câu Sinh và Tiền Sinh (giản lược)

Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít và chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Hiện Hữu Duyên có 4 thể loại là Câu Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực.

Câu Sinh đó là Uẩn tác nhân làm cho hữu tình khóc thút thít và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh đó là Uẩn nguyên nhân làm cho hữu tính khóc thút thít và Sắc Mạng Quyền làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên (2)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[362] Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Cảnh Duyên có 4 thời kỳ. Trưởng Duyên có 5 thời kỳ. Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Đẳng Vô Gián Duyên có 4 thời kỳ. Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Hỗ Tương Duyên có 2 thời kỳ. Y Chỉ Duyên có 7 thời kỳ. Cận Y Duyên có 4 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Hậu Sinh Duyên có 2 thời kỳ. Trùng Dụng Duyên có 2 thời kỳ. Nghiệp Lực Duyên có 4 thời kỳ. Dị Thục Quả Duyên có 1 thời kỳ. Vật Thực Duyên có 4 thời kỳ. Quyền Lực Duyên có 4 thời kỳ. Thiền Na Duyên có 4 thời kỳ. Đồ Đạo Duyên có 4 thời kỳ. Tương Ưng Duyên có 2 thời kỳ. Bất Tương Ưng Duyên có 3 thời kỳ. Hiện Hữu Duyên có 7 thời kỳ. Vô Hữu Duyên có 4 thời kỳ. Ly Khứ Duyên có 4 thời kỳ. Bất Ly Duyên có 7 thời kỳ.

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[363] Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên.

Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Hậu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên.

Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít và chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Câu Sinh Duyên (3)

[364] Pháp Thực Tính chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên.

Pháp Thực Tính chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên (2)

Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít và chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức **(*)** Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên **(*)**

[(*): Phiên Bản Kiết Tập lần thứ sáu **(Chaṭṭhasaṅgīti):** Tiền Sinh Duyên và Hậu Sinh Duyên]

Pháp Thực Tính nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít và chẳng phải nguyên nhân làm cho hữu tình khóc thút thít làm duyên đối với Pháp Thực Tính chẳng phải nguyên

nhân làm cho hữu tình khóc thút thít theo phương thức (#) Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên (#) (2)

[(#): Phiên Bản Kiết Tập lần thứ sáu (Chaṭṭhasaṅgīti): Câu Sinh Duyên v.v.]

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)
PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[365] Phi Nhân Duyên có 7 thời kỳ. Phi Cảnh Duyên có 7 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên có 7 thời kỳ. Phi Vô Gián Duyên có 7 thời kỳ. Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 7 thời kỳ. Phi Câu Sinh Duyên có 5 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên có 5 thời kỳ. Phi Y Chỉ Duyên có 5 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên có 7 thời kỳ. Phi Tiền Sinh Duyên có 6 thời kỳ. Phi Hậu Sinh Duyên có 7 thời kỳ v.v. Phi Tương Ưng Duyên có 5 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hiện Hữu Duyên có 4 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên có 7 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên có 7 thời kỳ. Phi Bất Ly Duyên có 4 thời kỳ.

3. THUẬN – NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[366] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ v.v. Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ v.v. Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 2 thời kỳ. Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 4 thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[367] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ. Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 5 thời kỳ. Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 4 thời kỳ (nên giữ theo Câu Mẫu Đề Thuận Tùng Duyên) v.v. Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 7 thời kỳ.

Kết Thúc Nhị Đề Y Thác Hoài Niệm
Kết Thúc Nhị Đề Tinh Phấn
Kết Thúc Pháp Thuận Nhị Đề Phát Thú

----------00000----------

LỜI PHỤC NGUYỆN CỦA BIÊN TẬP VIÊN

Với tài trí bất khả tỷ giảo của Đại Trưởng Lão **Tịnh Sự (Santakicco Mahā Thera)** đã hình thành sắc bén và đã dịch thuật toàn bộ Tạng **Abhidhamma** từ Chánh Tạng **Pāḷi** sang Việt ngữ, tất cả Nhân Thiên kính cung trí kính lễ Ân Đức sâu dầy của Đại Trưởng Lão **Tịnh Sự.**

Ngưỡng mong Trí Tuệ đặc thù mà Ngài có được, xin được thâm nhập và khải trí vào sở học sở cầu thuộc Kỷ Hạ, và vun bồi **Tam Thập Pháp Toàn Diện (Tam Thập Pháp Ba La Mật)** hạnh Trí Tuệ, thành tựu **Toàn Giác Trí (Sabbaññuta Ñāṇa)** xuyên suốt cho đến ngày Kỷ Hạ chứng đắc **Quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Giác.**

Ngưỡng mong công đức biên tập Bộ Phát Thú **(Paṭṭhāna)** Phần III **(Bhāga III)** Quyển thứ 42 – 43 / 45 thuộc Chánh Tạng Thái ngữ sang Việt ngữ, hội túc duyên Quả Phước Báu to lớn, con xin thành tâm chấp thủ trí kính lễ và kính dân Quả Phước Báu thanh cao này hướng đến hai Bậc Đại Ân Sư của con, là Đại Trưởng Lão **Tịnh Sự (Santakicco Mahā Thera)** và Đại Trưởng Lão **Siêu Việt (Ulāro Mahā Thera)** với tất cả lòng thành kính tri ân của con.

Ngưỡng mong công đức biên tập Bộ Pháp Thú **(Paṭṭhāna)** Phần III **(Bhāga III)** Quyển thứ 42 – 43 / 45 thuộc Chánh Tạng Thái ngữ sang Việt ngữ, hội túc duyên Quả Phước Báu to lớn, con xin thành kính dâng Quả Phước Báu thanh cao này hướng đến Song Thân trí kính của con (Cha: Lê Văn Bé / Mẹ: Võ Thị Lý), và cũng xin cho đến Cô Tu Tư Nữ Phạm Thị Yên kính thương (Chùa Siêu Lý – Phú Định, Quận 6), đến Cô Diệu Pháp và Bác Thanh Lương (thế danh là Vũ Thị Phương và Đỗ Đình Lộc – Annapolis, Maryland), đến tất cả Chư Thiên hoan hỷ thùy từ hộ trì Chánh Pháp, đến Cô Tu Nữ Tịnh Nhẫn **Khatimā** (Lê Thị Phương Thảo - Virginia) và những Bậc Hữu Ân Phật Tử cao quý đã ủng hộ và trợ giúp cho việc đánh máy, hiệu đính, điều chỉnh và bổ túc với tất cả những kỷ năng kỳ công và phát hành Bộ Phát Thú **(Paṭṭhāna)** Phần III **(Bhāga III)** Quyển thứ 42 – 43 / 45 thuộc Chánh Tạng Thái ngữ sang Việt ngữ, và chí đến toàn thể Quý Phật Tử hữu duyên trong Chánh Pháp, xin luôn được an vui trong Cảnh Quả Phước như ý nguyện mong cầu, đồng nhau cả thảy.

Ngưỡng mong Ân Đức Pháp Bảo với Tam Tạng Chánh Pháp luôn mãi được tồn tạo lâu dài đến năm ngàn năm Phật Lịch, đem lợi lạc thù thắng vi diệu đến tất cả Chư Phạm Thiên, Chư Thiên và Nhân Loại, và với tất cả chúng sinh hữu duyên và khả huấn luyện.

Anumodanā, Anumodanā, Anumodanā
Với tất cả tấm lòng từ ái
(Mettāparamatthapāramī)
Hết lòng cẩn kính,
Bhikkhu Pasādo
(Nguyện Hoàn Thành Hạnh Nguyện Chánh Đẳng Giác)

Sādhu, Sādhu, Sādhu
Bố Thí, Pháp Thí vô song,
Hương thơm thù thắng chẳng đồng Pháp hương
Bậc Trí biết cách cúng dường
Kiên trì chân chính, con đường phúc vinh.
In the world, there are three things of value for one who gives…
Before giving, the mind of the giver is happy
While giving, the mind of the giver is peaceful
After giving, the mind of the giver is uplifted (A.N.6.37)
----------00000----------

Gió Từ quét sạch rừng phiền não
Mưa Pháp trôi đùa áng lợi danh
----------00000----------

SABBADĀNAṂ DHAMMĀNAṂ JINĀTI
PHÁP THÍ THÙ THẮNG HƠN MỌI THÍ
----------00000----------

Trắc ẩn chi Tâm,
Nhân chi đoan dã,
Tu ố chi Tâm,
Nghĩa cho đoan dã.
Có lòng trắc ẩn là nguồn gốc con người,
Có biết xấu hổ là nguồn gốc nghĩa khí.
----------00000----------

VÔ NHÂN KÍCH XÚC ĐẠO QUẢ NAN THÀNH
KHÔNG NGƯỜI CÔNG KÍNH, ĐẠO QUẢ NAN THÀNH
----------00000----------

Đạo Tất Kiên Tâm,
Kiên Tâm Tất Đạo Thành.
Kiến Công Huân Tảo Hồi Trình
Tốc Tiến Am Tu Chân Thân
Nhất Nhập Phi Thăng
Tiên Ban Liệt Danh.
Khi tin Đạo phải dâng lòng thành,
Sự nghiệp huy hoàng ắt vượng thân,
Nhưng hãy xây Chùa sớm tụng niệm,

Phi thân tiên vị với biệt danh.

CẢM TÁC ĐỀ THI

Thu vãng phù dung đoạt lợi tranh,
Tinh thần dụng tận vạn thiên thiên,
Hóa tài hao tán giai nhân mệnh,
Cốt nhục oan cừu mạc oán thiên !
Nhạn quá quan san dong dực quyện,
Hoa khai hàn lĩnh nhất chi tiên,
Đáo đầu phùng đắc dương sơ hữu,
Ngã diệc lăng vân thượng bích thiên.
Bình sinh từ thiện lạc thiên chân,
Mao tiết lưu phương cập hậu côn,
Thân hữu kỷ đa vinh hiển sự,
Trùng trùng điệp điệp báo Hoàng Ân,
Long xà đáo xứ thị quy kỳ,
Vạn lý giang san bất cai di,
Thiên bạn chi lan hương ánh nhật,
Phi phàm trực hướng cửu thiên thời !

----------00000----------

CATUDDISA SAṄGHA VIHĀRA
BAN TU THƯ TỨ PHƯƠNG TĂNG TỰ
5044 OLD SHIPPS STORE ROAD, BEALETON, VA. 22712

PHƯƠNG DANH THÍ CHỦ CÚNG DƯỜNG ẤN TỐNG KINH SÁCH
(NAVA LOKUTTARAKAMMA DĀNA)
(CỬU THÍ NGHIỆP LỰC SIÊU THẾ: 4 ĐẠO – 4 QUẢ - NÍP BÀN)

Ngài Trưởng Lão Giác Tuệ **$200.00**
Sư Minh Hạnh **$3,000.00**
(xin chia Phước Báu đến Cha Nguyễn Chín, Mẹ Nguyễn Thị Cửu)
Sư Cô Như Tâm **$600.00**
Sư Cô Viên Bảo **$300.00**
(xin chia Phước Báu cho Gđ. Võ Văn Thắng)
Tu Nữ Tịnh Nhẫn Khantimā **$4,000.00**
[Xin hồi hướng Cửu Huyền Thất Tổ, Ông Bà Lê Chư, Nguyễn Thị Cho, Phạm Lợi, Nguyễn Thị Cúc, Lê Huyến, Phạm Thị Mịn, Phạm Hữu Hương, Nguyễn Thị Long, Lê Xuyến, Lê Thị Hòa, Lê Thị Bé, Lê Thị Ngọt, Lê Thị Diệu, Lê Thị Như, Lê Dứt].
Gđ. François Phạm Ngọc **$400.00**
Nguyễn Thị Hồng (Từ Hạnh) **$430.00**
Võ Thị Tuyết Hồng (Diệu Liên) **$55.00**
Nguyễn Thanh Thủy **$270.00**
Nguyễn Thị Thanh Yến (Chân Nghiêm) **$320.00**
Nguyễn Văn Hồng (Minh Hạnh) **$110.00**
Hứa Thị Nhung (Diệu Thọ) **$200.00**
Thạch Thị Nhung (Diệu Từ) **$110.00**
Nguyệt Gutrod **$205.00**
Gđ. Nguyễn Thị Lệ Thu, Nguyễn Thị Mộng Thường **$200.00**
Thu Saas (Nhựt Thanh) **$100.00**
Võ Oanh **$200.00**
Đặng Xuân Nga **$305.00**
Đặng Nguyệt Thu (Diệu Tín) **$100.00**
Tăng Kim Phượng (Phúc Tịnh) **$150.00**
Bếp Cơm Từ Thiện Hạnh Ngộ - Hội An (VN) **$500.00**
Gđ. Danny Nguyễn (Thiện Quang), Huỳnh Thị Kim Dung (Ngọc Thảo), Nguyễn Hiền Victoria (Diệu Hiền), Nguyễn Bảo Ethan (Huệ Trí), Mẹ Hồ Huệ Hường (Ngọc Diệp), Hồ Thị Nhẫn (Thủy Ngọc), Cha Huỳnh Toại, Em Huỳnh Quang Tuyên $1,000.00
Lớp Học Paṭṭhāna Zoom (Tiana Ngô) **$700.00**

(Trung Nguyễn, Nhân Trần, Như Mỹ, Bạch Phượng, Linh Lê và Mẹ, Dung Nguyễn và các Đạo Hữu Phật Pháp).

Nguyễn Văn Hòa và Nguyễn Thị Minh Hạnh **$500.00**

(cùng các Con: Nguyễn Nam Hải, Nguyễn Nam Hoàng, Nguyễn Nam Hà, Nguyễn Nam Hiền và tất cả các cháu nội. Xin hồi hướng đến tất cả Chư Thiên, Ông Bà Cha Mẹ quá vãng: Cụ Ông Phó Hồng Sâm, Cụ Bà Vũ Thị Cẩn, Cụ Ông Nguyễn Văn Tiền, Cụ Bà Lý Quới, Cụ Bà Thái Huê)

Gđ. Việt Đỗ và Nguyễn Thanh Tuyền **$2,500.00**

(xin hồi hướng Bà Ngô Thị Kim Xuân, Cửu Huyền Thất Tổ Nội Ngoại Hai Bên, Ông Ngoại Lê Trung Nghĩa, Cậu Út Lê Hữu Khoan, Cậu Bảy Lê Khanh, xin chia Phước Báu Cầu An cho Cha Nguyễn Thanh Côn)

Cô Thủy Silk **$100.00**

Cô Lê Trung Phượng Lan **$100.00**

Gđ. Đào Thị Diễm Tuyết (Nhị Tường) và Tạ Quang Sơn **$200.00**

(xin hồi hướng Mẹ Ngô Thị Kim Xuân)

Phật Tử Đức Quốc Đinh Thị Xuân Thảo (Tịnh Hạnh) **€1,900.00**

[Lý Tùng Phương (Tịnh Phước), Đặng Thức Trần, Nguyễn Thức Anh và Anh Thi, Nguyễn Hiếu, Nguyễn Thị Thu (Thế An), Nguyễn Thanh Thủy (Tuệ Giới), Nguyễn Mai (An Khang), Nguyễn Thị Tuyết (Hạnh Giác), Nguyễn Thị Thanh (Từ Diễm)]

Đạo Tràng Từ Nghiêm Đức Quốc **€2,000 + €2,000**

[Đinh Thị Xuân Thảo (Tịnh Hạnh), Nguyễn Thị Tuyết (Hạnh Giác), Nguyễn Thị Thu Cromme (Thế An), Nguyễn Thanh Thủy (Tuệ Giới), Lý Thị Thanh Vân (Hạnh Căn), Lý Tùng Phương (Tịnh Phước), Lương Thị Ngọc Yến (Pháp Nguyên), Nguyễn Mai (An Khang).

Gđ. Hương Huber **€500.00**

Gđ. Anh Tô Hiền **$300.00**

Gđ. Phạm Ngọc Vũ Eric và La Thị Nhiều **$1,500.00**

(xin Cầu Siêu đến Ba La Văn Thuận cùng Cửu Huyền Thất Tổ Nội Ngoại 2 Bên, và xin chia Phước Báu Cầu An cho Má Nguyễn Thị Bông, Mẹ Trần Thị Hạnh, Ba Phạm Ngọc Dinh).

[Nguyễn Thị Bông, Phạm Ngọc Dinh, La Thị Thủy, Phạm Ngọc Quang, Trần Phước, Phạm Trần Diễm Trang, La Văn Sơn, Phạm Ngọc Vũ Eric, La Văn Siên, Phạm Minh Triết Daniel, La Văn Tốt, Phạm Minh Huy, La Thị Tươi, Lê Edward William, La Văn Thêm, Lê Ann Hillary, La Thị Nhiều, La Anh Kiệt, La Kiến Minh, La Kiến Gia, Trần Phước, Khương Ngọc Phúc, La Anh Tuấn, La Anh Tú, La Yến Nhi, La Minh Trí, La Yến Trinh, La Anh Kiệt, Nguyễn Thị Duyên, Trần Thị Hạnh, La Yến Nghi, La Bảo Yến, Nguyễn Long Louis]

Gđ. Dương Thái Bảo **$50.00**

Gđ. Dương Lệ Quyên **$50.00**

Gđ. Dương Thúy Hằng **$50.00**

Gđ. Dương Thái Huy **$50.00**

Gđ. Dương Thái Bình **$250.00**

Dương Thái Hòa **$50.00**

(xin Cầu Siêu cho Cha Dương Quang Sang, và Cầu An cho Mẹ Thái Thị Minh Dung).

Gđ. Dương Thái Bình (Tâm Bình), Trương Thùy Oanh (Giáo Hạnh) và các con Dương Thùy Lynne (Hạnh Lộc), Dương Khánh Jeffrey (Tâm Thọ) **$2,000.00**

Trương Thùy Cơ **$100.00**

Trương Văn Thạch **$200.00**

Gđ. Trương Hoàng Chương **$200.00**

Cô Nguyễn Đình Hương Bửu Brewster (Bình Ngọc) **$300.00**

Gđ. Cô 6 Cannie Thạch Thị Cương **$500.00**

Gđ. Angie Dương và Hùng X. Cao **$500.00**

Brian Cao (Hạnh Bi) **$200.00**

Grace Cao (Hạnh Duyên) **$50.00**

Công Ty Infidez, Inc. **$1,000.00**

Cô Phạm Thị Kim Thạch (Tịnh Tâm) **$700.00**

(xin hồi hướng Dưỡng Mẫu Lê Thị Thảo, Lê Thị Dậu; Cha Trần Văn Đây, Mẹ Phạm Thị Búp; Cha Chồng Nguyễn Ngọc Lầu, Mẹ Chồng Vương Thị Mùi; Chồng Nguyễn Thanh Khiết (Thiện Liêm); Con Trai Nguyễn Minh Nhật; xin Cầu An Con Gái Nguyễn Minh Hiền, Con Trai Nguyễn Đan Quế)

Gđ. Trần Thị Phương (Tịnh Từ) và Michael Harding **$2,600.00**

(xin hồi hướng Ông Nội Trần Văn Quới, Bà Nội Lê Thị Lập, Ông Ngoại Trần Văn Cự, Bà Ngoại Nguyễn Thị Liễu, Cha Trần Văn Sanh, Mẹ Trần Thị Sum (Diệu Đức), xin hồi hướng Lê Quang Phẩm (Phước Trí) và xin Cầu An cho Nguyễn Thị Kim Yến).

Gđ. Phạm Bá Tình (Tâm Nhiệt) và Phạm Thị Cẩm Vân (Diệu Giác) **$3,000.00**

Gđ. Cô Ruth Nga Nguyễn **$1,000.00**

Thanh Nhẫn và Nguyên Oanh **$100.00**

Gđ. Lê Văn Định và Phạm Thị Nga **$400.00**

Gđ. Lê Thị Phượng và Thạch Xuân **$300.00**

[Xin hồi hướng Cha Mẹ Thạch Niên, Nguyễn Thị Giác và xin chia Quả Phước Báu Đến các con Thạch Thiện Tâm & Thạch Thiện Trí].

Gđ. Lê Tâm Trọng Nghĩa và Bùi Thị Thu Cúc, Con Paige **$800.00**

Gđ. Thomas Lê Văn Chiến và Võ Nhật Viên **$1,000.00**

[Xin chia Quả Phước Báu đến các con Josiah Francis Lê & Peter Francis Lê].

Gđ. Lê Ái Cơ & Phạm Hữu Đạt, Phạm Hữu Thiện, Phạm Hữu Tín **$500.00**

[Xin hồi hướng Cha Mẹ Phạm Ngọc Bá, Đặng Thị Sang].

Võ Thị Thanh Minh **$500.00**

Gđ. Lý Thị Thủy Tiên và Phan Văn Hội **$2,000.00**

Gđ. Lý Hồng Liên và Lê Xuân Tảo (Hạnh Không) **$120.00**

Gđ. Nguyễn Thị Thu Hằng **$500.00**

(Võ Nguyễn Ngọc Bảo Jimmy, Võ Nguyễn Gia Bảo Jason, Võ Nguyễn Gia Hân Abigail).

Gđ. Nguyễn Thị Vân Anh, Teresa V. Trinh **$600.00**

(xin hồi hướng Mẹ Nguyễn Thị Minh Tâm, Cha Nguyễn Hữu Lượng (Thiện Tâm).

Gđ. Trịnh Thị Hằng (Trí Hà) và Cường T. Phụng **$500.00**

[xin hồi hướng Cha Trịnh Đức Tiến (Tuệ Uyển), Mẹ Vũ Thị Nga (Diệu Hoàng)]

Gđ. Tôn Nữ Các Phương (Tâm Thiện) và Phạm Hữu Quang **$2,000.00**

Gđ. Trần Đỗ Kim Anh (Diệu Lạc) và Trần Quang Nghĩa (Tâm Chính) **$1,000.00**

[xin chia Phước Báu Cầu An Mẹ Nguyễn Thị Tư (Diệu Hồng)]

Gđ. Thiện Kim, Diệu Mỹ, Hạnh Nhẫn, Tâm Nhẫn **$400.00**

Gđ. Mindy Nguyễn (Mettā) và Trương Văn Nhân (Thiện Nhân) **$500.00**

(xin chia Phước Báu Cầu An Nguyễn Thị Lan Phương)

Cô Nguyễn Thị Tâm (Tâm Đức) **$150.00**

Cô Nguyễn Thị Mai (Tâm Hạnh) **$250.00**

Tammy Trương (Tuyết Tâm) Diệu Tường **$1,230.00**

(xin hồi hướng cho Con Stephanie Đặng)

Gđ. Lưu A Xây, Lưu A Mùi, Trần Phương, Chân Mỹ Phương **$350.00**

(xin hồi hướng Cha Tăng Mang, Mẹ Lưu Muội)

Nguyễn Kim Oanh **$20.00**

Đào Thị Ngọc Ánh **$50.00**

Trần Thị Thủy **$50.00**

Đinh Thị Huế **$50.00**

Lê Thị Thúy Nga **$50.00**

Dũng Vũ **$50.00**

Hương Nguyễn (Diệu Huệ) **$50.00**

Cô Tịnh Hỷ **$100.00**

Sương Thomas **$200.00**

Gđ. Trần Thị Lệ Hương, Lê Xuân Oánh, Lê Xuân Vinh **$800.00**

Cô Nguyễn Thị Kim Lan **$500.00**

Lưu Thị Thu Hương **$1,000.00**

Gđ. Lê Thương (Lệ Tâm), Lệ Hoa (Hoa Huệ), Tâm Hiếu Duyên, Tâm Hiếu Nguyệt **$3,000.00**

Gđ. Trương Thị Sự (Thanh Ngọc) và Trương Anh Tuấn (Huệ Hiền) **$450.00**

Gđ. Nguyễn Ngọc Hoa (Tịnh Nhân) và Nguyễn Đức **$1,300.00**

Gđ. Huỳnh Ngọc Tây (Minh Phương) và Huỳnh Lan (Diệu Tuyết) **$600.00**

Gđ. Công Tằng Hoa, Công Tằng Huyền **$800.00**

Mrs. Selina Lee **$2,000.00**

Hằng Nguyễn và Nguyễn Quang Hợp **$260.00**

Gđ. Võ Thị Đẹp **$100.00**

(xin hồi hướng Cha Võ văn Hiển, Mẹ Nguyễn Thị Lụa)

Cô Lê Thùy **$100.00**

Nguyễn Thế Tuân (Tịnh Tâm) và Lê Bích Huyền (Liễu Duyên) **$200.00**

Gđ. Ca Thị Lệ Hoa (Mẫn Tuệ) **$2,000.00**

Gđ. Ca Thị Lệ Xuân (Minh Trí) **$2,200.00**

Gđ. Chánh Trí và Phật Tử Kỳ Viên Bàn Cờ **$2,000.00**

(xin hồi hướng Ông Trần Văn Hùng, Bà Phạm Thị Ngưu, Ông Lê Hữu Dư, Bà Nguyễn Thị Liễu, Ông Nguyễn Văn Bình, Ông Lê Hữu Minh, Ông Trần Anh Dũng, Bà Trần Thị Anh, Bà Hoàng Thị Thủy Tiên).

Huỳnh Kim Chi Cintā **$150.00**

Gđ. Huỳnh Ngọc Đính **$450.00**

Nguyễn Ngọc Đông Phương **$300.00**

Nguyễn Huỳnh Việt Khôi **$100.00**

Nga Huỳnh **$100.00**

Gđ. Huỳnh Ngọc Mai **$200.00**

Long Châu, Đan Châu, Steve Castellari **$100.00**

Gđ. Tâm Đoàn (Tâm Lực), Quyên Lê, Vivian Đoàn, Andy Đoàn **$2,030.00**

(xin hồi hướng Mẹ Trần Thị Hương, và Cầu An Cha Đoàn Văn Cái)

Huỳnh Ngọc Lan và Nguyễn Hồng Ân **$3,500.00**

(xin hồi hướng Chồng, Cha Nguyễn Văn Yến)

Gđ. Chánh Trí (Dũng, Mi) **$1,000.00**

Nguyễn Thị Trúc Đào **$200.00**

(xin hồi hướng Cha Nguyễn Văn Quận và Mẹ Đặng Thị Thu Hương)

Cô Mai Trần **$700.00**

Cô Donna Le (Lạc Mãn) **$600.00**

[xin hồi hướng Cha Võ Loan (Đức Lương), Mẹ Hồ Thị Lề (Lạc Chơn)]

Lê Nhị Tường **$50.00**

Lê Nhật Hoàng **$200.00**

Lưu Hoa **$100.00**

Phạm Lê Bích Hà **$50.00**

Thạch Đình Bảo và Thạch Đình Bảo Trân **$50.00**

Gđ. Andy Từ và Châu Thị Linh, Con Kenny Từ **$300.00**

Vy Châu (Vũ Châu) **$500.00**

Tâm Tịnh Chơn **$100.00**

Gđ. Nguyễn Thụy Quỳnh Như (Tâm Minh), Bé Vi **$700.00**

Gđ. Nguyễn Quỳnh Anh (Phúc Minh), Bành Ái Bình, Phạm Duy Trung **$400.00**

Lê Ngô Thủy Mai (Chân Hạnh) **$100.00**

Tâm Minh, Phúc Minh, Thanh Chân **$300.00**

Lai Phương Mai (Diệu Hoa) **$320.00**

Ẩn Danh **$300.00**

Hội Kaṭhina Tứ Phương Tăng Tự 2022 **$3,600.00**

Phật Tử Tứ Phương Tăng Tự **$1,900.00**

Icchitaṃ patthitaṃ tesaṃ Khippameva samijjhaṇtu
Sabbe pūrentu saṅkappā Chando paṇṇaraso yathā

May whatever you wish or quickly come to be, may all your aspirations be fulfilled as the moon on the fifteenth (full moon) day.

Cầu xin các Quả lành mà người đã mong mỏi, cho được mau thành tựu kịp thời đến người. Cầu xin những sự suy xét chân chánh cho được tròn đủ đến người; cũng như trăng trong ngày Rằm vậy.

Sādhu ! Sādhu ! Sādhu !
Lành Thay ! Lành Thay ! Lành Thay !

****

Kinh Sách đã được in ấn và phát hành:

1) ÂN ĐỨC TAM BẢO (500 QUYỂN)
2) NHỮNG PHÁP THOẠI NGÀI TRƯỞNG LÃO JATILA (1000 QUYỂN)
3) CHÚ GIẢI BỘ PHÁP TỤ - PHÂN TÍCH (1000 QUYỂN)
4) TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP
❖ TẬP I – CHƯƠNG I, II & III (1000 QUYỂN) – TỔNG HỢP TÂM, TÂM SỞ & LINH TINH
❖ TẬP II – CHƯƠNG IV (200 QUYỂN) – LỘ TRÌNH TÂM
❖ TẬP II – CHƯƠNG IV (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (50 QUYỂN)
❖ TẬP III – CHƯƠNG V (QUYỂN I – QUYỂN II – QUYỂN III (100 QUYỂN)) – TỔNG HỢP THOÁT LY LỘ TRÌNH
❖ TẬP IV – CHƯƠNG VI & VII – TỔNG HỢP PHÂN TÍCH SẮC PHÁP (100 QUYỂN)
❖ TẬP V – CHƯƠNG VIII (QUYỂN I – QUYỂN II) – LIÊN QUAN TƯƠNG SINH (100 QUYỂN)
5) GIÁO ÁN TRƯỜNG BỘ KINH (1000 QUYỂN)
6) GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH – TẬP I (500 QUYỂN)
7) GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ – TẬP I (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (500 QUYỂN)
8) GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ – TẬP II (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (500 QUYỂN)
9) KINH KIẾT TƯỜNG (500 QUYỂN)
10) KINH KIẾT TƯỜNG – TÁI BẢN (200 QUYỂN)
11) KINH ĐẠI PHÁT THÚ (TRỌN BỘ: TẬP I – TẬP V, 200 QUYỂN)
12) AN TỊNH THÙ THẮNG ĐẠO (200 QUYỂN)
13) BIÊN NIÊN SỬ CHƯ PHẬT – TẬP I (300 QUYỂN)
14) BIÊN NIÊN SỬ CHƯ PHẬT – TẬP I – PHẦN I – CHÚ MINH I (200 QUYỂN)
15) BIÊN NIÊN SỬ CHƯ PHẬT – TẬP I – PHẦN I – CHÚ MINH II (200 QUYỂN)
16) GIÁO KHOA THƯ TỨ PHÁP SIÊU LÝ (100 QUYỂN)
17) PHẬT ĐẠO ĐƯA TỚI SỰ BÌNH AN VÀ NIỀM HẠNH PHÚC (100 QUYỂN)
18) SƯU TẬP PHÁP I - NGHIỆP, PHƯỚC, BALAMẬT (200 QUYỂN)
19) SƯU TẬP PHÁP II – NHÂN SINH TRÍ TUỆ (100 QUYỂN)
20) SƯU TẬP PHÁP III – PHÁP SIÊU LÝ - PHÁP CHẾ ĐỊNH (100 QUYỂN)
21) SƯU TẬP PHÁP IV – Ý NGHĨA LỄ DONTĀ VÀ LỄ KAṬHINA (100 QUYỂN)
22) SƯU TẬP PHÁP V - Ý NGHĨA LỄ THƯỢNG NGUYÊN & LỄ TAM HỢP (100 QUYỂN)
23) TRÍCH GIẢI KINH PHÁP CÚ (100 QUYỂN)
24) MỘT SỰ TU TẬP 300 GIÂY HOẶC MỘT PHƯƠNG PHÁP HÀNH THIỀN "NĂM PHÚT" (100 QUYỂN)
25) QUÁ TRÌNH THIỀN TUỆ GIÁC & MỘC DỤ KINH (50 QUYỂN)
26) TRI THỨC VỀ CÁC MỘNG CẢNH & TỨ SINH HOẠT BỔ PHẨM (100 QUYỂN).
27) BIÊN NIÊN SỬ CHƯ PHẬT – TẬP I – PHẦN I – CHÚ MINH III (100 QUYỂN)
28) TRÍCH GIẢI KINH PHÁP CÚ & ĐẠO LỘ ĐẾN NIBBĀNA (100 QUYỂN)

29) PHƯỚC BÁU - THIỆN CÔNG ĐỨC (100 QUYỂN)
30) XIỂN THUẬT PHÂN TÍCH KINH (100 QUYỂN)
31) CHÁNH TẠNG VÔ TỶ PHÁP **(Abhidhamma Piṭaka)**
❖ PHÁT THÚ – Quyển Thứ 40 (100 QUYỂN) & TÁI BẢN (100 QUYỂN- LẦN II)
❖ PHÁT THÚ- Quyển Thứ 40-41/45 (100 QUYỂN)
❖ PHÁT THÚ- Quyển Thứ 42-43/45 (150 QUYỂN)
32) NHỮNG PHÁP THOẠI NGÀI KUṆDALA (100 QUYỂN)
33) CHÚ GIẢI PHÁT THÚ – CHÁNH TẠNG(Quyển Thứ 85/91)(100QUYỂN)
34) PHẬT GIÁO VỊ SƠ HỌC GIẢ (100 QUYỂN)
35) ĐẠO HÀNH THỰC TIỄN LAI ĐÁO NÍP BÀN (100 QUYỂN)
36) CHÚ GIẢI PHÁT THÚ - CHÁNH TẠNG (Quyển Thứ 86-87/91)(100 QUYỂN)
37) TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP – TẬP II – QUYỂN V (100 QUYỂN)
38) TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP – TẬP III – CHƯƠNG VI, VII, VIII (100 QUYỂN)
39) TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP – TẬP I – CHƯƠNG I, II, III, IV (100 QUYỂN)

Kinh sách sắp được in ấn và sẽ phát hành:

❖ VÔ TỶ PHÁP VỊ CHƯ THIỀN GIẢ (100 QUYỂN)
❖ TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP – TẬP VI – CHƯƠNG IX - SAMĀDHIKAMMAṬṬHANA & VIPASSANĀKAMMAṬṬHANA (100 QUYỂN)
❖ CHÚ GIẢI THANH TỊNH ĐẠO (100 QUYỂN)(THÁI NGỮ - ANH NGỮ)
❖ CHÚ GIẢI ĐẠI NIỆM XỨ (100 QUYỂN)
❖ CHÁNH TẠNG VÔ TỶ PHÁP **(Abhidhamma Piṭaka)**
1) PHÁP TỤ & CHÚ GIẢI (100 QUYỂN)
2) PHÂN TÍCH & CHÚ GIẢI (100 QUYỂN)
❖ GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH – TẬP II (500 QUYỂN)
❖ GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH – TẬP III (500 QUYỂN)
❖ GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ – TẬP III (TÁI BẢN LẦN THỨ II)(500 QUYỂN)
❖ TIẾN TRÌNH THIỀN MINH SÁT TUỆ (100 QUYỂN)
❖ GIỚI ĐỨC HIỀN GIẢ KINH (100 QUYỂN)

****